

Khổng Tử Thế Gia (tiếp Theo) -

Mùa hạ năm ấy, Vệ Linh Công mất, lập người cháu tức là Xuất Công của nước Vệ. Tháng sáu, Triệu Uổng đưa thái tử vào thành Thích (23). Dương Hổ sai thái tử mang mũ trụ và tám người mặc đồ tang giả vờ đi từ nước Vệ đến đón thái tử, khóc và vào thành Thích, rồi ở đấy. Mùa đông vua đất Thái dời đô đến Châu Lai. Năm ấy là năm thứ ba đời Lỗ Ai Công, Khổng Tử 60 tuổi. Nước Tề giúp nước Vệ vây đất Thích và thái tử nước Vệ là Khoái Ngoại ở đấy. Mùa hạ, ngôi miếu của Hoàn Công và Ly Công ở nước Lỗ bị đốt cháy. Nam Cung Kinh Thúc cứu hỏa. Khổng Tử lúc ấy đang ở đất Trần, nói:

- Hỏa hoạn thế nào cũng đang xảy ra ở miếu của Hoàn Công và Ly Công.

Sau đó quả nhiên đúng.

Mùa thu, Quý Hoàn Tử ốm, người ta chở ông ta trên một cái xe đi thăm thành nước Lỗ. Quý Hoàn Tử thở dài than:

- Xưa kia nước này đáng lẽ hưng thịnh! Vì ta có tội với Khổng Tử cho nên nước mới suy đồi.

Quý Hoàn Tử quay lại bảo người con nối nghiệp mình là Khang Tử:

- Khi ta chết, thế nào con cũng làm tể tướng nước Lỗ; nếu làm tể tướng nước Lỗ thế nào con cũng phải mời Trọng Ni.

Sau đó mấy ngày, Quý Hoàn Tử chết, Khang Tử lên thay. Sau khi chôn cất xong, Khang Tử muốn mời Trọng Ni nhưng Công Chi Ngự nói:

- Ngày xưa tiên quân của ta dùng ông ta không trót cho nên bị chư hầu chê cười. Ngày nay, nếu ngài lại dùng ông ta không trót thì sẽ bị chư hầu cười lần nữa.

Khang Tử nói:

- Như thế thì nên mời ai?

- Thế nào cũng phải mời Nhiễm Cầu.

Khang Tử bèn sai sứ mời Nhiễm Cầu. Nhiễm Cầu sắp ra đi, Khổng Tử nói:

- Người Lỗ mời anh Cầu không phải để dùng vào việc nhỏ mà sẽ dùng vào việc lớn.

Ngày hôm ấy, Khổng Tử nói:

- Về thôi! Về thôi! Bọn học trò của ta hăng hái nhưng nông nổi, họ đã khá về mặt đạo đức, nhưng chưa biết giữ mình theo đúng đạo.

Tử Cống biết Khổng Tử nghĩ đến việc trở về nước Lỗ, nên khi tiễn Nhiễm Cầu, nhân dặn ông ta:

- Khi anh được dùng thì phải làm thế nào cho nhà vua mời thầy.

Nhiệm Cầu ra đi. Năm sau, Khổng Tử từ đất Trần đến đất Thái. Thái Chiêu Công đang định đến đất Ngô vì vua Ngô mời. Trước đấy, Thái Chiêu Công lừa dối bầy tôi dời đô đến Châu Lai. Sau đó, ông ta lại định đi. Các quan đại phu sợ ông ta dời đô lần thứ hai. Vì vậy Công Tôn Phiền bắt Chiêu Công chết. Quân Sở xâm chiếm nước Thái.

Mùa thu, vua Tề Cảnh Công chết. Năm sau, Khổng Tử từ đất Thái đi đến đất Diệp. Diệp Công hỏi Khổng Tử về chính sự. Khổng Tử nói:

- Làm chính sự cốt ở chỗ làm cho người ở xa đến và người ở gần theo mình.

Một hôm, Diệp Công hỏi Tử Lộ:

- Khổng Tử là người như thế nào?

Tử Lộ không biết trả lời ra sao. Khổng Tử nghe vậy nói:

- Này anh Do, tại sao anh không trả lời như thế này: con người ấy học đạo không biết mỏi, dạy người không biết chán. Khi chưa biết đạo thì phát phần đến nỗi quên ăn. Khi biết đạo thì vui đến nỗi quên lo, không biết tuổi già sắp đến.

Khổng Tử rời bỏ đất Diệp trở về đất Thái. Trường Thư và Kiệt Nịch đánh đôi cùng cày. Khổng Tử cho họ là những người ở ẩn, bèn sai Tử Lộ đến hỏi họ xem bến đò ở đâu. Trường Thư nói:

- Con người cầm dây cương ấy là ai thế?

Tử Lộ đáp:

- Khổng Khâu đấy.

Trường Thư nói:

- Khổng Khâu nước Lỗ đấy à?

Tử Lộ đáp:

- Phải.

Trường Thư nói:

- Thế thì ông ta biết bến đò rồi!

Kiệt Nịch bảo Tử Lộ:

- Anh là ai?

Tử Lộ đáp:

- Tôi là Trọng Do.

Kiệt Nịch hỏi:

- Anh là học trò Khổng Khâu phải không?

- Vâng ạ.

Kiệt Nich nói:

- Thiên hạ như nước chảy cuộn cuộn đều như thế cả, ai mà thay đổi được? Và lại ông theo một kẻ sĩ lo tránh người chi bằng theo một kẻ sĩ lo tránh đời (24).

Rồi hai người cứ cày miết mà không nói. Tử Lộ nói lại với Khổng Tử. Khổng Tử bùi ngùi nói:

- Ta không thể cùng sống với chim muông. Nếu thiên hạ có đạo thì ta cần sửa nó làm gì?

Một hôm, Tử Lộ đi đường gặp một ông già đang mang trên lưng một cái sọt. Tử Lộ hỏi:

- Cụ thấy thầy của tôi không?

Ông già nói:

- Chân tay anh không lo làm lụng, ngũ cốc anh không phân biệt được, Ta biết thầy của anh là ai?

Cụ già cắm gậy xuống đất rồi cất cổ. Tử Lộ nói với Khổng Tử. Khổng Tử nói:

- Đó là một người ở ẩn.

Tử Lộ quay lại thì cụ già đã đi mất.

Khổng Tử dời đến ở đất Thái được ba năm. Nước Ngô đánh nước Trần, nước Sở cứu người Trần, đóng quân ở Thành Phụ. Nghe tin Khổng Tử ở miền đất Trần, đất Thái, vua Sở sai người đem lễ mời Khổng Tử đến nước Sở. Khổng Tử sắp đến chào sứ giả theo đúng lễ. Các quan đại phu đất Trần và đất Thái bàn nhau:

- Khổng Tử là người hiền. Những điều ông ta chê bai đều nhằm đúng vào những chỗ xấu của chư hầu. Nay ông ta ở lâu miền Trần, Thái mà những điều các quan đại phu làm đều sai trái không đúng ý của ông ta. Nước Sở là một nước lớn đem lễ đến mời. Nếu ông ta được dùng ở nước Sở thì các quan đại phu đang được dùng ở đất Trần, đất Thái sẽ nguy mất.

Họ bèn bàn nhau cho bọn đầy tớ vây Khổng Tử ở ngoài đồng, không cho đi. Khổng Tử hết lương ăn, những người đi theo đều ốm không ai dậy được, nhưng Khổng Tử vẫn giảng giải, vẫn ngâm thơ, đánh đàn và ca hát không tỏ ra suy yếu. Tử Lộ có vẻ giận, đến hỏi:

- Người quân tử cũng có lúc cùng khốn ư?

Khổng Tử nói:

- Người quân tử trong lúc cùng khốn thì giữ vững, còn kẻ tiểu nhân trong lúc cùng khốn thì làm bậy.

Tử Cống mặt nổi nóng. Khổng Tử nói:

- Này anh Tú! Anh cho ta học nhiều mà biết phải không?

Tử Cống nói:

- Dạ, đúng thế. Không phải thế hay sao?

Khổng Tử nói:

- Không phải đâu! Ta lấy một điều để quán triệt tất cả (25).

Khổng Tử biết học trò có vẻ tức tối, bèn gọi Tử Lộ đến hỏi:

- Kinh Thi nói: “Chẳng phải con trủy (26) chẳng phải con hổ ở ngoài đồng vắng”. Đạo của ta phải chăng là sai? Tại sao ta lại gặp phải cảnh này?

Tử Lộ nói:

- Theo ý của con, có lẽ vì chúng ta chưa “nhân” chẳng nên người ta chưa tin chúng ta. Có lẽ chúng ta chưa “trí” chẳng nên người ta không cho chúng ta đi? (27)

- Nào phải thế đâu! Này anh Do, nếu như người nhân thế nào cũng được người ta tin thì làm gì có chuyện Bá Di, Thúc Tề nữa, nếu như người trí gặp việc gì cũng thông suốt thì làm gì có Vương Tử, Tỉ Can nữa (28).

Tử Lộ đi ra, Tử Cống vào yết kiến. Khổng Tử nói:

- Này anh Tú, Kinh Thi nói: “Chẳng phải con trủy chẳng phải con hổ ở ngoài đồng vắng”. Đạo của ta phải chăng là sai? Tại sao ta lại gặp phải cảnh này?

Tử Cống nói:

- Đạo của thầy hết sức lớn cho nên thiên hạ không ai dung nạp được. Thầy phải hạ thấp một chút.

- Này anh Tú! Người giỏi nghề nông có thể biết vãi giống nhưng không chắc là gặt được. Người thợ giỏi có thể làm khéo nhưng không thể làm cho người ta vừa lòng. Người quân tử trau dồi đạo đức của mình theo những đường lối chính và giữ nó, điều chỉnh nó mà không thể làm cho nó được người ta theo. Anh không lo trau dồi đạo của mình mà chỉ lo người ta dung nạp mình. Cái chí của anh Tú không phải là xa.

Tử Cống đi ra. Nhan Hồi vào yết kiến. Khổng Tử nói:

- Này anh Hồi, Kinh Thi nói: “Chẳng phải con trủy chẳng phải con hổ ở ngoài đồng vắng”. Đạo của ta phải chăng là sai? Tại sao ta lại gặp phải cảnh này?

Nhan Hồi nói:

- Đạo của phu tử hết sức lớn lao nên cả thiên hạ không ai dung nạp được. Nhưng phu tử cứ theo đó mà làm, người ta không dung nạp thì có hại gì? Người ta không dung nạp nhưng sau này người ta sẽ thấy phu tử là người quân tử. Đạo không được trau dồi, đó là cái điều ta lấy làm xấu hổ. Đạo đã trau dồi mà vẫn không được dung nạp thì đó là điều xấu hổ của kẻ làm vua một nước. Người ta không dung nạp phu tử thì có hại gì? Về sau người ta sẽ thấy phu tử là người quân tử?

Khổng Tử hớn hờ cười:

- Đúng lắm! Hỡi người con họ Nhan, nếu nhà người làm của cải thì ta sẽ làm người quản lý của cải cho nhà người.

Sau đó, Khổng Tử sai Tử Cống sang Sở. Sở Chiêu Vương đem binh đón Khổng Tử, kết quả Khổng Tử mới được thoát. Chiêu Vương định phong cho Khổng Tử miếng đất trong sổ sách có 700 lý (29). Quan lệnh doãn nước Sở là Tử Tây nói:

- Trong số các sứ giả nhà vua phái đến các nước chư hầu có ai bằng Tử Cống không?

- Không.

- Trong số những người giúp đỡ nhà vua có ai bằng Nhan Hồi không?

- Không.

- Trong số các tướng của nhà vua, có ai bằng Tử Lộ không?

- Không.

- Trong số các quan của nhà vua có ai bằng Tề Dư không?

- Không.

- Không những thế, tổ tiên nước Sở cũng chỉ được nhà Chu phong với cái tước hiệu là “tử” và năm mươi dặm đất (30). Nay Khổng Khâu theo phép tắc của Tam Vương, làm sáng cả cơ nghiệp của Chu Công, Thiệu Công. Nếu dùng ông ta thì nước Sở làm thế nào mà được đòi đòi đường hoàng có đất vuông ngàn dặm? Văn Vương ở đất Phong, Vũ Vương ở đất Cảo đều chỉ là những ông vua có trăm dặm đất, thế mà rốt cục lại làm vương thiên hạ. Nay Khổng Khâu có được miếng đất làm cơ sở, lại có bọn học trò giỏi giúp đỡ thì đó không phải là cái phúc của nước Sở.

Chiêu Vương bèn thôi. Mùa thu năm ấy, Sở Chiêu Công chết ở Thành Phu.

Một người cuồng nước Sở tên là Tiếp Dư đi qua trước mặt Khổng Tử hát:

Phượng ơi, chim phượng kia ơi

Đạo đức suy đồi còn biết tính sao?

Việc qua can chẳng được nào

Việc sau họa biết cách nào lần xoay

Thôi, thôi chim hãy về ngay

Con đường chính trị rắc đầy chông gai!

Khổng Tử bước xuống xe muốn nói chuyện, nhưng Tiếp Dư đã rào bước đi mất, không sao nói chuyện được. Khổng Tử bèn rời nước Sở trở về nước Vệ. Năm ấy, Khổng Tử sáu mươi ba tuổi và là năm thứ sáu đời Lỗ Ai Công. Năm sau, vua Ngô và vua Lỗ gặp nhau ở huyện Tăng. Vua Ngô đòi một trăm con bò để tế. Quan thái tử là Phỉ mời Quý Khang Tử, Quý Khang Tử sai Tử Cống đến, việc mới thu xếp xong. Khổng Tử nói chính trị hai nước Lỗ và Vệ giống nhau như anh với em. Lúc bấy giờ người cha của Thủ, vua nước Vệ vẫn chưa được làm vua, vẫn phải ở nước ngoài (31). Vua các nước chư hầu mấy lần trách vua Vệ. Học trò Khổng Tử lại có nhiều người làm quan ở Vệ, nên vua Vệ muốn trao chính trị cho Khổng Tử. Tử Lộ nói:

- Nếu vua Vệ giao chính trị cho thầy thì thầy sẽ làm cái gì trước?

Khổng Tử nói:

- Chắc chắn phải chính danh trước.

Tử Lộ nói:

- Sao thầy viễn vông thế, chính danh để làm gì?

Khổng Tử nói:

- Anh rõ thực là què mùa quá! Cái danh mà không chính thì lời nói không đúng với sự thực, lời nói không đúng với sự thực thì việc không thành, việc không thành thì không làm cho lễ, nhạc phồn thịnh, lễ nhạc không phồn thịnh thì hình phạt không đúng, hình phạt không đúng thì dân không biết đặt tay chân vào đâu. Phàm người quân tử đã làm điều gì có thể nói tên cái việc đó, và nhất định làm được việc đó. Người quân tử chớ cầu thả trong lời nói của mình.

Năm sau Nhiễm Hữu (tức Nhiễm Cầu) làm tướng quân của họ Quý mang quân đánh nhau với quân Tề ở đất Lang và đánh bại quân Tề. Quý Khang Tử hỏi:

- Cái tài cầm quân của ông do ông học hay do bản tính mà có?

Nhiễm Cầu nói:

- Tôi học ở Khổng Tử.

Quý Khang Tử hỏi:

- Khổng Tử là người như thế nào?

Nhiễm Cầu nói:

- Nếu dùng ông ta thì có danh, nếu ông ta báo với trăm họ và hỏi quỷ thần về việc ông ta đã làm thì không ai không bằng lòng. Điều ông ta mong muốn là đạt đến cái đạo của người quân tử. Dù nhà vua có cho ông ta một nghìn xã (32), ông ta cũng không mưu lợi cho mình (33).

Quý Khang Tử hỏi:

- Ta muốn mời ông ta có được không?

- Muốn mời ông ta thì chớ đãi ông ta chật hẹp như đãi người hèn kém mới được.

Khổng Văn Tử làm quan nước Vệ, sắp đánh Thái Thúc hỏi Trọng Ni về cách đánh. Trọng Ni từ chối không biết. Khi rút lui, Khổng Tử cho đánh xe ra đi, nói:

- Con chim có thể chọn cây, chứ cây kia làm sao mà chọn chim được?

Khổng Văn Tử nài ở lại. Gặp lúc Quý Khang Tử sai Công Hoa, Công Tân, Công Lâm mang lễ vật đến đón Khổng Tử. Khổng Tử trở về nước Lỗ. Khổng Tử đi đã 14 năm, bây giờ mới trở về nước Lỗ.

Lỗ Ai Công hỏi Khổng Tử về chính sự. Khổng Tử đáp:

- Làm chính cốt ở chỗ chọn bầy tôi.

Quý Khang Tử hỏi về chính sự. Khổng Tử đáp:

- Chính sự cốt ở chỗ cử những người thẳng và gạt bỏ những kẻ gian xảo. Làm như thế thì những kẻ gian xảo cũng sẽ thẳng.

Quý Khang Tử lo lắng về bọn trộm cắp, Khổng Tử nói:

- Nếu ngài không ham muốn thì dù ngài thưởng cho họ, họ cũng không lấy trộm (34).

Tuy vậy, nước Lỗ chung quy vẫn không dùng Khổng Tử. Khổng Tử cũng không xin làm quan (35).

5. Trong thời Khổng Tử, nhà Chu đã suy, lễ nhạc bị bỏ. Kinh Thi, Kinh Thư cũng thiếu sót. Khổng Tử theo dấu vết của lễ thời Tam Đại, đề tựa Kinh Thư, kinh này chép sự việc từ thời Đường, Ngụ cho đến thời Tần Mục Công. Khổng Tử sắp đặt lại các sự việc và nói:

- Ta có thể nói về lễ nhà Hạ, nhưng nước Kỷ (con cháu nhà Hạ – N. D) không đủ chứng minh những điều ta nói. Ta có thể nói về Lễ của nhà Ân, nhưng nước Tống (con cháu của nhà Ân - N. D) không đủ để chứng minh những điều ta nói; nếu họ có đủ thì ta đã có thể lấy ra làm dẫn chứng.

Khi xem những điều nhà Ân thêm hay bớt về lễ của nhà Hạ, Khổng Tử nói:

- Tuy một trăm đời sau cũng có thể biết được: cứ thời trước chuộng văn hoa thì thời sau chuộng thực chất. Nhà Chu noi gương hai triều đại trước, lễ nghi nhà Chu rạch ròi làm sao! Ta theo nhà Chu.

Vì thế, phần truyện trong Kinh Thư và Lễ Ký là do Khổng Tử làm.

Khổng Tử nói chuyện với quan thái sư nước Lỗ:

- Có thể biết phải chơi nhạc như thế nào. Thoạt tiên thì dồn dập; khi đã bắt nhịp thì hòa hợp, rõ ràng, tiếp tục mà đi đến kết thúc.

Khổng Tử nói:

- Ta sau khi rời nước Vệ về nước Lỗ thì mới chỉnh đốn được nhạc, Nhã và Tụng mới được xếp đặt đầu vào đấy.

Ngày xưa Kinh Thi có tất cả hơn ba ngàn thiên. Đến thời Khổng Tử, Khổng Tử bớt những thiên trùng điệp, lấy những thiên có thể có ích cho lễ nghĩa. Những bài này bắt đầu từ Tiết, Hậu Tắc (36), giữa thuật lại thời thịnh trị nhà Ân, Chu, cho đến thời U, Lệ kém cõi. Kinh Thi bắt đầu từ nơi giường chiếu cho nên người ta nói “Quan thư” nghiêm chỉnh mở đầu “Phong”, bài “Lộc minh” mở đầu “Tiểu nhã”, bài “Văn vương” mở đầu “Đại nhã”, bài “Thanh miếu” mở đầu “Tụng” (37). Tất cả ba trăm linh năm thiên này đều được Khổng Tử đánh đàn và hát để làm cho nó phù hợp với điệu nhạc Thiệu, Vũ, Nhã, Tụng. Từ đó người ta mới có thể thuật lại lễ nhạc đời trước để làm cho vương đạo đầy đủ và lục nghệ trọn vẹn. Về sau Khổng Tử thích Kinh Dịch, thích các phần tự, thoan, hệ, tượng, thuyết quái, văn ngôn (38). Khổng Tử đọc Kinh Dịch làm cho cái dây da để buộc các thẻ tre đứt ba lần. Khổng Tử nói:

- Nếu cho ta thêm vài năm nữa thì ta sẽ hiểu Kinh Dịch một cách toàn vẹn.

Khổng Tử lấy thi, thư, lễ, nhạc dạy học trò. Số học trò đến ba ngàn người. Có 72 người thông thạo cả lục nghệ (39). Còn những người chỉ học một phần như Nhan Trọc Trâu thì rất nhiều. Khổng Tử dạy bốn điều: văn học, đức hạnh, trung thành, tín nghĩa; bỏ bốn điều: không có định kiến trước, không nhất thiết phải theo một mặt, không cố chấp, không chỉ thiên về mình. Khổng Tử cẩn thận trong việc trai giới, chiến trận, ốm đau; ít nói về lợi, mệnh và nhân. Khi người ta chưa cảm thấy tức tối muốn biết, thì Khổng Tử chưa giảng, khi nêu một góc mà người ta chưa thấy cả ba góc kia thì Khổng Tử chưa dạy. Lúc ở trong làng xóm thì có vẻ thận trọng như không nói được. Lúc ở tôn miếu, triều đình nói với các quan thượng đại phu thì nghiêm trang, nói với các quan dưới thì hòa nhã. Đi vào cửa công thì lom khom rào bước, hai tay dang ra như hai cánh. Khi nhà vua gọi đến để tiếp khách thì sắc mặt thay đổi, khi nhà vua mời thì đi không đợi thẳng xe. Cá ươn, thịt hôi, hay không cắt ngay ngắn thì không ăn, chiếu trải không ngay ngắn thì không ngồi. Khi bên cạnh có người có tang thì không bao giờ ăn no. Ngày nào khóc thì không ca hát, thấy người để tang hay người mù thì tuy đó là trẻ em cũng tỏ ra kính trọng.

Khổng Tử nói:

- Trong ba người cùng đi thế nào cũng có người thầy của ta. Những người không lo trau dồi đạo đức, lúc học không bàn bạc, nghe điều nghĩa không hướng về điều nghĩa, nghe điều không hay không biết sửa đổi thì đó là điều ta lo.

Khổng Tử sai người ta hát, nếu hát hay thì bảo hát lại và sau đó họa theo. Khổng Tử không nói những điều quái đản, việc dùng sức mạnh, những người làm loạn và chuyện quỷ thần. Tử Cống nói:

- Văn Chương của thầy tôi đã được nghe, nhưng tôi chưa hề nghe thầy nói về đạo trời, bản tính của con người và số mạng.

Nhan Uyên thở dài than:

- Đạo của Phu Tử ngẩng lên nhìn thì nó càng cao; đào sâu thì nó càng chắc. Đang nhìn nó ở đằng trước, chợt thấy nó ở đằng sau. Phu Tử khéo dạy người ta một cách tuần tự; lấy văn chương để làm cho đầu óc ta mở rộng; lấy lễ để ước thúc. Ta muốn bỏ không được; nhưng đem hết tài sức của mình ra học cũng vẫn còn cái gì vói vọi, đứng sừng sững trước mặt, dù có muốn vươn tới cũng không sao đạt đến được.

Một đứa trẻ trong làng Đạt Hạng nói:

- Khổng Tử thực là to lớn! Khổng Tử học rộng, nhưng không nổi tiếng chuyên về một mặt nào.

Khổng Tử nghe vậy nói:

- Ta biết chuyên về nghề gì? Vào nghề đánh xe chẳng? Vào nghề bắn tên chẳng? Ta chuyên về nghề đánh xe vậy.

Tử Lao nói:

- Khổng Tử nói: Ta không được dùng cho nên lo về lục nghệ.

Năm thứ 14 đời Lỗ Ai Công, mùa xuân săn ở ngoài đồng hoang, người đánh xe của Thúc Tôn Thị là Sử Thương bắt được một con thú, anh ta cho đó là điềm không lành, Trọng Ni thấy thế nói:

- Đây là con lân.

Người ta đem nó đi. Khổng Tử nói:

- Sông Hà không thấy xuất hiện Hà Đồ (40), sông Lạc không thấy xuất hiện Lạc Thư, ta thế là hết.

Nhan Uyên chết. Khổng Tử nói:

- Trời giết ta!

Đến khi đi săn ở phía tây bắt được con lân, Khổng Tử nói:

- Đạo ta hết rồi!

Thở dài và than:

- Không ai biết ta.

Tử Cống nói:

- Tại sao không ai biết thầy?

Khổng Tử nói:

- Không oán trời, không trách người, học điều thấp mà biết được điều cao, biết ta chỉ có trời chăng? Những kẻ không hạ thấp cái chí của mình, không làm nhục cái thân của mình đó là Bá Di, Thúc Tề. Liễu Hạ Huệ và Thiệu Liên, thì hạ thấp cái chí của mình, làm nhục cái thân của mình. Ngu Trọng, Di Dật ở ẩn, không nói gì về việc đời, khi làm quan thì giữ được sự thuần khiết, khi bị bỏ thì theo đúng hoàn cảnh. Ta thì không phải như họ, ta không chủ trương cứng nhắc phải thế này, hay không thế như thế này.

Khổng Tử nói:

- Không, không! Người quân tử lo rằng mình chết rồi mà cái tên của mình không được nhắc đến, nếu đạo của ta không được dùng thì ta biết lấy gì để làm đời sau thấy ta.

Bèn dựa vào Sử Ký làm ra Kinh Xuân Thu, chép từ thời Lỗ Ân Công (722-712) đến năm thứ 14 đời Lỗ Ai Công (481) bao gồm 12 đời vua. Căn cứ vào chỗ vua Lỗ là họ với nhà Chu cho nên Khổng Tử đưa vào đấy những việc của thời Tam Đại. Lời nó tuy ngắn, nhưng ý rộng: Các vua Sở và Ngô tự xưng là “vương”, nhưng Xuân Thu hạ thấp gọi là “tử”, thực ra là thiên tử nhà Châu bị gọi đến dự hội nghị ở Tiễn Thổ, nhưng Xuân Thu che giấu lại nói là “thiên vương đi tuần ở Hà Dương”. Căn cứ vào những thí dụ như vậy ta thấy một phép tắc để ràng buộc những người làm vua ngày nay. Cái nghĩa của những lời khen chê ở đấy (41) sẽ rõ khi có bậc vương giả xuất hiện. Cái nghĩa của Kinh Xuân Thu được thi hành thì bọn bày tôi làm loạn và bọn làm giặc trong thiên hạ sợ. Khi Khổng Tử làm quan, những điều người nói hay xét các vụ kiện cũng gần như lời nói chung của mọi người chứ không có gì chỉ riêng một mình người mới có. Trái lại, khi làm Xuân Thu thì viết cái gì phải viết, bỏ cái gì phải bỏ, những người như Tử Hạ (42) không thể có

một lời bàn góp. Học trò học Xuân Thu, Khổng Tử nói:

- Đòi sau biết Khâu là căn cứ vào Xuân Thu, bắt tội Khâu cũng căn cứ vào Xuân Thu (43).

6. Năm sau, Tử Lộ chết ở Vệ. Khổng Tử ốm, Tử Cống đến thăm, thấy Khổng Tử chống gậy đi dạo ở trước cửa nói:

- Anh Tứ, sao anh lại đến muộn thế?

Nhân đấy hát:

- Núi Thái Sơn sắp đổ, cột trụ nhà sắp gãy, kẻ triết nhân sắp tàn.

Trong khi hát, nước mắt chảy ròng ròng. Khổng Tử bảo Tử Cống:

- Thiên hạ không có đạo đã lâu rồi; không ai biết theo ta. Người đời Hạ đặt cái hòm ở phía tây, người đời Ân đặt nó ở giữa hai cái cột. Đêm qua ta nằm mơ thấy ngôi giữa hai cái cột. Chắc vì ta là con cháu nhà Ân.

Bảy ngày sau Khổng Tử mất. Khổng Tử mất năm 73 tuổi ngày kỷ Sửu, năm thứ 16 đời Lỗ Ai Công (479). Ai Công thương viếng nói:

- Trời xanh không thương ta, không để lại cho ta cụ già duy nhất có thể che chở cho con người duy nhất như ta. Ta ở ngôi vua bơ vơ, đau buồn. Ô hô! Thương thay! Mất ông Ni, ta không có ai để noi theo.

Tử Cống nói:

- Nhà vua có lẽ không chết ở nước Lỗ chăng? Phu Tử nói: “Sai về Lễ thì tỏ ra mờ tối, dùng chữ sai tức là lạm dụng. Sai về chỉ là mờ tối, sai về việc làm là lạm dụng”. Lúc Phu Tử sống thì nhà vua không biết dùng, đến khi chết lại thương viếng. Thế là trái lễ, thương viếng lại nói “ta con người duy nhất” thế là dùng chữ sai (44).

Khổng Tử chôn ở phía bắc kinh thành nước Lỗ, trên bờ sông Từ. Học trò đều để tang ba năm. Sau khi để tang ba năm, họ khóc và từ giã nhau, ai cũng khóc hết sức đau xót. Có người ở lại. Riêng Tử Cống làm nhà ở bên mộ sáu năm mới đi. Học trò và những người nước Lỗ đến làm nhà bên mộ hơn một trăm nhà nên người ta gọi là “làng Khổng”.

Các vua Lỗ đời đời nối tiếp nhau tế Khổng Tử theo những thời nhất định. Các nhà nho cũng giảng lễ về lễ hương ẩm và lễ bắn tên ở bên mộ Khổng Tử. Mộ Khổng Tử rộng khoảng một khoảnh, cái nhà trong đó ngày xưa học trò ở, đời sau dùng làm miếu giữ áo mũ, đàn cầm, xe, sách của Khổng Tử. Việc tế tự kéo dài hơn hai trăm năm đến đời Hán không hề dứt. Cao Tổ đi qua đất Lỗ dùng cỗ thái lao để tế Khổng Tử. Chư hầu, khanh tướng đến nước Lỗ thường trước tiên đến thăm mộ rồi sau mới làm việc chính sự.

Khổng Tử sinh Lý tên tự là Bá Ngự. Bá Ngự thọ năm mươi tuổi chết trước Khổng Tử. Bá Ngự sinh Cấp, tên tự là Tử Tư, thọ 62 tuổi, có lần bị khốn ở đất Tống, làm sách Trung Dung. Tử Tư sinh Bạch, tên tự là Tử Thượng thọ 47 tuổi. Tử Thượng sinh Cầu, tên tự là Tử Gia, thọ 45 tuổi. Tử Gia tên Cơ, tự là tử Kinh, thọ 46 tuổi. Tử Kinh sinh Xuyên, tự là Tử Cao, thọ 51 tuổi. Tử Cao sinh Tử Thận, thọ 57 tuổi có lần làm tướng quốc nước Ngụy. Tử Thận sinh Phụ, thọ 57 tuổi, làm bác sĩ của Trần Vương là Thiệp, chết gần thánh Trần. Con trai của em trai Phụ là

Tương Thọ, 57 tuổi, là bác sĩ thời Hiếu Huệ Đế, đổi đi làm thái thú Trường Sa, người cao chín thước sáu tấc. Tử Tương sinh Trung, thọ 51 tuổi. Trung sinh Vũ, Vũ sinh Diên Niên và An Quốc. An Quốc làm bác sĩ của đức kim thượng làm đến thái thú Lâm Hoài chết sớm. An Quốc sinh Ngang, Ngang sinh Hoan (45).

7. Thái Sử Công nói:

- Kinh Thi nói:

Núi cao ta trông, đường rộng ta đi

Tuy đích chưa đến, nhưng lòng hướng về

Tôi đọc sách của họ Khổng, tưởng tượng như thấy người. Đến khi đến Lỗ xem nhà thờ Trọng Ni, nào xe cộ, nào áo, nào đồ tế lễ, học trò tập về nghi lễ ở nhà Khổng Tử theo đúng từng mùa, tôi bồi hồi nán lại bỏ đi không dứt. Trong thiên hạ các vua chúa và người tài giỏi rất nhiều, khi sống thì vinh hiển, nhưng lúc chết là hết. Khổng Tử là một người áo vải thế mà truyền hơn mười đời, các học giả đều tôn làm thầy, từ thiên tử tới vương hầu ở Trung Quốc hễ nói đến lục nghệ đều lấy Khổng Tử làm tiêu chuẩn. Có thể gọi là bậc chí Thánh vậy (46).

.....

23. Ngoại là con Vệ Linh Công, vì giết Nam Tử nên bỏ trốn ở nước Tấn, được Triệu Uổng che chở. Dương Hổ cũng ở đấy sau khi bị đuổi khỏi nước Lỗ (xem đoạn 3). Thấy con của Ngoại là Xuất Công được làm vua, Triệu Uổng tìm cách đưa Khoái Ngoại vào thành Tích, để sau đó làm vua nước Vệ. Dương Hổ bày mưu như vậy để tỏ ra thái tử được nhân dân mời về. Thái tử cũng tỏ ra khóc lóc để nói rằng mình là người thừa kế chân chính.

24. Ý nói Khổng Tử muốn tìm vị vua hiền, tránh vị vua dở không bằng những người ở ẩn trốn đời.

25. Nhà triết học khác người thường chính là ở đấy.

26. Tức con Tê Ngưu.

27. Ý trách Khổng Tử còn có khuyết điểm. Ở trên thấy Tử Lộ nhiều lúc không phục Khổng Tử.

28. Bá Di, Thúc Tề can Vũ Vương đừng đánh Trụ. Vũ Vương không nghe. Sau đó hai người nhìn đối chết. Tử Can can Trụ bị Trụ giết.

29. Lý ở đây là một nhóm gia đình gồm 25 nhà.

30. Ý nói Sở trước kia chỉ có 50 dặm và chỉ có tước “tử” thế mà sau thành lớn mạnh.

31. Tức là Khoái Ngoại vẫn ở thành Thích.

32. Mỗi xã gồm 25 gia đình.

33. Nhiệm Cầu bác lại ý kiến của Tử Tây nói với vua Sở, sợ Khổng Tử sẽ được lòng dân chúng rồi làm vương.

34. Ý nói nếu người cai trị ngay thẳng thì nhân dân noi theo và đều ngay thẳng.

35. Đoạn 4 – Cuộc đời bốn ba của Khổng Tử.
36. Tiết là tổ của nhà Ân. Hậu Tắc là tổ của nhà Chu.
37. Phong, Tiểu nhã, Đại nhã, Tụng là những bộ phận trong Kinh Thi.
38. Kinh Dịch có phần bổ sung gọi là thập lục tượng truyền là do Khổng Tử làm gồm có những mục: thoan, tượng, hệ từ, văn ngôn, thuyết quái, tự quái, tập quái. Chú ý: ở đây không nói Khổng Tử làm Kinh Dịch và có lẽ đúng sự thực.
39. Lục nghệ: Thi, Thư, Lễ, Nhạc, Xuân Thu, Dịch. Y nói sáu môn học.
40. Theo truyền thuyết, Hà Đồ là hình vẽ người ta thấy trên thân con long mã xuất hiện trên sông Hoàng Hà, còn Lạc Thư là do một con rùa mang ở dưới sông Lạc lên. Hà Đồ và Lạc Thư cũng như bát quái là những hình ảnh tượng trưng được dùng trong bói toán.
41. Phải chăng đây là ám chỉ thời Hán Vũ Đế vì lúc ấy việc nghiên cứu ý nghĩa của Xuân Thu phát triển rất mạnh?
42. Học trò của Khổng Tử, nổi tiếng học rộng.
43. Đoạn 5 – Cách giáo huấn của Khổng Tử về mặt văn hóa.
44. Y Tử Cống nói nhà vua ăn nói hồ đồ nên việc làm cũng sẽ hồ đồ. Năm 468, Ai Công bị trục xuất, trốn sang Việt.
45. Đoạn 6 – Khổng Tử chết và dòng dõi Khổng Tử.
46. Nhận xét của tác giả. Trong số các sử gia thời cổ đại của tất cả các nước, Tư Mã Thiên gần như là người duy nhất thấy tầm quan trọng của những sự kiện văn hóa tư tưởng. Ông xếp Khổng Tử vào thế gia xem ngang một vị vua của chư hầu và dành cho Khổng Tử một tiểu sử rất kỹ, rất công phu. Dưới con mắt ông, Khổng Tử không phải là một người thần kỳ, làm những việc hoang đường, mà là một con người ôm một lý tưởng lớn, bốn ba suốt đời để thực hành cái đạo của mình, bị chê bai, bị nhục, có những tình cảm, những khuyết điểm của con người. Ông xây dựng được đúng đắn hình tượng Khổng Tử và thấy rõ tác dụng của Khổng Tử đối với các dân tộc. Các sử gia đời sau có người như Ban Cố trách ông xem nhẹ Nho giáo nhưng không đúng. Khổng Tử là người duy nhất được xếp vào thế gia vì học thuật và được xếp thành một thiên riêng, còn tất cả những người khác đều ở vào liệt truyện và ba bốn người gộp vào một truyện. Theo tác giả, Khổng Tử là một thứ vua, một thứ vua về tinh thần. Ý kiến ấy rất táo bạo và đúng khi nói đến Trung Quốc cổ. Trong bài này có nhiều câu trong Luận ngữ, nhưng có một số chữ khác, có một vài câu nghĩa khó hiểu.

Việt Vương Câu Tiễn Thế Gia -

1. Tổ tiên của Việt Vương Câu Tiễn là dòng dõi vua Vũ, con thứ hai của vua Thiếu Khang đời nhà Hạ, được phong ở đất Cối Kê để lo việc phụng thờ vua Vũ, xăm mình, cắt tóc, phát cỏ mà lập ấp. Truyền được hai mươi đời đến Doãn Thường. Trong thời Doãn Thường, đánh nhau với vua Ngô là Hạp Lư và hai bên căm ghét nhau. Doãn Thường chết, con là Câu Tiễn được lập làm Việt Vương (Đoạn 1 - nguồn gốc Câu Tiễn).

2. Năm thứ nhất (490 trước công nguyên), vua Ngô là Hạp Lư nghe tin Doãn Thường đã chết, bèn đem quân đánh Việt. Vua Việt là Câu Tiễn sai những kẻ sĩ quyết liều chết ra khiêu chiến, họ dàn thành ba hàng tiến đến trận tuyến quân Ngô, thét lên rồi tự đâm vào cổ. Quân Ngô đang mãi nhìn thì quân Việt thừa cơ đánh úp. Quân Ngô bị thua ở thành Huê Lý, vua Ngô là Hạp Lư bị tên bắn trúng, Hạp Lư sắp chết, bảo con là Phù Sai:

- Thế nào cũng đừng quên đánh Việt.

Ba năm sau, Câu Tiễn được tin vua Ngô là Phù Sai ngày đêm tập luyện quân sĩ, sắp sửa đánh Việt để trả thù. Vua Việt muốn đến đánh trước khi Ngô xuất trận. Phạm Lãi can:

- Không nên. Tôi nghe nói việc binh là điều gỡ, đánh nhau là việc trái với đức, tranh nhau là việc thấp nhất. Lo âm mưu, làm trái đức, thích dùng điều gỡ, lấy thân mình làm việc thấp hèn nhất, là việc thượng đế cấm. Nếu làm là bất lợi.

Vua Việt nói:

- Ta đã quyết định rồi.

Bèn cất quân. Vua Ngô nghe tin đem tất cả tinh binh đánh quân Việt thua to ở Phù Tiều. Vua Việt bèn đem năm nghìn quân còn lại giữ và trốn tránh ở núi Cối Kê. Vua Ngô đuổi đến, bao vây Cối Kê. Vua Việt bảo Phạm Lãi:

- Ta vì không nghe lời người, cho nên đến nông nỗi này. Bây giờ làm thế nào?

Phạm Lãi nói:

- Kẻ nào giữ gìn được trọn vẹn cái cảnh ngộ của mình khi đầy đủ (Ý nói vật trọn vẹn thì sẽ giảm. Nếu ở trong hoàn cảnh hoàn toàn đầy đủ thì phải giết giữ gìn, khiêm tốn) là tuân theo trời; bình định được tình hình nguy ngập là tuân theo người; sử dụng sự vật tiết kiệm là tuân theo đất. Nhà vua hãy dùng lời lẽ khiêm nhường, lấy lễ hậu để đưa cho người ta. Nếu người ta không nghe thì thân hành đến thờ người ta.

Câu Tiễn nói:

- Được.

Bèn sai đại phu tên là Chủng đến cầu hoà với Ngô. Chủng đi bằng đầu gối, đập đầu nói:

- Kẻ bây tôi trốn tránh của bệ hạ là Câu Tiễn, sai “bồi thần” là Chủng (Vì Câu Tiễn là tôi của

Phù Sai, mà Chung lại là bầy tôi của Câu Tiễn. Bồi thần tức là bầy tôi hai lần) mạo muội nói với các quan rằng Câu Tiễn xin làm bầy tôi, vợ xin làm thiếp của bệ hạ.

Vua Ngô sắp ưng thuận, Tử Tư nói với vua Ngô:

- Trời đem nước Việt cho nước Ngô, xin bệ hạ đừng nghe.

Chung trở về báo với Câu Tiễn. Câu Tiễn muốn giết vợ con, đốt của cải châu báu, xông ra đánh để chịu chết. Chung ngăn Câu Tiễn nói:

- Quan Thái Tế của Ngô tên là Phỉ, là người tham lam có thể dùng lợi để dụ dỗ. Xin nhà vua cho tôi lên đến nói với ông ta.

Câu Tiễn bèn sai Chung đem gái đẹp, của quý lên đến đưa cho Thái Tế nước Ngô là Phỉ. Phỉ nhận rồi giúp cho đại phu Chung được yết kiến vua Ngô. Chung đập đầu nói:

- Xin đại vương tha tội cho Câu Tiễn, mà lấy tất cả của cải châu báu. Nếu đại vương không tha thì Câu Tiễn sẽ giết vợ con, đốt tất cả châu báu, năm nghìn người liều chết xông ra thì cũng là một sức mạnh đáng kể.

Phỉ nhân đấy nói với vua Ngô:

- Vua Việt đã xin làm tôi, nếu bệ hạ tha cho họ, thì đó là có lợi cho nước.

Vua Ngô sắp ưng thuận. Tử Tư tiến ra can:

- Nếu nay nhà vua không tiêu diệt nước Việt, thì sau này thế nào cũng sẽ hối hận đấy! Câu Tiễn là ông vua hiền, Văn Chung và Phạm Lãi là những bầy tôi giỏi. Nếu họ trở về nước thì sẽ làm loạn.

Vua Ngô không nghe, cuối cùng tha cho vua Việt, bãi binh và quay về (Đoạn 2 – Câu Tiễn bị Phù Sai đánh bại, nhờ mưu của Phạm Lãi, Văn Chung mà nước khỏi mất).

3. Khi bị nguy khốn ở Cối Kê, Câu Tiễn thở dài than rằng:

- Ta thế này là hết hay sao!

Chung nói:

- Vua Thang bị trói ở Hạ Đài, vua Văn Vương bị tù ở Dữu Lý, Trùng Nhĩ nước Tấn bỏ chạy đến Địch, Tiểu Bạch nước Tề bỏ chạy đến Cử (Trùng Nhĩ là tên của Tấn Văn Công, Tiểu Bạch là tên của Tề Hoàn Công. Hai người đều làm bá trong thời Xuân Thu), nhưng cuối cùng đều làm vương làm bá. Cứ xem như vậy, biết đâu thế này chẳng là phúc!

Sau khi nước Ngô đã tha tội cho nước Việt, vua Việt Câu Tiễn trở về nước, khổ mình nhọc sức, đặt mật ở chỗ ngồi, khi ngồi hay khi nằm đều nhìn mật, khi uống hay khi ăn đều nếm mật. Câu Tiễn nói:

- Mà quên cái nhục ở Cối Kê rồi hay sao?

Câu Tiễn tự mình lo cày bừa, vợ lo dệt vải, ăn uống không thêm thịt, mặc không hai màu, khiêm tốn đối với người hiền, hậu đãi tân khách, cứu giúp người nghèo, thăm viếng người chết, cùng

chịu khó nhọc với trăm họ.

Câu Tiễn muốn sai Phạm Lãi cai quản chính trị trong nước. Phạm Lãi đáp:

- Việc chiến tranh thì Chung không bằng Lãi, nhưng việc cai trị, vỗ về nước nhà khiến cho trăm họ thân và theo mình thì Lãi này không bằng Chung.

Nhà vua bèn giao chính trị trong nước cho đại phu Chung, còn sai Phạm Lãi cùng đại phu Giá Kê đi cầu hoà và làm con tin ở nước Ngô. Được hai năm, vua Ngô cho Phạm Lãi trở về.

Từ khi Câu Tiễn trở về Cối Kê, trong bảy năm vỗ về binh sĩ và dân chúng. Binh sĩ muốn đánh để rửa thù đối với nước Ngô. Đại phu Phùng Đồng can:

- Nước ta vừa mới tan tác, nay mới được phồn thịnh no đủ. Nếu mình chuẩn bị và lo việc binh thì thế nào Ngô cũng sợ. Ngô sợ thì tai nạn sẽ đến. Vả chăng, con chim ưng đánh thì nó phải giấu mình. Nay quân Ngô đánh nước Tề và Tấn, bị Sở và Việt cầm thù. Tuy có nổi danh trong thiên hạ, nhưng thực chỉ cốt hại nhà Chu. Đúc ít mà công nhiều, thì thế nào cũng tự mãn, khoe khoang. Hiện nay đối với nước Việt thì không gì bằng liên kết với Tề, thân với Sở, theo Tấn để hậu đãi Ngô. Chí của Ngô huênh hoang thì thế nào cũng khinh suất trong việc chiến đấu. Thế là ta nắm được cơ hội. Ba nước đánh Ngô, Việt nhân lúc Ngô khốn đốn thì có thể đánh thắng được.

Câu Tiễn nói:

- Phải đấy.

Được hai năm, vua Ngô sắp đem quân đánh Tề, Tử Tư can:

- Chưa nên! Tôi nghe Câu Tiễn ăn không hai món, cùng vui cùng khổ với trăm họ. Con người này chưa chết là còn mối lo cho nước. Nước Ngô có nước Việt, đó là cái bệnh trong tim trong ruột, chứ Tề chẳng qua là ghẻ lở ở ngoài da. Xin nhà vua bỏ Tề mà trước tiên hãy đánh Việt.

Vua Ngô không nghe, cứ đánh Tề, Tề bị thua ở Ngãi Lăng, vua Ngô cầm tù Cao Chiêu Tử và Quốc Huệ Tử của nước Tề, rồi trở về trách Tử Tư. Tử Tư nói:

- Xin nhà vua chớ mừng.

Nhà vua nổi giận, Tử Tư muốn tự sát, nhà vua nghe tin ấy ngăn lại.

Quan đại phu nước Việt là Chung nói:

- Tôi thấy chính trị của vua Ngô kiêu căng. Xin nhà vua thử vay thóc để bói xem sự tình thế nào?

Vua Việt xin vay thóc. Vua Ngô muốn cho vay. Tử Tư can đừng cho, nhưng nhà vua cuối cùng vẫn cho. Việt bèn mừng thầm. Tử Tư nói:

- Nếu nhà vua không nghe lời can, thì sau ba năm nước Ngô sẽ biến thành gò mả.

Quan Thái Tế là Phỉ nghe nói thế, bèn trách Tử Tư, cãi nhau với Tử Tư về vấn đề Việt. Nhân đấy Phỉ gièm Tử Tư, nói:

- Ngũ Viên bên ngoài có vẻ trung, nhưng trong thâm tâm là con người tàn nhẫn, con người đã

chẳng đoái thương gì đến cha và anh, thì còn thương gì đến vua (Xem Ngũ Tử Tư liệt truyện)? Trước đây nhà vua muốn đánh nước Tề, Ngũ Viên ra sức can ngăn, kết quả việc đánh thành công. Do đó sinh ra oán giận. Nếu nhà vua không đề phòng thì Ngũ Viên sẽ làm loạn.

Phỉ âm mưu với Phùng Đồng gièm Ngũ Tử Tư với nhà vua. Lúc đầu nhà vua không nghe, nên sai Tử Tư sang Tề. Đến khi nghe Tử Tư gửi con ở nhà họ Bảo (Tử Tư sợ nước Ngô mất nên gửi con ở nhà họ Bảo nước Tề), nhà vua cả giận, nói:

- Quả thực Ngũ Viên lừa dối quả nhân, muốn làm phản.

Bèn sai người trao cho Tử Tư thanh kiếm Chúc Lân để tự sát. Tử Tư cười mà rằng:

- Ta làm cho nhà ngươi nên nghiệp bá, ta lại lập nhà ngươi lên ngôi, lúc đầu nhà ngươi muốn chia một nửa nước Ngô cho ta, nhưng ta không nhận. Bây giờ ngươi lại nghe lời gièm pha mà giết ta. Than ôi, con người cô độc một mình, không thể nào đứng được!

Tử Tư nói với sứ giả:

- Thế nào nhà ngươi cũng phải móc mắt ta để ở cửa Đông Môn nước Ngô để xem quân Việt tiến vào.

Vua Ngô giao cho Phỉ cầm quyền chính trị. Được ba năm, Câu Tiễn mời Phạm Lãi đến nói:

- Vua Ngô đã giết Tử Tư, những kẻ a dua nhà vua rất đông, bây giờ đã đánh được chưa?

Phạm Lãi đáp:

- Chưa được.

Mùa xuân năm sau, vua Ngô đi về hướng bắc để họp chư hầu ở Hoàng Trì. Tinh binh của nước Ngô đều đi theo, chỉ có những người già yếu cùng với thái tử ở lại giữ thành.

Câu Tiễn lại hỏi Phạm Lãi. Phạm Lãi đáp:

- Được rồi đấy!

Nhà vua bèn đem hai nghìn người bị đầy, quen chiến trận, cùng với bốn vạn quân lính thường được huấn luyện, sáu nghìn kẻ sĩ, một nghìn người chỉ huy, đánh nước Ngô. Quân Ngô bị thua, quân Việt giết thái tử nước Ngô. Quân Ngô vội vã báo tin với vua Ngô. Bấy giờ vua Ngô đang họp chư hầu ở Hoàng Trì, sợ thiên hạ nghe tin; bèn giấu tin ấy. Sau khi đã ăn tiệc ở Hoàng Trì xong, vua Ngô bèn đưa hậu lễ để xin giảng hoà với Việt.

Sau đó bốn năm, Việt lại đánh Ngô. Quân sĩ và dân chúng nước Ngô đã mỏi mệt, những người nào mạnh khoẻ hăng hái thì đã chết ở nước Tề, nước Tấn. Quân Việt phá tan quân Ngô, nhân đấy bao vây nước Ngô. Được ba năm, quân Ngô thua to, Việt lại dồn Ngô Vương lên núi Cô Tô. Vua Ngô sai Công Tôn Hùng ở trần, đi bằng đầu gối đến xin giảng hoà với vua Việt và nói:

- Kẻ cô thân của bệ hạ là Phù Sai xin phơi bày gan ruột: trước đây thần có tội ở Cối, Phù Sai không dám trái mệnh trời nên được giảng hoà với nhà vua và về, nay nếu nhà vua gior gót ngọc mà giết cô thần, cô thần cũng xin vâng theo mệnh, vâng theo nhà vua. Nhưng cũng muốn nhà vua tha tội cho cô thần như việc xảy ra trước đây ở Cối. Không biết có được không?

Câu Tiễn không nở, muốn bằng lòng. Phạm Lãi nói:

- Việc xảy ra ở Cối Kê trước kia đó là trời đem nước Việt trao cho nước Ngô, nhưng nước Ngô không lấy. Nay trời lại đem nước Ngô trao cho nước Việt. Nước Việt có nên làm trái mệnh trời không? Vả chẳng nhà vua ra triều sớm, bãi triều muộn chẳng phải để trả thù nước Ngô đó sao? Việc lo lắng hai mươi năm nay có nên một sớm bỏ đi không? Trời đã cho mà không lấy thì trái lại sẽ bị tội. Người đeo cái rìu thì mẫu mực không xa (mẫu mực là cái cán rìu cầm trong tay). Nhà vua đã quên tai nạn ở Cối Kê rồi sao?

Câu Tiễn nói:

- Ta muốn nghe lời nhà nguoi, nhưng ta không nở từ chối sứ giả.

Phạm Lãi bèn sai đánh trống, cho quân tiến lên nói:

- Nhà vua đã giao quyền cho Lãi này, sứ giả về ngay, nếu không sẽ bị tội.

Sứ giả nước Ngô khóc mà về. Câu Tiễn thương hại bèn cho người nói với vua Ngô:

- Ta cho nhà nguoi làm vương một trăm nhà ở đất Dũng Đông.

Vua Ngô từ tạ, nói:

- Tôi già rồi, không thể thờ nhà vua được nữa.

Bèn tự sát và che mặt nói:

- Ta không còn mặt mũi nào nhìn thấy Tử Tư.

Việt Vương chôn Ngô Vương và giết Thái Tế Phi. Sau khi Câu Tiễn đã bình định được nước Ngô, bèn đem quân về hướng bắc, vượt sông Hoài cùng các nước chư hầu là Tề, Tấn họp ở Từ Châu, nộp cống cho nhà Chu. Vua Nguyên Vương nhà Chu ban thịch đến Câu Tiễn, cho Câu Tiễn làm bá.

Sau khi đã vượt qua phía nam sông Hoài, Câu Tiễn bèn lấy đất trên sông Hoài cho nước Sở, trả cho nước Tống đất, Ngô đã lấy của nước Tống, trả cho nước Lỗ dải đất một trăm dặm ở phía đông sông Tứ. Bấy giờ quân của Việt làm bá chủ ở phía đông sông Giang, sông Hoài. Chư hầu đến đều mừng gọi Câu Tiễn là bá vương (Đoạn 3 – Câu Tiễn nhờ Phạm Lãi, Văn Chủng rửa được thù và xưng bá.)

4. Phạm Lãi bèn bỏ đi từ nước Tề, gửi thư về cho đại phu Chủng nói, “Chim đã hết thì cung tốt phải cất, thỏ khôn đã chết thì chó săn bị nấu. Vua Việt là người cổ dài, miệng điều hâu có thể cùng lo lúc hoạn nạn, nhưng không thể cùng vui sướng với ông ta. Sao ông lại không bỏ đi? ”

Chủng nhận được thư, cáo bệnh không vào chầu. Có người gièm nói:

- Chủng sắp làm phản.

Vua Việt bèn sai đưa kiếm cho Chủng và nói:

- Nhà nguoi dạy quả nhân bảy thuật để đánh Ngô, quả nhân mới dùng có ba mà nước Ngô đã thua. Còn bốn thuật nữa ở nhà nguoi. Nhà nguoi hãy giúp ta dùng những thuật ấy với tiên vương

xem sao (1).

Chúng bèn tự sát.

1. Chỉ một câu đủ bộc lộ tất cả tâm địa tàn nhẫn của Câu Tiễn. Bảy thuật ấy là: 1) thờ phụng trời đất, tổ tiên, làm nước giàu có để có của đút lót vua Ngô; 2) xuất tiền mua lúa Ngô để cho kho Ngô rỗng; 3) cho gái đẹp, cho thợ khéo để xây cung điện; 4) đút lót cho các nịnh thần; 5) xui giục những người can gián để gây mâu thuẫn; 6) làm nước giàu và chuẩn bị võ lực; 7) có đủ binh khí tốt và chờ lúc quân địch kiệt quệ.

Phạm Lãi thờ vua Việt là Câu Tiễn, khổ mình nhọc sức, cùng Câu Tiễn mưu toan hơn hai mươi năm, kết quả diệt được nước Ngô, rửa được cái nhục ở Cối Kê.

Phía bắc đem quân qua sông Hoài, đến sát các nước Tề, Tấn, ra hiệu lệnh cho Trung quốc để tôn thờ nhà Chu. Câu Tiễn làm bá, còn Phạm Lãi làm thượng tướng quân. Khi về nước, Phạm Lãi cho là danh lớn khó lòng ở được lâu. Vả lại, Câu Tiễn là người hoạn nạn thì có nhau, nhưng vui thì khó lòng mà ở được! Lãi bèn viết thư từ biệt Câu Tiễn:

- Tôi nghe, “Vua lo thì tôi phải khó nhọc, vua nhục thì tôi phải chết! ”. Hồi xưa nhà vua chịu nhục ở Cối Kê, tôi sợ dĩ chưa chết là còn phải trả thù. Nay đã rửa được nhục rồi, tôi xin chết theo tội ở Cối Kê!

Câu Tiễn nói:

- Ta đương sắp chia nước này cùng cai trị với nhà ngươi! Không nỡ giết nhà ngươi! ...

Phạm Lãi nói:

- Vua có lệnh vua thì tôi có ý tôi.

Bèn soạn gói các châu ngọc và các của cải nhẹ cùng với đày tớ riêng xuống thuyền ra biển đi suốt đời không trở lại nữa. Thế rồi Câu Tiễn nêu núi Cối Kê để làm ấp bổng lộc cho Phạm Lãi.

Phạm Lãi cùng đi biển sang Tề, đổi họ tên, tự gọi là Chi Di Tử Bì, cày ruộng ở bờ biển, khổ thân cố sức, cha con cùng lo làm ăn. Ở không được bao lâu, của có đến hàng mấy chục triệu. Người nước Tề nghe ông hiền, mời làm tướng quốc. Phạm Lãi ngậm ngùi than rằng:

- Ở nhà thì có hàng nghìn lạng vàng, làm quan thì đến công, khanh, tướng quốc, kẻ áo vải được thế là tội bậc rồi, giữ mãi cái tiếng tầm lưng lầy là không tốt!

Bèn trả ấn tướng quốc, đem tất cả tài sản cho bạn bè, làng xóm. Chỉ mang những của thật quý, lên đi.

Phạm Lãi dừng lại ở đất Đào, cho nơi đó là ở giữa thiên hạ, tiện đường đổi chác, buôn bán để làm giàu. Phạm Lãi bèn tự gọi mình là Đào Chu Công (Đoạn 4- Phạm Lãi sang đất Tề, rồi sang đất Đào).

Chu Công ở Đào, sinh người con út. Khi người con út đã lớn, người con trai thứ hai của Chu

Công giết người, bị tù ở Sở. Chu Công nói:

- Giết người, bị chết là đáng rồi! Nhưng ta nghe nói, “Con nhà nghìn vàng không chết ở chợ. ”

Liền bảo người con út sang xem sự việc ra sao. Ông ta lấy nghìn nén bạc bọc vào trong túi đựng quần áo vải thô, chở bằng xe bò, định sai người con út đi. Con trai cả của Chu Công cũng cố xin đi. Chu Công không nghe. Người con cả nói:

- Con cả trong nhà được gọi là kẻ coi sóc việc nhà, nay em có tội cha chẳng sai con, lại sai em út đi, thế con là đưa con hư!

Người con cả toan tự sát. Người mẹ nói hộ cho anh ta:

- Nay ông sai thằng út đi thì chưa chắc đã cứu sống được thằng thứ hai, mà trước tiên vô có giết mất thằng cả! Biết làm thế nào?

Chu Công cực chẳng đã, phải sai người con cả đi. Ông viết một phong thư đưa cho người bạn cũ là Trang Sinh và dặn rằng:

- Khi con đến thì dâng một nghìn lạng vàng vào nhà Trang Sinh, mặc ông ta làm. Nhất thiết không được tranh cãi với ông ta trong việc này.

Người con cả khi đi cũng tự mang theo riêng vài trăm nén vàng sang Sở ...

Trang Sinh nhà ở kế ngoại thành. Người con cả phải lách lau cỏ mới tới cửa, thấy nhà có vẻ rất nghèo... Nhưng người con cả cũng đưa thư, dâng nghìn vàng theo lời cha dặn.

Trang Sinh nói:

- Thôi! Anh hãy đi ngay đi! Chớ có ở lại! Dù em anh được ra cũng chớ hỏi tại sao lại được tha.

Người con cả ra rồi, không đến nhà Trang Sinh nữa, mà ngấm ở lại, lấy của mình đem dâng cho một quý nhân có quyền thế ở Sở. Trang Sinh tuy ở một xóm nghèo khổ, nhưng cả nước đều nghe tiếng ông thanh liêm và chánh trực. Từ vua Sở trở xuống đều tôn làm bậc thầy. Khi Chu Công đưa vàng, không phải ông ta có ý muốn nhận. Ý ông ta chỉ muốn khi xong việc sẽ đưa trả để làm tin mà thôi.

Cho nên khi vàng đưa đến, Trang Sinh bảo vợ:

- Đây là vàng của ông Chu. Nhỡ tôi không sống được cách đêm thì thế nào cũng phải đưa trả, chớ có động đến!

Nhưng con cả Chu Công không biết ý ông ta, cho ông ta chẳng có thể lực gì.

Trang Sinh thông thả ra mắt vua Sở, nói:

- Có nơi sao... mỗ đóng ở chỗ...mỗ, cái đó hại cho nước Sở ...

Vua Sở vốn tin Trang Sinh liền hỏi:

- Giờ biết làm thế nào?

Trang Sinh nói:

- Chỉ có cách dùng đức mới trị được nó.
- Thầy về nghỉ! Quả nhân sẽ làm theo.

Nhà vua liền sai sứ giả niêm phong ba kho tiền.

Quý nhân nước Sở kinh ngạc bảo người con cả Chu Công:

- Nhà vua sắp đại xá.

Người con cả Chu Công nói:

- Làm sao biết?
- Mỗi lần nhà vua sắp đại xá thường cho niêm phong ba kho tiền. Chiều qua nhà vua sai sứ đi niêm phong.

Người con cả Chu Công nghĩ rằng: nếu đại xá thì em mình thế nào cũng được tha. Anh ta tiếc nghìn vàng đem cho lão Trang Sinh, thật là mất toi, bèn lại ra mắt Trang Sinh. Trang Sinh giật mình nói:

- Anh chưa về ư?

Người con trưởng nói:

- Thừa vẫn chưa ạ! Trước kia vì việc thằng em, nay thằng em may mắn được hưởng lệnh đại xá, cho nên lại đây chào cụ để về.

Trang Sinh biết ý anh ta muốn lấy lại vàng, liền nói:

- Anh vào nhà trong mà lấy vàng.

Người con trưởng tự vào nhà lấy vàng ra. Trang Sinh xấu hổ vì bị đứa trẻ con mua chuộc, bèn vào yết kiến vua Sở, nói:

- Tôi trước kia có nói về ngôi sao...mỗ. Nhà vua có nói sẽ sửa đức để bổ cứu. Nay tôi ra đường đâu cũng thấy đồn rằng: đứa con nhà giàu ở Đào là Chu Công, giết người bị giam ở Sở, nhà nó đem nhiều vàng bạc đút lót cho các quan hầu nhà vua. Nhà vua không phải vì biết thương nước Sở mà xá đâu, chỉ vì chuyện con Chu Công đó thôi.

Vua Sở cả giận, nói:

- Quả nhân tuy có kém đức thật, nhưng lẽ nào lại vì con Chu Công mà phải ra ơn. Liền làm án giết con Chu Công. Hôm sau bèn ra lệnh đại xá.

Con cả Chu Công rút cuộc lại đưa đám tang em trở về! ...

Người mẹ và người làng đều lấy làm thương xót. Chỉ có Chu Công cười một mình mà rằng:

- Ta đã biết thế nào nó cũng giết em nó! Không phải nó không yêu em nó đâu, nhưng có một điều nó không thể chịu nổi. Nó từ nhỏ đã từng chịu khổ cùng ta thấy việc làm ăn khó khăn, cho nên bỏ của thì tiếc! Trái lại, thằng em nó dễ ra đã thấy ta giàu. Nó chỉ biết cười xe bẽn, giọng ngựa tốt, theo đuổi cây cỏ, nào biết của cải do đâu mà có, cho nên phung phí tiền một cách dễ

dàng, chẳng tiếc rẻ gì. Trước đây, sở dĩ ta sai thàng út đi, chỉ là vì nó biết coi thường tiền bạc đó thôi! Thằng cả thì không biết thế, vì vậy mà giết chết em nó. Lẽ đời là thế, có gì đáng thương. Ta ngày đêm vẫn đợi nó đưa đám tang về!

Cho nên Phạm Lãi ba lần đổi chỗ ở mà thành danh trong thiên hạ. Không phải ông ta chỉ bỏ đi một cách dễ dàng, và thế là hết. Ông ta ở đâu, là nổi danh ở đấy. Sau già chết ở Đào, cho nên đời truyền tụng gọi là Đào Chu Công (Đoạn 5 – Câu chuyện về người con Phạm Lãi bị giết).

5. Thái Sử Công nói, “Công lao của vua Vũ thực là to lớn! Dẫn nước cho chín con sông, làm chín châu có thể ở được, đến nay tất cả mọi người đều sống yên ổn. Con cháu của ông là Câu Tiễn nhọc công, khổ xác, cuối cùng tiêu diệt được nước Ngô mạnh, phía bắc cho quân đội vào xem Trung quốc để tôn nhà Chu, được danh hiệu là bá vương. Câu Tiễn chẳng đáng gọi là hiền sao? Đó cũng là cái vinh quang sót lại của vua Vũ vậy. Phạm Lãi ba lần dời chỗ ở, đều nổi tiếng tăm để lại đời sau. Vua và tôi đều như vậy, thế nào mà chẳng vinh hiển?”

Trần Thiệp Thế Gia -

1. Trần Thắng là người Dương Thành, tên chữ là Thiệp. Ngô Quảng là người Dương Hạ, tên chữ là Thúc. Lúc còn trẻ, Trần Thiệp thường cùng cày thuê với người ta, Thiệp dùng cày ở trên gò, bụi ngùi một hồi lâu mà rằng:

- Nếu được giàu sang, xin đừng quên nhau!

Bạn cày thuê cười, đáp:

- Đã đi cày thuê, còn giàu sang nỗi gì?

Trần Thắng thở dài nói:

- Than ôi! Chim én, chim sẻ làm sao biết được chí của chim hộc, chim hồng (Đoạn 1 - Trần Thiệp lúc hàn vi. Nhắc đến câu nói, “giàu sang đừng quên nhau”, để chuẩn bị cho việc Trần Thiệp quên bạn ở đoạn 4.)

2. Tháng bảy, năm thứ nhất đời Nhị Thế (-209) chín trăm người binh dân các làng được đưa đi đồn thú ở Ngũ Dương, đóng lại ở làng Đại Trạch. Trần Thắng, Ngô Quảng đều thuộc vào danh sách phải đi, và làm đồn trưởng. Gặp mưa to, đường bị nghẽn, tính biết đã quá kỳ hạn. Nếu quá kỳ hạn thì theo pháp luật là đều bị chém. Trần Thắng, Ngô Quảng bàn nhau:

- Nay nếu chúng ta trốn thì chết, mà mưu việc lớn cũng chết. Cũng một cái chết cả, vậy chết cho nước có nên không?

Trần Thắng nói:

- Thiên hạ khổ vì nhà Tần đã lâu rồi! Tôi nghe nói Nhị Thế là con thứ, không đáng được lập làm vua, người đáng được lập là công tử Phù Tô. Phù Tô vì hay can ngăn nên vua sai đi cầm quân ở ngoài. Nay nghe phong thanh ông ta vô tội mà bị Nhị Thế giết. Trăm họ nhiều người nghe nói ông ta hiền, chưa biết ông ta chết (Xem Lý Tư liệt truyện). Hạng Yên làm tướng nước Sở, lập được nhiều công, yêu sĩ tốt, người Sở đều thương. Có người nói ông ta chết, có người nói ông ta bỏ trốn (Xem Hạng Vũ bản kỷ đoạn 1). Nay nếu chúng ta giả xưng là công tử Phù Tô, Hạng Yên, đứng lên hiệu triệu thiên hạ thì chắc nhiều người hưởng ứng.

Ngô Quảng cho là phải. Bèn đi bói. Người bói biết ý, nói:

- Mọi việc của túc hạ đều thành, sẽ nên việc hết. Nhưng túc hạ thử “bói quẻ” xem sao.

Trần Thắng, Ngô Quảng mừng lắm, nghĩ đến chuyện “bói quẻ” nói:

- Đây là ông ấy bảo ta trước tiên phải mượn quỷ thần ra uy với dân chúng đấy.

Thắng bèn lấy son viết lên lụa trắng mấy chữ “Trần Thắng Vương (Trần Thắng làm vua), bỏ vào bụng con cá. Có người đánh được cá. Quân lính mua cá mổ ra thấy thư ở trong bụng cá cho là quái lạ. Thắng lại ngầm sai Ngô Quảng đến nơi đèn, cây cối um tùm, thắp ngọn đèn lồng làm giả tiếng cáo, “Đại Sở hưng! Trần Thắng Vương! ” (Nước Sở nổi lên, Trần Thắng làm vua).

Quân lính ban đêm kinh sợ, đến sáng họ kháo nhau, đưa mắt chỉ cho nhau Trần Thắng.

Ngô Quảng tính yêu người, sĩ tốt nhiều người theo giúp. Nhân lúc viên úy say rượu, Quảng cố ý mấy lần nói mình muốn bỏ trốn để cho y nổi giận, mắng nhiếc mình, làm cho quân lính phần uất. Viên úy quả nhiên lấy roi đánh Quảng. Viên úy tuốt kiếm, Quảng đứng dậy giựt kiếm và giết viên úy. Thắng giúp Quảng cùng hai viên úy. Thắng bèn ra lệnh cho những người đi thú:

- Các ông gặp mưa, đều đã sai kỳ hạn. Sai kỳ hạn đều bị tội chém. Dù có khỏi bị chém đi nữa, thì trong số mười người đi thú, cũng chết mất sáu, bảy. Vả chăng, kẻ trảng sĩ không chết thì thôi, chứ đã chết thì phải mưu việc lớn, vương, hầu, tướng quân, thừa tướng, há phải có dòng dõi mới làm nên sao!

Những người đi theo đều nói:

- Xin vâng lệnh.

Thắng bèn nói dối là công tử Phù Tô, Hạng Yên để theo ý muốn của dân. Tất cả vén tay áo bên phải lên xưng “Đại Sở” lập đàn thề, lấy đầu viên úy để tế. Trần Thắng tự lập làm tướng quân, Ngô Quảng làm đô úy. Thắng đánh làng Đại Trạch, lấy được Đại Trạch rồi đánh đất Kỳ, lấy được Kỳ. Thắng bèn sai Cát Anh, người ấp Phù Ly đem binh chiêu hàng phía đông đất Kỳ, đánh Trát, Toàn, Khổ, Giá, Tiều, đều lấy được tất cả. Khi đến đất Trần, thì đã có sáu bảy trăm cỗ xe, hơn ngàn kỵ binh, quân lính mấy vạn người. Thắng đánh đất Trần, quan quận thú và huyện lệnh của đất Trần đều không có mặt ở đấy, chỉ có một mình viên thủ thừa chiến đấu ở trong cửa lầu, đánh không nổi, Thủ Thừa chết. Thắng bèn chiếm cứ đất Trần, được vài ngày, Thắng sai hiệu triệu các tam lão (Quan ở làng lo việc dạy dỗ dân) hào kiệt để bàn bạc. Các tam lão và hào kiệt đều nói:

- Tướng quân đã mang giáp dày, cầm giáo nhọn, đánh kẻ vô đạo, giết nhà Tần tàn bạo, lập lại xã tắc nước Sở, công lao ấy đáng làm vương.

Trần Thiệp bèn tự lập làm vương, hiệu là Trương Sở (Nước Sở mở rộng).

3. Trong lúc bấy giờ, các quận huyện cực khổ vì quan lại nhà Tần, nên đều phôi bày tội trạng bọn quan cầm đầu ở đấy, giết họ để hưởng ứng Trần Thiệp. Trần Thiệp bèn cho Ngô Thúc làm giả vương giám đốc các tướng, đem binh về hướng tây đánh Huỳnh Dương; sai Vũ Thần, Trương Nhĩ, Trần Du, người đất Trần, chiêu hàng đất Triệu; sai Đặng Tôn, người đất Nhữ Âm, chiêu hàng quận Cửu Giang. Bấy giờ những toán quân Sở họp nhau từng nhóm vài nghìn người tính không xuể.

Cát Anh đến đất Đông Thành lập Tương Cương làm Sở Vương, sau đó Cát Anh nghe tin đã lập Trần Vương, nên giết Tương Cương quay về báo với Trần Thiệp. Đến đất Trần, Trần Vương giết Cát Anh. Trần Vương sai Chu Thị, người nước Ngụy, lên miền bắc chiêu hàng đất Ngụy. Ngô Quảng vây Huỳnh Dương. Lý Do làm thái thú quận Tam Xuyên giữ Huỳnh Dương, Ngô Thúc đánh, không lấy được thành.

Trần Vương mời những người hào kiệt trong nước để bàn, cho Thái Tử người Thượng Thái, ấp Phòng Quân, làm thượng trụ quốc. Chu Văn là người hiền ở đất Trần, thường coi ngày tốt xấu cho quân của Hạng Yên trước, làm việc với Xuân Thâu Quân, tự tiến cử mình với Trần Thiệp, nói rằng mình thông thạo binh pháp. Trần Vương cấp cho y ấn tướng quân, đem binh về hướng

tây đánh Tần. Chu Văn đi tập hợp quân đội đến Hàm Cốc Quan, có ngàn cỗ xe, mấy mươi vạn binh, đến đất Hý đóng quân. Tần sai quan thiếu phủ là Chương Hàm tha cho những người làm phu dịch ở Ly Sơn, và con cháu nô tỳ, đem tất cả để đánh đại quân của Sở. Quân Sở thua to. Chu Văn thua chạy ra khỏi Hàm Cốc Quan, dừng lại đóng quân ở Tào Dương hai ba tháng. Chương Hàm đuổi theo đánh. Chu Văn lại thua, bỏ chạy đến đóng ở Dẫn Trì hơn mười ngày. Chương Hàm đánh Chu Văn thua to. Chu Văn tự đâm cổ chết, quân lính không chiến đấu nữa.

Vũ Thần đến Hàm Đan tự lập làm Triệu Vương. Trần Du làm đại tướng quân, Trương Nhĩ, Thiệu Tào làm tả thừa tướng, hữu thừa tướng. Trần Vương giận bắt trói gia quyến bọn Vũ Thần định giết đi. Quan trụ quốc nói:

- Nước Tần chưa mất mà ta lại giết gia quyến vua tôi Triệu Vương thì tức là gây ra một nước Tần nữa. Chi bằng nhân đó mà lập họ.

Trần Vương bèn sai sứ đến mừng Triệu Vương, đem gia quyến bọn Vũ Thần vào cung, phong con của Nhĩ là Trương Ngao làm Thành Đô Quân, giục quân Triệu mau mau vào Hàm Cốc Quan. Các quan văn võ Triệu Vương bàn với nhau:

- Nhà vua được làm vương ở đất Triệu, không phải là ý muốn của Sở. Nếu nước Sở diệt xong nước Tần thì nhất định sẽ đem binh đánh Triệu. Không có kế gì hơn là đừng đem binh về hướng tây, sai sứ đi về hướng bắc chiêu hàng đất Yên để mở rộng thêm đất cho nước mình. Nước Triệu phía nam giữ Hoàng Hà, phía bắc lấy được đất Yên, đất Đại thì nước Sở dù có đánh thắng được Tần cũng không sao không chế được Triệu. Nếu nước Sở không đánh thắng được Tần thì phải quý trọng nước Triệu. Nước Triệu nhân lúc Tần suy nhược có thể đắc chí với thiên hạ.

Triệu Vương cho là phải. Vì vậy Triệu Vương không đem binh về hướng tây, mà lại sai Hàn Quảng trước kia làm tốt sứ (chức quan nhỏ) ở Thượng Cốc, đem binh về hướng bắc chiêu hàng đất Yên. Các quan lại và quý tộc cũ cùng hào kiệt ở Yên nói với Hàn Quảng:

- Nước Sở đã lập vương, nước Triệu cũng lại lập vương, nước Yên tuy nhỏ cũng là nước có vạn cỗ xe, xin tướng quân tự lập làm Yên Vương.

Hàn Quảng nói:

- Mẹ Quảng ở Triệu, làm thế không được.

Người Yên nói:

- Nước Triệu hiện nay phía tây đang lo về nước Tần, phía nam lo về nước Sở, sức của nó không thể cấm ta được; vả chăng mạnh như nước Sở mà còn không dám hại gia đình vua tôi Triệu Vương, nước Triệu làm gì dám hại đến gia quyến tướng quân!

Hàn Quảng cho là phải, tự lập làm Yên Vương. Được vài tháng, nước Triệu đưa mẹ và gia quyến của Yên Vương về nước Yên. Lúc bấy giờ số các tướng đi chiêu hàng các nơi kể không xiết.

Chu Thị đi về hướng bắc chiêu hàng đến đất Dịch. Người đất Dịch là Điền Đam giết quan huyện lệnh đất Dịch, tự lập làm Tề Vương, đánh Chu Thị, Quân của Thị tan rã, Thị trở về đến đất Ngụy, muốn lập con cháu vua Ngụy, là Ninh Lăng Quân tên là Cửu, làm Ngụy Vương. Lúc bấy giờ Cửu đang ở nơi Trần Vương, không thể về đất Ngụy. Sau khi đã lấy được nước Ngụy, người

ta muốn lập Chu Thị làm Ngụy Vương, Chu Thị không chịu, sai sứ đi về năm lần. Trần Vương mới lập Ninh Lăng Quân Cữu làm Ngụy Vương, cho Cữu về nước. Chu Thị được làm thừa tướng. Bọn tướng quân Điền Tang bàn với nhau:

- Quân của Chu Chương đã bị phá rồi, quân Tần nay mai sẽ đến, chúng ta vây thành Huỳnh Dương không lấy được, nếu quân Tần đến thì thua to. Chi bằng ta để lại ít binh đủ để giữ Huỳnh Dương thôi, còn đem tất cả tinh binh ra đón đánh quân Tần. Nay giả vương kiêu ngạo, không biết binh quyền, ta không thể cùng mưu toan với ông ta được, nếu không giết ông ta thì nhất định hỏng việc.

Họ bèn giả mệnh lệnh của Trần Vương giết chết Ngô Thúc, đem đầu dâng cho Trần Vương. Trần Vương sai sứ cấp cho Điền Tang ấn tín làm lệnh doãn nước Sở, cho Tang làm thượng tướng. Điền Tang bèn sai các tướng là bọn Lý Qui giữ thành Huỳnh Dương, còn mình đem quân tinh nhuệ đi về hướng tây đón đánh quân Tần ở Ngao Thương. Hai bên giao chiến. Điền Tang chết, quân bị phá vỡ. Chương Hàm đem quân đánh bọn Lý Qui ở dưới chân thành Huỳnh Dương phá quân Lý Qui. Bọn Lý Qui chết.

Đặng Duyệt, người Dương Thành, đem binh đến đất Đàm, biệt tướng của Chương Hàm đánh và phá quân Đặng Duyệt. Quân của Đặng Duyệt tán loạn chạy vào đất Trần. Ngũ Từ, người đất Trất đem binh đến đất Hứa, Chương Hàm đánh phá quân Ngũ Từ, quân của Ngũ Từ bỏ chạy tán loạn vào đất Trần. Trần Vương giết Đặng Duyệt. Khi Trần Vương mới lập, bọn Tần Gia, người đất Lăng, Đồng Tiết người đất Trất. Chu Kê Thạch, người đất Phù Ly, Trịnh Bố người đất Thủ Lư, Đinh Tật người đất Từ đều tự mình nổi lên, đem binh vây thái thú Đông Hải tên là Khánh ở đất Đàm. Trần Vương nghe tin bèn sai Vũ Bình Quân tên là Bạt làm tướng quân, điều khiển các đạo quân vây đất Đàm. Tần Gia không chịu nghe theo, tự lập làm đại tư mã không chịu phụ thuộc vào Vũ Bình Quân. Tần Gia nói với bọn quan lại:

- Vũ Bình Quân ít tuổi, không hiểu việc binh, chớ có nghe ông ta.

Nhân đó, Gia giả làm mệnh lệnh của Trần Vương, giết Vũ Bình Quân. Chương Hàm sau khi đã đánh bại Ngũ Từ, đem quân đánh Trần. Trụ Quốc là Phòng Quân chết. Chương Hàm lại tiến binh đánh quân của Trương Hạ ở phía tây đất Trần. Trần Vương thân hành ra đốc suất trận đánh. Quân bị đánh bại, Trương Hạ chết.

Tháng chạp, Trần Vương đến huyện Nhữ Âm quay về đến Hạ Thành Phụ. Người đánh xe là Trang Giả giết Trần Vương để đầu hàng Tần. Trần Thắng được chôn ở đất Đường hiệu bực là Ẩn Vương (Đoạn 2 - Trần Thiệp khởi nghĩa và thất bại).

4. Lữ Thần trước là người hầu cận Trần Vương, quân của ông ta đều đội mũ xanh, khởi binh ở Tân Dương, đánh lấy đất Trần, giết Trang Giả, lại gọi nước Trần là nước Sở. Lúc đầu, Trần Vương đến đất Trần, sai Tống Lưu người đất Trất đem binh đánh lấy Nam Dương, vào đất Vũ Quan. Lưu đã chiêu hàng được Nam Dương, nhưng nghe tin Trần Vương chết, đất Nam Dương lại theo về Tần, nên không thể vào Vũ Quan. Lưu bèn đi về hướng đông vào đất Tân Thái, gặp quân của Tần, Tống Lưu đem quân đầu hàng Tần. Tần cho giải Lưu bằng xe trạm về đến Hàm Dương, buộc người vào xe, xé xác để thị uy. Bọn Tần Gia nghe tin quân của Tần Vương bị phá vỡ, liền bỏ chạy, lập Cảnh Câu làm Sở Vương đem binh đến đất Phương Dư, muốn đánh quân Tần ở vùng Định Đào, Tần Gia sai Công Tôn Khánh đi sứ sang Tề Vương muốn cùng Tề hợp lực tiến quân. Tề Vương nói:

- Ta nghe tin Trần Vương thua trận, không biết sống chết thế nào, sao nước Sở lại không xin phép ta mà lập vua!

Công Tôn Khánh nói:

- Nước Tề lập vua không xin phép nước Sở, vậy nước Sở có lẽ nào lại xin phép Tề để lập vua! Vả chăng nước Sở đầu tiên khởi xướng việc chống Tần, đáng lý được ra lệnh cho cả thiên hạ!

Điền Đan giết Công Tôn Khánh. Quân tả hiệu úy, hữu hiệu úy của Tần lại đánh Trần, lấy được Trần. Quân của Lữ Thần bỏ chạy, quân lính lại tập hợp. Quân của viên tướng cướp ở đất Ba là Dương Dương Quân Kinh Bố liên hợp với quân của Lữ Thần đánh quân tả, hữu hiệu úy và phá quân Tần ở đất Thanh Ba, lại gọi nước Trần là nước Sở. Bây giờ là lúc Hạng Lương lập cháu của Hoài Vương là Tâm làm Sở Vương (tình hình nước Sở sau khi Trần Thiệp chết đến khi Hạng Lương khởi nghĩa).

5. Trần Thắng làm vương tất cả sáu tháng. Khi làm vương đóng ở đất Trần có người bạn cũ thường cùng cày thuê với Thắng, nghe tin ấy, đến nước Trần gõ vào cửa cung mà nói:

- Ta muốn gặp anh Thiệp!

Quan coi cửa cung muốn bắt trói lại. Anh ta kể lại đầu đuôi, nên được tha. Quan coi cửa không chịu báo. Trần Vương ra, anh ta đón đường mà kêu, “Thiệp! ”. Trần Thắng nghe vậy, bèn gọi vào gặp mặt, mang lên xe cùng về. Khi vào cung, anh ta nhìn thấy cung điện, màn trướng, nói:

- “Loả di” (Ôi chà!). Thiệp làm vương thật là oai vệ quá! (Người Sở nói nhiều là “loả”, vì vậy thiên hạ lưu truyền rằng, “Loả Thiệp làm vương”, là từ đó).

Người khách ấy ra vào càng ngày càng phóng túng cứ nói đến tình xưa nghĩa cũ của Trần Vương. Có kẻ bàn với Trần Vương:

- Người khách ngu không biết gì, cứ ăn nói bừa bãi, làm giảm uy tín của ngài.

Trần Vương bèn giết đi. Những người cố nhân của Trần Vương đều kéo nhau đi. Vì vậy không ai thân với Trần Vương.

Trần Vương cho Chu Phòng làm trung chính (quan coi việc thăng thưởng, bổ nhiệm các quan). Hồ Vũ làm tư quá (chức quan để can ngăn những điều sai lầm, như chức giám sát ngự sử), xem xét những điều sai lầm của quần thần. Các tướng chiêu hàng các nơi xong lại về phục mệnh, ai không theo mệnh lệnh thì họ trói lại và trị tội, lấy việc hà khắc để tỏ ra trung thành. Họ thấy ai không hợp thì không cần giao cho pháp quan tra xét mà tự mình xử lý. Trần Vương tin dùng họ. Vì thế các tướng không theo và rốt cục bị thất bại.

Mặc dầu Trần Thắng đã chết, các chư hầu, vương, tướng quân, thừa tướng do Thắng lập nên, cuối cùng đã làm cho nhà Tần mất. Như thế, Thiệp là người đầu tiên đã khởi xướng. Thời Cao Tổ, Trần Thiệp được cấp ba mươi nhà để giữ phần mộ ở đất Đường, đến nay vẫn còn tế tự (Đoạn 4 – Nguyên nhân thất bại của Trần Thiệp).

6. Chử tiên sinh (Chử tiên sinh: chữ Thiệu Tôn người đời Hán Thành Đế, có bổ khuyết vào “Sử ký” Tư Mã Thiên mấy thiên) nói: địa hình hiểm trở dùng để giữ nước, quân lính hình pháp dùng để trị nước, nhưng cũng không đủ cậy vào đó được. Tiên Vương ngày xưa lấy nhân nghĩa làm cái

gốc, mà lấy địa điểm, pháp luật, làm ngọn ngành, quả thật là đúng! Tôi nghe Giả sinh (Giả sinh: Giả Nghị, nhà văn và nhà chính trị thời Hán Văn Đế. Đoạn này là lấy trong bài “Quá Tản Luận” của Giả Nghị - bàn về cái sai lầm của nhà Tần) nói, “Tần Hiếu Công dựa vào sự kiên cố của núi Hào Sơn và cửa Hàm Cốc Quan nắm lấy đất Ứng Châu, vua tôi cố giữ để nhằm dòm ngó nhà Chu, có ý chí muốn lấy cả thiên hạ, tóm cả các nước, bỏ cả bốn biển vào túi, nuốt cả tám cõi. Lúc bấy giờ, Thương Quân giúp ông ta, bên trong thì cải cách pháp chế, đôn đốc việc cày ruộng, dệt lụa, dự bị sẵn sàng để cố thủ hay tác chiến; bên ngoài thì xui chư hầu liên hoành thờ Tần mà đánh lẫn nhau. Nhờ đó, mà người Tần chỉ vòng tay mà lấy được đất ở bên kia Tây Hà. Sau khi Hiếu Công mất đi, Huệ Văn Vương, Vũ Vương, Chiêu Vương nhờ nghiệp cũ, theo cái sách lược cha ông để lại, phía nam lấy đất Hán Trung; phía tây lấy đất Ba, đất Thục; phía đông cắt đất mầu mỡ, thu được những quận xung yếu, hiểm trở. Chư hầu hoảng sợ, họp nhau giao ước để làm yếu nước Tần. Họ không tiếc vật quý, của báu, đất đai phì nhiêu, đem ra để mời kẻ sĩ trong thiên hạ. Họ họp tung, liên kết nhau thân thiết để họp làm một. Trong thời bấy giờ, nước Tề có Mạnh Thường Quân, nước Triệu có Bình Nguyên Quân, nước Sở có Xuân Thân Quân, nước Ngụy có Tín Lăng Quân. Bốn người này đều là những người sáng suốt, khôn ngoan, trung thực, tín nghĩa, rộng lượng, trung hậu, yêu người, tôn quý người hiền và kính trọng kẻ sĩ. Họ lo họp tung các nước, chống lại kẻ liên hoành của Tần, bao gồm dân Hàn, Ngụy, Yên, Triệu, Tống, Vệ, Trung Sơn. Lúc bấy giờ kẻ sĩ của sáu nước có bọn Ninh Việt, Từ Thượng, Tô Tần, Đồ Hách làm mưu sĩ; có bọn Tề Minh, Chu Thú, Trần Chấn, Thiệu Hoạt, Lâu Hoãn, Định Cảnh, Tô Lệ, Nhạc Nghị truyền đạt cái ý ấy; có bọn Ngô Khởi, Tô Tần, Đái Tha, Nghê Lương, Vương Liêu, Điền Kỳ, Liêm Pha, Triệu Xa cầm quân, thường lấy đất đai rộng gấp mười, quân đội trăm vạn, ngẩng mặt lên cửa Hàm Quan mà đánh Tần (Vì Tần ở nơi đất cao, quân chư hầu đánh phải trông lên phía trên). Người Tần mở cửa ải đón đánh, quân của chín nước bỏ chạy không dám tiến. Nước Tần không phí một mũi tên hòn đạn nào mà cả thiên hạ đều nguy khốn. Khi bấy giờ kẻ họp tung bị tan, lời giao ước bị bỏ, các nước tranh nhau cắt đất để dứt lốt cho nước Tần. Nước Tần có thừa sức để nhắm nước nào yếu thế thì đánh đuổi kẻ bỏ trốn, rượt theo kẻ đã bị đánh bại, thây nằm trăm vạn, máu chảy trôi cả cái khiên, nhân cơ hội tiện lợi, mà chia cắt thiên hạ, xẻ núi, rạch sông, nước mạnh xin phục tùng, nước yếu xin vào châu. Thời Hiếu Văn Vương, Trang Tương Vương làm vua không được bao lâu, nước nhà vô sự. Đến đời Thuỷ Hoàng, nhờ cái sự nghiệp sáu đời để lại, cầm roi dài mà chế ngự cả thiên hạ. Nuốt nhà Chu (Đông Chu và Tây Chu) mà diệt chư hầu, lên ngôi chí tôn mà làm chủ cả sáu cõi, cầm gậy gộc để đánh đập thiên hạ, uy vang bốn biển. Phía nam lấy đất Bách Việt, lập thành Quế Lâm, Tượng Quân. Vua của Bách Việt cúi đầu, buộc cổ nộp tính mạng cho quan coi ngục. Thuỷ Hoàng bèn sai Mông Diêm xây tường thành phía bắc để gìn giữ phen giậu; đuổi quân Hung Nô hơn bảy trăm dặm; người Hồ không dám xuống phía nam chăn ngựa; kẻ sĩ cũng không dám dương cung để báo oán. Tần bèn bỏ đạo tiên vương, đốt sách bách gia, làm ngu dân đen, huỷ hoại các danh thành, giết những người hào kiệt, thu binh khí của thiên hạ tập trung ở Hàm Dương, nấu binh khí ấy để đúc mười hai người bằng đồng, nhằm làm cho nhân dân yếu đi. Đoạn dựa vào núi Hoa Sơn để làm thành, lấy sông Hoàng Hà để làm ao, giữ cái thành cao một ức trượng, cạnh cái khe sâu không đáy, lấy thế làm vững chãi. Tướng giỏi, nổ súng, giữ nơi hiểm yếu, quan trọng, tôi tín cẩn, lính tinh nhuệ, bày binh khí sắc bén ra, còn ai dám làm gì nữa!

Thiên hạ đã bình định, lòng Thuỷ Hoàng tự cho rằng Quan Trung hiểm trở kiên cố, thành đồng ngàn dặm là nghiệp đế vương vạn đời cho con cháu. Thuỷ Hoàng chết rồi, uy danh để lại còn vang dậy ở nước ngoài. Thế những Trần Thiệp, một người vốn xuất thân từ nơi nhà rách, vách nát, dân ngu khu đen, trôi sông lạc chợ, tài năng không bằng con người bậc trung, không có cái

hiền tài của Trọng Ni, Mặc Định, không có cái giàu của Đào Chu, Ý Đốn, chen chân giữa hàng lính tráng, lúi húi nơi đồng ruộng, cầm đầu bọn lính tráng mệt mỏi tan tác, đem số người chỉ độ vài trăm quay lại đánh Tần! Chặt gỗ làm binh khí, giong gậy trúc làm cờ! Thiên hạ hưởng ứng như mây họp, mang lương thực đi theo như bóng theo hình. Hào kiệt đất Sơn Đông nổi lên làm cho nhà Tần bị tiêu diệt. Ôi! Thiên hạ không phải là nhỏ yếu, đất Ứng Châu, Hào Sơn, Hàm Cốc Quan vẫn kiên cố như xưa. Địa vị của Trần Thiệp không phải tôn quý hơn vua Tề, Sở, Yên, Triệu, Hàn, Ngụy, Tống, Vệ, Trung Sơn. Cán cuốc, gậy, không phải sắc hơn liềm, giáo. Những người đi thú, không đông hơn quân của chín nước. Việc mưu sâu lo xa, phép hành quân, dụng binh, không bằng các kẻ sĩ ngày xưa.

Thế nhưng thế cục thay đổi, công nghiệp ngược nhau. Nếu thử so sánh các nước Sơn Đông với Trần Thiệp về mặt rộng lớn, quyền lực thì thực là một trời một vực. Nhưng Tần từ một miếng đất nhỏ bé mà nắm được quyền vạn cổ xe, đè áp tám châu, bắt những nước cùng ngang hàng phải thần phục mình, đã hơn một trăm năm rồi, sau mới tóm cả sáu cõi để làm nhà, lấy Hào Sơn, Hàm Cốc Quan để làm cung. Một người xướng xuất phản đối mà bảy miếu đổ, thân chết vì tay người, bị thiên hạ cười. Tại sao? Đó là vì không lo làm điều nhân nghĩa, và cái thế đánh được nước cùng giữ nước khác nhau vậy (Đoạn 5 – Bài “Quá Tần Luận” của Giả Nghị. Bài này là một bài khái quát tình hình đời Chiến Quốc và nêu nguyên nhân thất bại của nước Tần rất nổi tiếng trong văn chính trị của Trung Quốc)

Lưu Hầu Thế Gia -

Tổ tiên Lưu Hầu Trương Lương là người nước Hàn. Người ông là Khai Địa làm tướng quốc của Hàn Chiêu Hầu, Tuyên Huệ Vương, Tương Ai Vương; cha là Bình làm tướng quốc của Ly Vương, Điều Huệ Vương. Năm thứ hai mươi ba đời Điều Huệ Vương. Bình chết (250 trước công nguyên). Lương còn ít tuổi, chưa từng làm quan nước Hàn. Khi nước Hàn bị phá tan, Lương có ba trăm người tôi tớ trong nhà. Em Lương chết, Lương không lo chôn cất, đem tất cả gia tài tìm thích khách giết vua Tần để báo thù cho nước Hàn, bởi vì cha và ông làm tướng quốc năm đời vua Hàn. Lương thường học lễ ở đất Hoài Dương, đi về đông yết kiến Thương Hải Quân (người ẩn sĩ lúc bấy giờ), tìm được một lực sĩ làm một cái chùy sắt, nặng một trăm hai mươi cân. Tần Thủy Hoàng đi chơi ở miền đông, Lương và người khách rình đánh Tần Thủy Hoàng ở bãi cát Bác Lăng, đánh nhằm phải xe tuý tùng. Tần Thủy Hoàng nổi giận sai lùng khắp thiên hạ, tìm người thích khách rất gấp, cốt lòng cho được Trương Lương. Lương bèn đổi tên họ, trốn tránh ở Hạ Bi. Một hôm dạo chơi ở trên cầu Hạ Bi, Lương thấy một cụ già, mặc áo cộc đến chỗ mình, để chiếc giày rơi tõm xuống cầu. Cụ quay lại bảo Lương:

- Thăng bé! Xuống lấy giày!

Lương ngạc nhiên muốn đánh. Nhưng thấy ông cụ già cả nên cố nhịn, xuống lấy giày lên.

Ông cụ nói:

- Xỏ giày cho ta!

Lương trót đã lấy giày, nên cũng luôn tiện quỳ xuống xỏ giày cho ông cụ. Cụ già đút chân vào giày, cười rồi bỏ đi. Lương hết sức kinh ngạc, đưa mắt nhìn theo. Ông cụ đi khỏi một dặm, lại quay lại nói:

- Thăng bé dạy được đấy! Năm ngày sau, sáng tinh mơ, ngươi sẽ gặp ta ở đây!

Lương lấy làm lạ, quỳ xuống nói:

- Dạ!

Năm hôm sau, sáng tinh mơ, Lương đến thì cụ già đã ở đấy từ trước. Cụ giận, nói:

- Đã hẹn với người già cả, lại đến sau là có gì?

Cụ ra đi, nói:

- Năm ngày nữa, sẽ gặp ở đây cho sớm.

Năm ngày sau, vào lúc gà gáy, Lương đến nơi hẹn, thì cụ già đã đến trước. Cụ lại giận, nói:

- Tại sao lại đến sau?

Cụ ra đi, nói:

- Năm ngày sau, đến cho sớm.

Năm ngày sau, chưa đến nửa đêm, Lương đã đi. Một lát sau, cụ già cũng đến.

Cụ vui mừng nói:

- Thế mới phải chứ!

Cụ đưa ra một quyển sách nói:

- Đọc quyển sách này thì làm được thầy bậc vương giả. Mười năm sau, sẽ ứng nghiệm. Mười ba năm sau, con đến gặp ta. Hòn đá màu vàng dưới chân núi Cốc Thành ở phía bắc sông Tế là ta đó.

Cụ già liền đi, không nói gì và Lương không gặp lại nữa. Sáng hôm sau, Lương xem quyển sách thì đó là quyển “Thái Công binh pháp”. Lương vì vậy rất quý quyển này, thường đem ra học tập nghiền ngẫm. Lương ở Hạ Bì làm người nghĩa hiệp. Hạng Bá giết người, được Lương che chở (Đoạn 1 – Trương Lương trước khi theo Lưu Bang).

2. Mười năm sau (209 trước công nguyên), bọn Trần Thiệp khởi nghĩa, Lương cũng tụ họp hơn trăm trai tráng. Cảnh Câu ở đất Lưu tự lập làm Giả Vương (“Vua tạm thời”, lập vua tạm thời để hiệu triệu dân chúng cho tiện) nước Sở. Lương muốn đi theo. Giữa đường, Lương gặp Bái Công. Bái Công đem mấy nghìn người cướp được đất ở phía tây Hạ Bì. Lương bèn theo Bái Công. Bái Công cho Lương làm tướng coi về việc ngựa của quân. Lương mấy lần đem binh pháp của Thái Công ra trình bày với Bái Công. Bái Công khen, thường dùng sách lược ấy. Lương nói cho người khác nghe thì họ đều không hiểu. Lương nói:

- Bái Công là người nhà trời chẳng!

Vì vậy, Lương theo Bái Công, không đến yết kiến Cảnh Câu nữa.

Bái Công đến đất Tiết, yết kiến Hạng Lương, Hạng Lương lập Sở Hoài Vương. Lương bèn nói với Hạng Lương:

- Ngài đã lập con cháu vua Sở; trong các công tử nước Hàn, Hành Dương Quân tên là Thành là người hiền, có thể lập làm vương để tăng thêm vây cánh.

Hạng Lương sai Trương Lương tìm Hàn Thành, lập làm vua Hàn, cho Lương làm tư đồ nước Hàn, cho Hàn Vương cầm hơn nghìn quân đi về hướng tây lấy đất Hàn. Quân Hàn lấy được mấy thành, nhưng quân Tần cướp lại ngay. Quân Hàn đi lại đánh quanh quẩn ở miền Đinh Xuyên. Khi Bái Công đi từ miền nam Lạc Dương ra khỏi núi Hoàn Viên, Lương dẫn quân theo Bái Công, lấy được hơn mười thành của Hàn, đánh phá quân của Dương Hùng. Bái Công bèn sai Hàn Vương Thành ở lại giữ huyện Dương Định, còn mình cùng Trương Lương đi về hướng nam, đánh lấy được đất Uyển, rồi quay sang hướng tây vào Vũ Quan. Bái Công muốn đem hai vạn quân đánh quân Tần ở gần đất Nghiên. Lương nói:

- Quân Tần vẫn còn mạnh, chưa có thể coi thường. Thần nghe nói tướng Tần là con nhà hàng thịt. Là con nhà buôn, thì dễ lấy lợi mà lời cuốn họ. Xin Bái Công hãy tạm thời ở lại giữ thành, sai người đi trước dự bị lương thực cho năm vạn người ăn, lại cấm thêm cờ xí ở trên núi để làm nghi binh, sai Lịch Tự Cơ mang của quý đút lót cho tướng Tần.

Quả nhiên tướng Tần làm phản, muốn liên kết với Bái Công cùng đem binh về hướng Tây đánh

úp Hàm Dương. Bái Công nghe theo, Lương nói:

- Đây chỉ có viên tướng của nó là muốn làm phản thôi, sợ bọn quân lính không nghe theo. Nếu họ không nghe theo thì nguy, chỉ bằng ta nhân lúc nó trễ nãi mà đánh nó.

Bái Công liền đem quân đánh quân Tần, phá tan quân Tần. Bèn đi về hướng bắc đến Lam Điền. Đánh trận thứ hai, quân Tần thua to. Bái Công bèn đến Hàm Dương, vua Tần là Tử Anh ra hàng.

Bái Công vào cung nhà Tần, thấy nhà cửa, màn trướng, chó ngựa, vật quý, đàn bà con gái đến hàng ngàn, ý muốn ở lại đấy. Phàn Khoái can Bái Công nên ra ngoài. Bái Công không nghe. Lương nói:

- Tần làm điều vô đạo cho nên Bái Công mới đến được đây. Đã cốt vì thiên hạ giết bọn giặc tàn ác, thì ta nên ăn ở theo lối mộc mạc, để tỏ cái nền nếp của mình. Nay ngài vừa mới vào nước Tần mà đã ham thích cái vui thú của nó, thì khác gì người ta nói, “Nói giáo cho giặc” vậy. Vả chăng, “lời nói ngay nghe chướng tai, nhưng có lợi cho việc làm, thuốc đắng, uống khó chịu nhưng chữa được bệnh”, xin Bái Công nghe theo lời Phàn Khoái!

Bái Công bèn đem quân về Bá Thượng.

Hạng Vũ về đến Hồng Môn, muốn đánh Bái Công. Hạng Bá đang đêm ruồi ngựa vào trong quân doanh của Bái Công hội kiến riêng với Trương Lương, muốn rủ Lương cùng đi với mình. Lương nói:

- Tôi vì Hàn Vương mà tiến Bái Công, nay có việc gấp bỏ trốn đi thì bất nghĩa.

Lương bèn đem tất cả những lời nói của Hạng Bá nói lại với Bái Công, Bái Công hoảng sợ nói:

- Làm sao bây giờ?

Lương hỏi:

- Bái Công có muốn chống lại Hạng Vũ không?

Bái Công nói:

- Cái thằng khốn nạn kia khuyên ta giữ lấy Hàm Cốc Quan, không cho quân của chư hầu vào, thì có thể làm vương trên tất cả đất Tần, cho nên ta nghe theo!

Lương hỏi:

- Bái Công tự lượng sức xem có thể đánh lui được Hạng Vũ không?

Bái Công yên lặng một lát rồi nói:

- Cố nhiên là không được. Làm sao bây giờ?

Lương bèn cố mời Hạng Bá vào. Hạng Bá yết kiến Bái Công. Bái Công mời Bá uống rượu chúc thọ kết làm thông gia, nhờ Hạng Bá nói lại đầu đuôi rằng, Bái Công không dám phản lại Hạng Vũ. Bái Công sợ dĩ giữ lấy cửa ải là đề phòng bị bọn đạo tặc khác. Sau rồi Bái Công gặp Hạng Vũ mới được giải thoát, việc ấy đã nói trong truyện Hạng Vũ (Xem Hạng Vũ bản kỷ).

Tháng giêng, năm thứ nhất nhà Hán (206). Bái Công làm Hán Vương, cai trị đất Ba, đất Thục. Hán Vương cho Lương hai nghìn lạng vàng, hai hộc châu báu, Lương đem hiến tất cả cho Hạng Bá. Hán Vương cũng nhân đó, sai Lương đem nhiều của quý cho Hạng Bá nhờ Hạng Bá xin đất Hán Trung cho mình. Hạng Vương ưng thuận, vì vậy Bái Công được đất Hán Trung. Hán Vương vào đất Ba, đất Thục, Lương tiễn đến đất Bao Trung. Hán Vương sai Lương về nước Hàn. Lương nhân đó nói với Hán Vương:

- Sao vương không đốt quách các đường sạn đạo (Xem chú thích ở Cao Tổ bản kỷ) đã đi qua, để nói với thiên hạ rằng mình không có ý muốn quay lại, làm cho Hạng Vương yên lòng!

Hán Vương bèn sai Trương Lương quay lại. Hán Vương đi qua đốt tất cả đường sạn đạo.

Lương đến nước Hàn. Vì Hàn Vương Thành đã cho Lương theo Hán Vương, nên Hạng Vương không cho Thành về nước Hàn, bắt Thành theo mình sang đông. Lương nói với Hạng Vương:

- Hán Vương đã đốt đường sạn đạo, tức là không muốn quay lại nữa.

Lương bèn lấy thư của Tề Vương là Điền Vinh làm phản đưa cho Hạng Vương. Vì vậy Hạng Vương không lo đến Hán Vương đang ở phía tây; trái lại, đem binh về phương bắc đánh Tề. Sau đó Hạng Vương không chịu cho Hàn Vương về, giáng xuống làm hầu, rồi giết ở Bành Thành. Lương bỏ trốn, lẻn theo về với Hán Vương. Hán Vương cũng đã lấy được Tam Tần, cho Lương làm Thành Tín Hầu, đi về hướng đông đánh Sở.

Quân Hán tới Bành Thành, bị đánh bại quay về. Hán Vương đến Hạ Ấp xuống ngựa, ngồi xổm trên yên ngựa (chi tiết dường như không quan trọng nhưng rất điển hình) mà hỏi Trương Lương:

- Ta muốn bỏ tất cả đất đai từ Hàm Cốc Quan sang phía đông. Bây giờ giao cho ai thì có thể cùng ta lo nghiệp lớn.

Lương nói:

- Cửu Giang Vương Kinh Bố là viên mãnh tướng của Sở, có hiềm khích với Hạng Vương. Bành Việt theo Tề Vương là Điền Vinh làm phản ở đất Lương, hai người này nên dùng ngay. Trong số các tướng của Hán Vương, chỉ có một mình Hàn Tín là có thể giao được việc lớn, chống giữ được một mặt. Nếu muốn bỏ đất đai cứ giao cho ba người ấy thì có thể phá được nước Sở.

Hán Vương bèn sai Tuỳ Hà, nói với Cửu Giang Vương Kinh Bố, lại sai sứ giả kết liên với Bành Việt. Đến khi Ngụy Vương là Báo làm phản, Hán Vương sai Hàn Tín đem binh đánh Báo, nhờ vậy lấy được các nước Yên, Đại, Tề, Triệu. Cuối cùng phá được nước Sở, là do sức của ba người này.

Trương Lương hay ốm, chưa từng làm tướng một mình, thường làm kẻ bày mưu kế, và luôn luôn đi theo Hán Vương.

Năm thứ ba nhà Hán (204 trước công nguyên), Hạng Vũ vây Hán Vương ở Huỳnh Dương rất gấp. Hán Vương lo lắng, cùng Lịch Tư Cơ bàn cách làm yếu lực lượng của Sở. Tự Cơ nói:

- Ngày xưa, vua Thang đánh Kiệt, phong cho con cháu Kiệt ở đất Kỷ. Vua Vũ Vương đánh Trụ, phong cho con cháu Trụ ở đất Tống. Nay nhà Tần bỏ điều đức nghĩa, lấn đánh các nước chư

hầu, tiêu diệt con cháu sáu nước, khiến cho họ không có tác đất cắm dùi. Nếu bệ hạ quả thực lập lại được con cháu sáu nước, họ nhận được ấn rồi thì vua tôi, trăm họ tất cả đều mang ơn đức, không ai không nô nức hâm mộ đạo nghĩa của bệ hạ, tình nguyện làm thần thiếp. Nếu đã thi hành đức nghĩa, thì bệ hạ quay mặt về hướng nam mà xưng bá, nước Sở nhất định phải khép áo đến chầu.

Hán Vương nói:

- Phải! Mau mau khắc ấn! Tiên sinh nhân tiện đi mang theo luôn.

Tự Cơ chưa đi, Trương Lương ở ngoài vào yết kiến.

Hán Vương đang ăn, nói:

- Tử Phòng lại đây! Có người khách bàn giúp ta cách làm giảm quyền lực nước Sở.

Hán Vương đem lời Lịch Sinh kể lại đầu đuôi, và hỏi:

- Tử Phòng thấy thế nào?

Trương Lương hỏi:

- Ai bày cho bệ hạ kế này? Công việc của bệ hạ thế là hỏng rồi.

Hán Vương nói:

- Tại sao thế?

Lương nói:

- Thần xin mượn nắm đũa trước mâm mà trừ tính cho đại vương nghe. Xưa, vua Thang đánh Kiệt, nhưng phong con cháu Kiệt ở đất Kỷ, là biết chắc mình có thể nắm được cái chết của Kiệt. Nay bệ hạ có thể nắm được tính mạng của Hạng Tịch không?

- Chưa nắm được.

Lương nói:

- Đó là điều thứ nhất chúng tôi không thể làm thế. Vũ Vương đánh Trụ, phong con cháu nhà Thương ở Tống, là chắc lấy được đầu Trụ, nay bệ hạ có thể lấy được đầu Hạng Tịch không?

Hán Vương nói:

- Chưa thể được.

Lương nói:

- Đó là điều thứ hai chúng tôi không thể làm thế. Vũ Vương vào đất Ân, nêu tỏ quê hương của Thương Dung, tha tù cho Cơ Tử, đắp mộ cho Tử Can (Thương Dung, người hiền đi ẩn ở núi Thái Hàng. Cơ Tử can Trụ không được bị Trụ bắt giam. Tử Can can Trụ bị Trụ giết). Nay bệ hạ có thể đắp được mộ cho thánh nhân, nếu lo quê hương của bậc hiền nhân, cúi đầu trước của người trí giả không?

Hán Vương nói:

- Chưa làm được.

Lương nói:

- Đó là điều thứ ba, chúng tôi không thể làm thế. Vũ Vương phát thóc ở kho Cự Kiều, tung tiền ở nhà Lộc Đài cấp cho dân nghèo. Nay bệ hạ có thể lấy của kho ra phân phát cho người nghèo được không?

Hán Vương nói:

- Chưa làm được.

Lương nói:

- Đó là điều thứ tư, chúng tôi không thể làm thế. Sau khi đánh nhà Ân xong, Vũ Vương đổi xe trận làm xe thường, đặt ngược giáo mác, lấy da hổ bọc bên ngoài, để báo với thiên hạ rằng không dùng binh nữa. Nay bệ hạ có thể xếp việc võ để lo việc văn, không dụng binh

nữa không?

Hán Vương nói:

- Chưa làm được.

Lương nói:

- Đó là điều thứ năm chúng tôi không thể làm thế. Vũ Vương cho ngựa nghỉ ở phía nam núi Hoa Sơn để chúng tôi rằng không dùng ngựa chiến nữa. Nay bệ hạ có thể cho chiến mã nghỉ ngơi không dùng nó nữa không?

Hán Vương nói:

- Chưa làm được như vậy.

Lương nói:

- Đó là điều thứ sáu chúng tôi không thể làm thế. Vua Vũ Vương thả trâu ở phía bắc cánh đồng Đào Lâm để chúng tôi rằng không dùng nó vào việc chuyên chở nữa. Nay bệ hạ có thể thả trâu nghỉ ngơi không dùng nó vào việc chuyên chở nữa không?

Hán Vương nói:

- Chưa có thể làm được.

Lương nói:

- Đó là điều thứ bảy, chúng tôi không thể làm thế. Những kẻ du sĩ trong thiên hạ bỏ thân thích, xa lìa mồ mả ông cha, rời những người quen thuộc đi theo bệ hạ, chỉ là ngày đêm mong được một thước, một tấc đất đai. Nay bệ hạ lại khôi phục sáu nước, lập lại con cháu Hàn, Ngụy, Yên, Triệu, Tề, Sở thì những kẻ du sĩ trong thiên hạ đều trở về thờ vua của họ, theo thân thích của họ, quay về với những người quen thuộc của họ, với mồ mả ông cha của họ, vậy bệ hạ còn nhờ

ai mà lấy được thiên hạ nữa? Đó là điều thứ tám chứng tỏ không thể làm thế. Vả chăng, nếu nước Sở mà mạnh nhất thì sáu nước được lập lên sẽ lại chịu khuất mà theo Sở. Như vậy bệ hạ làm sao mà bắt họ thần phục mình được? Nếu bệ hạ dùng mưu của người khách thì sự nghiệp của bệ hạ hỏng mất (Trương Lương đưa ra 8 điều, nhưng thực ra chỉ có điều thứ 8 là quan trọng. Những điều kia chỉ có tính chất hỗ trợ).

Hán Vương liền dừng ăn, nhả cơm ra mà mắng:

- Cái thằng hủ nho! Suýt nữa mày làm hỏng cả việc của ông (Miêu tả Hán Vương rất sinh động).

Liền sai tiêu huỷ ngay các ấn.

Năm thứ tư nhà Hán (203), Hàn Tín phá quân nước Tề, muốn tự lập làm Tề Vương. Hán Vương giận. Trương Lương bàn với Hán Vương. Hán Vương sai Lương trao ấn Tề Vương cho Tín. Việc này chép trong chuyện Hoài Âm Hầu (Xem Truyện Hoài Âm Hầu). Mùa thu năm ấy, Hán Vương đuổi theo Sở đến miền nam Dương Hạ, đánh không lại, phải đóng giữ ở Cổ Lăng. Chư hầu hẹn nhưng không đến. Lương bàn với Hán Vương. Hán Vương dùng mưu kế của Lương, chư hầu đều đến, việc này chép trong chuyện Hạng Tịch (Xem Hạng Vũ bản kỷ).

Tháng giêng, năm thứ sáu nhà Hán (200), Hán Vương phong cho các công thần. Lương chưa hề có công về chiến trận. Cao Đế nói:

- Bàn mưu kế ở trong màn, trướng, quyết định sự thắng lợi ở ngoài ngàn dặm, đó là công của Tử Phòng! Cho tự chọn lấy ba vạn hộ ở đất Tề.

Lương nói:

- Xưa kia thần khởi nghĩa ở Hạ Bì, tới đất Lưu thì gặp bệ hạ. Đó là trời đem thần giao cho bệ hạ! Bệ hạ dùng mưu kế của thần, may mà có lúc trúng, thần xin được phong ở Lưu là đủ rồi, không dám nhận ba vạn hộ.

Cao Đế bèn phong Trương Lương làm Lưu Hầu, cùng được phong với bọn Tiêu Hà. Năm thứ sáu, vua đã phong hơn hai mươi người đại công thần, còn những người khác thì ngày đêm tranh công nhau, không quyết định được, cho nên chưa làm việc phong tước. Vua ở cung Nam thành Lạc Dương, từ con đường trên gác nhìn các tướng, thấy họ cùng nhau ngồi trên bãi cát nói chuyện.

Vua nói:

- Họ nói gì thế?

Lưu Hầu nói:

- Bệ hạ không biết sao? Đó là họ bàn việc làm phản đấy thôi!

Vua nói:

- Thiên hạ đã gần được yên rồi! Vì có gì họ lại làm phản?

Lương nói:

- Bệ hạ vốn từ áo vải xuất thân, nhờ bọn họ mà lấy được thiên hạ. Nay bệ hạ làm thiên tử, mà

người được phong lại là những người bạn cũ, hoặc người thân yêu như là Tiêu Hà, Tào Tham; còn những người bị giết lại là những người bình sinh bệ hạ thù oán. Nay quân lại (nhà môn coi về việc quân chính) tính công trạng cho rằng lấy cả thiên hạ cũng không đủ để phong cho khắp cả mọi người, bọn này sợ bệ hạ không thể phong cho tất cả, lại ngờ rằng mình sẽ bị giết vì những lỗi lầm ngày trước, cho nên họp nhau mưu làm phản đó thôi.

Vua lo lắng hỏi:

- Bây giờ làm thế nào?

- Trong số những người ngày thường bệ hạ vẫn ghét mà các quan đều biết thì ai là bị ghét hơn cả?

Nhà vua nói:

- Ung Xỉ với ta là chỗ quen biết cũ, thường làm ta khốn khổ, nhục nhã. Ta muốn giết hấn nhưng vì hấn lập được nhiều công cho nên không nỡ.

Lương nói:

- Nay mau mau phong cho Ung Xỉ trước, để tỏ cho các quan biết. Các quan thấy Ung Xỉ được phong thì người nào cũng sẽ yên tâm.

Vua bèn đặt tiệc rượu, phong Ung Xỉ làm Thập Phương Hầu, và giục gấp thừa tướng, ngự sử phải lo việc định công lao, phong đất đai. Tiệc rượu tan, các quan đều mừng rỡ nói:

- Ung Xỉ mà còn được phong hầu, thì bọn ta chẳng phải lo nữa.

Lưu Kính nói với Cao Đế:

- Nên đóng đô ở Quan Trung.

Vua đang phân vân. Các quan đại thần xung quanh đều là người Sơn Đông (Sơn Đông ở đây dùng để chỉ tất cả các nước ở phía đông nước Tần), phần nhiều khuyên nhà vua đóng đô ở Lạc Dương, nói:

- Lạc Dương phía đông có Thánh Cao, phía tây có Hào Sơn, Dẫn Trì, sau lưng là Hoàng Hà, quay mặt sang các sông Y, sông Lạc. Có thể tin cậy vào sự hiểm trở của nó.

Lưu Hầu nói:

- Tuy Lạc Dương có những hiểm trở ấy, nhưng đất hẹp không quá vài trăm dặm, ruộng đất xấu lại phải đương đầu với kẻ địch cả bốn mặt, độ không phải là nước dụng võ. Trái lại, Quan Trung bên trái có Hào Sơn, Hàm Cốc Quan; bên phải có đất Lũng, đất Thục, đồng ruộng phì nhiêu ngàn dặm; phía nam có cửa cái của đất Ba, đất Thục; phía bắc có cái lợi đồng cỏ đất Hồ, cả ba mặt đều có thiên nhiên hiểm trở phòng giữ, chỉ dùng một mặt đồng để khống chế chư hầu. Khi chư hầu yên ổn, thì sông Hoàng Hà, Vị Thủy có thể dùng để chuyên chở của cải của thiên hạ đem về cấp cho Kinh Đô. Nếu chư hầu có biến, thì cứ thuận dòng sông đi xuống, có thể tiện việc chuyên chở. Đó mới là thành vàng ngàn dặm, một kho báu trời cho vậy. Lời của Lưu Kính là phải đấy.

Cao Đế liền chuẩn bị xe ngựa ngay hôm ấy sang hướng tây đóng đô ở Quan Trung. Lưu Hầu

theo vua vào Quan Trung, Lưu Hân vốn hay ốm, thường học phép “đạo dẫn” (phép tu luyện của người theo đạo Lão, mục đích tập thở và luyện gân cốt để sống lâu), không ăn cơm, đóng cửa không ra ngoài hơn một năm (Đoạn 2 – Trương Lương bày mưu cho Lưu Bang lấy thiên hạ).

3. Vua muốn bỏ thái tử, lập con của Thích Phu Nhân là Triệu Vương Như Ý lên làm thái tử, các quan đại thần phần nhiều đều can ngăn, nhưng không thấy vua quyết định hẳn. Lữ Hậu sợ, không biết làm thế nào. Có người nói với Lữ Hậu:

- Lưu Hân khéo bày mưu tính kế, vua tin dùng ông ta!

Lữ Hậu bèn sai Kiến Thành Hầu là Lữ Trạch ép Lưu Hân:

- Ngài thường làm mưu thần cho hoàng thượng, nay hoàng thượng muốn đổi thái tử, ngài nằm khểnh điềm nhiên thế sao được.

Lưu Hân nói:

- Xưa kia hoàng thượng thường ở trong cảnh nguy khốn cấp bách, nhờ đó mà có dùng mưu kế của tôi. Nay thiên hạ đã yên ổn rồi, hoàng thượng vì có yêu thương, muốn thay đổi thái tử, đó là việc ở trong gia đình, cốt nhục, tuy có hơn trăm người như tôi cũng không ăn thua.

Lữ Trạch cố nài:

- Việc này khó lòng lấy miệng lưỡi mà can ngăn. Thế nhưng trong thiên hạ có bốn người, hoàng thượng không sao mời nổi. Bốn người này đã già, họ đều cho rằng nhà vua khinh người, nên bỏ trốn vào ở ẩn trong núi, giữ nghĩa không làm tôi nhà Hán, nhưng hoàng thượng rất tôn trọng bốn người này. Nay nếu ông không tiếc vàng, ngọc, lụa là; bảo thái tử viết thư, dùng lời lẽ nhún nhặn, sắp xe êm, sai người biện sĩ cố mời, thì họ sẽ đến. Họ đến, cho họ làm khách, thường cho vào triều để cho hoàng thượng trông thấy, thì thế nào hoàng thượng cũng lấy làm lạ và hỏi. Khi hoàng thượng hỏi, biết bốn người kia là người hiền, thì chính là một cách giúp đỡ đó!

Lữ Hậu liền sai Lữ Trạch cho người mang thư của thái tử, dùng lời lẽ khiêm nhường, lấy lễ, lạt hậu, để đón bốn người kia. Bốn người đến làm khách ở nhà Kiến Thành Hầu.

Năm thứ mười một nhà Hán (196 trước công nguyên), Kinh Bố làm phản. Vua ốm muốn sai thái tử cầm quân đi đánh. Bốn người bàn nhau:

- Chúng ta đến đây là cốt để bảo hộ địa vị của thái tử. Thái tử cầm quân thì việc nguy mất!

Bèn nói với Kiến Thành Hầu:

- Nếu thái tử cầm quân, có công thì địa vị cũng không thêm hơn được nữa, nhưng nếu không có công quay về thì sẽ vì đó mà mang vạ. Vả chăng, các tướng cùng đi với thái tử, đều là những mãnh tướng thường cùng hoàng thượng bình định thiên hạ cả. Nay cho thái tử điều khiển họ, thì chẳng khác gì sai dê điều khiển sói, chẳng ai chịu ra sức, nhất định sẽ không có kết quả. Tôi nghe nói, “Mẹ được yêu thì con được bế”, nay Thích Phu Nhân ngày đêm chầu chực, Triệu Vương Như Ý thường được bế ở trước mặt, hoàng thượng nói, “Thế nào cũng không để đứa con hư ở trên đùi con yêu”, như thế thì rõ ràng định thay thế thái tử. Tại sao ông không nói với Lữ Thần mau mau tìm cơ hội khác mà can nhả vua rằng, “Kinh Bố là một mãnh tướng trong thiên hạ, giỏi về việc dùng binh. Nay các tướng đều là hạng ngang vai vế với hoàng thượng, thế mà lại

sai thái tử điều khiển bọn họ thì khác nào cho dê điều khiển sói, chẳng ai chịu ra sức. Vả lại, nếu Kinh Bố nghe điều đó, thì hẳn sẽ gióng trống kéo quân sang hướng tây mất! Hoàng thượng tuy bệnh, cũng xin gượng trở lên xe, để nằm mà điều khiển. Như vậy các tướng sẽ không ai không dám hết sức. Hoàng thượng tuy khổ, nhưng xin vì vợ con mà gượng gượng (Xem Kinh Bố liệt truyện).

Lữ Trạch ngay đêm ấy vào yết kiến Lữ Hậu. Lữ Hậu nhân lúc rảnh khóc lóc nói với nhà vua theo như ý bốn người nói. Vua nói:

- Ông thấy có sai thằng bé cũng chẳng làm nên gì, thôi ông phải làm lấy thôi.

Vua liền thân hành cầm quân đi về hướng đông, các quan ở lại đều tiễn đến Bái Thượng. Lưu Hưu ốm cũng gượng dậy đi đến Khúc Bưu, ra mắt nhà vua và nói:

- Đáng lý thần phải theo, nhưng thần ốm nặng. Quân Sở hung tợn, xin bệ hạ chớ có giao chiến với chúng (Trận ấy Hán Cao Tổ không nghe lời Trương Lương, bị tên bắn trúng).

Nhân lại nói với nhà vua:

- Nên cho thái tử làm tướng quân coi quân ở Quan Trung.

Vua nói:

- Tử Phòng tuy ốm, hãy cố gắng nằm mà giúp thái tử.

Bấy giờ Thúc Tôn Thông làm thái phó, Lưu Hưu làm thiếu phó.

Năm thứ mười hai, nhà Hán (195 trước công nguyên), sau khi đánh phá quân Kinh Bố về, vua ốm càng nặng, muốn thay thái tử. Lưu Hưu can, vua không nghe, mượn có ốm xin nghỉ việc. Thúc Tôn Thông dẫn chuyện xưa nay, cố chết bảo toàn ngôi cho thái tử, vua giả vờ nhận lời, nhưng vẫn muốn thay thái tử. Đến khi ăn tiệc, rót rượu thái tử đứng chầu. Bốn người theo thái tử tuổi đều ngoài tám mươi, mày râu bạc phơ, áo mũ rất đẹp. Vua lấy làm lạ hỏi:

- Họ làm gì thế?

Bốn người tiến đến thưa, kể họ tên, là Đông Viên Công, Giác Lý tiên sinh, Y Lý tiên sinh, Hạ Thạch Công. Nhà vua hoảng kinh:

- Ta tìm các ông mấy năm nay, các ông trốn tránh ta. Nay tại sao các ông lại từ đâu đến chơi với con ta như vậy?

- Bệ hạ khinh kẻ sĩ, hay mắng người, bọn thần nghĩa khí không chịu nhục, cho nên sợ mà trốn tránh. Nay trộm nghe thái tử là người nhân đức hiếu thảo, cung kính, thương yêu kẻ sĩ, trong thiên hạ không ai không vờn cổ muốn vì thái tử mà chết, vì vậy chúng tôi đến đây.

Vua nói:

- Phiền các ông nhờ giúp đỡ thái tử cho trót.

Bốn người chúc thọ xong, đứng dậy đi ra. Vua đưa mắt tiễn, cho gọi Thích Phu Nhân vào, chỉ bốn người kia bảo rằng:

- Ta muốn đổi nó, nhưng bốn người kia giúp nó. Lông cánh nó đã thành, khó mà lay chuyển được. Lữ Hậu là chủ của người rồi đấy!

Thích Phu Nhân khóc, vua nói:

- Nàng hãy múa lối Sở cho ta xem! Ta sẽ hát lối Sở cho nàng nghe.

Rồi hát:

Chim hồng học by cao

Một cất cánh ngàn dặm

Lông cánh đã đầy đủ

Bốn bể bay xa thẳm

Bốn bể bay xa thẳm:

Bây giờ biết làm sao?

Tên đây (đời xưa rập chim, lấy dây tơ cột vào cái tên ngắn mà bắn) tuy có đó

Biết đặt ở nơi nao?

Hát mấy lần, Thích Phu Nhân nức nở chảy nước mắt. Vua đứng dậy, quay đi, bãi tiệc rượu. Cuối cùng vua không thay đổi thái tử, đó là nhờ công Lưu Hầu mời bốn người kia.

Lưu Hầu theo nhà vua đánh đất Đại, bày kế lạ ở miền Mã Ấp, và lập Tiêu Hà làm tướng quốc, Lương thung dung bàn việc thiên hạ với vua rất nhiều, nhưng không liên quan đến việc mất còn của thiên hạ, cho nên không chép.

Khi bấy giờ Lưu Hầu nói:

- Gia đình tôi đời đời làm tướng quốc nước Hàn. Đến khi Hàn mất, tôi chẳng tiếc số tiền vạn lạng vàng, đối phó với nước Tần mạnh, để báo thù cho nước Hàn, làm cho thiên hạ đều rung động. Nay tôi lấy ba tấc lưỡi mà làm thầy bậc đế vương, được phong vạn hộ, ở ngôi chư hầu, kẻ áo vải được thế là tột bậc, đối với Lương thế là đủ rồi. Vậy xin bỏ việc nhân gian, chỉ muốn đi ngao du với Xích Tùng Tử (tương truyền là một vị tiên đời xưa) mà thôi.

Bèn học cách nhịn cơm, học lối đạo dẫn cho nhẹ mình. Gặp lúc Cao Đế băng hà, Lữ Hậu cảm ơn đức của Lưu Hầu ép ông ta phải ăn, nói:

- Người ta sinh ra trong đời như bóng bạch câu đi qua cửa sổ (Đoạn 3 – Trương Lương bày mưu cho Lữ Hậu khiến nhà vua không thay đổi thái tử); cần gì phải làm khổ mình như thế?

Lưu Hầu bắt đực dĩ phải guồng nghe mà ăn (Trang Tử, thiên “Đạo chích”: Trời và đất vô cùng, người ta chết có hạn, nắm cái có hạn mà gửi vào cái vô cùng chẳng khác gì ngựa Kỳ, ngựa Ký chạy qua cửa sổ).

4. Tám năm sau, Lương chết, tên thụy là Văn Thành Hầu. Con là Bất Nghi thay cha làm hầu. Lúc đầu Tử Phòng gặp ông già ở Hạ Bì trao cho quyển “Thái Công thư”. Mười ba năm sau, Tử Phòng theo Cao Đế qua phía bắc sông Tế, quả thấy viên đá màu vàng ở dưới chân núi Cốc

Thành, bèn lấy về mà thờ. Khi Lưu Hầu chết, người ta chôn luôn viên đá vàng. Mỗi khi tảo mộ và lễ lại cúng viên đá vàng. Bất Nghi tập tước Lưu Hầu, năm thứ năm đời Hiếu Văn Đế (175) phạm tội bất kính, nước bị tước bỏ.

Thái Sử Công nói, “Các học giả phần nhiều nói rằng không có quỷ thần. Nhưng lại nói rằng có tính quái, đến như cụ già cho sách mà Lưu Hầu gặp thì cũng thực lạ. Cao Tổ nhiều lần bị nguy khốn, thường nhờ ở công sức của Lưu Hầu, có thể nói không có trời sao! Nhà vua nói, “Bày mưu kế ở trong màn trướng, quyết định sự thắng lợi ở ngoài ngàn dặm, ta không bằng Tử Phòng. ”

Tôi cho ông ta phải là người khôi ngô, lạ lùng lắm!

Đến khi nhìn tranh, thấy ông ta mặt mũi như một người con gái đẹp! Khổng Tử nói, “Xét người bằng nét mặt thì sẽ lầm Tử Vũ” (Tử Vũ học trò Khổng Tử, dáng người xấu xí nhưng hiền đức). Lưu Hầu cũng thế.

Trần Thừa Tướng Thế Gia -

T rần thừa tướng tên là Bình, người làng Hộ Dũ, huyện Dương Vũ. Lúc nhỏ, Bình nhà nghèo ham đọc sách, có ba mươi mẫu ruộng, chỉ ở một mình với anh là Bá. Bá thường cày ruộng, cho Bình tha hồ đi học ở xa. Bình người cao lớn, đẹp trai. Có người nói với Bình:

- Anh nhà nghèo ăn gì mà béo như thế?

Người chị dâu ghét Bình không lo làm ăn, nói:

- Ăn cám thôi. Có ông chú như vậy chẳng bằng không có còn hơn.

Bá nghe vậy đuổi và bỏ vợ.

Bình lớn, muốn lấy vợ nhưng các nhà giàu chẳng ai chịu gả con cho, còn lấy người nghèo thì Bình lại cho là xấu hổ. Mãi về sau, Trương Phụ, một người nhà giàu ở Hộ Dũ, có người cháu gái, gả chồng năm lần nhưng chồng chết ngay, không ai dám lấy. Bình muốn lấy cô ta. Ở trong ấp có lễ tang. Bình nghèo, đến sớm về muộn, để giúp việc. Riêng Trương Phụ thấy Bình ở nơi đám tang, có ý kính trọng Bình. Bình cũng vì thế nên về muộn. Phụ theo Bình về đến nhà: nhà Bình ở một xóm nhỏ hẻo lánh ở gần thành, lấy chiếu làm cửa, nhưng ở ngoài cửa có nhiều dấu xe của những bậc trưởng giả, Trương Phụ về, bảo con là Trọng:

- Ta muốn gả cháu gái cho Trần Bình!

Trương Trọng nói:

- Bình nghèo không lo làm ăn, người trong huyện ai cũng cười những điều anh ta làm. Tại sao cha lại gả cháu gái cho anh ta?

Phụ nói:

- Có ai đẹp trai như Trần Bình mà nghèo mãi không? Rồi Phụ gả cháu gái cho Bình. Vì Bình nghèo, nên Phụ cho mượn tiền và lụa để làm lễ cưới, cho rượu thịt để đưa vợ về nhà.

Phụ răn cháu:

- Chớ thấy nó nghèo mà không phụng sự cẩn thận! Phải thờ anh là Bá như thờ cha, thờ chị dâu như thờ mẹ.

Sau khi lấy vợ là con gái họ Trương, việc tiêu dùng của Bình cũng khá hơn, việc giao du mỗi ngày một rộng.

Trong làng có lễ tế thần xã, Bình làm người chia thịt, chia rất cân. Các bô lão nói:

- Bé con họ Trần làm anh chia thịt giỏi đấy!

Bình nói:

- Chà chà! Nếu cho Bình này làm tế tướng cả thiên hạ, thì cũng làm giỏi như chia thịt vậy! (

Đoạn 1 - Trần Bình thuở hàn vi.)

2. Trần Thiệp khởi nghĩa rồi làm vương ở đất Trần, sai Chu Thị bình định đất Ngụy, lập Ngụy Cửu làm Ngụy Vương, đánh nhau với quân Tần ở Lâm Tế. Trần Bình trước đây đã từ biệt người anh là Bá, cùng đám thanh niên đến theo Ngụy vương Cửu ở Lâm Tế.

Ngụy Vương cho làm thái bộc (Quan coi xe, ngựa). Bình bàn bạc với Ngụy Vương nhưng Ngụy Vương không nghe, lại có người gièm pha, nên Bình bỏ trốn. Mãi về sau, Hạng Vương cướp đất đến Hoàng Hà, Bình theo Hạng Vương, cùng Hạng Vương vào đánh nhà Tần, được phong tước khanh. Hạng Vũ về đóng làm vua ở Bành Thành. Hán Vương quay lại bình định được đất Tam Tần rồi đem quân về hướng đông, Ân Vương phản lại nước Sở (Xem Hạng Vũ bản kỷ).

Hạng Vũ bèn cho Bình làm Tín Vũ Quân đem những người khách của Ngụy Vương Cửu ở Sở đi đánh Ân Vương, rồi quay về. Hạng Vương sai Hạng hân phong Bình làm đô úy, cho hai ngàn lạng vàng. Không được bao lâu, Hán Vương đánh bắt được Ân Vương, Hạng Vương giận muốn tra xét các tướng tá quan lại đi đánh Ân Vương ngày trước. Trần Bình sợ bị giết, bèn niêm phong vàng và ẩn lại, sai sứ đưa về cho Hạng Vương, một mình cải trang chống kiếm chạy trốn. Bình đi qua Hoàng Hà, người chèo thuyền thấy Bình người đẹp lại đi một mình, ngờ là một viên tướng bỏ trốn, chắc trong người thế nào cũng có vàng ngọc, châu báu, nên trở mắt nhìn, muốn giết Bình. Bình sợ, cởi áo ở trần, chèo thuyền giúp. Người chèo thuyền thấy y không có gì nên thôi. Bình bèn đến Tu Vũ đầu hàng Hán, nhờ Ngụy Vô Tri xin cho được yết kiến Hán Vương. Hán Vương mời vào.

Lúc bấy giờ, Vạn Thạch Quân tên là Phần làm hầu cận cho Hán Vương, tiếp danh thiếp của Bình, đưa Bình vào yết kiến. Bọn Bình bảy người đều vào. Hán Vương cho ăn, nói:

- Thôi, cứ về nhà trọ.

Bình nói:

- Thần có việc nên mới đến đây, điều thần sẽ nói ra, không thể quá ngày hôm nay.

Hán Vương bèn nói chuyện với Bình và lấy làm thích. Hán Vương nói:

- Ở nước Sở ngươi làm chức quan gì?

Bình nói:

- Làm đô úy.

Trong ngày hôm đó Hán Vương cho Bình làm đô úy, được ngồi cùng một xe với vua, cai quản các tướng. Các tướng nhao nhao lên, nói:

- Đại vương vừa mới được một thằng lính đào ngũ của nước Sở, không biết nó hay dở thế nào, mà đã cùng ngồi ngay một xe với nó, lại cho nó cai quản bọn chúng ta là bậc đàn anh nó.

Hán Vương nghe vậy lại càng thân cận với Bình. Và cùng Bình đi về đông đánh Hạng Vương. Đến Bành Thành, Hán Vương bị Sở đánh bại, dẫn quân về, thu thập binh sĩ tan tác đến Huỳnh Dương, cho Bình làm á tướng ở dưới quyền của Hàn Vương Tín, đóng quân ở Quảng Vũ. Bọn Giáng Hầu Quán Anh gièm pha Trần Bình, nói:

- Bình tuy đẹp trai nhưng cũng như hạt ngọc trên mũ thoi, bên trong chưa chắc đã có gì. Thần nghe nói Bình lúc ở nhà thông dâm với chị dâu, thờ nước Ngụy không được người ta dung nạp, nên bỏ trốn sang Sở; theo Sở cũng không hợp, nên lại trốn sang Hán. Nay đại vương lại cho y làm quan cao, sai cai quản các tướng. Thần nghe Bình lấy vàng các tướng, ai đưa nhiều vàng thì được địa vị tốt, ai đưa ít thì phải địa vị xấu. Bình là hạng bầy tôi lật lọng, làm loạn, xin đại vương xét.

Hán Vương nghi ngờ Bình, gọi Ngụy Vô Tri đến trách, Vô Tri nói:

- Điều thần nói là nói về tài năng, điều bệ hạ hỏi là hỏi về đức hạnh. Nay nếu có người đức hạnh như Vĩ Sinh (người trung tín thời xưa), Hiếu Kỷ (người có hiếu thời xưa), nhưng không dùng được việc gì trong việc quyết định thắng phụ, thì bệ hạ có hơi sức nào dùng đến làm gì? Sở, Hán đang chống nhau, thần tiến kẻ sĩ có mưu lạ, chỉ nên xem mưu kế của ông ta thực có lợi cho quốc gia hay không mà thôi. Còn về việc thông dâm với chị dâu và lấy vàng thì hơi đâu mà ngờ vực!

Hán Vương cho gọi Bình đến trách:

- Tiên sinh thờ nước Ngụy không hợp, bèn qua thờ nước Sở, rồi lại bỏ Sở mà đi, nay lại cùng giao du với ta; người tín nghĩa lại hay thay lòng đổi dạ như thế sao?

Bình nói:

- Thần thờ Ngụy Vương, Ngụy Vương không thể dùng mưu của thần, cho nên thần bỏ đi thờ Hạng Vương. Hạng Vương không biết tin người, những người ông ta yêu dùng nếu không phải người họ Hạng, thì là anh em bên vợ, tuy có kẻ sĩ kỳ tài cũng không thể dùng được, cho nên thần bỏ Sở. Thần nghe Hán Vương biết dùng người, cho nên về theo đại vương. Thần mình trần đến đây, nếu không lấy vàng thì không có gì dùng, nếu như mưu kế của thần có cái gì có thể dùng được, thì xin đại vương dùng; nếu không dùng được thì số vàng vẫn còn ở đấy cả, thần xin gói lại nộp vào của công, xin được từ chức mà về.

Hán Vương bèn xin lỗi, thưởng cho nhiều của, phong làm hộ quân trung úy cai quản tất cả các tướng, các tướng không dám nói năng gì nữa.

Về sau Sở đánh gấp, cắt đứt đường ống, vây quân Hán Vương ở thành Huỳnh Dương. Quân Sở vây mãi, Hán Vương lo sợ, xin cắt đất từ Huỳnh Dương về phía tây để giảng hoà. Hạng Vương không nghe. Hán Vương nói với Trần Bình:

- Thiên hạ rối loạn, khi nào thời định?

Bình nói:

- Hạng Vương là người cung kính, yêu người, những kẻ sĩ thanh liêm, khí tiết, ưa lễ, thường theo ông ta. Nhưng về việc luận bàn công lao, phong tước, cấp đất, thì ông ta tiếc không muốn cho, nên kẻ sĩ cũng vì vậy mà không theo. Nay đại vương khinh người, ít để ý đến lễ, những kẻ sĩ thanh liêm, khí tiết không đến, nhưng đại vương có thể rộng rãi đối với người ta về mặt phong tước và cấp đất; cho nên những kẻ sĩ, vô sĩ, ham lợi phần nhiều theo Hán. Nếu như bỏ hai điều sở đoản, lấy hai điều sở trường của nhau thì bình định thiên hạ không khó gì. Vì đại vương tự thị, khinh người, nên không thể thu được những kẻ sĩ thanh liêm, khí tiết, nhưng có thể gây rối loạn ở nước Sở. Kia Hạng Vương chẳng qua chỉ có mấy người tôi ngay thẳng là bọn Á Phụ, Chung Ly Muội, Long Thư, Chu Ân mà thôi. Nếu đại vương có thể tung ra mấy vạn cân vàng, làm kế

phản gián, ly gián vua tôi họ, để cho Hạng Vương nghi ngờ. Hạng Vương vốn là người đa nghi, hay tin lời gièm pha thì bên trong thế nào họ cũng sẽ giết nhau. Hán nhân đó đem quân đánh, thì chắc chắn phá được Sở.

Hán Vương cho là phải, bèn đem ra bốn vạn cân vàng cho Trần Bình, mặc y tùy ý tiêu dùng, không hỏi đến việc phân phát thế nào.

Sau khi Trần Bình đã xuất nhiều tiền, tung phản gián vào quân Sở, phao tin rằng bọn Chung Ly Muội làm tướng của Hạng Vương, tuy lập được nhiều công, nhưng rốt cuộc vẫn không được cất đất, phong vương, cho nên muốn hợp làm một với quân Hán để tiêu diệt họ Hạng mà chia đất đai nước Sở. Quả nhiên Hạng Vương không tin bọn Chung Ly Muội. Hạng Vương vốn đa nghi, sai sứ đến Hán, Hán Vương sai làm cỗ thái lao đưa lên. Thấy sứ của Sở, Hán Vương liền giả vờ kinh ngạc nói:

- Ta tưởng là sứ giả của Á Phụ, hoá ra sứ giả của Hạng Vương!

Bèn sai đem cất đi, sai lấy cơm rau đưa cho sứ giả nước Sở. Sứ giả nước Sở về báo lại với Hạng Vương tất cả. Quả nhiên Hạng Vương rất ngờ vực Á Phụ. Á Phụ muốn đánh gấp để hạ thành Huỳnh Dương, Hạng Vương không tin, không chịu nghe theo. Á Phụ nghe tin Hạng Vương ngờ vực mình, liền nổi giận nói:

- Việc thiên hạ đã xong xuôi cả rồi đấy, quân vương hãy tự làm lấy! Xin cho tôi mang năm xương tàn trở về.

Á Phụ trở về, chưa đến Bành Thành, ung phát ở lưng mà chết. Đang đêm, Trần Bình bèn cho hai nghìn người con gái ra cửa đông thành Huỳnh Dương, quân Sở đánh vào đấy. Trần Bình bèn cùng Hán Vương chạy ra cửa thành phía tây. Rồi vào Quan Trung tập hợp binh sĩ bị tan trước đây, lại kéo về hướng đông.

Năm sau, Hoài Âm Hầu phá được nước Tề, tự lập làm Tề Vương, sai sứ giả tâu với Hán Vương. Hán Vương tỉnh ngộ, nên hậu đãi sứ giả nước Tề, sai Trương Tử Phòng lập Tín làm Tề Vương. Hán Vương lấy làng Hộ Dũ phong cho Bình, dùng những mưu kế kỳ lạ của Bình. Cuối cùng diệt được Sở, Bình thường làm chức hộ quân trung uý đi theo Hán Vương bình định Yên Vương là Tang Đồ (Năm – 202, Tang Đồ phản lại nhà Hán. Hán Cao Tổ đem quân dẹp).

Năm thứ sáu nhà Hán (201 trước công nguyên), có người dâng thư nói Sở Vương Hàn Tín làm phản. Cao Đế hỏi. Các tướng nói:

- Hãy mau mau đem quân chôn sống cái thằng nhãi ấy đi thôi!

Cao Đế im lặng. Hỏi Trần Bình. Bình cố ý từ tạ nói:

- Các tướng nói thế nào?

Vua kể đầu đuôi, Trần Bình nói:

- Có ai biết con người dâng thư lên nói rằng Tín làm phản không?

- Chưa.

Trần Bình hỏi:

- Tín có biết điều đó không?

- Không biết.

Bình nói:

- Về mặt tinh nhuệ thì quân của bệ hạ có hơn quân của Sở không?

- Không thể hơn.

Bình nói:

- Trong các tướng cầm quân của bệ hạ có ai có thể hơn Hàn Tín không?

- Không ai bằng.

Bình nói:

- Nay quân đã không tinh nhuệ bằng quân Sở, tướng cũng không bằng, mà lại đem binh đánh thì tức là thúc dục nó phải đánh. Thần trộm nghĩ đó là nguy cho bệ hạ.

Nhà vua nói:

- Bây giờ làm thế nào?

Bình nói:

- Thiên tử ngày xưa đi tuần thú (đi đến các nước chư hầu xét hỏi chính sự của các chư hầu), họp chư hầu. Phương nam có đầm Vân Mộng, họp chư hầu ở đất Trần. Đất Trần là giáp giới phía tây của đất Sở. Tín nghe thiên tử đi chơi hội họp thường, thì thế nào cũng cho là vô sự và ra khỏi bờ cõi để ngênh tiếp. Bệ hạ nhân đó bắt lấy. Việc này chỉ cần đến sức của một lực sĩ mà thôi.

Cao Đế cho là phải, bèn sai sứ giả báo với chư hầu sẽ họp ở Trần “Ta sẽ đi chơi về phương nam đến đầm Vân Mộng”. Ngay liền đó, vua cũng đi. Đến Trần, Sở Vương Hàn Tín quả nhiên ra ngoài cõi đón ở dọc đường. Cao Đế đã phòng bị sẵn võ sĩ. Thấy Hàn Tín đến, võ sĩ liền bắt trời ngay lại, chở vào xe sau. Tín kêu lên:

- Thiên hạ đã bình định rồi! Ta bị nấu là đáng lắm.

Cao Đế quay lại bảo Hàn Tín:

- Mày đừng có kêu! Mày làm phản đã rõ ràng rành ra đấy!

Võ sĩ trói hai tay Tín. Hán Vương họp chư hầu ở Trần, bình định tất cả đất Sở. Khi quay về đến Lạc Dương. Hán Vương tha Tín, cho Tín làm Hoài Âm Hầu và chẻ phù (Khi phong tước cho ai thì viết công trạng lên một tấm tre gọi là “phù”, sau đó chẻ làm hai, một nửa nhà vua giữ, một nửa giao cho người công thần để lấy đó làm bằng), định phong tước cho các công thần.

Nhà vua bèn chẻ phù, phong cho Bình đời đời làm Hộ Dũ Hầu. Bình từ chối nói:

- Đó không phải là công của thần.

Nhà vua nói:

- Ta dùng mưu kế của tiên sinh nên chiến thắng được quân địch, thế không phải công tiên sinh là gì.

Bình nói:

- Nếu không có Ngụy Vô Tri thì thần làm sao được tiến cử?

Vua nói:

- Nhà ngươi có thể gọi là người không quên gốc vậy.

Vua bèn thưởng cho Ngụy Vô Tri rất hậu.

Năm sau, Bình làm hộ quân trung úy theo Hán Vương đánh Hàn Vương Tín làm phản ở đất Đại. Đột nhiên đến Bành Thành bị quân Hung Nô vây, bảy ngày không được ăn. Cao Đế bèn dùng kế lạ của Trần Bình, cho người đi sứ đến Yên Chi (Hoàng hậu của Hung Nô gọi là Yên Chi, vua Hung Nô gọi là Thiên Vu) của thiên vu. Do đó được giải vây. Cao Đế được ra, kế này bí mật trong đời không ai biết.

Cao Đế đi về hướng nam qua Khúc Nghịch, vua lên thành nhìn thấy nhà cửa rất lớn, nói:

- Huyện này hùng tráng làm sao! Ta đi khắp thiên hạ chỉ thấy có Lạc Dương và nơi này thôi.

Vua quay lại hỏi ngự sử:

- Số hộ khẩu Khúc Nghịch là bao nhiêu?

- Thời Tần có hơn ba vạn hộ, gần đây hay xảy ra việc chiến tranh, nhiều người trốn tránh, hiện nay chỉ có năm nghìn hộ.

Vua bèn ra lệnh cho ngự sử đổi Trần Bình làm Khúc Nghịch Hầu, cấp cho tất cả huyện, bỏ đất phong cũ là Hộ Dũ. Sau đó Bình thường làm Hộ Quân Trung Úy theo vua đánh Trần Hy và Kinh Bố, sáu lần bày kế lạ tất cả, liền được phong thêm đất sáu lần tất cả. Những kế lạ của Bình có lẽ rất bí mật, trong đời không ai nghe nói là những kế gì.

Sau khi đánh phá quân của Kinh Bố về, Cao Đế bị thương, đi chậm rãi đến Trường An. Yên Vương là Lư Quán làm phản, vua sai tướng quốc Phàn Khoái đem binh đánh. Sau khi đi, có người gièm pha Phàn Khoái. Cao Đế nổi giận nói:

- Khoái thấy ta mắc bệnh lại mong cho ta chết!

Vua dùng mưu của Trần Bình, gọi Giáng Hầu Chu Bột nhận chiếu chỉ ở bên giường, nói:

- Trần Bình phải mau mau đi ngựa trạm đưa Chu Bột đến làm tướng thay Phàn Khoái; khi Bình vào trong quân doanh thì phải lập tức chém đầu Phàn Khoái.

Hai người nhận chiếu chỉ rồi ruổi ngựa trạm đi, chưa đến quân doanh giữa đường bàn với nhau:

- Phàn Khoái là người cũ của nhà vua, lập được nhiều công, lại lấy em gái Lữ Hậu là Lữ Tu, đã thân lại sang, vua giận dữ nên muốn chém, nhưng sợ sau sẽ hối hận. Ta chỉ nên bỏ tù rồi đưa đến cho nhà vua, tùy ý nhà vua giết lấy.

Bình chưa đến quân doanh, lập đàn, lấy cờ tiết (cây cờ cán cong, treo những chùm lông gọi là mao tiết, là phù hiệu mệnh lệnh nhà vua), gọi Phàn Khoái đến. Phàn Khoái vâng theo chiếu, Bình liền trở mặt đối đãi, bỏ vào xe tù chở trạm đưa về Trường An, sai Giáng Hầu Chu Bật cầm quân thay Khoái, và bình định những huyện làm phản ở đất Yên (Trần Bình trong thời theo Lưu Bang).

3. Bình đang đi, nghe tin Cao Đế chết. Bình sợ Lữ Thái Hậu và Lữ Tu giận, bèn phi ngựa trạm đi trước. Bình gặp sứ giả mang chiếu ra lệnh cho Bình và Quán Anh đóng binh ở Huỳnh Dương. Bình nhận chiếu chỉ, lập tức lại phi ngựa về cung khóc rất thảm thiết, nhân đầu trình sự việc trước đám tang, Lữ Thái Hậu thương hại nói:

- Ông mệt nhọc, hãy ra nghỉ đã!

Bình sợ bị gièm, cố xin ở châu chục trong cung, thái hậu bèn cho Bình làm lang trung lệnh, nói:

- Ông hãy giúp đỡ, dạy dỗ Hiếu Huệ.

Vì vậy, về sau việc gièm pha của Lữ Tu không có kết quả. Phàn Khoái về, được tha và phục tước ấp.

Năm thứ sáu đời Hiếu Huệ (189), tướng quốc Tào Tham chết, An Quốc Hầu là Vương Lăng được phong làm hữu thừa tướng, Trần Bình làm tả thừa tướng. Vương Lăng vốn người đất Bái. Lúc đầu, Lăng làm một người quyền hào trong huyện, khi còn hàn vi, Cao Tổ coi Lăng như anh. Lăng ít văn hoa, chuộng khí phách, thích nói thẳng. Đến khi Cao Tổ nổi dậy ở Bái vào đến Hàm Dương, Lăng cũng tự mình họp bè đảng mấy nghìn người ở Nam Dương không chịu theo Bái Công.

Đến khi Hán Vương quay về đánh Hạng Tịch, bấy giờ Lăng mới đem binh theo Hán. Hạng Vũ bắt người mẹ của Lăng để ở trong quân doanh, sứ giả của Lăng đến, Hạng Vũ sai đặt mẹ Lăng ngồi quay mặt về hướng đông (Ngày xưa ngồi quay mặt về hướng đông là tôn quý), muốn để vờ Lăng. Khi mẹ của Lăng tiễn riêng sứ giả, bà khóc mà nói:

- Xin vì mục già này, nói với Lăng hãy chăm chỉ thờ Hán Vương. Hán Vương là bậc trưởng giả, chứ vì già này mà có hai lòng. Tôi xin lấy cái chết để tiễn sứ giả.

Rồi đâm kiếm mà chết. Hạng Vũ giận, nấu mẹ Lăng. Lăng vẫn theo Hán Vương bình định được thiên hạ. Vì Lăng chơi thân với Ung Xỉ, Ung Xỉ là kẻ thù của Cao Đế, vả lại Lăng hồi trước không có chủ ý theo Cao Đế, nên mãi về sau mới được phong là An Quốc Hầu. An Quốc Hầu làm hữu thừa tướng, được hai năm thì Hiếu Huệ Đế chết. Cao Hậu muốn lập họ Lữ làm vương, hỏi Vương Lăng. Vương Lăng nói:

- Không được.

Hỏi Trần Bình. Trần Bình nói:

- Được.

Lữ Thái Hậu giận Lăng, cho Lăng làm thái phó của vua (Chức thái phó tuy cao nhưng không có thực quyền), nhưng thực ra thì không dùng Lăng. Lăng giận, mượn cớ cáo bệnh xin từ chức, đóng cửa không vào triều, được bảy năm thì chết.

Sau khi Lăng không được làm thừa tướng. Lữ Thái Hậu bèn đổi Bình làm hữu thừa tướng, cho Tịch Dương Hầu Thẩm Tự Cơ làm tả thừa tướng. Tả thừa tướng không làm việc, thường lo việc ở trong cung (Ý nói Thẩm Tự Cơ vào ngủ với Lữ Hậu, nhưng vì việc xấu nên nói bóng). Tự Cơ cũng là người đất Bái. Khi Hán Vương bị hại ở Bành Thành thì Sở bắt thái thượng hoàng và Lữ Hậu làm con tin. Tự Cơ làm người xá nhân hầu hạ Lữ Hậu. Sau đó, theo Hán Vương đánh phá Hạng Tịch, làm chức hầu được Lữ Thái Hậu yêu. Đến khi làm thừa tướng ở trong cung, trăm quan muốn quyết định việc gì đều phải do ý. Vì trước kia Trần Bình đã bàn mưu với Cao Đế bắt Phàn Khoái, cho nên Lữ Tu nhiều lần gièm pha Trần Bình:

- Trần Bình làm thừa tướng không lo công việc, ngày uống rượu ngon, thích chơi gái.

Trần Bình nghe nói, lại càng làm quá hơn trước. Lữ Thái Hậu nghe vậy riêng lấy làm mừng, nói với Trần Bình trước mặt Lữ Tu:

- Tục ngữ có câu “Miệng đàn bà, con trẻ nói không dùng được”. Chỉ cần ông với ta thôi, chớ sợ Lữ Tu gièm pha.

Lữ Thái Hậu lập bọn họ Lữ làm vương, Trần Bình giả vờ nghe theo. Đến khi Lữ Hậu chết, Bình và thái úy là Chu Bột cùng bàn mưu, cuối cùng giết tất cả bọn Lữ, lập Hiếu Văn hoàng đế. Đó vốn là mưu của Trần Bình. Thẩm Tự Cơ bị thải không được làm thừa tướng.

Hiếu Văn Đế được lập, Bình thấy rằng thái úy Bột thân hành đem quân giết họ Lữ, lập nhiều công nên muốn nhường địa vị tôn quý cho Bột, bèn cáo bệnh. Hiếu Văn Đế mới lên ngôi, thấy Bình cáo ốm lấy làm lạ hỏi, Bình nói:

- Trong khi Cao Đế, công của Bột không bằng công của thần, nhưng đến khi giết bọn họ Lữ thì công của thần không bằng Bột. Xin nhường chức hữu thừa tướng cho Bột.

Vì vậy, Hiếu Văn Đế bèn cho Giáng Hầu Chu Bột làm hữu thừa tướng, ngôi thứ nhất. Bình dời chức làm tả thừa tướng, ngôi thứ nhì. Cho Bình một ngàn cân vàng, lại phong thêm ba ngàn hộ. Được ít lâu, Hiếu Văn hoàng đế sau khi đã quen việc nước, triệu hội hỏi hữu thừa tướng:

- Trong thiên hạ, một năm xét xử ngục hình bao nhiêu người?

Bột tạ lỗi, nói:

- Thần không biết.

Nhà vua hỏi:

- Trong thiên hạ một năm tiền và thóc xuất nhập bao nhiêu?

Bột lại tạ lỗi, nói:

- Thần không biết!

Bột mồ hôi ra ướt đầm cả lưng vì thẹn không biết trả lời như thế nào. Vua bèn hỏi tả thừa tướng Bình.

Bình nói:

- Đã có người lo việc ấy.

Vua hỏi:

- Ai lo việc ấy?

Bình nói:

- Bệ hạ nếu hỏi về việc xử ngục hình, thì hỏi quan đình úy, nếu hỏi về tiền và thóc thì hỏi quan trị túc nội sử.

Vua hỏi:

- Nếu việc gì cũng có người lo thì ông còn phải lo việc gì?

Bình tạ lỗi và nói:

- Muôn tâu bệ hạ! Bệ hạ không kể thần tài hèn sức mọn, cho thần lạm giữ chức thừa tướng. Chức vụ thừa tướng trên thì giúp thiên tử chỉnh lý âm dương, làm cho bốn mùa thuận; dưới thì nuôi vạn vật đều được thoả thích; bên ngoài thì trấn áp, vỗ về tứ di, chư hầu bên trong thì thân với trăm họ, làm cho các quan khanh và đại phu ai cũng đảm nhiệm tốt chức vụ của mình.

Hiếu Văn Đế khen phải. Hữu thừa tướng rất thẹn, đi ra trách Trần Bình:

- Sao ông không bày trước cho tôi biết để tôi trả lời!

Trần Bình cười:

- Ông ở địa vị của mình mà lại không biết chức trách của mình sao? Nếu bệ hạ hỏi số người ăn trộm ăn cướp ở Trảng An thì ông định nói liêu sao?

Do đó, Giáng Hầu tự biết mình kém xa Bình. Sau một thời gian, Giáng Hầu cáo bệnh xin miễn, chuyên để một mình Trần Bình làm thừa tướng.

Năm thứ hai đời Hiếu Văn Đế (178), thừa tướng Trần Bình mất, hiệu bệ là Hiến Hầu. Con là Mại tập tước làm Cung Hầu, được hai năm thì mất. Con là Khôi tập tước làm Giản Hầu, được hai mươi ba năm thì mất. Con Khôi là Hà tập tước làm Hầu, được hai mươi ba năm, Hà phạm tội cướp vợ người ta bị chém vớt ở chợ. Tước bị xoá bỏ.

Xưa, Trần Bình nói:

- Ta nhiều âm mưu, đó là điều Đạo Gia (đạo Lão) cấm, hết đời ta là thôi, đời sau không thể hưng khởi được nữa. Đó là vì ta nhiều âm báo! Sau đó người chết là Trần Chuông nhờ bên họ ngoại nhà vua là họ Vệ (Trần Chuông là rể của Vệ Thanh em trai của Vệ Hoàng Hậu, vợ Hán Vũ Đế), muốn nhờ họ Trần được phong lại, nhưng cuối cùng cũng không được (Đoạn 3 – Hành trang của Trần Bình trong thời Lữ Hậu và Hán Văn Đế).

4. Thái Sử Công nói: Khi Trần thừa tướng còn nhỏ, vốn ham học thuật của Hoàng Đế, Lão Tử. Trong khi chia thịt ở trên thớt, ông ta cũng đã có chí khí lớn! Len lỏi giữa nơi Sở, Ngụy rối loạn, cuối cùng về với Cao Đế. Thường đưa kế lạ, cứu nạn rồi ren, trừ được cái lo của nước nhà. Đến thời Lữ Hậu, là lúc biến cố nhiều nhưng Bình rút cuộc vẫn tự thoát nạn, yên định được tôn miếu, khi chết được danh thơm, gọi là tướng hiền, há không phải trước sau toàn vẹn đó sao? Nếu không phải là bậc có mưu trí thì làm sao lại được như vậy?

Tôn Tử, Ngô Khởi Liệt Truyện -

1. Tôn Tử tên là Vũ, người nước Tề, đem sách binh pháp yết kiến vua Ngô là Hạp Lư. Hạp Lư nói:

- Ta đã đọc cả mười ba thiên của ông rồi, nay ông thử áp dụng binh pháp điều khiển quân đội một cách tiểu qui mô có được không?

Tôn Tử đáp:

- Được ạ.

Hạp Lư nói:

- Đem đàn bà ra thí nghiệm có được không?

Tôn Tử đáp:

- Được ạ.

Vua bèn bằng lòng cho gái đẹp trong cung ra, tất cả một trăm tám mươi người. Tôn Tử chia ra làm hai đội lấy hai người quý phi vua nuông chiều làm đội trưởng, sai tất cả đều cầm giáo.

Tôn Tử ra lệnh nói:

- Các người có biết quả tim, tay phải, tay trái và lưng không?

Bọn con gái nói:

- Có.

Tôn Tử nói:

- Khi ta nói “đằng trước” thì các người nhìn vào quả tim, nói “bên trái” thì nhìn tay trái, nói “bên phải” thì nhìn tay phải, “đằng sau” thì nhìn đằng sau lưng.

Bọn đàn bà đều nói:

- Dạ.

Sau khi đã đưa ra kỷ luật, Tôn Tử bèn đặt phủ việt (những đồ nghi trượng ở trong quân đội), ban lệnh ba lần, nhắc nhở năm lượt. Sau đó đánh trống ra lệnh nhìn về bên phải. Bọn con gái cười rộ. Tôn Tử nói: - Kỷ luật không rõ ràng, nhắc nhở hiệu lệnh không kỹ càng, đó là tội của tướng.

Lại ra lệnh và nhắc lại ba lần năm lượt; rồi đánh trống ra lệnh nhìn về bên trái. Bọn con gái lại cười rộ. Tôn Tử nói:

- Kỷ luật không rõ ràng, nhắc nhở hiệu lệnh không kỹ lưỡng là tội của tướng; nay đã hiểu rõ kỷ luật rồi mà lại không theo kỷ luật là tội của đội trưởng.

Tôn Tử muốn chém hai người đội trưởng. Ngô Vương đứng trên đài xem, thấy ông ta sắp chém hai người ái cơ, hoảng sợ, vội vàng sai sứ giả truyền lệnh nói:

- Quả nhân đã biết cách dùng binh của tướng quân rồi! Không có hai ái cơ ấy thì quả nhân ăn không ngon, xin đừng chém!

Tôn Tử nói:

- Thần đã vâng mệnh lệnh bệ hạ làm tướng, tướng đã ở trong quân thì có khi không theo lệnh vua.

Bèn sai chém hai người đội trưởng để thị uy, đem người kế tiếp theo làm đội trưởng. Sau đó lại đánh trống chỉ huy. Bọn con gái nhìn bên trái, bên phải, trước, sau, quì, đứng dậy đều nghiêm chỉnh đứng đắn, không ai dám ho he. Tôn Tử sai sứ giả báo với nhà vua:

- Binh đã chỉnh tề, bệ hạ có thể xuống xem. Bệ hạ có thể dùng nó thế nào cũng được, dù có sai nó nhảy vào lửa, nước cũng được.

Ngô Vương nói:

- Tướng quân ra quán trọ mà nghỉ, quả nhân không muốn xuống xem.

Tôn Tử nói:

- Đại Vương thích nói suông, mà không thể dùng trong việc thực.

Do đó, Hạp Lư biết Tôn Tử có tài dùng binh và cho Tôn Tử làm tướng. Phía tây quân Ngô phá nước Sở mạnh, đi vào đất Sinh; phía bắc uy hiếp nước Tề, nước Tấn nổi tiếng ở chư hầu, Tôn Tử có công ở đấy.

2. Sau khi Tôn Vũ mất được hơn một trăm năm, có Tôn Tần.

Tần sinh ở giữa đất A và đất Quyển. Tần là con cháu của Tôn Tử. Tôn Tần xưa cùng Bàng Quyên học binh pháp. Sau đó, Bàng Quyên làm quan nước Ngụy, được làm tướng quân của Huệ Vương, nhưng vẫn tự cho rằng mình không tài giỏi bằng Tôn Tần, cho nên ngầm sai người mời Tôn Tần đến. Khi Tần đến, Bàng Quyên sợ và ghét Tần hơn mình, bèn mượn pháp luật mà trị tội chặt hai chân và chàm vào mặt để cho ông ta giấu mình không xuất đầu lộ diện. Sứ giả nước Tề đến đất Lương, Tôn Tần mang thân đã bị hình phạt lén gặp, thuyết phục sứ giả. Sứ giả nước Tề cho là kỳ lạ mang trộm lên xe cùng về nước Tề. Tướng nước Tề là Điền Kỵ phục tài, đối đãi như là khách.

Kỵ nhiều lần đưa ngựa đánh cuộc nhiều tiền với các công tử nước Tề. Tôn Tần thấy chân ngựa không hơn nhau lắm, ngựa có ba thứ giỏi, vừa và kém. Do đó, Tôn Tần nói với Điền Kỵ:

- Ngài cứ đặt cọc thật nhiều tiền đi, tôi có thể làm cho ngài thắng.

Điền Kỵ tin theo, đặt cọc với các công tử nghìn vàng. Đến khi ra trường đua, Tôn Tử nói:

- Nay ngài lấy con ngựa kém của ngài thi với ngựa giỏi của họ, lấy con ngựa giỏi của ngài thi với con ngựa vừa của họ, lấy con ngựa vừa của ngài thi với con ngựa kém của họ.

Sau khi đã đua ngựa ba lần, Điền Kỵ thua một, mà thắng hai, cuối cùng được nghìn vàng. Vì

vậy, Kỵ tiến Tôn Tử với Uy Vương. Uy Vương hỏi về binh pháp, rồi tôn làm bậc thầy.

Sau đó, Ngụy đánh Triệu, Triệu bị nguy cấp, cầu cứu với Tề. Tề Uy Vương muốn phong Tôn Tẫn làm tướng. Tẫn từ tạ nói:

- Người đã bị hình phạt không thể làm tướng.

Vua bèn cho Điền Kỵ làm tướng. Tôn Tẫn làm quân sư chở ở trong xe kín, ngồi bàn mưu kế. Điền Kỵ muốn đem quân đến Triệu, Tôn Tử nói:

- Muốn gỡ mối rối ren thì phải làm từ từ không được căng thẳng, muốn cứu những người đang đánh nhau thì không nên xông vào đánh giùm, tránh chỗ thực, đánh vào chỗ hư; hình thế chống nhau, thì tức khắc gỡ được thôi. Nay quân Lương (Ngụy cũng có tên gọi là Lương), và quân Triệu đánh nhau, ở ngoài binh khí nhẹ và quân lính tinh nhuệ kiệt sức, ở trong người già người yếu mỗi một. Chi bằng ngài cứ đem quân đi nhanh về Đại Lương, cắt đứt đường giao thông, đánh vào nơi trống của Ngụy, thì Ngụy nhất định phải bỏ Triệu để tự cứu lấy mình. Như thế là đánh một nơi mà giải vây cho nước Triệu, lại đồng thời làm cho quân Ngụy kiệt quệ.

Điền Kỵ nghe theo. Quả nhiên quân Ngụy rời bỏ Hàm Đan (Kinh đô của Triệu), đánh nhau với quân Tề ở Quế Lăng. Điền Kỵ phá tan quân Lương.

Mười ba năm sau (353), Ngụy và Triệu đánh Hàn, Hàn cáo cấp với Tề. Tề sai Điền Kỵ làm tướng quân đi thẳng đến Đại Lương. Tướng Ngụy là Bàng Nguyên nghe vậy rời bỏ Hàn quay về, bây giờ quân Tề đã đi khỏi biên giới về phía tây. Tôn Tử nói với Điền Kỵ:

- Quân của Tam Tấn (Tam Tấn là tên chung để chỉ Hàn, Triệu, Ngụy, ở đây cốt chỉ Ngụy), vốn hung tợn và khinh quân Tề, quân Tề mang tiếng khiếp nhược. Người thiện chiến thì nhân cái thế của mình mà lợi dụng (ý nói giả bộ khiếp nhược để nhử cho quân Ngụy đuổi theo). Theo binh pháp, nếu chạy đi tìm lợi một ngày trăm dặm thì viên thượng tướng sẽ què; nếu chạy theo lợi một ngày năm mươi dặm thì quân sĩ chỉ đến một nửa. Ngài hãy sai quân Tề vào đất Ngụy làm mười vạn cái bếp, ngày hôm sau làm năm vạn cái, lại ngày hôm sau nữa làm ba vạn cái.

Bàng Quyên đi được ba ngày cả mừng, nói:

- Ta vốn biết quân Tề nhát gan, mới vào đất ta ba ngày mà quân sĩ bỏ trốn đã quá nửa.

Bàng Quyên bèn rời bỏ bộ binh mang khinh binh, cùng lính tinh nhuệ một ngày đi gấp đôi đường để đuổi theo.

Tôn Tử trừ tính họ đi đến đêm thì tới Mã Lăng. Đường Mã Lăng hẹp, hai bên hiểm trở, có thể phục binh bèn sai chặt cây to bôi trắng và viết: "Bàng Quyên chết dưới cây này!". Lại sai một vạn quân Tề giỏi bắn tên nấp ở bên đường, hẹn, "Ban đêm thấy lửa đốt lên thì đều bắn tên ra."

Bàng Quyên quả nhiên đêm ấy đến dưới gốc cây bị đẽo, thấy có chữ viết trên gỗ bôi trắng bèn sai xoi gỗ lấy lửa thắp đuốc. Đọc hàng chữ chưa xong, thì một vạn nỏ của quân Tề đều bắn ra, quân Ngụy trốn chạy tán loạn. Bàng Quyên tự biết mình trí cùng, binh bại, bèn tự đâm cổ chết, nói:

- Thế là ta làm cái thằng ấy nổi danh!

Quân Tề thừa thắng phá tan tất cả quân Ngụy, bắt Ngụy thái tử là Thân đem về. Do đó, Tôn

Tần nổi danh ở thiên hạ, đời truyền binh pháp của ông ta.

3. Ngô Khởi là người nước Vệ, thích dùng binh. Khởi thường học với Tăng Tử, thờ vua Lỗ. Người Tề đánh nước Lỗ, nước Lỗ muốn dùng Ngô Khởi làm tướng nhưng vì Ngô Khởi lấy con gái Tề làm vợ nên người Lỗ ngờ vực. Ngô Khởi muốn lập danh, bèn giết vợ để tỏ rằng mình không liên hệ gì với Tề. Về sau nước Lỗ cho Ngô Khởi làm tướng, cầm quân đánh tan quân Tề. Có người nước Lỗ ghét Ngô Khởi nói:

- Khởi là người tính nghi kỵ và tàn nhẫn. Lúc còn nhỏ, nhà của ông ta có hàng ngàn lạng vàng, đi du thuyết tìm công danh không được, Khởi bèn phá hết của nhà. Người làng xóm chê cười. Ngô Khởi giết hơn ba mươi người chê cười mình, rồi đi ra ngoài thành về phía đông, từ biệt mẹ, cắn vào cánh tay àm thề, “Khởi này không làm khanh, tướng thì nhất định không quay lại nước Vệ nữa. ” Khởi bèn đi học với Tăng Tử. Được ít lâu, mẹ Khởi chết, Khởi cũng không về. Tăng Tử khinh bỉ và tuyệt giao với Khởi. Khởi bèn đến nước Lỗ, học binh pháp để thờ vua Lỗ, vua Lỗ nghi ngờ. Khởi giết vợ để làm tướng. Lỗ là nước nhỏ, lại mang danh chiến thắng, thì chớ hầu sẽ mưu đánh Lỗ mất. Vả lại, nước Lỗ và nước Vệ là hai nước anh em, nay vua dùng Khởi thì tức là bỏ nước Vệ.

Vua Lỗ nghi ngờ, từ tạ Ngô Khởi không tin dùng.

Ngô Khởi nghe tin Ngụy Văn Hầu hiền, muốn theo.

Văn Hầu hỏi Lý Khắc:

- Ngô Khởi là người như thế nào?

Lý Khắc đáp:

- Khởi tham lam và hiếu sắc, nhưng về mặt dùng binh thì Tư Mã Nhượng Thu (Xem Tư Mã Nhượng Thu liệt truyện) cũng không thể hơn được.

Vì vậy Ngụy Văn Hầu cho Khởi làm tướng, đánh Tần, lấy năm thành.

Khi Khởi làm tướng thì cùng ăn mặc như người lính bậc thấp nhất, lúc ngủ không trải chiếu, đi không ngồi xe, thân hành mang lương thực, cùng chia khó nhọc với quân sĩ. Có người lính mắc bệnh ung thư, Khởi hút mủ cho anh ta. Mẹ người lính nghe vậy khóc. Có người hỏi:

- Con bà là lính, thế mà tướng quân thân hành hút mủ cho, bà còn khóc gì nữa?

Bà mẹ nói:

- Không phải thế. Năm xưa Ngô Công hút mủ cho cha nó; cha nó chiến đấu không được bao lâu rồi bị địch giết. Nay Ngô Công lại hút mủ cho con tôi; không biết lúc nào hay nơi nào nó sẽ chết. Vì vậy cho nên khóc.

Văn Hầu cho Ngô Khởi giỏi dùng binh, thanh liêm, công bình, được lòng quân sĩ, nên cho Khởi làm quan thú Tây Hà, để chống lại quân các nước Tần và Hàn.

Sau khi Ngụy Văn Hầu mất, Khởi thờ con Văn Hầu là Vũ Hầu. Vũ Hầu thả thuyền xuôi dòng sông Tây Hà, ở giữa dòng sông, quay nhìn nói với Ngô Khởi:

- Đẹp thay! Núi sông hiểm trở! Quả là cửa quý của nước Ngụy!

Khởi thưa:

- Giữ nước cốt ở đức chứ không ở chỗ đất đai hiểm yếu. Ngày xưa, Tam Miêu bên trái là hồ Động Đình, bên phải là hồ Bành Lãi, nhưng vì không trau dồi đức nghĩa, nên bị vua Vũ diệt. Đồ thành vua Kiệt nhà Hạ, bên trái là Hoàng Hà, bên phải là Thái Sơn, Hoạ Sơn, núi Y Khuyết ở phía nam, núi Dương Trường ở phía bắc, nhưng chính vì sự bất nhân nên bị vua Thang diệt. Nước của vua Trụ nhà Ân, bên trái là núi Mạnh Môn, bên phải là núi Thái Hàng, núi Thường Sơn ở phía bắc, sông Đại Hà chạy dọc phía nam, nhưng vì chính sự không có đức cho nên bị Vũ Vương diệt. Do đó mà xem, thì giữ nước ở đức chứ không ở chỗ hiểm. Nếu nhà vua không lo tu đức, thì người trong thuyền đều là nước địch vậy.

Vũ Hầu nói:

- Phải!

Liên phong Ngô Khởi làm Tây Hà Thú, rất nổi tiếng.

Ngụy đặt tể tướng, cho Điền Văn làm tể tướng. Ngô Khởi không bằng lòng, bảo Điền Văn:

- Tôi muốn so sánh công lao với ông có được không?

Điền Văn nói:

- Được.

Ngô Khởi nói:

- Làm tướng ba quân khiến sĩ tốt vui lòng chết, nước địch không dám dòm ngó, ông có bằng Khởi không?

Điền Văn đáp:

- Tôi không bằng ông.

Ngô Khởi nói:

- Coi trăm quan, thân với vạn dân, làm cho kho tàng đầy đủ, ông có bằng Khởi không?

Điền Văn nói:

- Tôi không bằng ông.

Ngô Khởi nói:

- Giữ Tây Hà mà quân Tần không dám xâm phạm ở phía đông, Hàn, Ngụy theo, ông có bằng Khởi không?

Điền Văn nói:

- Tôi không bằng ông.

Ngô Khởi nói:

- Cả ba việc này, ông đều thua tôi mà địa vị ông lại ở trên tôi là tại làm sao?

Điền Văn nói:

- Khi vua còn nhỏ, nước rối ren, các quan đại thần chưa thân, trăm họ không tin, trong lúc ấy thì giao nước cho ông hay cho tôi? (ý Điền Văn nói mình tài năng không bằng Ngô Khởi nhưng có đạo đức được mọi người tin cậy.)

Khởi im lặng một hồi lâu rồi nói:

- Giao cho ông.

Điền Văn nói:

- Vì thế cho nên địa vị tôi ở trên ông đấy!

Ngô Khởi mới tự biết mình không bằng Điền Văn.

Sau khi Điền Văn chết, Công Thúc làm tể tướng, lấy Ngụy công chúa, muốn hại Ngô Khởi. Người đầy tớ của công chúa nói:

- Làm cho Ngô Khởi đi thì dễ thôi!

Công Thúc hỏi:

- Làm thế nào?

Người kia nói:

- Ngô Khởi là người khí tiết, liêm khiết lại thích danh. Ngài hãy nói với Vũ Hầu trước, “Ngô Khởi là người hiền mà nước Ngụy nhỏ, lại ở sát biên giới nước Tần mạnh, thần trộm lo rằng Khởi không có bụng muốn ở lại. ” Như thế, thế nào Vũ Hầu cũng hỏi, “Làm sao bây giờ? ”. Ngài nhân thế nói với Vũ Hầu, “Hãy gả công chúa cho Khởi để xem thử, nếu bụng Khởi muốn ở lại thì Khởi sẽ nhận, nếu không thì ông ta nhất định sẽ từ chối. Do đó, mà đoán được. ” Ngài nhân mời Ngô Khởi cùng về nhà, khiến công chúa giận mắng ngài, Ngô Khởi đã thấy công chúa khinh ngài thì thế nào cũng từ chối.

Quả nhiên, Ngô Khởi thấy công chúa khinh Ngụy tể tướng nên từ chối Ngụy Vũ Hầu. Ngụy Vũ Hầu nghi và không tin Khởi. Ngô Khởi sợ bị tội nên bỏ đi, liền sang Sở.

Vua Sở là Điệu Vương vốn nghe tiếng Ngô Khởi hiền, nên Khởi đến Sở liền được làm tể tướng. Khởi nêu rõ pháp luật, lệnh ra thì thi hành bỏ những chức quan không cần thiết, bỏ không chu cấp cho những người họ nhà vua đã xa đời, để hậu đãi nuôi dưỡng những người chiến đấu, cốt làm cho quân mạnh, phá tan những bọn chỉ đi nói suông về việc “hợp tung” hay “liên hoành”. Kết quả: phía nam bình định Bách Việt, phía bắc lấy đất Trần, đất Thái, cự tuyệt Tam Tấn, phía tây đánh Tần.

Chư hầu lo Sở mạnh, những người quý tộc nước Sở ngày trước đều muốn hại Ngô Khởi. Đến khi Điệu Vương mất, các đại thần, tôn thất làm loạn đánh Ngô Khởi. Ngô Khởi chạy đến nấp bên thây vua. Những người nổi loạn bắn và đâm chết Ngô Khởi, nhưng cũng bắn phải thi thể Điệu Vương. Sau khi Điệu Vương được chôn cất, thái tử được lập bèn sai lệnh doãn giết tất cả những người bắn Ngô Khởi. Hơn bảy mươi người vì mắc vào tội bắn Khởi mà bị giết cả họ.

4. Thái Sử Công nói: Thế tục khi khen tài năng quân sự đều nói đến mười ba thiên của Tôn Tử. Sách binh pháp của Ngô Khởi thế gian nhiều người có, nên không bàn, chỉ bàn những sự việc các ông ấy làm. Tục ngữ nói, “Người làm được chưa chắc đã nói được; người nói được chưa chắc làm được. ” Tôn Tử trù tính đối phó với Bàng Quyên thật rõ ràng. Thế nhưng vẫn không thể sớm tự lo cứu mình khỏi bị hình phạt. Ngô Khởi bàn với Vũ Hầu rằng hình thế không quan trọng bằng đức; nhưng khi thi hành ở Sở, thì lại vì khắc bạc, ít ân đức, mà bỏ thân mình. Thương thay!

Truyện Lão Tử -

Lão Tử, người làng Khúc Nhân, Hung Lệ, huyện Khổ, nước Sở, họ Lý, tên Nhĩ, tên tự là Bá Dương, tên thụy là Đàm. Ông làm quan sử giữ nhà chứa sách của nhà Chu. Khổng Tử đến Chu, muốn hỏi Lão Tử về lễ, Lão Tử nói:

- Những người ông nói đều tan xương nát thịt cả rồi, chỉ còn lời nói của họ thôi (Khổng Tử chủ trương theo lễ nghi của các vua đời trước. Lão Tử bác lại ý kiến đó). Vả lại, người quân tử gặp thời thì xe ngựa nghênh ngang; không gặp thời thì như cỏ bồng xoay chuyển. Tôi nghe nói: “Người buôn giỏi thì biết giấu của báu, khiến người ta thấy dường như không có hàng, người quân tử có đức tốt thì diện mạo dường như ngu si” (Hai câu này đều trong Đạo Đức Kinh). Ông nên bỏ cái khí kiêu ngạo cùng cái lòng ham muốn nhiều, cái vẻ hăm dọa cùng cái chí tham lam đi. Những cái ấy đều không có ích gì cho ông. Tôi chỉ bảo ông có thể thôi.

Khổng tử ra đi, bảo học trò:

- Con chim, ta biết nó biết bay; con cá ta biết nó biết lội; con thú, ta biết nó biết chạy. Đối với loài chạy, thì ta có thể dùng lưới để săn; đối với loài lội thì ta có thể dùng câu để bắt; đối với loài bay thì ta có thể dùng tên bắn; đến như con rồng cưỡi mây cưỡi gió lên trời, ta không sao biết được! Hôm nay gặp Lão Tử, ông ta có lẽ là con rồng chăng?

Lão Tử trau dồi đạo đức, học thuyết của ông cốt ở chỗ giấu mình, kín tiếng. Ông ở nhà Chu đã lâu, thấy nhà Chu suy bèn bỏ đi. Đến cửa quan, quan coi cửa là Doãn Hỷ nói:

- Ông sắp đi ắt rồi, hãy gắng vì ta mà làm sách.

Rồi Lão Tử bèn làm sách, gồm hai thiên: thượng, hạ, nói về ý nghĩa của “đạo” và “đức” hơn năm nghìn chữ. Đoạn ra đi, không ai biết chết như thế nào.

Có người nói:

- Lão Lai Tử cũng là người nước Sở, làm mười lăm thiên sách nói về công dụng của Đạo gia. Ông ta cũng sống một thời với Khổng Tử. Đại khái Lão Tử sống hơn một trăm sáu mươi tuổi, có người nói ông hơn hai trăm tuổi, vì ông tu đạo để kéo dài tuổi thọ.

Sau khi Khổng Tử mất 129 năm, sử ký chép thái tử nhà Chu tên là Đàm, yết kiến Tần Hiến Công, có nói:

- Lúc trước Tần hợp với Chu, rồi lại tách, tách trăm năm rồi lại hợp, hợp bảy mươi năm rồi đáng bá vương sẽ xuất hiện.

Có người bảo Đàm tức là Lão Tử, có người bảo là không phải. Đời không biết là ai nói phải, ai nói không phải (Tác giả đưa ra cả ba thuyết về Lão Tử: Lý Nhĩ, Lão Lai Tử, Đàm, không khẳng định thuyết nào. Ông thường thận trọng như vậy khi gặp những việc nghi ngờ, tỏ rõ có óc nghiêm túc của sử gia).

Lão Tử là người quân tử đi ở ẩn. Con của Lão Tử tên là Tông làm tướng nước Ngụy được phong

ở đất Đoạn Can. Con của Tông là Chú, con của Chú là Cung, chút của Cung là Hà, Hà làm quan thời Hán Văn Đế, con của Hà là Giải làm thái phó của Giao Tây Vương tên là Ngang, nhân đấy cư trú ở Tề. Người đời theo thuyết của Lão Tử thì bài bác Nho học, theo Nho học lại bài bác thuyết của Lão Tử. Phải chăng câu: “Đạo khác nhau không giúp cho nhau” là nghĩa như vậy? Lý Nhĩ chủ trương “vô vi” mà dân tự cảm hoá, “thanh tĩnh” mà dân tự quay về đường phải {Chủ trương của Lão Tử là “thanh tĩnh” – (giữ tâm hồn được trong lặng) “vô vi” (không bị những ham muốn lôi cuốn)}.

Truyện Trang Tử -

T rang Tử, người huyện Mông tên là Chu. Chu có lần làm lại ở thành Tất Viên thuộc huyện Mông, đồng thời với Lương Huệ Vương và Tề Tuyên Vương (tức là đồng thời với Mạnh Tử, nhưng có điều rất lạ, là hai người này trong tác phẩm không hề nhắc đến nhau một lời).

Học thuyết của ông không có việc gì là không xét đến, nhưng gốc là theo thuyết của Lão Tử. Ông làm sách có hơn mười vạn chữ, đại để đều theo lối ngụ ngôn. Ông làm những thiên « Ngư Phủ », « Ô Đạo Chích », « Ô Khư Kíp », để chê cười Khổng Tử và làm sáng tỏ học thuyết của Lão Tử. Những thiên « Ô Ồ Hỷ Hư », « Ô Canh Tang Tử » đều là lời bịa đặt, chẳng có việc thực, nhưng ông khéo ghép các đoạn sách, tách ra từng lời để nêu sự việc, xét rành mạch sự tình, nhằm công kích đạo Nho, đạo Mặc, dầu có những bậc túc học cũng không tài nào biện bạch được. Lời của ông mong lung, phóng túng, để thoả ý mình, cho nên từ bậc vương công, đại nhân trở xuống đều không ai biết quý trọng tài năng của ông. Uy Vương nước Sở nghe Trang Chu là người hiền, sai sứ mang hậu lễ đón ông để cho ông làm tể tướng, Trang Chu cười bảo sứ giả nước Sở:

- Nghìn vàng là lợi to, khanh tướng là ngôi quý đấy. Nhưng ông không thấy con bò lúc tế giao hay sao? Nó được ăn mấy năm, được mặc đồ vóc thêu để đưa vào nhà thái miếu. Lúc bấy giờ, muốn làm con lợn nhỏ có được không? Ông đi ngay cho, đừng làm bẩn đến ta. Ta chỉ chơi đùa trong nơi ngòi vũng để tự vui, không để cho kẻ có nước trời buộc, trọn đời không ra làm quan để thoả chí ta.

Thân Bất Hại, Hàn Phi Liệt Truyện -

1. Thân Bất Hại là người đất Kinh, vốn là một viên quan nhỏ ở nước Trịnh, nhờ có học thuật nên thành thân cận với Hàn Chiêu Hài, Chiêu Hài dùng Thân Bất Hại làm tướng quốc. Thân Bất Hại bên trong lo sửa đổi chính sự, lễ giáo, bên ngoài lo đối phó với chư hầu. Suốt trong mười lăm năm, cho đến khi Thân Tử mất, nước được bình yên, binh mạnh, không nước nào xâm lấn nước Hàn.

Học thuyết của Thân Tử gốc ở Hoàng Đế, Lão Tử, nhưng lấy việc Ô hình danh » (một chi nhánh của phái Pháp gia) làm chủ. Thân Bất Hại có viết quyển sách gồm hai thiên gọi là Thân Tử.

2. Hàn Phi là công tử nước Hàn, thích cái học Ô hình danh », Ô pháp thuật ». Gốc của học thuyết này là ở Hoàng Đế, Lão Tử. Phi là người nói ngọng, không thể biện luận nhưng giỏi về mặt viết sách. Hàn Phi và Lý Tư đều học với Tuân Khanh. Tư tự cho mình kém Phi. Phi thấy nước Hàn bị suy yếu, mấy lần viết thư dâng lên can vua Hàn, nhưng vua Hàn không dùng. Hàn Phi ghét những người trị nước không trau dồi làm cho pháp chế sáng rõ, mà muốn dùng cái thể của mình để chế ngự bầy tôi, không lo việc làm cho nước giàu, binh mạnh bằng cách tìm người xứng đáng, dùng người hiền; trái lại dùng những bọn tham nhũng, dâm loạn, sâu mọt, đặt chúng ở địa vị cao hơn những người có công lao và có thực tài. Phi cho rằng bọn nhà Nho dùng lời văn làm rối loạn luật pháp, bọn du hiệp dùng võ lực phạm đến điều ngăn cấm, gặp lúc yên ổn thì nhà vua dùng bọn ham danh, gặp lúc nguy cấp thì lại dùng kẻ sĩ mang giúp trợ.

Như thế thành ra ngày nay người nhà vua nuôi lại không phải là những người nhà vua cần dùng, những người nhà vua cần dùng đều lại không phải những người nhà vua nuôi. Phi thương xót những người thanh liêm, chính trực không được bọn tôi gian tà dung tha, nhìn những sự biến đổi tồn vong của các nước ngày xưa, viết Ô Cô Phẫn » (sự phẫn nộ của con người cô độc », Ô Ngũ Đố » (năm thứ sáu mọt). Ô Nội Ngoại Trữ Thuyết » (suu tập những lời bàn về việc trong và việc ngoài), Ô Thuyết Làm », Ô Thuyết Nan » (cái khó trong việc du thuyết), tất cả hơn mười vạn chữ.

Hàn Phi biết cái khó trong việc du thuyết nên viết chương Ô Thuyết Nan » rất đầy đủ. Cuối cùng Phi chết ở Tần, không thể thoát nạn.

3. Ô Thuyết Nan » nói:

Cái khó trong việc du thuyết không phải là ở chỗ biết những điều cần phải đưa ra nói. Nó cũng không phải ở chỗ mình không biết biện luận. Cũng không phải ở chỗ không trình bày được rõ ràng ý nghĩ của mình. Cũng không phải ở chỗ không dám nói ngang nói dọc cho hết cái ý của mình. Phàm cái khó trong việc du thuyết chính là ở chỗ làm thế nào biết được cái tim của con người mình muốn thuyết phục để dùng cái thuyết của mình mà đối phó.

Nếu con người mình muốn du thuyết chỉ nghĩ đến cái danh cho cao, mà mình lại đem cái lợi lớn ra thuyết với họ, thì họ sẽ cho mình là bọn hèn hạ, và đối xử như với bọn ti tiện. Thế là thế nào họ cũng vất bỏ ta thật xa. Nếu con người mình muốn du thuyết chỉ nghĩ đến cái lợi cho lớn, mà mình lại đem cái danh cao ra thuyết với họ thì họ sẽ cho ta không chú ý gì đến thế sự, nói chuyện viễn vông, và thế nào họ cũng không dùng. Nếu con người mình muốn du thuyết trong bụng nghĩ đến cái lợi cho lớn nhưng bên ngoài làm ra vẻ muốn cái danh cho cao, mà ta đem

chuyện danh cao ra thuyết thì bên ngoài họ làm ra vẻ dung nạp cái thân ta, nhưng thực ra thì bỏ rơi ta. Nhưng nếu ta đem chuyện lợi lớn ra nói với họ, thì trong bụng họ dùng lời nói của ta, nhưng bên ngoài họ sẽ vất bỏ cái thân của ta (Trở lên, nói đến những cái khó trong việc du thuyết, cái khó chính là làm thế nào để dò cho được ý của nhà vua). Đó là những điều không biết không được.

Phàm việc làm mà thành là do chỗ bí mật; lời nói mà thất bại là do chỗ bị tiết lộ. Bản thân mình chưa chắc đã tiết lộ ra, nhưng chỉ cần nói đến cái mà người ta dấu thì đã nguy đến thân rồi. Nhà vua có điều sai mà người du thuyết lại đúng những lời sáng tỏ, dùng cái nghĩa lý hay để suy luận ra sai lầm của nhà vua thì nguy đến thân.

Nếu ta chưa được ân huệ nhà vua tước đến mà lại đem hết những điều ta biết ra nói thì hoặc là cái thuyết của ta sẽ được dùng đem đến kết quả, nhưng ta chẳng được ơn đức; hoặc là cái thuyết không được dùng xảy ra thất bại, thế là ta bị nghi ngờ. Như thế thì nguy đến thân.

Phàm nhà vua được cái kế của ta, nhưng muốn xem đó là công lao của mình, mà người du thuyết lại muốn cùng biết, thế thì nguy đến thân. Nếu nhà vua rõ ràng muốn làm một việc gì và cho đó là công lao của mình mà kẻ du thuyết lại cùng biết điều đó thì nguy đến thân (Xem thí dụ của Quan Kỳ Tư ở dưới). Nếu mình cưỡng ép nhà vua bắt làm những điều nhà vua quyết không làm, bác bỏ những điều nhà vua quyết không bỏ, thì nguy đến thân. (Nói đến những cái nguy trong việc du thuyết.)

Cho nên nói: Nếu ta đem những người tôn quý trong triều ra nói với nhà vua, thì nhà vua sẽ cho là ta ly gián; nếu ta đem những người thấp hèn ra nói với nhà vua, thì nhà vua sẽ cho ta muốn bán quyền. Ta bàn đến cái nhà vua thích, thì nhà vua sẽ cho là ta nịnh hót; ta bàn đến cái vua ghét, thì nhà vua sẽ cho ta thăm dò nhà vua.

Nếu ta nói tóm tắt, ít lời, thì nhà vua sẽ cho ta không có kiến thức gì và khinh ta. Nếu ta nói mênh mông, lời lẽ phụ phiếm, thì nhà vua sẽ thấy là nhiều quá và chán. Nếu ta cứ trình bày sự việc theo ý muốn nhà vua, thì nhà vua sẽ bảo ta Ô nhút nhát không dám nói hết sự lý ». Nếu ta suy nghĩ sự việc và nói rộng, thì nhà vua sẽ bảo ta Ô thô lỗ và ngạo mạn ».

Tất cả những điều khó này trong việc du thuyết không thể không biết đến.

Phàm việc thuyết phục là cốt ở chỗ biết tô điểm cho cái mà nhà vua quý trọng, từ bỏ cái mà nhà vua ghét. Hễ nhà vua tự cho cái kế mình là sai, thì ta chớ nêu chỗ nó sai lầm mà bắt bẻ đến cùng.

Nếu nhà vua tự cho mình đúng mãi ở chỗ quyết đoán một việc gì, thì ta chớ đưa ý của ta ra chống lại để làm cho nhà vua nổi giận. Nếu nhà vua cho sức lực mình đủ để làm một việc gì, thì ta chớ đem chuyện khó khăn ra cản trở. Nếu nhà vua muốn mưu việc gì cùng với một người khác, hay khen một người mà nhà vua cùng bàn mưu với họ, thì ta nên tô điểm cho họ và chớ nói gì có hại cho họ. Nếu nhà vua và người ấy thất bại, thì hãy cố gắng tô điểm làm như họ không sai lầm.

Kẻ đại trung không dùng lời lẽ làm phát ý nhà vua, lời can gián cũng không cốt để kích bài bác gì ai (ý nói người tôi thực trung thì biết tìm cách nói với nhà vua làm sao cho nhà vua nghe theo, không chán nản, lời can ngăn hợp lẽ thì thế nào cũng được nghe. Người làm tôi phải biết kiên nhẫn và lựa lời.) Sau đó mới đem cái tài biện luận và cái khôn của mình ra. Như thế cho nên

gần gũi với nhà vua, không bị nhà vua ngờ vực.

Biết hết cái đạo thờ vua là khó. Phải chờ đến khi nào quen biết đã lâu, đã được ân huệ nhiều, bày mưu kế sâu mà không bị nghi, cãi lại ý nhà vua mà không bị tội, lúc bấy giờ mới bày rõ điều lợi hại, để lập được công, nói thẳng điều phải điều trái để cho cái thân mình được sung sướng. Khi nào vua và tôi đối với nhau được như vậy lúc đó là lúc việc du thuyết thành công (Ví như cách làm của Phạm Thù trong Phạm Thù Liệt Truyện -quyển II).

Y Doãn làm người nấu bếp. Bách Lý Hề làm người nô lệ đều do con đường hèn hạ mà gặp nhà vua. Cho nên họ đều thành đạt từ chỗ được nhà vua dùng. Hai người này đều là những bậc thánh nhân mà còn không thể không lấy thân mình làm tội tở, để bước vào đường đời một cách nhục nhã như vậy (Chủ ý của bọn du thuyết là đạt đến công danh bất chấp thủ đoạn, cho nên lấy Y Doãn và Bách Lý Hề để làm chứng cho thái độ vô liêm sỉ của họ). Như thế đủ biết đó không phải là điều làm cho những bậc tài giỏi phải xấu hổ.

Nước Tống có người nhà giàu. Trời mưa, tường hư hỏng. Người con nói: Ô Nếu không xây tường thì sẽ bị kẻ trộm ăn trộm ». Cha của người hàng xóm cũng khuyên như vậy. Đêm ấy, quả nhiên trong nhà mất của. Nhà ấy khen người con là khôn, mà nghi cha của người hàng xóm.

Ngày xưa, Trịnh Vũ Công muốn đánh Hồ, bèn gả con gái cho người Hồ. Nhân đấy, nhà vua hỏi quần thần:

- Ta muốn dùng binh, nên đánh ai?

Quan Kỳ Tư nói:

- Nên đánh Hồ.

Nhà vua bèn giết Quan Kỳ Tư, nói:

- Hồ là nước anh em của ta, tại sao nhà ngươi lại nói nên đánh?

Vua nước Hồ nghe tin ấy, cho nước Trịnh là chỗ thân thiết với mình nên không để phòng. Nước Trịnh đánh úp và lấy Hồ.

Hai điều nói trên chứng tỏ là hai người đều biết đúng sự thực nhưng người rủi nhất thì bị giết, người bị thiệt hại ít nhất, cũng bị nghi. Như thế đủ biết cái khó không phải ở chỗ biết, cái khó là ở chỗ dùng cái biết của mình (Nhắc lại cái ý đã nói ở đầu bài). Ngày xưa, Di Tử Hà (một người bày tôi yêu của vua Linh Công nước Vệ) được vua nước Vệ yêu, theo pháp luật của nước Vệ, ai tự tiện đi xe của nhà vua là bị tội chặt chân. Được ít lâu mẹ Di Tử mắc bệnh. Có người nghe tin đang đêm đến báo với Di Tử Hà. Di Tử Hà trái lệnh, đi ra bằng xe ngựa của vua.

Nhà vua nghe tin cho là người hiền, nói:

- Thực là người có hiếu! Vì mẹ mà phạm tội bị chặt chân.

Di Tử Hà đi chơi với nhà vua trong vườn quả. Di Tử Hà ăn quả đào thấy ngon, không ăn hết, dâng nhà vua. Nhà vua nói:

- Anh ta thật yêu ta! Quên cái miệng của mình mà nhớ đến ta.

Đến khi Di Tử nhan sắc kém, lòng vua yêu bớt đi, lại phạm tội. Nhà vua nói:

- Nó đã có lần tự tiện đi xe ngựa của ta, lại có lần bắt ta ăn quả đào thừa của nó.

Cho nên việc làm của Di Tử không khác, nhưng lần trước được khen là hiền, lần sau lại phạm tội.

Đó là vì lòng yêu ghét hết sức thay đổi. Cho nên được nhà vua yêu thì cái khôn của mình càng làm cho mình được thân, bị nhà vua ghét thì cái tội của mình càng làm cho mình bị ruồng bỏ. Những kẻ sĩ đi du thuyết không thể không xét đến chỗ nhà vua yêu và ghét cái gì, rồi sau đó mới thuyết phục (nhắc lại cái ý đã nói ở đầu bài).

Rồng là một vật có thể đùa bỡn, thậm chí có thể cười. Nhưng ở dưới cái cổ của nó có cái vảy ngược dài một thước. Ai động đến thì bị nó giết ngay. Các vị vua chúa cũng có cái vảy ngược, kẻ du thuyết không sờ phải cái vảy ngược của vua chúa thì ngỗ hầu mới là người giỏi.

4. Có người đem sách của Hàn Phi đến nước Tần. Vua Tần đọc Ô Cô phần », Ô Ngũ đồ », nói:

- Than ôi! Quả nhân mà được chơi bời với con người này thì có chết cũng không ăn năn (Văn của Hàn Phi chặt chẽ, khúc chiết, phân tích rất tỉ mỉ và làm người ta có cảm tưởng đọc một luật gia La Mã. Toàn bộ Hàn Phi Tử đều viết với lời văn như vậy, với một phong cách rất độc đáo đối với Trung quốc cổ).

Lý Tư nói:

- Đó là sách Hàn Phi làm đấy!

Vua Tần liền vội vàng đánh Hàn. Lúc đầu vua Hàn không dùng Phi, đến khi nguy cấp bèn sai Phi đi sứ sang Tần. Vua Tần mừng rỡ, nhưng chưa tin dùng. Lý Tư và Diêu Giả ganh ghét Hàn Phi, gièm Hàn Phi, nói:

- Hàn Phi là công tử nước Hàn. Nay nhà vua muốn thôn tính tất cả nước chư hầu, nhưng Phi thì rối cuộc chỉ lo cho Hàn chứ không lo cho Tần, thường tình con người ta vẫn thế. Nay nhà vua không dùng, giữ lại đây lâu rồi cho về, thế là gây cho mình một mối lo. Không bằng lấy cớ làm trái pháp luật mà giết đi.

Vua Tần cho là phải, giao cho quan lại trị tội Phi. Lý Tư sai người đưa thuốc độc để cho Phi tự sát. Phi muốn bày tỏ trước mặt nhà vua, nhưng không được nhà vua tiếp. Sau đó nhà vua hối tiếc sai người tha Phi thì Phi đã chết rồi.

5. Thân Tử, Hàn Tử đều làm sách, truyền đến đời sau, những người học giả nhiều người có. Riêng tôi chỉ tiếc cho Hàn Phi viết Ô Thuyết Nan » mà vẫn không thể thoát khỏi chết.

Thái Sử Công nói:

- Lão Tử chủ trương Ô đạo », thì Ô hư » không có nguồn gốc, biến hoá từ chỗ Ô vô vi », cho nên làm sách lời vi diệu, khó hiểu. Trang Tử nói rộng về Ô đạo » và Ô đức », nhưng điều chủ yếu trong học thuyết cũng quay về tự nhiên. Thân Tử chăm chú trình bày về cái Ô danh » và cái Ô thực ». Hàn Tử đưa ra tiêu chuẩn để xét sự việc, phân biệt điều phải điều trái. Học thuyết ông ta hết sức thâm khắc, ít dùng ân đức. Tất cả điều đó đều do học thuyết về Ô đạo » và Ô đức » mà ra. Chỉ có Lão Tử thực là sâu sắc và xa rộng vậy! (Tư Mã Thiên thường hay ca ngợi Lão Tử. Những điều nói ở đây là theo bài Ô Lục gia yếu chỉ » (tư tưởng chủ yếu của sáu nhà) của Tư Mã

Đàm trong đó tác giả phân tích các học thuyết của Đạo gia, Pháp gia, Mặc gia, Âm Dương gia, Danh gia, Nho gia, chủ yếu là đề cao Đạo gia.

Tư Mã Nương Thư Liệt Truyện -

1. Tư Mã Nương Thư (Nương Thư họ Điền nhưng vì làm đại tư mã nên gọi là Tư Mã), là con cháu Điền Hoàn. Trong thời Tề Cảnh Công, nước Tần đánh các đất A, Chân; nước Yên xâm phạm đất Hà Thượng. Quân Tề bị đánh bại. Cảnh Công lo lắng. Ân Anh bèn tiến cử Điền Nương Thư, nói:

- Nương Thư tuy là đứa con vợ mọn (con của người tì thiếp. Ở dưới lại nói Nương Thư là kẻ thấp hèn), của họ Điền nhưng người này về mặt văn thì có thể làm cho dân chúng theo mình; về mặt võ có thể làm cho quân địch sợ uy. Xin nhà vua thử dùng xem.

Cảnh Công cho mời Nương Thư cùng bàn việc binh. Cảnh Công rất thích Nương Thư, cho làm tướng quân, cầm binh chống lại quân Yên và quân Tấn. Nương Thư nói:

- Thân vốn là kẻ thấp hèn được nhà vua cất nhắc từ nơi làng xóm lên giữ địa vị ở trên các đại phu. Sĩ tốt chưa theo, trăm họ không tin; người không có tiếng tăm, uy quyền ít. Xin nhà vua cho một người tôi yêu của nhà vua, được cả nước quý trọng để làm giám quan (chức quan coi kỷ luật trong quân đội), như thế mới được.

Cảnh Công bèn nghe lời cho Trang Giả đến. Sau khi từ giả nhà vua, Nương Thư hẹn với Trang Giả:

- Sáng ngày mai vào lúc mặt trời đứng bóng thì họp ở cửa quân doanh.

2. Nương Thư ruổi ngựa đến quân doanh trước, sai đặt một cái đồng hồ nước, và dựng dưới một cái cột gỗ để làm nêu nhìn bóng mặt trời, đợi Giả. Giả vốn là người kiêu ngạo xuất thân nơi quyền quý, cho rằng mình cầm đầu quân lại làm giám quan cho nên không vội vã. Thân thích bạn bè tiễn đưa ông ta, giữ ông ta ở lại uống rượu. Mặt trời đã đứng bóng mà Giả vẫn chưa đến. Nương Thư bèn vật ngã cây gỗ làm nêu, đổ nước trong đồng hồ ra, đoạn vào duyệt hàng ngũ điều khiển quân đội, nêu cao kỷ luật. Sau khi ban bố kỷ luật xong, đến chiều Trang Giả mới đến. Nương Thư hỏi:

- Tại sao đến muộn?

Giả xin lỗi đáp:

- Thân thích bà con tiễn đưa tôi, cho nên đến chậm.

Nương Thư nói:

- Làm tướng, một khi đã nhận mệnh lệnh là quên nhà, khi coi kỷ luật của quân ngũ thì quên cha mẹ, khi tiếng trống đánh gấp thì quên thân mình. Nay quân địch xâm nhập sâu, trong nước nhốn nháo, sĩ tốt phơi bày ở nơi biên giới, nhà vua nằm không ấm chiếu, ăn không biết ngon, tính mệnh trăm họ đều trông ở ông, tại sao lại nói chuyện tiễn đưa nhau?

Bèn gọi người coi việc pháp luật trong quân ngũ, hỏi:

- Theo phép quân, hẹn mà đến muộn thì thế nào?

Người kia nói:

- Bị tội chém.

Trang Giả hoảng sợ, sai người ruổi ngựa báo với Cảnh Công, xin nhà vua cứu cho. Người kia ra đi, chưa về kịp thì Trang Giả đã bị chém để nêu gương cho ba quân. Tướng sĩ trong ba quân đều run sợ.

3. Mãi về sau, Cảnh Công sai sứ giả cầm cờ tiết đến tha cho Giả. Sứ giả phi ngựa vào trong quân doanh. Nhương Thư nói:

- Viên tướng đã ở trong quân ngũ thì có khi không theo lệnh nhà vua.

Và hỏi người coi việc pháp luật trong quân ngũ:

- Ở trong quân doanh không được phi ngựa! Nay sứ giả phi ngựa thì thế nào?

- Đáng chém!

Sứ giả hoảng sợ. Nhương Thư nói:

- Sứ giả của nhà vua không thể giết.

Bèn chém cái cây gỗ ở bên trái thành xe và con ngựa đi bên trái trong số ba con ngựa để nêu gương cho ba quân. Nhương Thư bảo sứ giả trở về báo, sau đó mới cho quân ra đi.

Quân sĩ dừng lại nghỉ, lấy nước, nấu cơm, ăn uống. Nhương Thư thân hành thăm hỏi sức khỏe, cho thuốc, vỗ về thăm hỏi họ, đem tất cả tiền lương của vị tướng quân chia cho sĩ tốt, cùng sĩ tốt nhận phần lương thực như nhau, hết sức giúp đỡ người yếu đuối mệt mỏi.

Sau ba ngày cầm quân ra trận, binh sĩ người nào ốm cũng xin đi, tranh nhau xông ra giao chiến. Quân Tấn nghe vậy bãi binh về. Quân Yên nghe vậy vượt sông bỏ chạy và giải vây. Nhương Thư đuổi đánh lấy lại được tất cả đất đai ở biên giới cũ đã bị mất. Nhương Thư đem quân về. Trước khi về kinh đô, Nhương Thư cho binh sĩ về, bỏ những điều ràng buộc (ý nói bãi bỏ những điều lệ, kỷ luật quân sĩ phải theo khi có chiến tranh), ăn thả rồi mới vào thành. Cảnh Công cùng các quan đại phu ra ngoài thành đón tiếp, uỷ lạo quân sĩ, làm lễ xong mới trở về nghỉ.

Tề Cảnh Công bèn tôn Nhương Thư làm đại tư mã.

Họ Điền ngày càng được tôn quý ở nước Tề. Được ít lâu các đại phu Bào Thị, bọn Cao và Quốc định hại Nhương Thư, nói xấu Nhương Thư với Cảnh Công. Cảnh Công bỏ Nhương Thư. Thư phát bệnh mà chết. Bọn Điền Khuất, Điền Báo oán bọn Cao và Quốc. Về sau Điền Thường giết Giản Công, giết tất cả họ của Cao và Quốc. Chắt của Điền Thường là Điền Hoà bèn tự lập làm Tề Uy Vương, Uy Vương dùng binh và ra uy đều theo phép tắc của Nhương Thư. Các chư hầu triều cống nước Tề.

Tề Uy Vương sai các quan đại phu khảo sát binh pháp của Tư Mã ngày xưa trong đó có thêm Nhương Thư, do đó gọi quyển sách ấy là Tư Mã Nhương Thư binh pháp.

Thái Sử Công nói:

- Tôi đọc Tư Mã binh pháp thấy bao la, sâu sắc, tuy việc chinh phạt trong thời Tam Đại cũng chưa nói hết cái nghĩa của nó. Cái văn ấy khó lòng thêm được gì. Nhưng nếu Nhưong Thư cầm đầu đạo quân của một nước nhỏ bé thì còn ai công hơi đâu nói đến sách Tư Mã binh pháp nữa! Trong đời nhiều người khen sách binh pháp của Tư Mã Nhưong Thư, cho nên tôi không nói đến sách ấy mà viết liệt truyện về Nhưong Thư.

Ngũ Tử Tư Liệt Truyện -

1. Ngũ Tử Tư là người nước Sở, tên là Viên. Cha của Viên là Ngũ Xa, anh của Viên là Ngũ Thượng, tổ tiên là Ngũ Cử thờ vua Sở Trang Vương, hay can thẳng, có danh vọng cho nên đời sau nổi tiếng ở Sở. 2. Sở Bình Vương có thái tử tên là Kiến, Bình Vương sai Ngũ Xa làm thái phó, Phí Vô Kỵ làm thiếu phó. Phí Vô Kỵ không trung với thái tử Kiến. Bình Vương sai Vô Kỵ cưới vợ cho thái tử ở Tần. Người con gái ở Tần rất đẹp, nhà vua có thể lấy cho mình mà cưới một người vợ khác cho thái tử.

- Người con gái ở nước Tần rất đẹp, nhà vua có thể lấy cho mình mà cưới một người vợ khác cho thái tử.

Bình Vương bèn lấy người con gái nước Tần, rất yêu quý nàng, sinh con là Chấn và cưới một người vợ khác cho thái tử. Vô Kỵ sau khi đã đem người con gái nước Tần dâng vua Bình Vương để lấy lòng nhà vua, bèn bỏ thái tử mà thờ Bình Vương. Vô Kỵ sợ một ngày kia Bình Vương mất đi, thái tử lên ngôi sẽ giết mình nên gièm thái tử Kiến. Mẹ của Kiến là người đất Thái, không được Bình Vương yêu. Bình Vương càng bỏ xa Kiến, sai Kiến giữ huyện Thành Phụ, để phòng bị ở biên giới.

Được ít lâu, Vô Kỵ lại ngày đêm nói xấu thái tử với vua:

- Thái tử không thể không oán giận về chuyện người con gái nước Tần. Xin nhà vua cẩn thận đề phòng. Từ khi cầm quân ở Thành Phụ, thái tử giao thiệp với chư hầu xem ra có ý muốn vào làm loạn.

Bình Vương bèn mời thái phó của thái tử là Ngũ Xa vào xét hỏi. Ngũ Xa biết Vô Kỵ gièm thái tử với Bình Vương, nhân nói:

- Tại sao nhà vua lại vì một kẻ bầy tôi nhỏ bé siểm nịnh, tàn tặc mà làm hại đến tình cốt nhục?

Vô Kỵ nói:

- Nếu ngày nay nhà vua không lo ngăn cản đi thì việc sẽ xảy ra, nhà vua sẽ bị bắt.

Bình Vương nổi giận bỏ tù Ngũ Xa rồi sai Tư Mã Phấn Dương đến Thành Phụ giết thái tử. Đi chưa đến nơi, Phấn Dương sai người báo trước với thái tử, nói thái tử hãy trốn đi ngay, nếu không sẽ bị giết. Thái tử Kiến trốn sang nước Tống.

Vô Kỵ nói với Bình Vương:

- Ngũ Xa có hai người con, đều là những người tài giỏi, nếu không giết thì sẽ là mối lo cho nước Sở. Ta có thể lấy cha họ làm con tin mà gọi họ đến. Nếu không, họ sẽ là mối lo cho nước Sở.

Nhà vua sai sứ giả nói với Ngũ Xa:

- Nếu nhà ngươi có thể gọi hai người con đến thì sẽ được sống, nếu không gọi được thì nhà ngươi sẽ bị giết.

Ngũ Xa nói:

- Thượng là người nhân hậu, nếu gọi thế nào cũng đến. Còn Viên là người cứng rắn, ngang bướng (câu này đánh giá tính cách của Tử Tư), có thể nhẫn nhục làm được việc lớn. Nó thấy đến sẽ bị bắt, thì thế nào cũng không đến.

Nhà vua không nghe, sai người gọi hai người con.

Sứ giả nói:

- Các người đến thì ta sẽ tha cho cha các người được sống; các người không đến thì ta sẽ giết Xa.

Ngũ Thượng muốn đi, Viên nói:

- Vua Sở gọi hai anh em ta đến không phải là muốn cha chúng ta sống đâu. Ông ta sợ có người trốn thoát sau này sẽ gây mối lo cho nên lấy cha chúng ta làm con tin, lừa gọi hai anh em ta đến. Hai anh em ta đến thì cha con đều chết chứ chẳng có ích lợi gì hết. Cha chúng ta chết, chúng ta đến chỉ làm cho sau này không có ai mà trả thù mà thôi. Không bằng trốn sang nước khác, mượn sức mạnh của nó mà rửa cái nhục của cha. Nếu tất cả đều chết thật không làm được việc gì hết.

Ngũ Thượng nói:

- Ta biết đến thì cuối cùng cũng không thể bảo toàn được tính mạng của cha. Nhưng chỉ tiếc một điều cha gọi ta đến để mong được sống mà ta không đến, sau này không thể rửa được điều nhục, rốt cục bị thiên hạ cười mà thôi.

Thượng bảo Viên:

- Em trốn đi! Em có thể trả thù cho cha. Anh sẽ về chịu chết.

Thượng để cho người ta bắt. Sứ giả bắt Ngũ Tử Tư, nhưng Ngũ Tử Tư trương thẳng cung lấp tên vào nhắm sứ giả dọa bắn, sứ giả không dám tiến. Ngũ Viên bèn bỏ trốn.

Nghe nói thái tử Kiến ở Tống, Ngũ Viên đến đây theo thái tử. Xa nghe tin con mình là Tử Tư đã trốn thoát, nói:

- Vua tôi nước Sở rồi sẽ khổ cực về việc binh đao đây!

3. Ngũ Thượng đến Sở, Sở giết cả Xa lẫn Thượng. Ngũ Tử Tư đến Tống. Tống gặp cái loạn họ Hoa (Năm 522 trước công nguyên bọn Hoa Hại, Hướng Ninh, Hoa Định muốn cướp ngôi Sở, sau đó bỏ trốn), Tử Tư bèn cùng thái tử Kiến trốn sang nước Trịnh. Người Trịnh rất quý họ. Thái Tử Kiến lại sang Tấn. Tấn Khoảnh Công nói:

- Thái tử đã quen nước Trịnh, nước Trịnh tin thái tử, nếu thái tử có thể làm nội ứng cho ta, còn ta đánh bên ngoài thì thế nào cũng diệt được Trịnh. Nếu diệt được Trịnh, ta sẽ phong đất cho thái tử.

Thái tử bèn trở về Trịnh. Việc này chưa xảy ra thì gặp lúc thái tử muốn giết một người đi theo mình. Người này biết mưu ấy bèn báo với Trịnh. Trịnh Định Công cùng Tử Sản giết thái tử Kiến.

Kiến có người con tên là Thắng. Ngũ Viên sợ, bèn cùng Thắng bỏ trốn sang Ngô. Đến cửa ải

Chiêu Quan, người Chiêu Quan muốn bắt. Ngũ Viên bèn cùng Thắng đi bộ bỏ chạy, suýt nữa thì không thoát được. Người đuổi theo ở đằng sau. Khi qua sông Giang, trên sông có một người đánh cá đang chèo. Ông ta biết Ngũ Tử Tư nguy cấp bèn chở thuyền cho Tử Tư. Sau khi qua sông, Tử Tư cởi thanh kiếm nói:

- Thanh kiếm này giá đáng trăm lạng vàng, tôi xin biểu cù.

Cù già nói:

- Theo phép nước Sở, ai bắt được Ngũ Tử Tư thì thưởng năm vạn thạch lúa, tước đến bậc cầm ngọc khuê, chứ có phải chỉ thưởng cái kiếm giá trăm lạng vàng đâu?

Ông cù không nhận. Ngũ Tử Tư chưa đến đất Ngô, bị bệnh, dừng lại giữa đường, ăn xin.

Khi Tử Tư đến Ngô, vua Ngô là Liêu vừa mới dùng công tử Quang làm tướng. Ngũ Tử Tư bèn nhờ công tử Quang để xin yết kiến vua Ngô.

Sau đó ít lâu, Sở Bình Vương vì việc cái ấp ở biên giới nước Sở là Chung Ly cùng ấp Ty Lương ở biên giới nước Ngô đều làm nghề nuôi tằm, con gái hai bên tranh nhau đất trồng dâu, đi đến đánh nhau, nên nổi giận, đến nỗi hai nước đem binh đánh nhau. Ngô sai công tử Quang đánh Sở, lấy đất Chung Ly và Cư Sào của Sở, rồi đem quân về. Ngũ Tử Tư nói với vua Ngô là Liêu:

- Có thể đánh bại được nước Sở, xin nhà vua sai công tử Quang đi đánh lần nữa.

Công tử Quang nói với vua Ngô:

- Anh chàng Ngũ Tử Tư kia vì có cha và anh đều bị giết ở Sở nên khuyên nhà vua đánh Sở. Chẳng qua anh ta muốn báo cái thù riêng mà thôi. Nếu ta đánh Sở thì cũng chưa thể đánh bại được nó.

Ngũ Tử Tư biết đối với việc trong, công tử Quang đang ôm ấp một chí riêng, công tử Quang muốn giết vua để tự lập làm vua nên không thể đem việc ngoài (là đánh nhau với nước ngoài đối lập với việc trong là việc cướp ngôi vua Ngô) ra thuyết ông ta được. Tử Tư bèn tiến cử Chuyên Chư với công tử Quang, còn mình rút lui cùng con của thái tử Kiến là Thắng đi cày ở đồng nội.

Sau năm năm, Sở Bình Vương mất. Trước kia Bình Vương cướp người con gái nước Tần của thái tử Kiến, lấy nàng và sinh con là Chấn. Đến khi Bình Vương chết, Chấn được lập để nối ngôi tức là Chiêu Vương. Ngô Vương là Liêu nhân lúc nước Sở có tang, sai hai công tử đem binh đánh úp nước Sở. Nước Sở đem binh chặn mất đường về của quân Ngô, quân Ngô không thể về. Nước Ngô bây giờ trong nước trống rỗng.

Công tử Quang bèn sai Chuyên Chư bắt ngờ đâm chết Ngô Vương là Liêu và tự lập làm vua. Đó là vua Hạp Lư của nước Ngô. Sau khi được lập, thoả được chí nguyện của mình, Hạp Lư bèn gọi Ngũ Viên cho làm hành nhân (chức quan lo tiếp khách và nhận những vật người ta dâng cho nhà vua), để cùng mưu việc nước. Nước Sở giết quan đại thần của mình là Khước Uyển và Bá Châu Lê, cháu của Bá Châu Lê là Phỉ chạy trốn sang Ngô. Ngô cũng cho Phỉ làm đại phu.

4. Trước đây, vua Ngô sai hai công tử cầm quân đánh Sở, bị chặn đường không về được. Sau đó hai người lại nghe tin Hạp Lư giết vua là Liêu mà tự lập làm vua, bèn đem quân đầu hàng Sở. Sở phong cho họ ở Thụ.

Hạp Lư lên ngôi được ba năm, bèn đem quân cùng Ngũ Tử Tư và Bá Phỉ đánh Sở, lấy đất Thư bắt hai vị tướng quân của Ngô đã làm phản. Nhân đấy Hạp Lư muốn đánh đến Sinh. Tướng quân Tôn Vũ can:

- Dân mệt nhọc, chưa có thể đánh, hãy chờ.

Hạp Lư bèn quay về.

Năm thứ tư, Ngô đánh Sở lấy hai huyện Lục và Tiềm.

Năm thứ năm, Ngô đánh Việt thua (xem Việt Vương Câu Tiễn thế gia).

Năm thứ sáu, Sở Chiêu Vương sai công tử Nang Ngoã cầm quân đánh Ngô. Ngô sai Ngũ Viên đón đánh, phá tan quân Sở ở Dự Chương, lấy đất Cư Sào của Sở.

Năm thứ chín, vua Ngô là Hạp Lư bảo Tử Tư và Tôn Vũ:

- Trước đây các ông nói chưa có thể vào được thành Sinh, bây giờ thì thế nào?

Hai người đều nói:

- Tưởng Sở Nang Ngoã tham lam. Dân đất Đường, đất Thái đều oán giận hẳn. Nếu nhà vua muốn đánh Sở một trận lớn thì trước tiên phải làm cho dân Đường và Thái theo mới được.

Hạp Lư nghe lời, đem tất cả quân sĩ cùng dân Đường và Thái đánh Sở. Quân Ngô và quân Sở dàn trận sát sông Hán Thủy. Em của vua Ngô là Phù Khái cầm quân xin theo, nhà vua không nghe, Khái bèn đem bộ hạ của mình năm nghìn người đánh tướng Sở Tử Thường (tức Nang Ngoã).

Tử Thường thua, chạy sang đất Trịnh. Quân Ngô bèn thừa thắng tiến lên, đánh năm trận rồi cuộc tiến đến thành Sinh. Ngày kỷ mao, Sở Chiêu Vương bỏ chạy.

Ngày canh thìn Ngô Vương vào thành Sinh. Chiêu Vương bỏ trốn vào đầm Vân Mộng, bọn ăn trộm đánh nhà vua, nhà vua chạy vào nước Vân. Em của Vân Công là Hoài nói:

- Bình Vương giết cha ta, ta giết con hắn cũng được chứ sao?

Vân Công sợ em mình giết nhà vua nên cùng nhà vua trốn sang đất Tuỳ.

Quân Ngô vây thành Tuỳ, bảo người Tuỳ:

- Con cháu của họ Chu ở Hán Xuyên đều sẽ bị quân Sở giết hết.

Người Tuỳ muốn giết nhà vua, nhưng người con của nhà vua là Cơ giấu vua đi và tự xưng làm vua để thay thế. Dân thành Tuỳ bói xem có nên nộp nhà vua cho quân Ngô không. Quẻ bói không tốt, họ bèn từ chối không trao nhà vua cho quân Ngô.

Trước đây, Ngũ Viên chơi với Thân Bao Tư. Khi trốn đi, Viên có bảo Bao Tư:

- Tôi thế nào cũng lật đổ nước Sở.

Bao Tư nói:

- Tôi thế nào cũng bảo tồn được nước Sở.

Đến khi quân Ngô vào thành Sinh, Ngũ Tử Tư tìm Chiêu Vương không được, bèn sai đào mả Sở Bình Vương lên, đem thây ra quất ba trăm roi. Thân Bao Tư lúc này đã bỏ trốn vào trong núi, sai người bảo Tử Tư:

- Nhà ngươi báo thù sao mà quá thế? Ta nghe nói người mà đông thì thắng trời, trời định cũng có thể phá người. Nhà ngươi là tôi của Bình Vương, đã từng quay mặt về hướng Bắc mà thờ nhà vua, nay làm gì đến nỗi trừng phạt cả thây người chết như vậy? Như thế chẳng phải là vô đạo hết sức sao?

Ngũ Tử Tư nói:

- Ông xin lỗi Thân Bao Tư hộ tôi, bảo: “Tôi trời chiều, đường xa, cho nên gặp việc trái với đạo lý cũng cứ làm (ý nói có dịp được báo thù là làm, kể gì đến đạo lý. Câu này sau thành một thành ngữ.)

Thân Bao Tư bèn chạy sang Tần cầu cứu trong cảnh nguy cấp. Vua Tần không nghe. Bao Tư đứng trước sân vua Tần khóc bảy ngày đêm không dứt tiếng. Tần Ai Công thương nói:

- Nước sở tuy vô đạo nhưng có bấy tôi như thế lẽ nào không bảo tồn nó!

Bèn sai năm trăm cỗ xe đi cứu Sở, đánh Ngô. Tháng sáu, đánh quân Ngô thua ở Tắc. Gặp lúc vua Ngô ở lâu tại đất Sở để tìm Chiêu Vương, Phù Khái, em của Hạp Lư bèn trốn về tự lập làm vua. Hạp Lư nghe tin ấy liền bỏ Sở trở về đánh Phù Khái ở Đương Khê, làm thành họ Đương Khê. Sở lại giao chiến với Ngô, đánh bại Ngô. Vua Ngô bèn rút về.

Hai năm sau, Hạp Lư sai thái tử Phù Sai cầm quân đánh Sở lấy đất Bàn. Sở sợ Ngô lại đem quân đến, bèn dời đô từ Sinh đến Nhuộc. Lúc bấy giờ nước Ngô nhờ mưu của Ngũ Tử Tư và Tôn Vũ, phía tây đánh bại nước Sở mạnh, phía bắc uy hiếp các nước Tề, Tấn, phía nam chinh phục người Việt. Sau đó bốn năm, Khổng Tử làm tướng quốc nước Lỗ. Năm năm, Ngô đánh Việt. Vua Việt là Câu Tiễn đón, đánh bại quân Ngô ở Cô Tô, làm Hạp Lư bị thương ở ngón tay. Quân Ngô phải rút lui, Hạp Lư bị bệnh vì vết thương, sắp chết bảo thái tử Phù Sai:

- Con có quên Câu Tiễn giết cha con không?

Phù Sai đáp:

- Con không dám quên.

Đêm ấy, Hạp Lư chết. Khi được lập làm vua (năm 494 trước công nguyên) Phù Sai cho Bá Phi làm thái tử, tập duyệt việc chiến trận và bắn tên trong hai năm. Sau đó quân Ngô đánh bại quân Việt ở Phù Tiêu. Vua Việt Câu Tiễn bèn đem số quân còn lại năm nghìn người lên núi Cối Kê, sai quan đại phu là Chung đem lễ vật hậu đến đưa cho quan thái tử của Ngô là Phi để xin giảng hoà, nộp nước xưng là thần, Ngô Vương toan bằng lòng. Ngũ Tử Tư nói:

- Vua Việt là con người có thể chịu đựng cảnh khổ cực đắng cay, nếu ngày nay nhà vua không diệt đi thì sau này nhất định sẽ hối hận.

Vua Ngô không nghe, dùng kế của thái tử là Phi, cùng giảng hoà với Việt.

Sáu đó năm năm, vua Ngô nghe tin Tề Cảnh Công chết, các quan đại thần tranh nhau để được nhà vua yêu, vị vua mới nhu nhược, bèn cất quân đi về hướng bắc đánh Tề, Ngũ Tử Tư can:

- Câu Tiễn ăn không hai món, viếng người chết thăm hỏi người ốm, ý muốn có lúc dùng đến dân. Con người ấy không chết thì còn là cái mối lo cho nước Ngô. Nay Ngô có Việt cũng như con người có cái bệnh trong gan trong ruột, thế mà nhà vua lại không lo đánh Việt trước, mà lo đánh Tề, chẳng phải là sai lầm sao?

Vua Ngô không nghe, đánh Tề, quân Tề bị thua to ở Ngãi Lăng, quân Ngô thị uy với các vua nước Trâu và nước Lỗ rồi trở về, lại càng bỏ lơ mưu kế của Tử Tư.

Sau đó bốn năm, vua Ngô đem quân về hướng bắc đánh Tề. Vua Việt Câu Tiễn dùng mưu của Tử Cống đem quân giúp Ngô, lại đem của quý đưa cho thái tử là Phỉ. Quan thái tử là Phỉ đã mấy lần nhận lễ vật của Việt, lại càng yêu quý, và tin nước Việt. Ngày đêm Phỉ bày đặt lời nói với vua Ngô. Vua Ngô tin dùng kế của Phỉ, Ngũ Tử Tư can:

- Nước Việt là cái bệnh trong gan trong ruột của ta. Nay nhà vua nghe những lời phù phiếm, dối trá của nó mà tham đất Tề, đem quân đánh Tề. Tề cũng ví như ruộng đá không dùng được vào việc gì. Vả lại trong bài cáo của Bàn Canh (Vua đời Thương, cai trị từ 1401 đến 1374 trước công nguyên. Câu này lấy trong canh thu) có nói: “Có bọn cuồng loạn lao xược phải giết hết đi khiến cho chúng không còn có con cháu gì nữa, không cho chúng được làm hại cái giống tốt ở ấp này.” Đó là điều đã làm cho nhà Thương hưng thịnh. Xin nhà vua bỏ nước Tề mà đánh nước Việt trước. Nếu không làm thế thì sau này có hối cũng không kịp nữa.

Nhưng vua Ngô không nghe sai Tử Tư đi sứ sang Tề. Lúc ra đi, Tử Tư dặn con:

- Ta đã mấy lần can nhà vua nhưng nhà vua không nghe. Lần này ta sẽ thấy nước Ngô mất đấy! Mày cùng chết với nước Ngô thì vô ích.

Bèn gửi người con cho Bảo Mục ở Tề, mà trở về báo với vua Ngô. Quan thái tử nước Ngô là Phỉ vốn đã có hiềm khích sẵn với Tử Tư, nhân đấy nói dèm:

- Tử Tư là người cứng rắn, tàn bạo, ít ân đức, hay nghi ngờ. Ông ta oán trách, tội sợ sẽ xảy ra tai họa lớn. Trước đây, nhà vua muốn đánh nước Tề, Tử Tư cho là không thể được. Nhà vua cuối cùng đánh Tề và có công lớn, Tử Tư xấu hổ về chỗ mưu kế của mình không được dùng, nên quay ra oán trách. Ngày nay, nhà vua lại đánh nước Tề. Tử Tư chỉ chuyên ra sức can ngăn, mắng nhiếc những người làm quan, chỉ trông nước Ngô thua để cho cái mưu của mình được thắng mà thôi. Nay nhà vua đem tất cả vũ lực trong nước để đánh Tề, Tử Tư can, nhà vua không nghe bèn cáo bệnh không đi theo. Nhà vua không thể không phòng bị, cái việc gây họa không khó đâu. Vả lại, Phỉ sai người rình mò xem, thì khi ông ta đi sứ sang Tề, ông ta giao con cho họ Bảo ở Tề. Phàm con người làm bầy tôi người ta mà bên trong không được vừa lòng, bên ngoài dựa vào chư hầu, tự cho mình là mưu thần của tiên vương, nay không được dùng, thường uất ức oán trách, vậy xin nhà vua phải lo liệu sớm đi.

Vua Ngô nói:

- Nếu không có lời nói của nhà ngươi thì ta cũng đã nghi hấn.

Bèn sai sứ giả trao cho Ngũ Tử Tư thanh kiếm Chúc Lô nói:

- Nhà ngươi hãy chết bằng cái này!

Ngũ Tử Tư ngẩng lên trời than:

- Than ôi! Tên sàm thần Phỉ làm loạn rồi! Nhà vua quay lại giết ta. Ta làm cho cha nhà ngươi thành “bá”. Từ khi ngươi chưa được lập làm vua, các công tử tranh giành nhau, nếu ta không liều chết can ngăn tiên vương thì ngươi cơ hồ không được lập. Khi được lập làm vua, ngươi muốn chia nước Ngô cho ta, nhưng ta không dám mong như vậy. Thế mà nay ngươi nghe lời bọn tôi siểm nịnh, giết bậc trưởng giả.

Bèn nói với người xá nhân:

- Thế nào cũng phải trồng trên mộ ta một cây tử đề có thể làm quan tài. Hãy móc mắt ta treo trên cửa phía đông của nước Ngô để cho nó thấy giặc Việt vào tiêu diệt nước Ngô.

Bèn tự đâm cổ chết.

Vua Ngô nghe tin nổi giận bèn đem thầy Tử Tư, nhét vào túi da ngựa, thả trôi trên sông Giang. Người nước Ngô thương Tử Tư lập đền thờ trên sông Giang, nhân gọi nó là Tư Sơn.

Sau khi đã giết Ngũ Tử Tư, vua Ngô bèn đánh Tề. Họ Bão ở nước Tề giết vua của mình là Điền Công mà lập Dương Sinh. Vua Ngô muốn trừng trị những người giết vua Tề, nhưng đánh không thắng, phải quay về.

Sau đấy hai năm, vua Ngô mời các vua nước Lỗ và nước Vệ họp ở Thác Cao. Năm sau, nhân lúc nhà vua đi về phía bắc họp các chư hầu ở Hoàng Trì để tôn nhà Chu, vua Việt Câu Tiễn đánh úp, giết thái tử nước Ngô, phá quân Ngô. Vua Ngô nghe tin quay về sai sứ giả đem lễ vật rất hậu đưa cho vua Việt để giảng hoà. Chín năm sau (473 trước công nguyên) vua Việt là Câu Tiễn tiêu diệt nước Ngô, giết vua Phù Sai, chém thái tử là Phỉ về tội không trung với vua, bên ngoài nhận của đút, ngầm giao kết với mình (với Câu Tiễn).

Lúc đầu, Ngũ Tử Tư cùng trốn với Thắng, cho nên Thắng, con của thái tử nước Sở là Kiến ở Ngô. Thời vua Ngô Phù Sai, Sở Huệ Vương muốn mời Thắng về nước Sở. Diệp Công can:

- Thắng là người dũng mãnh lại ngầm tìm những người liều chết vì mình, phải chăng có ý riêng gì?

Huệ Vương không nghe, bèn mời Thắng về, cho ở Yển là ấp ở biên giới nước Sở, hiệu là Bạch Công. Bạch Công về Sở oán giận vua Trịnh đã giết cha mình, bèn ngầm nuôi những người dũng sĩ liều chết để báo thù nước Trịnh.

Về Sở được năm năm, Bạch Công xin quan lệnh doãn nước Sở là Tử Tây đánh Trịnh. Tử Tây hứa sẽ đánh. Quân chưa đi thì quân Tấn đánh Trịnh. Trịnh xin Sở cứu. Nước Sở sai Tử Tây đến cứu, ăn thề với Trịnh rồi trở về, Bạch Công là Thắng giận nói:

- Người thù của ta không phải là nước Trịnh mà là Tử Tây.

Thắng tự mài kiếm. Có người hỏi:

- Để làm gì thế?

Thắng nói:

- Muốn giết Tử Tây.

Tử Tây nghe vậy cười, nói:

- Thắng chỉ như quả trứng thôi, làm được gì?

Bốn năm sau, Bạch Công là Thắng và Thạch Ngật đánh úp, giết quan lệnh doãn nước Sở là Tử Tây và quan tư mã nước Sở là Tử Cơ ở đại triều.

Thạch Ngật nói:

- Không giết vua không được.

Bèn bắt nhà vua đi điện Cao Phủ. Người đi theo Thạch Ngật là Khuất Cố cũng Sở Huệ Vương trốn chạy vào cung Chiêu phu nhân (Mẹ Huệ Vương). Diệp Công nghe tin Bạch Công làm loạn, đem tất cả những người trong nước ra đánh Bạch Công. Bọn Bạch Công thua chạy trốn vào núi, Bạch Công tự sát.

Diệp Công bắt được Thạch Ngật hỏi:

- Thân của Bạch Công ở đâu? Không nói thì ta sẽ nấu.

Thạch Ngật nói:

- Việc thành thì làm khanh tướng, không thành bị nấu nướng, cái đó vốn là phận sự của tôi.

Cuối cùng vẫn không chịu nói xác Bạch Công ở đâu.

Diệp Công bèn sai nấu Thạch Ngật, và tìm Huệ Vương về, lại lập làm vua.

Thái Sử Công nói:

- Oán thù đối với người ta thực là thâm độc làm sao. Bậc vua chúa còn không thể làm điều đó đối với bấy tôi, huống gì những người cùng hàng với nhau? Giả sử trước đây Ngũ Tử Tư cùng chết với Ngũ Xa thì có khác gì con sâu con kiến! Vì bỏ cái nghĩa nhỏ nên rửa được cái nhục lớn, để danh tiếng lại đời sau. Than ôi! khi Tử Tư bị khốn quẫn trên sông, ăn xin trên đường cái, cái chi ông ta há phải trong giây phút nào quên thành Sinh đầu! Nhịn nhục lập nên công danh, nếu không phải kẻ liệt sĩ thì ai có thể làm được như vậy? (tác giả tự ngụ). Nếu Bạch Công không tự lập làm vua, thì cái công và cái mưu của ông ta cũng không thể nói hết.

Thương Quân Liệt Truyện -

T hương Quân là con người hầu của một quý tộc nước Vệ, tên là Uổng, họ là Công Tôn, tổ tiên vốn là họ Cơ. Uổng lúc nhỏ thích học hình danh, thờ tể tướng nước Ngụy là Công Thúc Toa làm trung thứ tử. Công Thúc Toa biết Uổng hiền, nhưng chưa có dịp tiến cử. Khi Toa mắc bệnh, Ngụy Huệ Vương thân hành đến thăm bệnh, hỏi:

- Nếu như bệnh của Công Thúc đưa đến việc chẳng may thì ai lo việc nước nhà?

Công Thúc Toa nói:

- Trung Thứ Tử của Toa là Công Tôn Uổng, tuy trẻ tuổi, nhưng có tài cao, xin nhà vua giao phó việc nước cho ông ta.

Nhà vua im lặng. Vua sắp đi, Toa đuổi mọi người ra, nói:

- Nếu nhà vua không nghe tôi, không dùng Uổng, thì phải giết y đi chớ để cho y ra khỏi biên giới.

Nhà vua nhận lời mà đi ra. Công Thúc Toa gọi Uổng đến từ tạ nói:

- Hôm nay, nhà vua hỏi tôi, ai có thể làm tể tướng, tôi nói anh. Sắc mặt nhà vua có vẻ không tin lời tôi. Tôi trước tiên phải lo đến vua sau mới nghĩ đến bày tôi, cho nên tôi nói với nhà vua “nếu nhà vua không dùng Uổng thì phải giết anh ta đi.” Nhà vua đã hứa. Vậy anh phải mau mau trốn đi, nếu không sẽ bị bắt đấy.

Uổng nói:

- Nhà vua đã chẳng nghe lời của ông cho tôi làm tể tướng, lẽ nào lại có thể nghe lời nói của ông mà giết tôi.

Rốt cuộc Uổng không đi. Sau khi đi ra, Huệ Vương nói với các quan hầu:

- Công Thúc bệnh nặng, thực đáng thương! Ông ta muốn quả nhân nghe theo Công Tôn Uổng để trị nước, há chẳng quá sai lầm sao?

Sau khi Công Thúc Toa chết, Công Tôn Uổng nghe tin Tần Hiếu Công ra lệnh trong nước tìm người hiền để nối nghiệp của Tần Mục Công (-659 đến -612 - thời Xuân Thu nổi tiếng là ông vua giỏi, đã làm cho nước Tần bá chủ chư hầu một thời gian.), đem quân sang hướng đông lấy lại đất đai bị cướp, bèn đi sang hướng tây vào đất Tần. Uổng nhờ một người tôi yêu của Hiếu Công là Cảnh Giám để xin yết kiến Hiếu Công. Khi đã gặp Vệ Uổng, Hiếu Công nói chuyện một hồi lâu, nhiều khi buồn ngủ, không nghe. Sau đó, Hiếu Công giận, quở Cảnh Giám:

- Người khách của nhà ngươi là người lão, dùng làm sao được!

Cảnh Giám trách Vệ Uổng, Vệ Uổng nói:

- Tôi đem “đế đạo” ra nói (Đem đạo Ngũ Đế ra bàn ý muốn làm cho vua thành Nghiêu, Thuấn.)

với nhà vua, nhưng chỉ nhà vua không hiểu rõ đó thôi.

Năm ngày sau, Cảnh Giám lại xin nhà vua cho Uổng được yết kiến. Uổng lại yết kiến Hiếu Công, nhà vua tỏ ra vui vẻ hơn, nhưng vẫn chưa trúng ý nhà vua. Sau đó, Hiếu Công lại trách Cảnh Giám, Cảnh Giám cũng lại trách Vệ Uổng, Uổng nói:

- Tôi đem “vương đạo” (Vương đạo của Tam Vương, ý muốn làm cho vua thành Hạ Vũ, Thành Thang, Vũ Vương) ra nói nhưng chưa lọt vào đó thôi. Xin cho Uổng được yết kiến lần nữa.

Uổng lại yết kiến Hiếu Công, Hiếu Công khen nhưng vẫn chưa dùng. Sau khi hội kiến đi ra, Hiếu Công nói với Cảnh Giám:

- Người khách của nhà ngươi giỏi đấy, có thể nói chuyện được!

Vệ Uổng nói:

- Tôi đem “bá đạo” (là đạo làm bá chủ chư hầu như Tề Hoàn Công, Tần Mục Công thời Xuân Thu.) ra nói với nhà vua, ý nhà vua là muốn dùng đấy. Nếu nhà vua còn gọi tôi đến yết kiến thì tôi đã biết phải nói những gì rồi! (Theo phép du thuyết trước khi nói phải tìm cách dò cho đúng ý muốn của nhà vua rồi mới nói.)

Vệ Uổng lại yết kiến Hiếu Công. Hiếu Công cùng y nói chuyện không biết đầu gối của mình đã lê đến trước chiếu của y. (Miêu tả vua Tần bị lời lẽ của Uổng thu hút đến nỗi xích lại gần lúc nào không biết.) Nói mấy ngày không chán - Cảnh Giám nói:

- Ông làm sao nói đúng ý nhà vua đến nỗi nhà vua vui thích như thế?

- Tôi đem đạo đế vương ra nói với nhà vua, muốn nhà vua sánh với thời Tam Đại (ba đời - Hạ, Thương, Chu.), nhưng nhà vua nói “điều đó viễn vông, ta không thể chờ được, vả chăng những vị vua hiền, đều được nổi danh trong thiên hạ, ngay trong đời mình, lẽ nào ngồi búi ngồi đợi mấy trăm năm mới thành đế vương sao? ” Vì vậy tôi đem cái thuật làm cho nước mạnh nói với nhà vua, nhà vua rất thích. Nhưng cũng khó mà sánh đức với đời Thương, đời Chu được!

Sau khi Hiếu Công dùng Vệ Uổng. Uổng muốn thay đổi pháp độ, nhưng sợ thiên hạ bàn tán, Vệ Uổng nói:

- Hành động không kiên quyết thì không nổi tiếng được, sự việc không xác định thì không nên công cán gì! Vả chăng, những kẻ làm việc cao hơn người thường bị thế tục chê bai. Những kẻ có ý nghĩ lỗi lạc thế nào cũng bị dân chúng trách móc. Người ngu thì việc đã thành vẫn còn mờ ám không biết; người khôn thì việc chưa tỏ mằm mống đã thấy rồi. Dân chúng không thể cùng ta lo liệu buổi đầu mà chỉ có thể cùng ta yên vui khi công việc đã xong. Bàn cái “chí đức” không thể hoà đồng với thế tục; làm nên công lớn không cần hỏi ở dân chúng. Vì vậy cho nên bậc thánh nhân nếu có thể tìm cách làm cho nước mạnh thì khi không bắt chước phép cũ, nếu có thể làm cho dân lợi thì không câu nệ ở lễ thói ngày xưa.

Hiếu Công nói:

- Phải.

Cam Long nói:

- Không phải thế! Thánh nhân không dối dân để dạy, kẻ trí giả không thay đổi pháp độ để trị. Thuận dân tục mà dạy thì không khó nhọc mà lại thành công; theo phép mà trị thì quan lại làm đã quen mà dân cũng thích.

Vệ Uông nói:

- Lời của ông Long là lời của thế tục! Người thường thì thuận theo tục cũ; kẻ học giả say đắm vào những điều mình đã nghe, hai hạng người ấy làm quan giữ phép thì được, chứ không thể cùng bàn đến việc ở ngoài phép tắc. Đời Tam Đại đều làm vương, nhưng lễ khác nhau, Ngũ Bá (Năm vị vua làm bá chủ chư hầu thời Xuân Thu: Tề Hoàn Công, Tấn Văn Công, Tống Tương Công, Tần Mục Công, Sở Trang Vương.) đều làm bá, nhưng phép tắc khác nhau. Kẻ trí giả làm ra pháp chế, người ngu lại lo ngăn cản người hiền thay đổi lễ, kẻ bất tiểu lại câu nệ.

Đỗ Chí nói:

- Nếu không có lợi gấp trăm lần thì không thay đổi pháp chế, nếu không có công hiệu gấp mười lần thì không thay đổi đồ dùng. Bắt chước xưa thì không sai lầm, theo lễ thì không lệch lạc.

Vệ Uông nói:

- Trị đời không phải chỉ có một cách, trị nước không bắt chước xưa. Vì vậy Thành Thang, Vũ Vương không theo xưa mà làm vương; vua Kiệt nhà Hạ, vua Trụ nhà Ân không thay đổi lễ mà nát. Không nên chê người làm trái xưa, không nên khen người chỉ theo lễ.

Hiếu Công nói:

- Phải!

Bèn cho Vệ Uông làm tả thứ trưởng rồi ra lệnh thay đổi pháp chế.

Uông sai chia dân thành từng nhóm, năm hộ, mười hộ, phải kiểm soát nhau và bị ràng buộc vào nhau. Ai không tố cáo kẻ gian thì bị chém ngang lưng; ai tố cáo kẻ gian thì cũng được thưởng ngang với người chém đầu quân địch; người che giấu quân gian bị phạt ngang với người đầu hàng quân địch. Gia đình có hai người con trai trở lên mà không chia của ở riêng thì bắt đánh thuế gấp đôi. Ai có quân công thì cứ theo thứ bậc mà được thưởng, ai đánh nhau vì việc riêng thì đều bị hình phạt lớn hay nhỏ, tùy theo nặng hay nhẹ mà trị. Ai ra sức vào nghề nghiệp gốc, cày cấy, dệt vải, cung cấp nhiều lúa thì được tha khỏi sưu dịch; trái lại, ai theo cái lợi trên ngọn (ý nói buôn bán), cùng những người lười mà nghèo thì đều bắt cùng với vợ con làm nô; người tôn thất mà không có quân công, thì không được ghi vào sổ sách họ nhà vua. Định cấp bậc tước trật cao thấp rõ ràng; ghi tên các ruộng vườn, thần thiếp, áo quần theo số hiệu từng nhà. Ai có công thì hiển vinh, ai không có công thì tuy giàu có cũng không được vinh hoa (Những điều này biểu hiện cụ thể nguyên lý cơ bản của học thuyết “hình danh”: mọi người bình đẳng trước pháp luật, lấy thưởng và phạt làm nguyên lý trị nước, không cần giáo dục.)

Pháp lệnh đã đủ, Uông vẫn chưa ban bố vì sợ dân không tin mình. Uông bèn dựng một cây gỗ dài ba trượng ở cửa phía nam chợ của kinh đô, quảng cáo rằng, ai có thể mang nó đến cái cửa phía bắc thì cho mười lạng vàng. Dân lấy làm lạ, không ai dám mang đi. Uông lại nói:

- Ai có thể mang đi thì cho năm mươi lạng!

Có một người mang, Uổng liền cho năm mươi lạng, để chứng tỏ mình không lừa dối. Rồi ban bố pháp lệnh.

Lệnh thi hành trong dân gian được chấn năm. Lúc đầu người ở trong kinh đô nước Tần nói lệnh không tiện có hàng ngàn. Bây giờ thái tử phạm pháp, Vệ Uổng nói:

- Pháp lệnh mà không thi hành được, là do người trên phạm.

Vệ Uổng muốn lấy pháp luật trị thái tử, nhưng thái tử là người sẽ nối ngôi cho nên không thể trừng trị. Uổng trừng trị thái phó của thái tử là Công tử Kiên, chạm vào mặt thầy thái tử là Công Tôn Giả. Ngày hôm sau, người Tần đều theo lệnh. Pháp lệnh thi hành được mười năm, dân Tần rất vui mừng, ngoài đường không nhặt của rơi, trong núi không có trộm cướp, nhà đủ người no, dân dũng cảm trong lúc chiến đấu vì việc công, khiếp sợ không dám đánh nhau vì việc riêng, làng xóm đều được trị an. Trong số những người xưa kia nói lệnh không tiện, có người đến nói lệnh tiện.

Vệ Uổng nói:

- Đó đều là bọn dân làm cho việc giáo hoá rối loạn.

Bèn dời tất cả những người ấy ra biên giới. Sau đó dân không ai dám bàn bạc gì về pháp lệnh nữa (dân không những không được chê mà cũng không được khen.)

Vua bèn cho Uổng làm đại lương tạo, đem binh vây đất An Ấp của nước Ngụy, bắt ấp này phải đầu hàng.

Được ba năm, Uổng sai xây đắp cung điện và cửa khuyết ở Hàm Dương, Tần dời đô ở Ung đến đấy. Uổng ra lệnh cấm cha, con, anh em cùng ở chung một nhà; phân cư và hợp các làng, xóm, nhỏ lại thành huyện, đặt chức quan lệnh và thừa. Được tất cả ba mươi mốt huyện. Bỏ bờ ruộng, đường thiên đường mạch, nhờ đó việc đánh thuế được tăng. Thống nhất hộc, thùng, quả cân, cân, thước, tắc. Lệnh thi hành được bốn năm, công tử Kiên lại phạm pháp bị cắt mũi. Được năm năm, người Tần giàu mạnh. Thiên tử biểu Hiếu Công thết tế (thiên tử tức vua Hiến Vương nhà Chu, biểu thết tế để tỏ lòng kính trọng), chư hầu đều đến mừng. Năm sau, quân Tề đánh bại quân Ngụy ở Mã Lăng, bắt bỏ tù thái tử Ngụy là Thân, giết tướng quân Bàng Quyên.

Năm sau (-340) Vệ Uổng nói với Hiếu Công:

- Nước Tần với nước Ngụy cũng giống như con người có bệnh trong tim gan vậy. Nếu nước Ngụy không thôn tính nước Tần, thì nước Tần cũng phải thôn tính nước Ngụy. Tại sao? Vì nước Ngụy ở phía tây dãy núi hiểm đóng đô ở An Ấp cách Tần con sông Hoàng Hà và một mình thu tất cả nguồn lợi miền Sơn Đông. Gặp điều kiện thuận lợi thì Ngụy đem quân về hướng tây đánh Tần. Ngụy gặp điều kiện không có lợi thì ta có thể qua phía đông để mở đất. Nay Tần được lúc nhà vua hiền thánh, nước nhờ vậy cường thịnh; trái lại nước Ngụy năm ngoái bị Tề đánh thua to, chư hầu làm phản. Ta có thể nhân lúc này mà đánh Ngụy. Ngụy không chống cự nổi Tần, thì thế nào cũng phải dời về đông. Ngụy dời về đông, Tần nhờ sự hiểm trở của núi sông quay mặt về đông để khống chế chư hầu, đó là cái nghiệp đế vương vậy.

Hiếu Công cho là phải, sai Vệ Uổng làm tướng đánh Ngụy. Nước Ngụy sai Công tử Ngang làm tướng đón đánh. Khi hai quân gần nhau, Vệ Uổng đưa thư cho tướng Ngụy là công tử Ngang, nói:

- “Tôi trước đây chơi thân với Công tử, nay cả hai đều làm tướng của hai nước, không nỡ đánh nhau. Tôi muốn gặp mặt công tử ăn thề, uống rượu mừng và bãi binh để cho Tần và Ngụy được yên”.

Công tử Ngang nước Ngụy cho là phải. Hội họp ăn thề xong, uống rượu. Vệ Uông phục võ sĩ bắt Công tử Ngang bỏ tù, nhân đó đánh quân Ngang, đem Ngang về Tần. Binh của Ngụy Huệ Vương mấy lần bị quân Tần đánh phá, trong nước trống rỗng, ngày càng hao mòn nên lo sợ. Ngụy Huệ Vương bèn sai sứ cắt đất Tây Hà dâng cho Tần để giảng hoà. Rồi Ngụy phải bỏ An Ấp, dời đô đến Đại Lương. Lương Huệ Vương (sau khi Ngụy dời đô đến Đại Lương, đổi tên nước là Lương, nên gọi là Lương Huệ Vương) nói:

- Quả nhân hối hận không nghe lời của Công Thúc Toa! (ý nói giết Vệ Uông.)

Sau khi đánh phá quân Ngụy trở về. Tần phong cho Vệ Uông mười lăm ấp ở đất U, đất Thương hiệu là Thương Quân.

Thương Quân làm tể tướng nước Tần mười năm, tôn thất và gia đình quyền quý nhiều người oán. Triệu Lương ra mắt Thương Quân. Thương Quân hỏi:

- Uông được gặp ông là nhờ Mạnh Lan Cao tiến cử, nay Uông muốn được kết bạn với ông có được không?

Triệu Lương nói:

- Tôi không dám mong được thế. Khổng Khâu có nói, “Nếu tiến cử người hiền thì những người yêu dân tự tiến cử mình; nếu tụ họp bọn bất tiểu thì những người theo vương đạo tự rút lui. ” Tôi là kẻ bất tiểu, cho nên không dám vâng mệnh. Tôi nghe nói, “không phải địa vị của mình mà lại giữ lấy là tham địa vị; không phải cái danh tiếng của mình mà cứ chiếm lấy là tham danh”. Tôi nếu chịu cái ơn của ngài, sợ là tham địa vị, tham danh, cho nên không dám vâng mệnh.

Thương Quân nói:

- Người không vừa ý về việc ta cai trị nước Tần sao?

Triệu Lương nói:

- Tự nghe mình là thông, nhìn vào mình là minh, thắng được mình là cường. Vua Thuấn có nói, “Kẻ tự cho mình là thấp thì đáng tôn quý vậy”, ngài có lẽ nên làm như vua Thuấn không nên hỏi tôi.

Thương Uông nói:

- Trước kia tập tục ở Tần bắt chước theo bọn Nhung, Địch: cha con không phân biệt, cùng ở chung một nhà. Nay ta thay đổi cách dạy dỗ làm cho con trai con gái phân biệt, xây dựng cung điện to lớn cũng như ở nước Lỗ, nước Vệ. Người xem ta cai trị nước Tần với Ngũ Cổ đại phụ (Bách Lý Hề tể tướng đời Tần Mục Công) thì ai giỏi hơn?

Triệu Lương nói:

- Một nghìn tấm da dê không quá bằng cái nách của một con cáo, một nghìn người vàng dạ, không bằng một người nói thẳng. Vua Vũ Vương nhờ bầy tôi nói thẳng nên thịnh vượng, vua

Trụ nhà Ân vì bấy tôi a dua nên mất. Nếu ngài không cho Vũ Vương là không phải, thì tôi xin nói thẳng suốt ngày mà ngài đừng trị tội tôi. Như thế có được không?

Thương Quân nói:

- Tục ngữ có câu, “Lời nói trau chuốt là phú hoa, lời nói ngay là thành thực; nói khó nghe là thuốc, nói ngọt là bệnh tật. ” Nếu ông quả thực chịu suốt ngày nói điều thẳng, thì đó thuốc cho Uởng này. Uởng phải thờ ông làm thầy, lẽ nào ông lại chối từ?

Triệu Lương nói:

- Ngũ Cổ đại phu là người nhà quê ở đất Kinh (1), nghe tin Tần Mục Công hiền, được yết kiến, đi không có tiền, tự bán mình cho người khách ở Tần, mặc áo cộc chân dê. Được chẵn một năm, Tần Mục Công biết đến, cất nhắc từ dưới miệng trâu mà đặt trên đầu trăm họ, nước Tần không ai dám oán trách. Làm tể tướng nhà Tần sáu bảy năm, phía đông đánh Trịnh, ba lần lập vua nước Tấn, một lần cứu hoạ nước Sở, thi hành giáo hoá ở trong bờ cõi, làm cho người đất Ba đến nộp đồ cống, đúc ban ra các chư hầu và các rợ Nhung đều theo phục. Do Dư nghe vậy, đến cửa khuyết xin yết kiến. Ngũ Cổ đại phu làm tể tướng nước Tần, lúc mệt không ngồi xe, lúc nắng không che lọng, đi ở trong nước không có xe tùy tùng, không có người mang giáo mác hộ vệ, công lao ghi ở sử sách, đức hạnh lưu lại đời sau. Khi Ngũ Cổ đại phu chết, trai gái nước Tần chảy nước mắt, trẻ con không ca hát, người giả gạo không hò, đức của Ngũ Cổ đại phu là như thế. Nay ngày yết kiến vua Tần nhờ người tôi yêu là Cảnh Giám tiến cử, đó không phải là cách để có danh dự (2). Ngài làm tể tướng không lo đến trăm họ mà lại ra sức xây cung khuyết, không phải là cách lập công. Về mặt hình phạt thì chạm vào mặt sư phó của thái tử, dùng hình phạt nặng nề để tàn hại nhân dân, như vậy là cách nuôi oán, chất hoạ.

1. Bách Lý Hề người nước Ngưu. Nước Ngưu bị Tần diệt. Bách Lý Hề bỏ trốn bị người nhà quê đất Kinh (đất Sở) bắt. Tần Mục Công nghe nói Bách Lý Hề là người hiền, nên lấy năm tấm da dê mà đổi, vì vậy Bách Lý Hề cũng gọi là “ông đại phu năm tấm da dê” (Ngũ Cổ đại phu).

2. Cảnh Giám là hoạn quan. Triệu Lương chê Thương Uởng dùng lối luồn lọt để được tiến cử.

Tự mình tu đức để giáo hoá dân, thì sâu hơn mệnh lệnh, dân bắt chước người trên, thì nhanh hơn pháp luật. Nay ngài lập uy quyền một cách trái, biến pháp một cách sai đã tám năm nay; ngài lại giết Chúc Hoan và chạm vào mặt Công Tôn Giả. Kinh Thi nói, “Ai được nhân tâm thì hưng thịnh, ai mất nhân tâm thì tan vỡ. ” Mấy việc trên đây không phải là việc thu được nhân tâm. Khi ngài đi ra xe tùy tùng có hàng chục, xe đi theo mang áo giáp, người khoẻ mạnh xương sườn liên nhau cùng ngồi tham thặng, kẻ cầm giáo mác chạy hộ vệ bên xe. Nếu thiếu một trong những điều này là ngài không đi. Kinh Thư nói, “Ai cậy vào đức thì sẽ hưng thịnh, ai cậy vào sức thì sẽ mất. ” Ngài đang nguy như hạt móc buổi sáng, thế mà lại còn muốn sống lâu sao được? Tại sao ngài không trả lại mười lăm ấp, vui làm vườn ở nơi xa, khuyên vua Tần cất nhắc kẻ sĩ ở ẩn trong núi sâu, nuôi người già, hỏi thăm người cô (không anh, không cha), kính bậc cha anh, sắp xếp những người có công, tôn những người có đức, như thế may ra có thể an được chút ít. Nếu ngài còn tham cái giàu có ở ấp Thương, ấp U, chất chứa điều oán giận của trăm họ, thì một khi vua Tần rời bỏ tân khách mà không ra triều, người nước Tần bắt ngài là sự hiển nhiên, điều

nguy vong có thể đứng nhón chân mà đợi!

Thương Quân không nghe theo.

Năm tháng sau, Tần Hiếu Công mất, thái tử lên ngôi. Bọn Công tử Kiên báo Thương Quân muốn làm phản. Vua sai người bắt Thương Quân. Thương Quân bỏ trốn, đến cửa quan muốn vào ở nhà trọ. Người nhà trọ không biết đó là Thương Quân, nói:

- Theo phép của Thương Quân, cho người ở trọ không có giấy chứng nhận thì bị liên lụy.

Thương Quân thở dài mà rằng:

- Than ôi! Cái tệ hại của kẻ làm pháp lệnh đến như thế ư!

Thương Quân trốn sang Ngụy. Người Ngụy giận y lừa Công tử Ngang và đánh phá quân Ngụy, nên không nhận. Thương Quân muốn đi sang nước khác. Người Ngụy nói:

- Thương Quân là thằng giặc của Tần. Nước Tần mạnh, ta không tống cổ tên giặc đã vào đất Ngụy về thì không được.

Bèn đuổi về Tần. Thương Quân sau khi trở lại nước Tần, chạy về ấp Thương cùng bọn tôi tớ đem binh về hướng bắc đánh đất Trịnh. Tần đem binh đánh Thương Quân, giết y ở Dẫn Trì thuộc đất Trịnh. Tần Huệ Vương lấy xe xé xác Thương Quân để thị uy, nói:

- Chớ có làm phản như Thương Quân!

Rồi giết cả nhà Thương Quân.

Thái Sử Công nói: Thương Quân là người thiên tư khắc bạc. Xét việc y muốn nói thuật làm đế vương với Hiếu Công, đem lý thuyết viễn vông ra nói không phải là thực tâm của ông ta. Ông ta nhờ người tôi tớ vua yêu mà được tiến cử, rồi khi được dùng, lại trị Công tử Kiên, lừa tướng Ngụy là Ngang, không nghe theo lời Triệu Lương, như thế cũng đủ thấy Thương Quân ít làm ân đức. Tôi thường đọc sách nói về việc mở mang bờ cõi, cày ruộng, đánh trận của Thương Quân, thấy giống như việc ông làm. Cuối cùng ông ta mang cái tiếng xấu ở Tần cũng là đáng lắm!

Truyện Tô Tần -

Tô Tần người thành Lạc Dương, nhà Đông Chu. Tả sang Đông tìm thầy ở nước Tề, theo học Quỷ Cốc tiên sinh. Đi du thuyết vài năm bị khốn cùng quá nên trở về. Anh em, chị dâu, em gái, thê thiếp đều chê cười, nói:

- Người đất Chu xưa nay chỉ cốt lo làm ăn, chăm việc công thương, cốt lấy cái lợi hai phần mười. Nay ông bỏ việc gốc mà lo khoa môi múa mép, có khốn cũng là đáng lắm?

Tô Tần nghe vậy xấu hổ, tự cảm thương mình. Bèn ngồi nhà đóng cửa không đi ra. Tần đem sách ra xem hết và nói:

- Kẻ sĩ đã cúi đầu học thầy, thế mà vẫn không được tôn quý vinh hiển, đọc sách nhiều để mà làm gì?

Tần bèn tìm được quyển âm phù sách của nhà Chu, cúi cổ đọc một năm trời đã tìm ra được “thuật thăm dò”, nói:

- Chuyển này có thể thuyết phục vua đương thời đây.

Tần xin nói chuyện với Chu Hiển Vương. Những người thân cận của Hiển Vương vốn biết Tô Tần học thức kém, đều khinh và không tin. Tô Tần đi về hướng Tây đến nước Tần. Tần Hiếu Công đã mất. Tần nói chuyện với Huệ Vương:

- Tần là nước hiểm yếu, bốn phía có núi bao quanh, có công Vị cắt ngang như cái đai. Phía Đông có Hàm Cốc quan, gông Hoàng Hà; phía Tây có đất Hán Trung; phía Nam có đất Ba, đất Thục; phía Bắc có ấp Mã, quận Đại. Đây là kho trời. Với một nước dân đông, kẻ sĩ nhiều như nước Tần mà dạy binh pháp cho họ thì có thể thôn tính thiên hạ, xưng đế mà trị được.

Tần Vương nói:

- Long cánh chưa đủ, không thể bay cao; đạo lý chưa rõ ràng không thể thôn tính các nước được.

Tần vừa mới giết Thương Ưởng nên ghét kẻ biện sĩ, không dùng Tô Tần. Tô Tần bèn đi về hướng Đông, đến nước Triệu. Triệu Túc Hầu cho con là Thành làm tướng quốc, gọi là Phụng Dương Quân. Phụng Dương Quân không ưa Tô Tần. Tô Tần đi sang nước Yên. Sau hơn một năm mới được vào nói chuyện với Yên Văn Hầu. Tô Tần nói:

- Nước Yên ở phía Đông giáp với Triều Tiên, Liêu Đông; phía Bắc có các nước Lâm, Hồ, Lô, Phiến; phía Tây có các quận Vân Trung, Cửu Nguyên; phía Nam có các sông Hồ Đà, Dịch Thủy. Đất vuông hơn hai nghìn dặm; binh sĩ mặc áo giáp vài mươi vạn người; xe sáu trăm cỗ, ngựa sáu nghìn con, thóc chứa chỉ dùng được vài năm. Phía Nam có núi Kê Thạch, núi Nhạn Môn đầy sản vật; phía Bắc có cây táo, cây lặt lăm hoa lợi, dân dẫu không cày cấy nhưng nhờ cây táo cây lặt cũng đủ sống. Vì vậy người ta gọi nó là kho trời: Kể về mặt yên vui vô sự, không thấy cảnh tượng quân thua tướng chết, thì không nước nào hơn nước Yên. Đại vương có biết vì sao thế không? Nước Yên sở dĩ không bị giặc xâm lấn, không phải lo việc binh đao là vì có nước

Triệu che ở mặt Nam vậy. Tần với Triệu đánh nhau năm lần, Tần hai lần thắng mà Triệu ba lần thắng. Tần và Triệu làm cho nhau chết mà nhà vua lại đem tất cả toàn bộ nước Yên để chống giữ ở phía sau, cho nên nước Yên không bị xâm lấn. Vả lại, Tần muốn đánh Yên thì phải vượt qua hai quận Vân Trung và Cửu Nguyên, đi qua hai quận Đại và Thượng Cốc, đất dài vài nghìn dặm, dầu có lấy được thành nước Yên, tưởng Tần rốt cục cũng không thể nào giữ được. Việc Tần không làm hại được Yên, thực là hiển nhiên vậy. Trái lại, nếu Triệu đánh Yên thì ra lệnh không đầy mười ngày, đã có vài mươi vạn quân đóng ở ấp Đông Viên. Quân Triệu vượt qua sông Hồ Đà Dịch Thủy, không đầy bốn năm ngày đã đến kinh đô nước Yên. Cho nên nói Tần đánh Yên thì đánh ở ngoài nghìn dặm; còn Triệu đánh Yên là đánh ở trong trăm dặm là như vậy. Không lo điều đáng sợ trong trăm dặm mà chú trọng ở ngoài nghìn dặm, thì thực là sai lầm! Vì thế cho nên xin đại vương kết thân và hợp tung với nước Triệu, hợp thiên hạ làm một thì nước Yên chắc chắn sẽ chẳng có gì phải lo!

Văn Hầu nói:

- Ông nói phải đấy, nhưng nước tôi nhỏ, phía Tây sát nách nước Triệu mạnh, phía Nam gần nước Tề, Tề và Triệu đều là những nước mạnh, nếu quả thật ông muốn hợp tung để làm cho nước Yên được yên ổn thì quả nhân xin đem cả nước theo.

Văn Hầu bèn cấp cho Tô Tần xe, ngựa, vàng, lụa để đi đến nước Triệu.

Lúc này ở nước Triệu, Phụng Dương Quân đã chết. Tô Tần nhờ vậy được nói chuyện thẳng với Triệu Túc Hầu:

- Lâu nay, trong thiên hạ, từ các khanh tướng, các quan cho đến kẻ sĩ áo vải đều kính phục đạo nghĩa của đại vương, đều muốn vâng theo lời dạy, bày tỏ lòng trung thành trước mặt đại vương, nhưng vì Phụng Dương Quân ghen ghét lại cản trở công việc nên tân khách du sĩ không ai dám bày tỏ hết lòng thành ở trước mặt đại vương. Nay Phụng Dương Quân đã qua đời, đại vương mới lại gần gũi kẻ sĩ và dân chúng. Cho nên thần mới dám dâng điều ý nghĩ ngu muội của mình. Theo như thần trộm nghĩ, đối với đại vương, không gì bằng dân sống yên ổn vô sự và không bày việc bắt dân phải làm. Yêu dân gốc ở chỗ chọn nước bạn mà giao hiếu. Chọn đúng thì dân được yên; chọn không đúng thì dân suốt đời không yên. Thần xin nói về mối lo bên ngoài: nếu Tần và Tề làm hai nước thù địch thì dân không được yên; nếu dựa vào Tề đánh Tần thì dân cũng không được yên. Cho nên mưu đánh chúa người, chinh phạt nước người, thường khổ ở chỗ nói ra lời dễ cắt đứt tình giao hiếu của người. Mong đại vương cẩn thận, chớ nói ra miệng. Thần chỉ xin phân biệt trắng đen để rõ phải trái mà thôi. Đại vương nếu quả thực nghe lời thần thì nước Yên thế nào cũng phải đem dâng đất đai sản xuất ra lông thiên, áo cừ, chó ngựa; nước Tề thế nào cũng phải đem dâng biển sản xuất ra cá và muối; nước Sở thế nào cũng phải đem dâng vườn sản xuất ra quýt, bưởi; Có thể bắt nước Hàn, nước Ngụy, đất Trung Sơn nộp đất, các bậc phụ huynh họ hàng nội ngoại đều có thể được phong hầu. Vì muốn cắt đất của người ta, chiếm lấy nguồn lợi của người ta cho nên Ngũ Bá đã đánh bại quân địch, bắt tướng địch; vì muốn phong hầu cho họ hàng nên các vua Thành Thang, Vũ Vương đã tranh giành thiên hạ, đuổi vua Kiệt, giết vua Trụ. Nay thần xin trình bày ý nghĩ khiến đại vương có thể chấp tay ngồi yên không làm gì mà được cả hai điều ấy. Nếu bây giờ đại vương theo Tần thì thế nào Tần cũng làm yếu nước Hàn, nước Ngụy; đại vương theo Tề thì thế nào Tề cũng làm yếu nước Sở, nước Ngụy. Nếu Ngụy yếu thì phải cắt đất Hà Ngoại; Hàn yếu thì phải dâng đất Nghi Dương. Đất Nghi Dương đã dâng thì con đường Thượng Quận bị chặn; đất Hà Ngoại bị cắt thì đường sá không thông; Sở bị yếu thì không có viện binh. Về chước ấy không thể không suy sâu nghĩ kĩ. Nay Tần

đem quân xuống Chỉ Đạo thì Nam Dương bị nguy. Tần cướp lấy Hàn, bao bọc kinh đô của Chu thì nước Triệu phải cầm binh, Tần chiếm giữ Vệ, lấy được Kỳ Quyền thì Tề thế nào cũng phải vào châu Tần. Tần đã được Sơn Đông thì thế nào cũng đem quân nhằm đánh Triệu. Quân của Tần vượt Hoàng Hà qua sông Chương giữ thành Ba Ngô, thế nào binh sĩ cũng đánh nhau ở gần Hàm Đan. Đó là cái điều mà thần lo cho nhà vua đấy. Trong lúc này các nước ở miền Sơn Đông, không nước nào mạnh bằng nước Triệu. Nước Triệu đất vuông hơn hai nghìn dặm, người mặc áo giáp vài mươi vạn, xe nghìn cỗ, ngựa vạn con, thóc dùng được vài năm. óphia Tây có núi Thường Sơn; phía Nam có sông Chương; phía Đông có sông Thanh Hà; phía Bắc có nước Yên. Nước Yên vốn là nước yếu không đáng sợ. Các nước trong thiên hạ không nước nào Tần ghét bằng nước Triệu. Thế nhưng Tần không dám đem binh đánh Triệu là tại làm sao? Là vì sợ Hàn, Ngụy đánh ở sau lưng. Thế thì Hàn, Ngụy là cái phen che ở phía Nam cho Triệu. Tần đánh Hàn, Ngụy không có núi to, sông lớn ngăn cản cứ lần dần như tầm ăn lá dâu đến sát kinh đô mới thôi. Hàn, Ngụy không chống được Tần thế nào cũng phải vào thần phục Tần. Tần một khi không phải bận về Hàn và Ngụy thì Triệu thế nào cũng bị tai vạ. Đó là điều thần lấy làm lo cho đại vương đấy. Thần nghe nói phần đất vua Nghiêu không đến ba phu(l), vua Thuần không có một thước đất mà có cả thiên hạ; vua Vũ không có nhóm một trăm người mà làm vương chư hầu; vua Thang, vua Vũ, kẻ sĩ chẳng quá ba nghìn người, xe không quá ba trăm cỗ, quân chẳng quá ba vạn người mà làm được thiên tử. Chỉ vì họ giữ đúng đạo nghĩa của họ. Cho nên vị vua sáng ở ngoài thì nắm vững kẻ địch mạnh hay yếu; ở trong thì lượng xem binh sĩ giỏi hay kém, không cần đợi khi quân hai bên chạm trán, mà trong bụng đã biết rõ ai thắng ai bại, ai mất ai còn, chứ đâu bị lời của người thường làm mờ tối, quyết đoán công việc một cách hồ đồ? Thần trộm xét địa đồ thiên hạ, thì đất của chư hầu rộng gấp năm lần đất của nước Tần; ước tính quân của chư hầu thì đông gấp mười lần quân của nước Tần. Nếu sáu nước hợp làm một, chung sức về hướng Tây để đánh Tần, thì Tần phải tan vỡ. Nhưng nay chư hầu lại ngoảnh mặt về Tây mà thờ, xưng thần với Tần. Phàm việc đánh bại người, so với việc bị người đánh bại; bắt người phải thần phục, so với việc phải thần phục người là khác nhau một vực một trời. Những người du thuyết chủ trương hèn hoành, đều muốn cắt đất của chư hầu để nộp cho Tần. Nếu Tần được, thì họ sẽ được đài tạ cao, cung thất đẹp, tai nghe tiếng đàn sáo, đằng trước có cổng lầu, xe cộ, đằng sau có gái giỏi người đẹp. Nước nhà họ bị cái nạn nước Tần nhưng họ cũng mặc kệ. Thế cho nên những kẻ chủ trương liên hoành ngày đêm cốt lấy uy quyền của Tần hăm dọa chư hầu để đòi cắt đất. Xin đại vương nghĩ việc đó cho chín. Thần nghe vị vua sáng thì cắt đứt nghi ngờ gạt bỏ lời gièm pha bác bỏ những lời rêu rao không căn cứ, bịt lối gây dựng bè đảng. Cho nên thần mới được bày tỏ ở trước nhà vua cái kế làm cho vua được tôn, binh được mạnh. Thần trộm mưu tính hộ đại vương, không gì bằng hợp tung với Hàn, Ngụy, Tề, Sở, Yên, Triệu làm một để chống lại Tần. Khiến tướng quân, tể tướng trong thiên hạ họp nhau ở trên sông Hoàn Thủy, đưa con tin cho nhau, giết ngựa trắng cùng ăn thề, ước với nhau rằng: “Hễ Tần đánh Sở thì Tề, Ngụy đều đem quân tinh nhuệ ra để giúp Sở, quân Hàn cắt đứt đường vận lương của Tần, quân Triệu vượt qua Hoàng Hà, Chương Thủy, quân Yên giữ phía Bắc núi Thường Sơn. Nếu Tần đánh Hàn, Ngụy thì quân Sở cắt đứt phía sau quân Tần; Tề đem quân tinh nhuệ ra giúp Hàn, Ngụy, quân Triệu vượt sông Chương, quân Yên ở giữ Vân Trung. Nếu Tần đánh Tề thì quân Sở cắt đứt ở phía sau quân Tần; quân Hàn giữ Thành Cao; quân Ngụy chặn đường của quân Tần; quân Triệu vượt qua Hoàng Hà đến Bác Khuyết; Yên đem quân tinh nhuệ ra để giúp Tề. Nếu Tần đánh Yên thì quân Triệu giữ Thường Sơn; quân Sở đóng ở Vũ Quan; quân Tề vượt qua Bật Hải; Hàn, Ngụy đều đem quân ra giúp nước Yên. Nếu Tần đánh Triệu thì Hàn đóng quân ở Nghi Dương; Sở đóng quân ở Vũ Quan; Ngụy đóng quân ở Hà Ngoại; Tề vượt qua sông Thanh Hà; Yên đem quân tinh nhuệ ra giúp Triệu. Chư hầu có nước nào không theo lời ước, thì quân

năm nước cùng đánh nước lấy. Sáu nước hợp tung, thân thiện với nhau để chống Tần thì quân của Tần chắc chắn không dám ra khỏi cửa Hàm Cốc để làm hại vùng Sơn Đông. Như thế thì làm nên cơ nghiệp bá vương(2).

Triệu Vương nói:

- Quả nhân ít tuổi, trị nước chưa lâu, chưa hề được nghe mưu kế lâu dài của xã tắc. Nay thượng khách có ý muốn bảo tồn thiên hạ, làm chư hầu được yên, quả nhân xin đem cả nước theo.

Triệu Vương bèn sắm xe lịch sự trăm cỗ, vàng ròng một ngàn dật, ngọc bích trắng một trăm đôi, gấm vóc một ngàn tấm để ước hẹn với chư hầu.

Lúc bấy giờ, thiên tử nhà Chu cho đưa phần thịt tế vua Văn, vua Vũ cho Tần Huệ Vương. Huệ Vương sai Tề Thủ đánh Ngụy, bắt tướng của Ngụy là Long Giả, lấy đất Điều Âm của Ngụy, lại muốn kéo quân sang miền Đông. Tô Tần sợ quân của Tần kéo đến Triệu bèn tâu tức Trương Nghi để đưa Nghi vào Tần. Rồi Tô Tần đi du thuyết với Tuyên Huệ Vương:

- Nước Hàn ở phía Bắc có đất Củng Lạc, Thành Cao kiên cố, phía Tây có Nghi Dương, Thương Bản hiểm trở, phía Đông có các huyện Uyên, Nhuong và sông Vị; phía Nam có núi Hình Sơn. Đất vuông hơn chín trăm dặm, tướng sĩ mặc giáp vài mươi vạn người. Những cung bền nổ cứng trong thiên hạ đều do Hàn sản xuất. Nỏ của mán Khê Tử và hai thứ nỏ “thời lực”, “cự lai” của thiếu phủ làm đều bắn xa ngoài sáu trăm bộ. Quân nước Hàn giơ chân đạp cánh nỏ rồi bắn, trăm phát không nghỉ. Người ở xa thì bị tên xuyên suốt ngực, người ở gần thì mũi tên bắn trúng tim. Kiếm và kích của quân Hàn đều sản xuất ở núi Minh Sơn. Các thanh kiếm “Đường Khê”, “Mặc Dương”, hợp Phụng, “Đặng Sư”, “Uyển Phùng”, “Long Uyển”, “Thái A” đều ở trên cạn thì chém đứt trâu ngựa, ở dưới nước thì chặt phăng hộc, nhọn, chống kẻ địch thì chém được áo giáp bên, cái che cánh tay bằng sắt. Bao da, dây một không thiếu thứ gì. Lấy quân nước Hàn đứng cầm, mặc giáp bên, bắn nỏ cứng, đeo guom sắc, thì một người đương được trăm người, không cần phải nói. Nay với một nước mạnh như nước Hàn, một vị vua hiền như đại vương mà lại chịu ngoảnh mặt về phía Tây thờ nước Tần, khoanh tay chịu phục tùng, khiến xã tắc xấu hổ và làm trò cười cho thiên hạ, thật không gì hơn thế. Cho nên xin đại vương nghĩ cho chín. Đại vương đã thờ Tần, Tần thế nào cũng đòi đất Nghi Dương, Thành Cao. Năm nay đem dâng đất ấy thì sang năm họ lại đòi cắt đất nữa. Nếu cho thì không có đất để cung cấp, không cho thì cổng lao trước kia bị bỏ đi mà chịu lấy cái họa sẽ đến. Vả lại đất của đại vương có lúc hết mà sự đòi hỏi của Tần thì không bao giờ thôi. Lấy cái đất có lúc hết để đương với sự đòi hỏi không thôi, thế nghĩa là mua oán chuộc vạ, không đánh nhau mà đất đã bị cắt rồi. Thần nghe ngôn ngữ có câu: “Thà làm miệng gà chứ không làm đít trâu(3). Nay ngoảnh mặt về phía Tây, khoanh tay mà thần phục Tần, có khác gì làm đít trâu không? Hiền như đại vương, lại có quân của nước Hàn vững mạnh, thế mà lại mang cái tiếng “đít trâu”, thần trộm lấy làm thẹn cho đại vương!

Bấy giờ Hàn Vương nét mặt hầm hầm, xắn tay áo, trừng đôi mắt, vỗ guom, ngựa lên trời, thở dài nói:

- Quả nhân tuy kém cỏi, nhưng không thể nào không thờ Tần được. Nay ngài đem lời dạy của Triệu Vương khuyên ta, ta xin kính dâng xã tắc để theo.

Tô Tần lại thuyết Ngụy Vương:

- Đất của đại vương phía Nam có ngòi Hồng Câu, các huyện Trần, Như Nam, Hứa, Yến, Côn Dương, Thiệu Lăng, Vũ Dương, Tân Đô, Tân Thê; phía Đông có quận Hoài, quận Dĩnh, đất Chử Tảo, đất Vô Tư; phía Tây có Trường thành làm giới hạn; phía Bắc có đất Hà Ngoại, Quyển Diễn, Toan Tảo. Đất đai vuông ngàn dặm. Đất tiếng là nhỏ, nhưng ruộng nương, nhà cửa chi chít không có chỗ nào là đồng cỏ bãi chăn; nhân dân đông, xe ngựa nhiều, ngày đêm đi không ngớt, rầm rập như ba quân ra trận. Thần trộm ước lượng nước của đại vương không kém gì nước Sở. Những bọn du thuyết chủ trương liên hoành, cứ dụ nhà vua giao kết với nước Tần là loài hổ lang để xâm chiếm thiên hạ. Nếu đột nhiên nước Tần gây họa nạn thì họ không đoái gì đến tai vạ của nước. Cậy thế của nước Tần mạnh để bên trong ép chủ của mình(4) là rất nặng tội. Nước Ngụy là một nước mạnh trong thiên hạ. Nhà vua là vị vua hiền trong thiên hạ. Nay nhà vua lại có ý ngoảnh mặt về hướng Tây để thờ Tần, xưng làm đồng phiên, xây dựng để cung cho Tần, nhận đai mũ của Tần, mùa xuân mùa thu nộp lễ vật cho Tần để tế. Thần trộm lấy làm xấu hổ cho đại vương. Thần nghe Việt Vương Câu Tiễn có ba nghìn quân mệt mỏi mà bắt được Phù Sai ở Can Toại; Vũ Vương có ba nghìn quân, trăm cỗ xe trận mà thắng được vua Trụ ở Mị Dã; binh sĩ của họ có nhiều đâu? Chỉ vì họ biết làm nổi uy thế của mình mà thôi. Nay trộm nghe quân của đại vương có vũ sĩ hai mươi vạn người, quân đội khăn xanh hai mươi vạn người, quân cầm kích hai mươi vạn người, quân nấu bếp nuôi ngựa mười vạn, xe sáu trăm cỗ, ngựa năm nghìn con. Như thế là hơn hẳn Câu Tiễn, Vũ Vương. Thế mà đại vương lại nghe lời quần thần, muốn làm tôi thờ nước Tần. Nếu thờ Tần thì thế nào cũng phải cắt đất dâng cho nó để tỏ lòng thành thực, cho nên binh chưa dùng mà nước đã hao hụt rồi. Phàm những bầy tôi nói thờ Tần đều là kẻ gian, không phải trung thần đâu. Làm tôi lại cắt đất của vua mình để cầu bên ngoài, trộm cái công một thời mà không đoái nghĩ đến ngày sau. Phá nhà công để thành của tư, ngoài cậy thế của nước Tần mạnh để trong ép vua mình đòi cắt đất Xin đại vương xét kĩ cho. Chu Thu nói “Thấy nó kéo dài mà không dứt, thì nó sẽ ăn lan khắp nơi, còn làm gì được nữa. Khi còn nhỏ như sợi tơ không cắt, đến sau sẽ phải dùng búa rìu. Nếu không lo cho xong cái mối lo trước, thì, sau này khi gặp Vạ lớn còn biết làm thế nào. Nếu đại vương quả thực nghe lời thần, sáu nước hợp tung, đồng tâm góp sức, một ý một lòng, thì nhất định không phải lo về nước Tần mạnh. Cho nên Triệu Vương của tể ấp sai thần dâng kế ngu dại, trình ước minh bạch, xin đại vương dạy cho.

Ngụy Vương nói:

- Quả nhân ngu xuẩn, chưa hề được nghe lời chỉ giáo sáng suốt, nay ông đã lấy lời của Triệu Vương dạy ta, ta xin kính đem cả nước theo.

Tô Tần bèn sang Đông thuyết Tề Tuyên Vương:

- Nước Tề phía Nam có núi Thái Sơn, phía Đông có núi Lạng Gia, phía Tây có sông Thanh Hà, phía Bắc có bể Bột Hải; thế gọi là nước bốn mặt đều hiểm yếu. Nước Tề có đất vuông hơn hai nghìn dặm, quân tướng mặt áo giáp vài mươi vạn, thóc gạo chất cao như gò núi, ba quân giỏi, lính của năm nhà tiến nhanh như mũi dao, mũi tên, đánh dữ như sấm chớp, thôi mau như mưa gió. Khi có việc quân, chưa hề phải đem quân đi theo núi Thái Sơn, vượt sông Thanh Hà, qua bể Bột Hải. Trong vùng Lâm Tri có bảy vạn hộ, thần trộm tính mỗi hộ có khoảng ba người con trai, thì ba lần bảy là hai mươi một vạn, không cần phải lấ người ở huyện xa, chỉ riêng quân ở Lâm Tri cũng đã được hai mươi một vạn rồi. Vùng Lâm Tri rất giàu lại đầy đủ. Dân ở đấy, không ai là người không biết thổi sáo, đánh đàn cầm, đàn sắt, đánh trúc, nuôi gà chọi, có chó săn, đánh cờ, đánh cầu. Trên đường Lâm Tri trục xe chạm nhau, vai người đụng nhau, vật áo liền

nhau thành màn, tay áo giơ lên thành lều, mồ hôi vẩy thành mưa. Nhà giàu, người đủ, chí cao, khí hăng. Nay có vua hiền như đại Vương, nước mạnh như nước Tề, thiên hạ không ai địch nổi, thế mà lại ngoảnh mặt về phía Tây để thờ nước Tần, thần trộm then thay cho đại vương. Vả lại, Hàn, Ngụy sở dĩ thấy sợ Tần là vì bờ cõi tiếp giáp nước Tần. Dem quân ra để đánh nhau thì không quá mười ngày mà tình thế thắng bại, mất còn, đã quyết định. Hàn, Ngụy đánh được Tần, thì quân tổn mất nửa, bốn cõi không giữ được. Đánh mà không thắng thì nguy vong theo ngay đằng sau. Cho nên Hàn, Ngụy coi nặng việc đánh nhau với Tần mà coi nhẹ việc làm tôi nước Tần. Trái lại, Tần đánh Tề thì không thế. Nó phải đi theo đất nước Hàn, nước Ngụy, qua đường Dương Tấn của nước Vệ, đi tắt lối hiểm huyện Càng Phủ. Xe không đi hàng đôi, ngựa không đi ngang nhau được, trăm người giữ hiểm, nghìn người không dám đi qua. Tần muốn vào sâu, nhưng nhón nhác nhìn lại sợ Hàn, Ngụy đánh sau lưng mình. Vậy cho nên nó nom nớp, ngần ngại chỉ làm bộ dọa, chứ không dám tiến. Như thế rõ ràng là Tần không làm hại được Tề. Nay nhà vua không xét kỹ chỗ Tần không làm gì được Tề, lại muốn ngoảnh mặt hướng Tây thờ Tần, điều đó chứng tỏ mưu kế của quần thần là sai. Nay không phải mang cái tiếng thờ Tần lại được cái thực là nước mạnh, đó là điều thần xin đại vương xét kỹ cho.

Tề Vương nói:

- Quả nhân mờ ám, ở cái nước về cõi Đông xa xôi nơi góc bể chân trời, chưa hề được nghe lời dạy bảo. Nay tức hạ đem lời của Triệu Vương bảo cho, quả nhân xin đem cả nước theo.

Tô Tần bèn đi về phía Tây Nam, thuyết Sở Uy Vương:

- Sở là nước mạnh trong thiên hạ, nhà vua là vị vua hiền trong thiên hạ. ở phía Tây có quận Kiềm Trung, quận Vu; phía Đông có đất Hạ Châu, Hải Dương; phía Nam có hồ Động Đình, quận Thương Ngô; phía Bắc có cửa ải Hình, đất Tuần Dương. Đất đai rộng hơn năm nghìn dặm, tướng sĩ mặc áo giáp trăm vạn người, xe nghìn cỗ, ngựa vạn con, thóc gạo đủ chi dùng mười năm. Đó là cái vốn để làm bá làm vương. Nước Sở mạnh như vậy, nhà vua lại hiền như vậy thì thiên hạ không ai địch nổi, thế mà nhà vua lại muốn ngoảnh mặt về hướng Tây để thờ Tần. Như thế thì như hầu còn ai chẳng ngoảnh mặt về Tây mà chầu ở dưới đài Chương Đài của Tần kia chứ! Tần ghét nhất là Sở. Sở mạnh thì Tần yếu. Tần mạnh thì Sở yếu. Thế của hai nước không thể cùng đứng. Cho nên đối với đại vương, không gì bằng hợp tung để cô lập Tần. Đại vương không hợp tung, Tần tất đem hai đạo quân ra cửa Vũ Quan, một đạo xuống Kiềm Trung. Thế thì đất Yên, đất Sính phải rung động. Thần nghe nói: trị từ lúc nó chưa loạn, làm từ lúc nó chưa có. Gặp hoạn nạn đến rồi mới lo thì không kịp nữa. Cho nên đại vương sớm tính cho chín di. Nếu đại vương nghe thần, thần xin báo các nước miền Sơn Đông dâng thức hiem bốn mùa, tuân theo lời dạy bảo sáng suốt của đại vương, trao tất cả xã tắc, tôn. miếu để theo, rèn luyện quân sĩ, cổ vũ khích lệ binh lính để cho đại vương dùng. Nếu đại vương quả dùng ngu kế của thần thì người đẹp, giọng nói hay của Hàn, Ngụy, Tề, Yên, Triệu, Vệ sẽ đầy hậu cung; lạc đà, ngựa tốt của Yên, Đại tất sẽ đầy chuồng ngoài. Cho nên hợp tung thì Sở làm vương, liên hoành thì Tần làm đế. Nay bỏ cơ nghiệp bá vương mà mang cái tiếng thờ người, thần trộm cho đại vương làm thế là không phải. Nay Tần là nước hùng sổi, có ý nuốt thiên hạ. Tần là kẻ thù của thiên hạ. Những kẻ theo chúc hên hoành đều muốn cắt chư hầu để thờ Tần, tức là như người ta nói nuôi cừu địch mà thờ kẻ thù vậy. Họ làm tôi người ta nhưng lại cắt đất của vua mình cho nước ngoài, làm cho nước Tần hùng sổi thêm mạnh, xâm lấn thiên hạ. Nếu bỗng nhiên nước Tần gây loạn, thì họ không hề đoái nghĩ đến tai vạ của nước mình. Bên ngoài, họ dùng cái thế của nước Tần mạnh để bên trong ép vua mình cắt đất. Thật là không việc gì đại nghịch bất trung cho bằng.

Cho nên hợp tung thì chư hầu cắt đất để thờ Sở; liên hoành thì Sở cắt đất để thờ Tần. Hai kế ấy cách nhau một vực một trời. Trong hai kế ấy đại vương dùng kế nào Vì thế Triệu Vương nước tôi sai tôi sang trình ngu kế, bày minh ước, xin đại vương dạy cho.

Sở Vương nói:

- Nước của quả nhân phía Tây giáp giới với Tần. Tần có ý lấy Ba, Thục, Hán Trung. Tần là nước hùm sói không thể thân được, mà Hàn, Ngụy thì lo ngay ngáy về Tần, ta không thể bàn mưu kế sâu xa với họ được. Nếu bàn mưu kế sâu xa với họ chỉ sợ họ phản lại để hòa với Tần. Cho nên mưu chưa đưa ra mà nước đã bị nguy rồi. Quả nhân tự liệu, nếu Sở đánh Tần thì không thắng nổi. ở trong bàn mưu với quần thần thì không thể nhờ cậy được. Quả nhân ăn không ngon, nằm không yên, bụng phập phồng như lá cờ treo chơi vơi, không biết bám vào đâu. Nay ông muốn hợp nhất thiên hạ, tập hợp chư hầu, bảo tồn cái nước đang bị nguy, quả nhân xin đem nước nhà để theo...

Kết quả, sáu nước hợp tung và cùng chung sức. Tô Tần là người cầm đầu hợp tung, kiêm làm tể tướng sáu nước. Khi về Bắc để báo cáo với Triệu Vương, Tô Tần đi qua Lạc Dương, chư hầu đem xe ngựa đưa đón rầm rập ngang bậc vương giả.

Chu Hiển Vương nghe thấy thế sợ hãi, sai sửa dọn đường cho quân ra ngoài thành úy lạo Tô Tần. Anh em vợ và chị dâu của Tô Tần, liếc trông Tô Tần không dám ngẩng lên nhìn, cứ cúi đầu, nép mình chầu chực dâng thức ăn. Tô Tần cười bảo chị dâu:

- Sao trước kia chị ngạo ngược mà bây giờ lại cung kính như thế

Chị dâu khúm núm, úp mặt xuống đất, xin lỗi:

- Vì thấy chú có ngôi cao, của nhiều.

Tô Tần thở dài than:

- Cũng cái thân này, nhưng lúc phú quý thì họ hàng sợ hãi, khi bần tiện thì họ hàng khinh rẻ, hướng gì mọi người? Vả lại nếu ta có vài khoảnh ruộng gần thành Lạc Dương thì làng sao còn được đeo ấn tể tướng của sáu nước?

Tô Tần bèn phân tán nghìn vàng cho họ hàng bè bạn. Trước kia khi Tô Tần sang Yên, có vay một trăm quan tiền làm vốn, đến khi được phú quý, Tô Tần bèn lấy một trăm nén vàng đền trả. Tần báo đáp tất cả những người mình đã mang ơn. Riêng có một người theo Tô Tần chưa được báo đáp mới tự nói trước mặt Tô Tần. Tô Tần nói:

- Ta không phải quên người đâu. Người cùng ta đến nước Yên, hai ba lần người muốn bỏ ta trên sông Dịch Thủy. Lúc bấy giờ, ta khốn cùng, cho nên oán người nhiều. Vì thế mới báo đáp người sau.

Người này cũng được báo.

Tô Tần sau khi giao ước với sáu nước hợp tung, bèn trở về Triệu. Triệu Túc Hầu phong Tô Tần làm Vũ An Quân, và tuyên bố ước thư cho Tần biết. Quân Tần không dám ra cửa Hàm Cốc nhòm ngó trong mười lăm năm. Sau Tần sai Tề Thủ lừa dối Tề, Ngụy cùng Tần đánh Triệu, muốn để phá ước hợp tung. Tề, Ngụy đánh Triệu, Triệu Vương trách Tô Tần, Tô Tần sợ, xin đi

sứ Yên, quyết làm hại Tề.

Tô Tần rời khỏi Triệu, ước hợp tung tan.

Tần Huệ Vương gả con gái cho thái tử nước Yên. Năm ấy Văn Hầu chết. Thái tử lên thay, tức là Yên Dịch Vương. Dịch Vương mới lên ngôi, Tề Tuyên Vương nhân nước Yên có tang, đánh nước Yên lấy mười thành. Dịch Vương bảo Tô Tần:

- Ngày trước tiên sinh đến nước Yên, tiên vương cấp tiền cho tiên sinh sang yết kiến nước Triệu, kết quả hợp tung được sáu nước. Nay Tề đầu tiên đánh Triệu, rồi đến đánh Yên. Nước Yên vì tiên sinh mà bị thiên hạ cười. Tiên sinh có thể lấy lại được đất Yên bị cướp không?

Tô Tần then quá nói rằng:

- Xin lấy lại hộ nhà vua.

Tô Tần ra mắt Tề Vương, lạy hai lạy, cúi xuống chúc mừng, nhưng ngẩng đầu lên(5) lại phúng điệp.

Tề Vương nói:

- Sao mà chúc mừng và phúng điệp theo nhau chóng thế,

- Thần nghe người đói không ăn phụ tử non vì ăn nó vào thì càng đầy bụng mà chết, kết quả cũng khổ như chết đói. Nay Yên tuy nhỏ yếu nhưng nó là con rể của Tần Vương. Đại vương tuy được mười thành của Yên nhưng làm kẻ thù muôn đời với nước Tần mạnh. Việc này khiến cho nước Yên yếu làm hàng quân đi trước, còn nước Tần mạnh yểm hộ ở sau để chiêu tập tinh binh trong thiên hạ, tức là cùng một loại với việc ăn phụ tử non đấy.

Tề Vương đổi sắc mặt nói:

- Thế thì làm thế nào?

Tô Tần nói:

- Thần nghe nói người xưa giỏi ứng phó thì chuyển tai vạ thành phúc, nhân thất bại làm công. Nếu đại vương thực nghe kế của thần thì hãy trả ngay cho Yên mười thành. Yên vô cớ được mười thành thế nào cũng mừng. Người ta bảo “bỏ mối thù hằn, được tình giao hiếu bền vững” là thế đấy. Nay Yên, Tần đều thờ Tề thì đại vương ra hiệu lệnh cho thiên hạ, ai dám không nghe. Thế là đại vương theo nước Tần bằng lời nói suông, dùng mười thành mà lấy được thiên hạ, ấy là cơ nghiệp bá vương đó.

Tề Vương nói:

- Phải.

Rồi trả cho Yên mười thành.

Có người nói xấu Tô Tần:

- Ông ta là người tôi tráo trở, lo xoay xở tìm cách bán nước, chí sẽ làm loạn.

Tô Tần sợ có tội, quay về, nhưng Yên lại không cho làm quan nữa.

Tô Tần yết kiến Yên Vương nói:

- Thần là kẻ quê mùa ở Đông Chu, không có chút công cán gì mà nhà vua bái thần ở miếu, kính lễ thần ở triều. Nay thần vì nhà vua làm lui quân nước Tề, lấy được mười thành, đáng lẽ phải được gần gũi nhà vua hơn trước, tại sao thần về, nhà vua lại không cho thần ra làm quan? Chắc là có kẻ nói với nhà vua rằng thần bất tín để hại thần. Thần mà bất tín là phúc của nhà vua đấy. Thần nghe nói trung tín là dễ vì mình; tiến thủ là dễ vì người(6). Vả lại điều thần nói với Tề Vương không phải là lừa dối đâu. Thần bỏ mẹ già ở Đông Chu, cố nhiên là bỏ chuyện vì mình mà lo chuyện tiến thủ đấy. Nay có người hiểu như Tăng Sâm, liêm như Bá Di, tín như Vĩ Sinh, được cả ba người ấy thờ nhà vua thì thế nào.

Yên Vương nói:

- Đủ lắm rồi.

Tô Tần nói:

- Người hiểu như Tăng Sâm thế nào cũng không rời cha mẹ một đêm ở ngoài. Nhà vua làm sao có thể khiến họ đi bộ nghìn dặm để thờ ông vua nguy khốn của nước Yên nhỏ yếu? Người liêm như Bá Di thế nào cũng làm người nối ngôi của nước vua Cô Trúc, không chịu làm quan của Vũ Vương không chịu phong hầu mà chết đói ở dưới núi Thú Dương. Người liêm như thế, nhà vua làm sao sai họ đi bộ hàng nghìn dặm để mưu việc tiến thủ ở Tề? Người tín như Vĩ Sinh, hẹn với người con gái đến ở dưới cầu, người con gái không lại, nước lên đến nơi, anh ta cũng không đi, ôm cột cầu mà chết. Người có tín như thế, nhà vua làm sao sai khiến được họ đi bộ ngàn dặm, làm lui quân mạnh của Tề? Thần nói vì trung tín mà có tội với người trên là thế đấy?

Yên Vương nói:

- Đó là không trung tín mà thôi, lẽ nào có người vì trung tín mà phải tội?

Tô Tần nói:

- Không phải thế, thần nghe có người đi làm quan ở xa, vợ tư thông với người khác. Người chồng sắp về, kẻ gian phu lo sợ. Người vợ nói: “Chớ lo, tôi đã làm rượu thuốc đợi nó rồi”. Được ba ngày, người chồng về thực. Người vợ sai người thiếp đem rượu mời chồng uống. Người thiếp muốn nói rượu có thuốc độc thì sợ bà chủ bị đui; không nói thì sợ ông chủ bị chết. Nó bèn giả vờ ngã làm đổ mất rượu. Ông chủ giận lắm, đánh người thiếp năm chục roi. Cho nên người thiếp ngã đổ mất rượu, trên bảo toàn được ông chủ, dưới bảo toàn được bà chủ, nhưng vẫn không khỏi bị roi vọt.

Yên Vương nói:

- Tiên sinh lại về chức cũ.

Vua Yên hậu đãi Tô Tần. Mẹ Dịch vương là vợ Văn Hầu tư thông với Tô Tần. Yên Vương biết việc đó, nhưng càng hậu đãi Tô Tần. Tô Tần sợ bị giết bèn nói với Yên Vương:

- Thần ở Yên, không thể khiến cho Yên được trọng, nhưng nếu ở Tề thì Yên thế nào cũng được trọng.

Yên Vương nói:

- Tùy ý tiên sinh.

Rồi Tô Tần vờ nói đắc tội với Yên, nên chạy trốn sang Tề. Tề Tuyên Vương cho Tô Tần làm khách khanh. Khi Tuyên Vương chết, Mẫn Vương lên ngôi. Tô Tần bảo Mẫn Vương chôn cất hậu để tỏ là hiếu, xây nhà cao, mở vườn rộng để tỏ là đắc ý. Tô Tần muốn phá hoại Tề để giúp Yên. Dịch Vương nước Yên chết. Yên Khoái Vương lên làm vua. Về sau, nhiều đại phu nước Tề cùng Tô Tần tranh giành sự tin yêu của nhà vua, nên sai người đâm Tô Tần, Tô Tần không chết, bị thương nặng bỏ chạy. Tề Vương sai người tìm hung thủ nhưng không bắt được. Tô Tần gần chết, nói với Tề Vương:

- Thần chết, xin dùng xe xé xác thần mà rao ở chợ: “Tô Tần vì Yên làm loạn ở Tề”. Như thế thì thế nào cũng bắt được hung thủ giết thần.

Tề Vương bèn làm như lời Tô Tần, quả nhiên kẻ giết Tô Tần tự ra nhận. Tề Vương nhân đó giết kẻ đâm chết Tô Tần.

Vua Yên nghe biết chuyện, nói:

- Tề báo thù cho Tô Tần đến thế là cùng!

Tô Tần chết rồi, việc vỡ lở. Tề sau nghe tin ấy, giận Yên, Yên sợ lắm.

Em của Tô Tần là Đại, em của Đại là Lệ thấy anh được phú quý cũng đều bắt chước học du thuyết. Lúc Tô Tần chết, Đại xin yết kiến Yên Vương, muốn nối tiếp việc cũ. Đại nói:

- Thần là người quê mùa ở Đông Chu, trộm nghe tin nghĩa của đại vương, nên mặc dầu ngu dốt cũng bỏ cày bừa để đi tìm đại vương. Đến Hàm Đan được thấy tận mắt, khác xa điều tai nghe. Khi ở Đông Chu, thần trộm tự phụ về chí hướng mình. Nhưng lúc đến triều đình nước Yên, xem quần thần, hạ lại của đại vương, biết đại vương là bậc vua sáng trong thiên hạ.

Yên Vương nói:

- Người nói vua sáng là thế nào?

Đại nói:

- Thần nghe rằng vua sáng cốt nghe điều lỗi lầm không muốn nghe điều hay của mình. Thần xin mách bảo điều lỗi lầm của bệ hạ. Tề, Triệu là kẻ thù của nước Yên. Nay bệ hạ thờ kẻ thù để đánh lại nước bạn của mình, đó không phải là điều làm lợi cho nước Yên. Bệ hạ tự nghĩ xem. Thế là tính sai. Nếu không biết can ngăn thì không phải là kẻ trung thần.

Yên Vương nói:

- Tề cố nhiên là kẻ thù của quả nhân mà quả nhân muốn đánh. Chỉ lo nước mỗi mệt, sức không đủ. Nếu nhà ngươi có thể lấy Yên đánh Tề được thì quả nhân xin đem nước giao cho ngươi.

- Thiên hạ có bảy nước đánh nhau, mà Yên ở vào hạng nước yếu. Một mình đánh thì không được, nếu dựa vào đâu thì được đấy tôn trọng. Ở phía Nam dựa vào Sở thì được Sở tôn trọng; ở phía Tây dựa vào Tần thì được Tần tôn trọng; ở giữa dựa vào Hàn, Ngụy thì được Hàn, Ngụy tôn trọng. Vả lại nếu nước mình dựa vào nước nào mà được tôn trọng, tất nhiên đại vương cũng

được tôn trọng. Nay vua Tề đã lớn tuổi mà lại tự phụ. Phía Nam đánh Sở năm năm, quân sĩ mỗi mệt: phía Bắc đánh nhau với Yên, ba quân bị thua mà bắt được hai tướng. Thế mà còn đem những binh sĩ còn lại, hướng về phía Nam đánh Đại Tổng có năm nghìn cỗ xe, để bao gồm mười hai chư hầu. Vua thì muốn được đất, nhưng kiệt lực, có gì đáng khen. Vả thần nghe nói đánh nhau luôn thì dân nhọc, quân đi lâu thì sức mệt.

Yên Vương nói:

- Ta nghe nước Tề có sông Tề trong, sông Hà đục có thể giữ vững, có thành dài, đề lớn đủ để che chở. Có thực thế không?

Đại nói:

- Thiên thời không cho, dẫu có sông Tề, sông Hà cũng không giữ vững được; sức dân nhọc, dẫu có thành dài đề lớn cũng không che chở được. Vả lại ngày trước, Tề không đóng quân ở Tế Tây là để đề phòng nước Triệu đấy; không đóng quân ở Hà Bắc là để phòng bị nước Yên. Nay Tế Tây, Hà Bắc đó có binh lính đồn thú hết, trong nước đã mệt nhọc. Phàm vị vua kiêu ngạo thì thế nào cũng ham lợi. Bầy tôi vong quốc thì thế nào cũng tham tiền. Nếu bề hạ không lấy làm nhọc, đưa con yêu, em ruột, chú họ làm con tin, lấy châu báu, ngọc lụa để biểu tạ hữu, thì họ sẽ cảm ơn nước Yên mà khinh bỉ nước Tống đã mất. Như vậy Tề có thể mất thôi.

Yên Vương nói:

- Ta đành phải phó thác con cho trời vậy.

Yên Vương bèn sai một người con sang làm con tin ở nước Tề. Rồi Tô Lệ nhờ con của Yên Vương làm con tin ở Tề, xin yết kiến Tề Vương. Tề Vương oán Tô Tần, toan bỏ tù Tô Lệ. Con của Yên Vương làm con tin xin lỗi hộ Tô Lệ mới thôi. Lệ bèn hiến thân làm quan ở nước Tề.

Tướng của Yên là Tử Chi thông gia với Tô Đại, muốn nắm quyền hành ở Yên, bèn sai Đại sang hầu con tin của Yên ở Tề. Tề sai Đại báo cáo với Yên. Yên Vương Khoái hỏi:

- Tề Vương có thể làm bá chăng?

Đại nói:

- Không thể được.

- Sao thế

- Tề Vương không tin tôi của mình.

Từ đấy Yên Vương chuyên dùng Tử Chi, sau đó nhường ngôi cho ông ta.

Nước Yên loạn to. Tề đánh Yên, giết Khoái cùng Tử Chi.

Nước Yên lập Chiêu Vương làm vua. Tô Đại, Tô Lệ không dám về Yên, rút cục đều về với Tề, được Tề hậu đãi. Tô Đại qua nước Ngụy. Ngụy vì nước Yên bắt Đại. Tề sai người bảo vua Ngụy:

- Tề xin lấy đất của Tống để phong cho Kinh Dương Quân(7). Tần nhất định sẽ không nhận. Không phải Tần không có lợi nếu giao hiếu với Tề và nhận được đất Tống đâu; mà vì Tần không tin Tề Vương và Tô Đại. Nay Tề với Ngụy xích mích nhau đến thế, thì Tề không đối Tần,

Tần sẽ tin Tề. Tề với Tần hợp nhau, Kinh Dương Quân có đất của Tống, đó không phải là điều lợi cho Ngụy. Cho nên chẳng bằng nhà vua cho Tô Tử sang Đông, Tần thế nào cũng nghi Tề và không tin Tô Tử. Tề, Tần không hòa hợp, thiên hạ không biến đổi, và việc đánh Tề hình thành?

Ngụy bèn thả Tô Đại ra.

Đại sang Tống, Tống đãi Đại tử tế. Tề đánh Tống, Tống nguy cấp. Tô Đại bèn đưa thư cho Yên Chiêu Vương nói:

- Đông vào hàng nước có hàng vạn cỗ xe mà phải gửi con tin ở Tề thì danh hèn mà quyền nhẹ(8); giúp Tề đánh Tống thì nhọc dân mà tổn của. Phá Tống mà làm hại đất Hoài Bắc to lớn và béo bở thì kẻ thù là Tề sẽ thêm mạnh mà nước mình thì sẽ bị hại. Ba việc ấy đều làm cho nước nguy to vậy. Vả lại bệ hạ làm điều đó là muốn để giữ tin với Tề, nhưng Tề lại càng không tin bệ hạ, càng ghét Yên. Thế là bệ hạ mưu tính sai. Nay nước Tống có thêm đất Hoài Bắc là nó thành một nước mạnh có vạn cỗ xe đấy; mà nước Tề lại kiêm tính cả, thế là thêm một nước Tề vậy. Bắc Di đất vuông bảy trăm dặm mà thêm nước Vệ, nước Lỗ thì sẽ thành một nước mạnh có vạn cỗ xe đấy; mà nước Tề lại kiêm tính cả, thế là thêm hai nước Tề. Với một nước Tề mạnh, Yên còn nhón nhác không chống được; nay có ba nước Tề ở gần Yên thì tai vạ tất lớn. Tuy nhiên người khôn ngoan thì biến họa thành phúc, chuyển bại thành thắng. Nước Tề cũng như tấm lụa trắng xấu đem nhuộm màu tía(9) mà giá gấp mười. Việt Vương Câu Tiễn nương mình ở Cối Kê, quay trở lại đánh tan nước Ngô mạnh, làm bá chủ thiên hạ. Đó là đều nhân họa thành phúc, chuyển bại thành thắng. Muốn thế thì không gì bằng giữ Tề làm bá mà tôn nó, sai sứ đi tuyên thệ với nhà Chu, đốt phù của Tần mà nói: “Cái kế hay nhất là phá Tần”; thứ nữa là phục tùng theo Tề. Nếu như nhà vua phục tùng theo Tề thì vua Tần thế nào cũng lo lắng. Nước Tần đã đánh các nước chư hầu năm đời nay thế mà nay địa vị của nó ở dưới nước Tề thì nó sẽ tức. Chí của vua Tần là phải làm sao cho nước Tề cùng khốn, dù có phải đem toàn lực trong nước ra làm nó cũng không tiếc. Thế thì tại sao nhà vua không sai hiệp sĩ nói với Tần Vương như thế này: “Yên, Triệu, Tống làm cho nước Tề được béo bở, tôn Tề mà làm kẻ dưới của Tề, Yên, Triệu không được lợi gì ở điều đó. Yên, Triệu không được lợi nhưng vẫn phải làm, vì không tin Tần Vương. Thế thì sao bệ hạ không khiến người đáng tin cậy để tiếp thu Yên, Triệu, khiến Kinh Dương Quân, Cao Lăng Quân làm con tin trước khi Yên, Triệu, Tần có biến cố. Thế thì Yên, Triệu sẽ tin Tần. Tần làm đế phương Tây, Yên làm đế phương Bắc, Triệu làm đế ở giữa. Lập ba đế để ra mệnh lệnh cho thiên hạ; Hàn, Ngụy không nghe thì Tần đánh; Tề không nghe thì Yên, Triệu đánh; thiên hạ eòn ai dám không nghe? Thiên hạ đã nghe theo thì nhân thế mà thúc Hàn, Ngụy đánh Tề, bảo: “Phải trả lại đất cho Tống, trả đất Hoài Bắc cho Sở”. Tề trả đất cho Tống, trả Hoài Bắc cho Sở, thế là Yên, Triệu lợi đấy. Ba đế đứng ngang nhau là điều Yên, Triệu mong muốn. Về sự thực thì được hưởng lợi; về mặt tôn quý thì được mãn nguyện. Yên, Triệu sẽ bỏ Tề dễ dàng như rút giày vậy. Nay nếu không tiếp thu Yên, Triệu thì nghiệp bá của Tề tất thành. Chư hầu nghe theo Tề mà hệ hạ không theo thế là nước bị đánh đấy. Chư hầu nghe theo Tề mà bệ hạ theo họ, thế là mang tiếng hèn đấy. Nay tiếp thu Yên, Triệu thì nước được yên mà danh được tôn; không tiếp thu Yên, Triệu thì nước bị nguy mà mang tiếng hèn. Bỏ địa vị yên ổn tôn quý, mà mang lấy địa vị nguy vong, hèn hạ, người khôn ngoan không làm. Tần Vương nghe câu nói ấy tất như đâm vào ruột. Sao bệ hạ không sai biện sĩ đem câu nói khó chịu ấy nói với Tần thì tất Tần nghe theo, thế nào cũng đánh được Tề. Tần nghe theo thì sự giao hiếu được gắn bó, đánh Tề là điều ích lợi chính đáng. Tôn trọng sự giao hiếu gắn bó, lo điều ích lợi chính đáng là việc của bậc thánh vương đấy”.

Yên Vương khen thư của Đại, nói:

- Tiên nhân đã từng chịu ơn họ Tô. Vì có loạn Tử Chi nên Tô Tần bỏ Yên đi. Yên muốn báo thù Tề, ngoài họ Tô thì không ai làm được.

Bèn sai mời Tô Đại, lại đối đãi tử tế, cùng Đại mưu đánh Tề. Kết quả phá được Tề. Mẫn Vương phải chạy. Sau đó ít lâu, Tần mời Yên Vương, Yên Vương muốn đi. Tô Đại nói với Yên Vương:

- Sở được đất Chỉ mà nước Sở mất; Tề được nước Tống mà nước Tề mất. Tại sao Tề, Sở không thể lấy đất Chỉ, nước Tống để thờ Tần? Đó là vì Tần thù kẻ có công. Tần lấy được thiên hạ không phải là làm việc nghĩa mà làm việc bạo dâm. Tần làm việc bạo và nói thẳng với thiên hạ. Họ nói với Sở rằng: “Giáp binh của đất Thục đi thuyền trên sông Vãn, theo nước lũ mùa hạ mà xuống sông Giang chỉ năm ngày là đến đất Sinh. Giáp binh của Hán Trung đi thuyền ra sông Ba, theo nước lũ mùa hạ mà xuống sông Hán, thì chỉ bốn ngày là đến bãi Ngũ Chử. Quả nhân tập hợp giáp binh ở phía Đông huyện Uyển rồi đi xuống ấp Tùy. Người khôn hết đường xoay sở kẻ dũng sĩ hết cách trở tài; quả nhân đánh Sở như bắt chim ưng, nhất định là được. Nhà vua lại còn muốn chờ thiên hạ đánh Hàm Cốc ư? Thế thì xa xôi quá? Vì thế cho nên Sở Vương mười bảy năm nay thờ Tần. Tần nói thẳng với Hàn rằng: “Ta dấy quân ở đất Thiếu Khúc, một ngày là chặn ngang núi Thái Hàng. Ta dấy binh ở Nghi Dương rồi đánh vào Bình Dương thì chỉ hai ngày là tắt cả đèn rung chuyển. Ta qua hai Chu(10) rồi đánh vào Trịnh, thì chỉ năm ngày là lấy được nước Trịnh”. Hàn cho là phải, cho nên thờ Tần. Tần nói thẳng với Ngụy rằng: “Ta đánh lấy An ấp, chặn Nữ Kịch, Hàn Thị, Thái Nguyên, Quyển; ta xuống Chỉ Đạo, Nam Dương, Phong, Ký, bao vây thành của hai Chu, nhân nước lũ mùa hạ, đi thuyền nhẹ, mang nỗ khỏe ở phía trước, giáo sắc ở phía sau. Ta khơi chằm Huỳnh Trạch thì Ngụy không còn Đại Lương; khơi bến Bạch Mai thì Ngụy không còn Ngoại Hoàng, Tế Dương; khơi bến Túc Tư thì Ngụy không còn Khư, Đốn Khâu; trên đường bộ thì đánh Hà Nội; đường thủy thì diệt Đại Lương”. Ngụy cho là phải cho nên thờ Tần. Tần muốn đánh An ấp, sợ Tề cứu An ấp, thì giao đất Tống cho Tề và nói: “Tống Vương vô đạo, làm người bằng gỗ để viết tên quả nhân, rồi bắn vào mặt. Quả nhân ở xa không tiện đánh. Vương đánh lấy được đất Tống cũng như chính quả nhân đánh được đất ấy. Sau khi đã đánh lấy An ấp, Tần sẽ nhân đấy bắt tội Tề về việc phá Tống. Tần muốn đánh Hàn, sợ thiên hạ cứu Hàn thì giao Tề cho thiên hạ mà nói rằng: “Tề Vương bốn lần hẹn với quả nhân thì bốn lần lừa dối quả nhân. Đã ba lần Tề quyết tâm cầm đầu thiên hạ để đánh quả nhân. Có Tề thì không có Tần, có Tần thì không có Tề; phải đánh Tề, phải tiêu diệt Tề”. Sau khi đã được Nghi Dương, Thiếu Khúc đến Lan Trạch, Tần sẽ buộc thiên hạ về cái tội đã đánh phá Tề. Tần muốn đánh Ngụy, nhưng lo ngại Sở, bèn lấy Nam Dương giao cho Sở, nói rằng: “Quả nhân thế nào cũng sẽ tuyệt giao với Hàn. Sở hãy giữ lấy Quân Lăng, chặn đất Mạnh Ách, nếu có lợi cho Sở thì cũng như có lợi cho quả nhân. Khi Ngụy đã bỏ nước thân thiện mà hợp với Tần, Tần sẽ nhân lấy việc Sở chặn Mạnh Ách mà bắt tội Sở. Sau đó, khi quân Ngụy bị nguy khốn ở Lâm Trung, và các nước Yên, Triệu mạnh lên, thì Tần lại hứa lấy tiêu Đông giao cho Yên, lấy Tế Tây giao cho Triệu và sau đó, Triệu giảng hòa với Ngụy, đưa công tử Diên là con tin Tần nhờ có Tề Thủ (tướng quốc nước Ngụy - ND) liên binh với Ngụy để đánh Triệu nhưng bị quân Triệu đánh bại ở Tiểu Thạch, bị tổn thất nặng nề ở Dương Mã. Tần bèn làm ra vẻ kính trọng Ngụy, hứa cho nó đất Diệp, đất Thái, nhưng bản thân mình thì lại giảng hòa với Triệu để khi nào mình xâm chiếm Ngụy thì không bị Triệu cản trở, và gặp lúc khó khăn thì sai em của Thái hậu là Nhuông Hầu cầu hòa. Còn nếu thắng Ngụy thì sẽ lừa cả mẹ và cậu. Tần trách Yên thì bảo là vì Giao Đông, trách Triệu thì bảo là vì Tế Tây, trách Ngụy thì bảo là vì Diệp Thái, trách Sở thì bảo là vì Mạnh Ách, trách Tề thì bảo vì Tống. Cái lối ấy tức là nói quẩn nói quanh như cái vòng tròn, dùng

binh như đám khâu thẩu. Mẹ không ngăn được, cậu không giữ được. Trong những trận đánh ở Long Cổ, Ngạn Môn, Phong Lăng, Cao Thương, Triệu Trang, Tần giết dân của Tam Tấn(11) đến vài trăm vạn. Nay những người còn sống đều là những người mồ côi, cha bị quân Tần giết. Nhà vua xem những trận ngoài Tây Hà và ở đất Thượng Lạc, tai vạ ở Tam Xuyên, Tấn Quốc, đã làm thiệt hại một nửa Tam Tấn! Tai vạ Tần gây ra to lớn là như thế đấy? Thế mà kẻ du thuyết của Yên, Triệu đến Tấn, đều tranh nhau thuyết phục vua mình thờ Tần. Đó là điều thần rất lo.

Yên Chiêu Vương không đi nữa. Tô Đại lại được tôn trọng ở Yên. Yên sai Đại đi giao ước với chư hầu, cùng hợp tung như thời Tô Tần. Có nước theo, có nước không theo, nhưng thiên hạ từ đây vẫn tôn kính ước tung của họ Tô. Đại và Lệ đều được sống lâu mới chết, danh tiếng lừng lẫy ở chư hầu.

3. Thái sử công nói:

- Ba anh em Tô Tần đều đi du thuyết các nước chư hầu, danh tiếng lừng lẫy. Thuật của những người ấy giỏi về quyền biến. Tô Tần bị phản gián mà chết, thiên hạ đều cười Tô Tần mà kiêng học thuyết ấy của Tần. Song đời nói về Tô Tần nhiều điều quái lạ, có việc gì kỳ quặc một chút là cứ gán cho Tô Tần. Tô Tần nổi dậy từ chốn làng xóm, hợp tung sáu nước. Điều đó chứng tỏ trí thức của ông ta có chỗ hơn người. Cho nên tôi trình bày việc làm của ông ta theo thứ tự thời gian, không để cho ông ta chỉ mang tiếng xấu thôi vậy.

.....

- (1). Phu: 100 mẫu, ba phu là ba trăm mẫu.
- (2). Trong những đoạn du thuyết của Tô Tần thấy rõ cái thuật “thăm dò”; nắm vững tình hình, xét tất cả mọi mặt, tìm đúng chỗ hở mà thuyết phục.
- (3). Ý nói lên ở trước cái nhỏ, không nên ở sau cái lớn.
- (4). Tức là ép nhà Chu.
- (5). Một thủ đoạn để làm người ta chú ý. Lúc này Tô Tần không còn nghĩ đến việc chống Tần nữa.
- (6). Lời nói tiêu biểu cho cái tâm lý trắng trợn, vô luân lý của bọn đi du thuyết.
- (7). Em của vua Tần.
- (8). Chính Tô Đại khuyên vua Yên gửi con làm con tin ở Tề, rồi sau đó lại nói nhà vua làm thế là sai.
- (9). Vua Tề thích màu tía, cho nên tục nước Tề chuộng màu ấy. Ý nói Tề bên ngoài có vẻ mạnh nhưng thực ra thì không phải.
- (10). Hai Chu là Đông Chu và Tây Chu.
- (11). Tam Tấn: Triệu, Hàn, Ngụy.

oOo

Truyện Trương Nghi -

Trương Nghi là người nước Ngụy. Trước cùng Tô Tần theo học Quỷ Cốc tiên sinh. Tô Tần tự cho mình kém Trương Nghi về học thuật. Trương Nghi học xong đi du thuyết các chư hầu. Nghi có lần theo tướng quốc nước Sở uống rượu, sau đó tướng quốc nước Sở mất ngọc bích. Môn hạ ngờ cho Trương Nghi, nói:

- Nghi nghèo không có nghề gì, nhất định hẳn lấy trộm ngọc bích của tướng quân.

Họ bắt Trương Nghi đánh vài trăm roi, Nghi không

nhận tội. Họ tha cho. Vợ Nghi nói:

- Hừ! Nếu chàng không đọc sách đi du thuyết thì sao đến nỗi phải cái nhục này?

Trương Nghi bảo vợ:

- Nhìn xem lưỡi ta còn không?

Vợ cười:

- Lưỡi còn.

Nghi nói:

- Được rồi? (1)

Tô Tần phong bao lâu thuyết phục được Triệu Vương theo hợp tung và cầm đầu việc hợp tung với các nước. Song ông ta sợ nước Tần đánh chư hầu, sẽ hỏng mất ước tung. Nghi không ai có thể cầm quyền ở Tần ngoài Trương Nghi, Tô Tần bèn sai người gợi ý cho Trương Nghi nói:

- Ông trước quen Tô Tần, nay Tần đã cầm quyền, sao ông không đến chơi nhờ giúp để đạt chí nguyện của mình.

Thế là Trương Nghi sang Triệu, đưa danh thiếp xin yết kiến Tô Tần, Tô Tần bèn dặn môn hạ đừng thông báo và không có đi đâu trong vài hôm. Sau đó, Tần tiếp kiến Nghi, để Nghi ngồi dưới thềm, cho Nghi ăn cơm của hạng đầy tớ nàng hầu, nhân nhiên Nghi:

- Tài năng như ngươi mà lại để khổ nhục thế à? Ta không phải là không thể nói để ngươi được giàu sang, nhưng ngươi không đáng được dùng.

Bèn từ tạ đuổi đi.

Trương Nghi tự cho mình là bạn cũ đến nhờ giúp đỡ, không ngờ lại bị sỉ nhục nên tức giận. Nghi chư hầu không đâu có thể nhờ được, chỉ có nước Tần mới làm khổ được Triệu, Nghi bèn đi vào Tần.

Sau đó, Tô Tần bảo môn hạ:

- Trương Nghi là hiền sĩ trong thiên hạ, ta không thể bằng. Nay ta may được dùng trước, mà chỉ có một mình Trương Nghi là có thể cầm quyền binh ở Tần. Song anh ta nghèo, không có cách gì để tiến thân. Ta sợ anh ta ham cái lợi nhỏ mà không thành đạt, cho nên mời đến làm nhục để trêu tức. Ngươi hãy vì ta giúp ngầm ông ta.

Đoạn, Tô Tần nói với Triệu Vương phát cho tiền của xe ngựa cho người lén lút theo Trương Nghi ở cùng nhà trọ, dần dần thân mật, đưa cho Nghi tiền bạc, xe ngựa, Nghi muốn gì thì chu cấp cho ngay, nhưng không nói. Trương Nghi nhờ vậy được yết kiến Tần Huệ Vương. Huệ Vương cho làm khách khanh, cùng mưu đánh chư hầu. Người môn hạ của Tô Tần bèn từ giả ra đi. Trương Nghi nói:

- Nhờ ông mới được hiển đạt, tôi sắp báo ơn sao ông lại đi?

Người kia nói:

- Không phải tôi biết ngài đâu, biết ngài là Tô Quân. Tô Quân lo Tần đánh Triệu, hỏng mất điều ước hợp tung. Lại cho rằng ngoài ngài ra, không ai có thể nắm được quyền binh nước Tần, cho nên trêu tức ngài rồi ngầm sai tôi theo hầu hạ tư cấp cho ngài làm trọn mưu kế của Tô Quân. Nay ngài đã được dùng, tôi xin về báo.

Trương Nghi nói:

- Than ôi? Thế là ta mắc mưu Tô Quân mà không biết, rõ ràng ta không bằng Tô Quân. Ta lại mới được dùng làm sao nghĩ đến việc đánh Triệu được? Ông tạ ơn Tô Quân hộ ta. Trong thời còn Tô Quân, Nghi đâu dám nói chuyện đánh Triệu? Vả lại, Tô Quân còn đấy, Nghi dám làm trò gì được?

Sau khi làm thừa tướng nước Tần, Trương Nghi bèn viết tờ hịch bảo tướng quốc nước Sở: “Trước ta theo ngươi uống rượu, ta không lấy trộm ngọc bích của ngươi, ngươi đánh đòn ta. Ngươi hãy lo giữ nước cho khéo, ta sẽ có ngày lấy trộm thành của ngươi đấy”.

Đất Ba và đất Thục đánh nhau, đều đến cầu cứu Tần. Tần Huệ Vương muốn đem quân đánh Thục, nhưng ngại đường xá hiểm trở, nhỏ hẹp khó đi. Hàn lại đến xâm lấn; muốn đánh Hàn trước, sau sẽ đánh Thục, nhưng sợ không lợi; muốn đánh Thục trước nhưng lại sợ Hàn đánh úp Tần. Huệ Vương do dự chưa quyết. Tư Mã Thác cùng Trương Nghi tranh luận ở nước mặt Huệ Vương. Tư Mã Thác(2) muốn đánh Thục. Trương Nghi nói:

- Chẳng bằng đánh Hàn.

Huệ Vương nói:

- Xin nói tại sao?

Nghi nói:

- Thân với Ngụy, làm bạn với Sở, đem quân xuống Tam Xuyên, ngăn chặn cửa Thập Cốc, làm chủ đường Đồn Lưu. Ngụy cắt đứt Nam Dương, Sở đến gần Nam Trịnh, Tần đánh Tân Thành, Nghi Dương để đến gần ngoại đồng của hai Chua(3), trách tội Chu Vương xâm lấn đất của Sở, Ngụy. Chu tự biết không thể cứu được tất phải đem đồ báu và chín vạc(4) ra. Giữ lấy chín vạc, cầm lấy địa đồ, sổ sách, lấy thế thiên tử để ra lệnh cho thiên hạ, thiên hạ ai dám không nghe

theo! Ấy là nghiệp vương đấy. Nay Thục là nước xa tít về phía Tây, và thuộc hạng Nhung, Địch. Ta làm lính mệt, dân chúng vất vả nhưng không đủ để nổi danh: được đất của nó không đủ để làm lợi. Thần nghe nói “tranh danh ở triều, tranh lợi ở chợ”. Nay Tam Xuyên, Chu Thất tức là triều và chợ của thiên hạ, mà đại vương không tranh, lại tranh Nhung, Địch, thế là còn cách xa vương nghiệp lắm.

Tư Mã Thác nói:

- Không phải. Thần nghe nói: vị vua muốn nước giàu thì cốt được ruộng đất; vị vua muốn binh mạnh thì cốt được dân giàu; vị vua muốn làm vương thì cốt được đức rộng lớn. Có ba điều ấy thì nghiệp vương sẽ theo sau. Nay nhà vua đất nhỏ, dân nghèo, cho nên thần muốn làm việc dễ trước. Nay Thục là nước xa tít về phía Tây và là trưởng các dân Nhung, Địch, đang có loạn Kiệt, Trụ. Lấy binh Tần đánh nước ấy khác nào khiến sài lang đuổi đàn dê? Được đất nước ấy đủ để mở rộng nước, lấy của nước ấy đủ để làm dân giàu, nuôi binh si không thiệt đến dân chúng mà họ đã theo phục. Đánh đổ một nước mà thiên hạ không cho là bạo; được hết lợi vùng Tây Hải mà thiên hạ không cho là tham. Thế là ta làm một việc mà có cả danh lẫn thực, lại còn có cái tiếng là trừ bạo, ngăn loạn nữa. Nay ta đánh Hàn tất sẽ uy bức thiên tử, là danh không tốt, mà vị tất đã có lợi, lại mang cái tiếng bất nghĩa. Đánh nước thiên hạ không muốn đánh, thật là nguy vậy. Thần xin bày rõ tại sao. Chu là tôn thất trong thiên hạ, Tề là nước thân thiện với Hàn. Chu tự biết mất chín vạc, Hàn tự biết mất đất Tam Xuyên. Hai nước ấy chung sức hợp mưu, để dựa vào Tề, Triệu mà cầu hòa với Sở, Ngụy. Bệ hạ không thể ngăn họ lấy chín vạc cho Sở, lấy đất cho Ngụy. Thần bảo nguy là thế đấy. Không bằng đánh Thục là kế vạn toàn.

Huệ Vương nói:

- Phải, quả nhân xin nghe nhà ngươi.

Rồi đem binh đánh Thục. Đến tháng mười lấy được Thục. Bèn binh định nước Thục, truất Thục Vương đổi hiệu làm hầu, rồi khiến Trần Trang làm thừa tướng nước Thục.

Thục đã thuộc Tần, Tần vì thế càng giàu mạnh khinh chư hầu. Năm thứ 10 thời Tần Huệ Vương, vua Tần sai công tử Hoa cùng Trương Nghi vây Bồ Dương, Bồ Dương phải hàng. Nghi nhân nói với Tần lại thân thiện với Ngụy, rồi sai công tử Do làm con tin ở Ngụy.

Nghi nhân nói với Ngụy Vương:

- Tần Vương đãi Ngụy rất hậu, Ngụy không thể vô lễ được.

Ngụy nhân nộp đất Thượng Quận, đất Thiệu Dương để tạ Tần Huệ Vương. Tần Vương bèn cho Trương Nghi làm thừa tướng, đổi tên Thiệu Dương gọi là Hạ Dương. Nghi làm thừa tướng nước Tần được bốn năm, lập Huệ Vương làm “vương”. Một năm sau khi Nghi làm thừa tướng, nước Tần đánh lấy đất Thiểm, đắp ải Thượng Quận; hai năm sau Tần sai Nghi đi hội với tướng các nước Tề, Sở tại Khiết Tang. Khi từ phương Đông trở về, Nghi thôi không làm thừa tướng.

Nghi sang làm tướng quốc nước Ngụy, bảo Ngụy Vương: “Tần muốn Ngụy thờ Tần trước để chư hầu bắt chước”. Ngụy Vương không chịu nghe Nghi. Tần Vương giận, đánh lấy đất Khúc ốc, Bình Chu của Ngụy lại ngầm đãi Trương Nghi càng hậu. Trương Nghi then không có gì để về báo đáp Tần lưu ở lại Ngụy bốn năm. Ngụy Vương chết. Ai Vương lên ngôi, Trương Nghi lại nói với Ai Vương, Ai vương không nghe. Trương Nghi ngầm bảo Tần đánh Ngụy. Ngụy đánh

nhau với Tần bị thua. Năm sau Tề lại đánh bại Ngụy ở bến Quán Tân. Tần lại muốn đánh Ngụy, trước tiên đánh bại quân của Thân Sai nước Hàn, chém tám vạn thủ cấp. Chư hầu khiếp sợ. Trương Nghi lại bảo với Ngụy Vương:

- Đất của nước Ngụy vuông không đầy nghìn dặm, quân không quá ba mươi vạn người, bốn bề bằng phẳng, các phía thông với chư hầu, không có núi cao sông lớn ngăn trở. Đi từ Trịnh đến Lương(5) hơn hai trăm dặm xe chạy người đi không phải vất vả mà đến được. Nước Lương ở phía Nam, giáp giới nước Sở; phía Tây giáp giới nước Hàn; phía Bắc giáp giới nước Triệu; phía Đông giáp giới nước Tề; binh sĩ đi thú giữ nơi đồn lũy ở bốn phía không đến mười vạn. Địa thế nước Lương rõ ràng là bãi chiến trường. Nước Lương phía Nam thân với Sở, không thân với Tề, thì Tề đánh ở mặt Đông; phía Đông thân với Tề không thân với Triệu, thì Triệu đánh ở mặt Bắc không hòa hợp với Hàn thì Hàn đánh ở mặt Tây; không thân với Sở thì Sở đánh ở mặt Nam. Nói ở cái cảnh chia năm xẻ bảy là như thế. Vả lại chư hầu hợp tung là để yên xã tắc, làm cho vua được tôn quý, quân được mạnh và nổi tiếng vậy. Nay những kẻ hợp tung chủ trương thống nhất thiên hạ ước làm anh em, giết ngựa trắng ăn thề trên sông Hoàn Thủy để giữ vững cho nhau. Nhưng anh em thân cùng một cha mẹ còn tranh nhau tiền tài, muốn dùng lối lừa dối để lật nhau. Rõ ràng cái mưu thừa của Tô Tần không thể thành được. Nếu đại vương không chịu theo Tần, Tần sẽ đem quân xuống đánh miền Hà Ngoại, chiếm cứ Quyền Diễn, Toan Tảo, uy bức nước Vệ, lấy Dương Tấn thì Triệu sẽ không đi xuống phía Nam được; Triệu không đi xuống phía Nam thì Lương không lên Bắc được; Lương không đi lên miền Bắc thì con đường hợp tung đứt; con đường hợp tung đứt thì không thể nào nước của đại vương không nguy. Tần dọa Hàn để đánh Lương. Hàn bị Tần ép, Hàn với Tần làm một, Lương có thể đứng đợi mất nước được, thần thấy lo cho đại vương về chỗ ấy. Đối với đại vương chẳng có kế gì bằng thờ Tần. Thờ Tần thì Sở, Hàn không dám cựa quậy. Đại vương không lo về Sở, Hàn thì cứ việc nằm khểnh, nước chắc chắn không phải lo ngại gì. Vả lại nước mà Tần muốn làm yếu nhất là Sở; mà nước làm Sở yếu thì không nước nào bằng Lương, Sở tuy có danh là giàu lớn, nhưng thực ra thì trống rỗng. Quân nước ấy tuy nhiều, nhưng dễ chạy hay trốn. không chiến đấu bền bỉ được. Nay đem tất cả quân của Lương quay về phía Nam để đánh Sở thì nhất định thắng Sở. Cắt nước Sở để mở rộng Lương, bớt xén Sở để vừa lòng Tần; gây họa cho nước khác để nước mình được yên, đó là việc hay. Nếu đại vương không nghe thần, Tần cho binh sĩ mặc áo giáp đi đánh miền Đông, bấy giờ đâu muốn thờ Tần cũng không thể được. Vả lại, kẻ theo chức hợp tung chỉ nói hăng, nhưng ít đáng tin. Thuyết phục được một chư hầu là được phong hầu, cho nên kẻ sĩ du thuyết trong thiên hạ không ai không ngày đêm nắm tay trộn mắt nghiêng rằng để thuyết phục các vị vua về sự tiện lợi của hợp tung; các vị vua khen lời bàn luận là hay, rồi cứ bám riết lấy lời nói của họ, làm sao khỏi lầm được. Thần nghe nói “chất lỏng chim sẽ làm chìm thuyền; chở nhiều vật nhẹ sẽ làm gãy trục xe, miệng người ta làm chảy loài kim, nhiều lời gièm pha làm tan cốt nhục! ”. Xin đại vương xét kỹ kế bàn và cho xin hài cốt(6) để rời khỏi nước Ngụy.

Ai Vương bèn bỏ hợp tung rồi nhờ Nghi, xin hòa với Tần.

Trương Nghi về lại làm thừa tướng nước Tần. Được ba năm, Ngụy lại chống Tần, lo hợp tung. Tần đánh Ngụy lấy đất Khúc Ốc. Năm sau Ngụy lại thờ Tần. Tần muốn đánh Tề. Tề, Sở hợp tung với nhau. Vì thế, Trương Nghi sang làm thừa tướng nước Sở. Sở Hoài Vương nghe Trương Nghi đến, để dành cái nhà to cho Nghi ở, nói:

- Nước tôi là nước xa xôi hủ lậu, ông có gì dạy bảo không?

Nghi nói với Sở Vương:

- Đại vương nếu nghe thần, đóng cửa quan tuyệt giao ước với Tề thì thần xin dâng đất Thượng U sáu trăm dặm, khiến con gái Tần được làm thiếp hầu hạ quét tước cho đại vương. Hai nước Tần, Sở lấy vợ gả chồng với nhau thành nước anh em mãi mãi. Thế là phía Bắc thì làm yếu nước Tề mà phía Tây làm ích nước Tần đấy. Không kể gì tiện bằng thế.

Sở Vương thích lắm nên nghe theo. Quần thần đều chúc mừng, chỉ một mình Trần Chấn chia buồn với nhà vua. Sở Vương giận nói:

- Quả nhân không phải cử binh xuất quân mà được sáu trăm dặm đất, quần thần đều mừng, một mình người chia buồn là tại làm sao?

Trần Chấn thưa:

- Không phải. Theo điều thần thấy thì không thể lấy được đất Thượng U mà trái lại Tề với Tần sẽ hòa hợp. Tần với Tề hòa hợp thì điều lo ngại nhất định sẽ đến.

Sở Vương nói:

- Ông lấy gì làm căn cứ để nói thế.

Trần Chấn thưa:

- Tần trọng Sở chẳng qua là vì có Tề. Nay Sở đóng cửa quan, tuyệt giao với Tề thì Sở lại bị cô lập. Tần mong chờ gì ở cái nước bị cô lập mà cho sáu trăm dặm đất Thượng U? Trương Nghi về Tần, thế nào cũng phụ bệ hạ, thế là phía Bắc ta tuyệt giao với Tề; phía Tây phải lo lắng với Tần vậy. Rồi quân lai nước ấy thế nào cũng đều đến. Đối với bệ hạ, không kể gì bằng bề trong ngầm hợp với Tề mà bề ngoài thì tuyệt giao với Tề. Sai người theo Trương Nghi. Họ cho ta đất, ta sẽ tuyệt giao với Tề cũng chưa muộn. Họ không cho ta đất thì ta cứ ngầm hợp với Tề để mưu tính.

Sở Vương nói:

- Xin ông Chấn cầm miệng đừng nói nữa để đợi quả nhân được đất đã.

Bèn trao ấn tướng quốc cho Trương Nghi và cho Nghi nhiều cửa. Rồi đóng cửa tuyệt giao với Tề. Lại sai một viên tướng quân đi theo Trương Nghi. Trương Nghi đến Tần, giả vờ làm bị đứt dây vịn ngã xe, ba tháng không vào chầu. Sở Vương nghe tin nói:

- Nghi cho quả nhân chưa kiên quyết tuyệt giao với Tề ư?

Bèn sai dũng sĩ sang Tống, mượn phù tiết của Tống, sang Bắc mắng Tề Vương, Tề Vương giận lắm, nén lòng chịu phục tùng Tần. Tình giao hiếu của Tần với Tề lại nổi lại, Trương Nghi mới vào chầu, bảo sứ giả của Sở:

- Thần có sáu dặm đất ăn lộc xin hiến để dâng tả hữu của đại vương(7).

Sứ giả của Sở nói:

- Thần được lệnh của vương là lấy sáu trăm dặm đất của Thượng U, chứ không thấy nói sáu dặm.

Sứ giả về báo với Sở Vương, Sở Vương giận lắm, đem quân đánh Tần. Trần Chấn nói:

- Chấn có thể mở miệng nói được chăng? Đánh Tần chẳng bằng cắt đất để cho Tần, cùng Tần hợp quân để đánh Tề. Thế là ta bỏ đất ra cho Tần mà được bù lại ở Tề vậy. Như thế nước của vương ngũ hầu có thể còn.

Sở Vương không nghe. Cuối cùng đem quân đi và sai tướng quân Khuất Cái đánh Tần. Tần, Tề cùng đánh Sở, chém tám vạn thủ cấp, giết Khuất Cái, lấy đất Đan Dương, Hán Trung. Sở lại đem thêm quân để đánh úp Tần. Đến Lam Điền đánh nhau ở đó. Sở thua to. Sở bèn cắt hai thành để hòa với Tần. Tần đòi Sở cho đất Kiềm Trung, muốn lấy đất ngoài Vũ Quan để đổi. Sở Vương nói:

- Không muốn đổi đất, muốn được Trương Nghi rồi sẽ dâng đất Kiềm Trung.

Tần Vương muốn cho Nghi đi, nhưng miệng không nỡ nói. Trương Nghi bèn xin đi. Huệ Vương nói:

- Sở Vương giận ông nói dối về việc hiến đất Thượng Ư, tức là sẽ giết ông cho hả giận.

Trương Nghi nói:

- Tần mạnh, Sở yếu. Thần quen Cận Thượng. Thượng được hầu hạ Sở phu nhân là Trịnh Tụ. Tụ nói gì Sở Vương cũng nghe. Vả lại, thần mang phù tiết của vương sang sứ nước Sở, Sở sao dám giết? Dù cho họ giết thần mà Tần được đất Kiềm Trung thì đó là điều thần mong muốn nhất.

Nghi bèn đi sứ sang Sở. Sở Hoài Vương được Nghi, liền bỏ tù, toan giết đi. Cận Thượng bảo Trịnh Tụ:

- Phu nhân có biết phu nhân sẽ không được nhà vua yêu quý không?

Trịnh Tụ nói:

- Sao vậy?.

Cận thần nói:

- Tần Vương yêu Trương Nghi lắm, nhất định sẽ làm cho ông ta thoát nạn. Nay Tần sẽ lấy sáu huyện đất Thượng Dung biếu Sở, lấy mỹ nhân dâng Sở, lấy người hát hay ở trong cung đưa sang Sở. Vương trọng đất, tôn Tần, con gái nước Tần thế nào cũng được yêu quý, phu nhân sẽ bị đuổi. Chi bằng phu nhân nói để tha Nghi ra.

Trịnh Tụ ngày đêm nói với Hoài Vương:

- Bấy tôi ai cũng làm việc cho vua của mình. Nay đất của Sở chưa nhập vào Tần, Tần đã sai Trương Nghi đến, là trọng bề hạ. Bề hạ chưa có lễ đáp lại mà lại giết Trương Nghi, Tần tất giận mà đánh Sở. Thiếp xin cho mẹ con dời đi Giang Nam, để không bị Tần giết chết.

Hoài Vương sau đó hối rồi tha Trương Nghi, hậu đãi Nghi như trước, Trương Nghi đã được ra, chưa đi thì nghe thấy tin Tô Tần chết. Bèn nói với Sở Vương:

- Đất Tần chiếm một nửa thiên hạ, binh đánh lại được bốn nước(8) Quân dũng sĩ mạnh như hổ có hơn trăm vạn người, xe nghìn cỗ, ngựa vạn con, thóc chất như gò núi. Pháp lệnh đã rõ ràng, sĩ tốt đều không sợ khó khăn, vui với cái chết. Vua sáng và nghiêm, tướng quân nhiều mưu trí lại

vũ dũng. Tuy không xuất quân, nhưng nếu thu lấy nơi hiểm vùng núi Thường Sơn như cuốn chiếu thì thế nào cũng làm gãy xương sống của thiên hạ. Thiên hạ nước nào thần phục sau thì sẽ mất trước, và lại theo kế hợp tung, không khác gì xua đàn dê để đánh mãnh hổ; dê không địch lại hổ, điều đó rõ ràng lắm. Nay đại vương không theo mãnh hổ mà lại theo đàn dê, thần trộm cho kế của đại vương là nhầm. Tóm lại nước mạnh trong thiên hạ không Tần thì Sở, không Sở thì Tần. Hai nước tranh giành nhau, ta không thể cùng đứng được Đại vương không theo Tần, Tần đem quân xuống giữ Nghi Dương, đất phía trên của Hàn không giao thông được, đem quân xuống Hà Đông lấy Thành Cao, Hàn thế nào cũng phải vào thần phục Tần; Lương cũng cúi rạp theo gió. Tần đánh phía Tây của Sở, Hàn, Lương đánh phía Bắc của Sở, xã tắc của Sở làm sao khỏi nguy được? Và lại những kẻ theo kế hợp tung hợp các nước yếu để đánh nước hết sức mạnh, không lượng kẻ địch mà đánh liều; nước nghèo mà dấy binh luôn, ấy là con đường nguy vong đấy. Thần nghe nói “quân không bằng người ta thì chớ khiêu chiến với họ, thóc không bằng người ta thì chớ cầm cự lâu với họ”. Nay bọn theo kế hợp tung, dùng lý luận suông, dùng lời trống rỗng, tán dương tiết hạnh của các vị vua, nói cái lợi mà không nói cái hại, nếu đột nhiên bị Tần gây họa thì không kịp lo đến mình. Thế cho nên thần muốn đại vương tính việc đó cho chín. Tần ở phía Tây có đất Ba, đất Thục, thuyền to chứa thóc, đi đường sông từ Văn Sơn, xuống đến Sở hơn ba nghìn dặm, dùng thuyền đôi chở quân, mỗi thuyền trở được năm mươi người với lương ăn ba tháng, thuyền đi một ngày hơn ba trăm dặm. Số dặm dài nhiều, nhưng không phí sức trâu ngựa. Không đến mười ngày mà đến Hãn Quan, Hãn Quan hoảng kinh, thì từ biên giới về phía Đông, đều giữ lấy thành tất cả. Thế là Kiểm Trung, Vu Quận không phải là đất của đại vương nữa. Tần cử binh ra cửa Vũ Quan, hướng về phía Nam để đánh, thì đất miền Bắc của Sở bị cắt đứt. Quân Tần đánh Sở, điều nguy nan xảy ra chỉ trong vòng ba tháng, mà Sở e hờ cứu viện của chư hầu phải hơn nửa năm, ấy là thế không kịp nhau vậy. Đại vương yếu cứu, quên cái vạ của Tần mạnh, đó là điều thần lo cho đại vương đấy. Đại vương đã cùng quân Ngô đánh nhau, đánh năm trận thắng ba. Quân đi chiến trận hết cả, chỉ riêng việc giữ thành mới lấy được, giữ gìn dân cư, đã là khổ sở rồi. Thần nghe nói: “Công to thì dễ nguy, dân khổ thì oán người trên”. Nay giữ lấy cái công dễ nguy để làm hài lòng nước Tần mạnh, thần trộm cho thế là nguy cho đại vương. Và lại Tần sở dĩ không đem quân ra cửa Hàm Cốc trong mười lăm năm nay để đánh Tề, Triệu là vì có âm mưu thôn tính cả thiên hạ. Sở đã gây hấn với Tần, đánh nhau ở Hán Trung, người Sở bị thua, hạng tước hầu cầm khuê(9), chết hơn bảy mươi người, kết quả mất Hán Trung. Sở Vương cả giận, cử binh đánh úp Tần ở Lam Điền. Thế nghĩa là như người ta nói “hai hổ đánh nhau” đấy. Nay Tần, Sở đánh nhau mỗi một mà Hàn, Ngụy còn nguyên vẹn lại không chế ở phía sau, thật không có kế nào nguy hơn thế nữa? Xin đại vương tính kỹ cho. Tần đem quân đánh Vệ và Dương Tấn, tức là mở toang lồng ngực của thiên hạ. Đại vương đem tất cả quân để đánh Tống, không đầy vài tháng có thể lấy được Tống. Tống đã bị lấy, bèn đi về phía Đông, thì mười hai nước chư hầu ở trên sông Tứ sẽ là của đại vương hết. Người trong thiên hạ chủ trương hợp tung để các nước bảo vệ cho nhau được bền vững là Tô Tần. Tần được phong làm Vũ An Quân rồi làm tướng quốc nước Yên. Tô Tần ngầm mưu với Yên Vương, đánh phá Tề mà chia đất Tề. Rồi vờ làm có tội, chạy sang nước Tề. Tề Vương nhân đấy nhận mà cho làm tướng quốc. Tô Tần ở Tề hai năm Tề Vương mới hiểu, giận lắm, dùng xe ngựa xé xác Tô Tần ở chợ, anh chàng Tô Tần muốn dùng lời dối trá để kinh doanh thiên hạ, thống nhất chư hầu, rõ ràng không thể thành công được. Nay Tần với Sở bờ cõi tiếp nhau, cố nhiên là nước hình thế gần gũi. Đại vương nếu quả nghe thần, thần xin bảo thái tử của Tần vào làm con tin ở Sở, thái tử của Sở làm con tin ở Tần. Xin đem con gái của Tần để làm người thiếp quét dọn cho đại vương, dâng đô thị muôn nhà để làm ấp của đại vương. Hai nước làm anh em mãi mãi, suốt đời không đánh nhau. Thần cho không gì tiện bằng kế ấy.

Bấy giờ Sở Vương đã được Trương Nghi, nhưng lại không muốn đem đất Kiềm Trung cho Tần. Sở Vương định nghe theo Trương Nghi, Khuất Nguyên nói:

- Trước đại vương đã bị Trương Nghi lừa dối. Trương Nghi đến, thần tưởng đại vương giết hắn. Nay đã không nỡ giết mà lại nghe các tà thuyết của hắn là không nên.

Hoài Vương nói:

- Nghe Trương Nghi mà vẫn giữ đất Kiềm Trung là lợi to đấy Ta sẽ được lợi gấp đôi.

Sở Vương rốt cục vẫn nghe theo Trương Nghi thân thiện với Tần.

Trương Nghi ở Sở ra đi, nhân tiện sang Hàn, nói với Hàn Vương:

- Đất nước Hàn hiểm trở, ở nơi đồi núi. Ngũ cốc ở đây chẳng qua chỉ có đỗ và lúa mạch. Thức ăn của dân chẳng qua đại để chỉ có đỗ và canh rau hoắc. Hễ một năm mất mùa không thu hoạch được là dân ăn tẩm, cảm không no. Đất chẳng qua có chín trăm dặm, không đủ thức ăn trong hai năm. Tất cả quân của đại vương, chẳng quá ba mươi vạn người, kể cả những người sai phái, khuân vác, trừ số quân canh ở biên cương, giữ nơi hiểm yếu, thì số quân chẳng quá hai mươi vạn mà thôi. Nước Tần quân mặc áo giáp hơn trăm vạn người, xe nghìn cỗ, ngựa vạn con. Hạng người dũng mãnh như hổ, đầu không đội mũ trụ, hai tay ôm má, cầm giáo hăng hái xông vào giữa quân địch đông không thể kể xiết. Ngựa của Tần hay, quân lính đông. Ngựa chạy chân trước cước, chân sau đạp, khoảng chân trước chân sau cách nhau đến ba tầm. Số ngựa chạy nhanh không biết bao mà kể. Quân sĩ của Sơn Đông, mặc áo giáp, đội mũ trụ để đánh. Quân của Tần, bỏ áo giáp, xắn tay áo xông vào giữa quân địch đông, tay trái xách đầu giặc, tay phải cấp tù binh. Quân sĩ của Tần so với quân sĩ Đông Sơn cũng như Mạnh Bôn so với kẻ nhát; lấy sức mạnh đè ép nhau, cũng như Ô Hoạch với đứa con thơ. Đem quân sĩ như Mạnh Bôn, Ô Hoạch đi đánh nước yếu không phục, thì có khác gì buông sức nặng nghìn quân(10) lên trên quả trứng chim, tất nhiên là không thể sống sót vậy. Nay quần thần các nước chư hầu không hiểu đất nước mình nhỏ và ít, lại theo lời ngon ngọt, khéo léo của kẻ theo hợp tung, a dua để tô vẽ cho nhau. Họ đều hăm hở nói rằng: “Nghe kế của ta, có thể làm cho nước mạnh, làm bá thiên hạ”. Ôi? Họ không nghĩ đến cái lợi lâu dài của xã tắc mà lại nghe theo lời nói trong chốc lát, không có gì lừa dối nhà vua hơn thế. Đại vương không thờ Tần, Tần đem quân xuống chiếm giữ Nghi Dương, cắt đứt đất miền trên của Hàn. ở phía Đông, Tần lấy Thành Cao, Huỳnh Dương thì cùng Hồng Đài, vườn Tang Lâm không phải là đất đại vương có nữa. Nếu họ chặn Thành Cao, cắt đứt Thượng Địa thì nước của đại vương sẽ bị chia xẻ. Thờ Tần trước thì được yên, không thờ Tần thì bị nguy; nếu gây ra họa để cần được báo phúc, tính kế nông nổi để kết oán sâu, tí. ái Tần để thuận Sở, thì dù muốn không mất nước cũng không thể được. Cho nên đối với đại vương không có gì bằng thờ Tần. Tần chẳng muốn gì hơn là làm cho Sở yếu. Không nước nào làm cho Sở yếu bằng nước Hàn. Đó không phải là vì Hàn mạnh hơn Sở đâu; mà vì địa thế khiến như vậy. Nay đại vương về Tây mà thờ Tần để đánh Sở thì Tần Vương chắc chắn sẽ mừng. Đánh Sở để lấy lợi cho đất mình, chuyển họa làm vui lòng Tần, không kể gì tiện hơn thế!

Hàn Vương nghe theo kế của Trương Nghi.

Trương Nghi về báo với Tần Huệ Vương. Tần Huệ Vương phong cho Nghi năm ấp gọi là Vũ Tín Quân. Rồi sai Trương Nghi đi sang Đông, nói về Tề Mẫn Vương:

- Trong thiên hạ không nước nào mạnh hơn Tề. Đại thần phụ huynh giàu thịnh đông vui. Thế mà những người bày kế cho đại vương đều nói chuyện nhất thời, không nghĩ cái lợi trăm đời. Những kẻ theo hợp tung chắc chắn nói với đại vương: “Nước Tề ở phía Tây có nước Triệu mạnh, ở phía Nam có nước Hàn, nước Lương. Tề là nước nhờ cậy có bề. Đất rộng dân nhiều, quân mạnh, tướng dũng cảm. Dầu có trăm nước Tần cũng không làm gì được Tề Đại vương cho lời nói của họ là hay, mà không tính đến sự thực. Những kẻ theo hợp tung bề đảng a dua, ai cũng cho hợp tung là phải. Thần nghe Tề với Lỗ ba lần đánh nhau. Lỗ ba lần thắng, rồi sau đó nước diệt vong. Tuy có cái tiếng là thắng, nhưng thực ra là mất nước, thế là có làm sao? Vì Tề lớn mà Lỗ nhỏ. Nay Tần với Tề cũng như Tề với Lỗ vậy. Tần và Triệu đánh nhau ở sông Chương, hai lần đánh thì hai lần Triệu thắng Tần; đánh nhau ở gần Bàn Ngô, hai lần đánh thì hai lần Triệu thắng Tần: Sau bốn trận đánh nhau, Triệu mất vài chục vạn quân. Hàm Đan mới còn, tuy được cái tiếng thắng Tần, nhưng nước đã bị tan nát. Vì sao thế Vì Tần mạnh mà Triệu yếu. Nay nước Tần, nước Sở gả con cho nhau, làm nước anh em. Hàn dâng đất Nghi Dương, Ngụy hiến đất Hà Ngoại, Triệu vào châu ở Dẫn Trì, cắt đất Hạ Gian để thờ Tần. Đại vương không thờ Tần, Tần sẽ xui Hàn, Lương đánh

đất phía Nam của Tề, đem tất cả quân của Triệu vượt sông Thanh Hà, hướng tới Bắc Quan thì Lâm Tri, Tức Mặc sẽ không phải là đất của đại vương nữa. Một khi nước đã bị đánh, dầu đại vương muốn thờ Tần cũng không thể được. Thế cho nên xin đại vương tính việc đó cho kỹ.

Tề Vương nói:

- Nước Tề ở xa xôi hẻo lánh trên bề Đông Hải, chưa hề được nghe điều lợi lâu dài của xã tắc.

Bèn nghe lời Trương Nghi.

Trương Nghi đi sang phía Tây, nói với Triệu Vương:

- Tần Vương của tề ấp sai thần dâng kế ngu muội lên đại vương. Đại vương cầm đầu thiên hạ để bài xích Tần. Quân của Tần không dám ra cửa Hàm Cốc đã mười năm nay. Uy thanh của đại vương lan ra vùng Sơn Đông. Tề ấp sợ hãi thế áo giáp, mài binh khí, sắm xe ngựa, tập ruổi ngựa bắn tên, ra sức làm ruộng, tích trữ thóc, giữ bờ cõi bốn bề, buồn sầu lo sợ không dám ho he, đó là vì đại vương có ý trách lỗi tề ấp sâu sắc. Nay với lực lượng của đại vương lại muốn lấy đất Ba; đất Thục, chiếm Hán Trung thôn tính hai Chu, dời chín vạn giữ bến Bạch Mã; Tần tuy ở xa xôi, nhưng trong lòng tức giận nung nấu đã lâu. Nay Tần có binh sĩ mặc áo giáp mỗi yếu đóng ở Dẫn Trì, vượt sông Hà, qua sông Chương chiếm giữ Bàn Ngô, hội ở dưới Hàm Đan, xin định ngày giáp tí hợp chiếu để sửa lại cái việc của chúa Trụ nhà Ân(11). Kính sai thần đến nói trước để tả hữu của đại vương biết. Đại vương tin những kẻ theo hợp tung là cậy có Tô Tần. Tô Tần đánh lừa chư hầu lấy phải làm trái, lấy trái làm phải. Muốn phản nước Tề, lại sai xé xác mình ở chợ. Rõ ràng là thiên hạ không thể thống nhất được. Nay Sở với Tần là nước anh em, mà Hàn, Lương xưng thần làm hàng rào phía Đông; Tề dâng đất sản xuất ra cá muối, thế là chặt một cánh tay phải của Triệu. Mất cánh tay phải mà cùng người chiến đấu mất bề cánh, bị cô lập, làm sao khỏi nguy được? Nay Tần đem ba đạo quân: một đạo chặn Ngạc Đạo, bảo Tề cử quân sang dò sông Thanh Hà, đóng ở phía Đông Hàm Đan; một đạo đóng ở Thành Cao, xua quân của Hàn, Lương ra Hà Thủy; một đạo đóng ở Dẫn Trì, ước với bốn nước cùng nhau hợp nhất để đánh Triệu. Triệu hàng phục thì đất của Triệu sẽ bị chia tư. Vì thế cho nên thần không dám giấu ý, ẩn tình, xin nói trước để tả hữu của đại vương biết. Thần trộm nghĩ đối với đại vương chẳng gì bằng gặp Tần Vương ở Dẫn Trì, mặt trông thấy nhau và miệng giao kết với

nhau, xin đóng quân lại, không đánh nhau. Mong đại vương quyết định kế cho.

Triệu Vương nói:

- Thời tiên vương, Phụng Dương Quân chuyên quyền cậy thế, che giấu tiên vương, một mình cai quản công việc. Quả nhân ở trong cung, dựa vào các quan Su, Phó, không dự bàn việc nước. Tiên vương mất đi, quả nhân tuổi còn ít, ngày phụng tự còn mới, trong lòng vẫn trộm nghi ngờ về việc ấy cho là theo phe hợp tung không thờ Tần không phải là cái lợi lâu dài cho nước, nên muốn thay lòng đổi ý, cắt đất tạ lỗi trước để thờ Tần. Đang định ruổi xe đi mau, chợt được nghe lời bảo sáng rõ của sứ giả.

Triệu Vương nghe theo Trương Nghi.

Trương Nghi bèn đi về phía Bắc, đến nước Yên, nói với Yến Chiêu Vương:

- Nước mà đại vương thân thiện, không đâu bằng Triệu. Xưa Triệu Tương Tử đã gả chị cho vua nước Đại. Triệu Tương Tử thôn tính nước Đại bèn hẹn với vua nước Đại gặp nhau ở ải Câu Chủ. Tương Tử sai thợ làm cái môi múc bằng kim khí có cán dài, có thể dùng để đánh người. Tương Tử cùng vua nước Đại uống rượu ngâm dạn người nhà bếp: “Khi chén đã vui say thì bung ngay canh nóng lên, quay môi múc để đánh nó”. Bấy giờ uống rượu vui say, đến lúc dâng canh nóng, nhà bếp bung canh lên, nhân quay môi đánh vua nước Đại chết. ọc ở đầu vua nước Đại thấy nhảy nhụa ra đất. Chị của Tương Tử nghe tin ấy, bèn mài trâm để tự đâm mình, cho nên đến nay có núi tên là Ma Trâm (mài trâm). Chuyện vua nước Đại bị bại vong, thiên hạ ai cũng nghe. Nay Triệu Vương tham lam, tàn bạo, đại vương đã thấy rõ điều đó Vả lại đại vương cho Triệu Vương là đáng thân chăng? Triệu cử quân đánh Yên hai lần vây quốc đô nước Yên để uy hiếp, đại vương cắt mười thành để tạ Triệu. Nay Triệu Vương đã vào châu ở Dẫn Tri, dâng đất Hà Gian để thờ Tần. Nếu đại vương không thờ Tần, Tần sẽ đem quân xuống Vân Trung, Cửu Nguyên, xua quân Triệu để đánh Yên, thì Dịch Thủy, Trường Thành không phải là đất của đại vương nữa. Vả lại ngày nay, Triệu đối với Tần cũng như là quận, huyện của Tần vậy, không dám cử quân can thiệp để đánh. Nay đại vương thờ Tần, Tần Vương tất mừng, Triệu không dám hành động bậy. Thế là ở phía Tây đại vương có nước Tần mạnh giúp đỡ, mà ở phía Nam không có tai vạ Tề, Triệu. Vì thế, nên mong đại vương tính toán kỹ điều đó cho.

Yên Vương nói:

- Quả nhân là man di ở xa, tuy là người lớn, nhưng chỉ như đứa trẻ con, không có đủ trí khôn để theo một mưu kế gì Nay may được thượng khách chỉ bảo cho xin hướng về phía Tây để thờ Tần, dâng cho Tần năm thành ở cuối núi Hằng Sơn.

Yên Vương nghe Nghi. Nghi về báo, chưa đến Hàm Dương thì Tần Huệ Vương đã chết. Vũ Vương lên ngôi. Vũ Vương từ khi còn là thái tử đã không ưa Trương Nghi. Đến khi lên ngôi, quần thần phần nhiều gièm pha Trương Nghi,

noi:

- Chớ tin hấn, hấn chỉ xoay xở bán nước để được người ưa. Nếu Tần còn dùng hấn nữa e làm thiên hạ cười.

Chư hầu biết Trương Nghi thôi không được Vũ Vương dùng, đều bỏ liên hoành, lại hợp tung.

Năm đầu thời Tần Vũ Vương, quần thần ngày đêm ghét Trương Nghi chưa thôi, thì những lời trách móc của Tề lại dồn đến. Trương Nghi sợ bị giết, bèn nói với Tần Vũ Vương:

- Nghi có cái kế vụng về, xin hiến đại vương.

Vũ Vương nói:

- Thế nào?

Nghi nói:

- Muốn mưu tính cho xã tắc nước Tần, thì phương Đông phải có biến cố to, đại vương mới có thể cất lấy được nhiều đất. Nay nghe nói Tề Vương rất ghét Nghi, Nghi ở đâu, Tề tất cử quân đánh đấy. Cho nên Nghi xin đại vương cho mang cái thân ngu dân này đi sang Lương. Tề thế nào cũng đem quân đánh Lương. Quân của Lương, Tề cầm cự mãi ở dưới thành không dám rời nhau, đại vương nhân dịp ấy đánh Hàn, vào Tam Xuyên, đem quân ra cửa Hàm Cốc, kéo đến kinh đô Chu, không đánh chắc gì mà đồ tể tự của Chu tất phải đem ra. Mượn uy thế thiên tử, cầm những đồ tịch. ấy là vương nghiệp đấy.

Tần Vương lấy làm phải, mới sắp đủ ba mươi cỗ binh xa để đưa Trương Nghi vào Lương. Tề quả nhiên đưa quân đánh Lương. Lương Ai Vương sợ lắm. Trương Nghi nói:

- Đại vương chớ lo. Tôi xin bắt Tề bãi binh.

Nghi bèn sai môn hạ là Phùng Hỷ sang Sở, nhân tiện sai ông ta sang Tề, bảo Tề Vương:

- Đại vương rất ghét Trương Nghi. Tuy nhiên đại vương giữ Nghi ở Tần cũng là hậu đấy.

Tề Vương nói:

- Quả nhân ghét Nghi, Nghi ở đâu ta tất cử binh đánh đấy. Sao lại cho là giữ hẳn?

Sứ giả thưa:

- Thế là vương giữ Nghi đấy. Khi Nghi ra đi, vốn đã dặn Tần Vương: “Muốn mưu tính cho nhà vua thì phương Đông phải có biến lớn, nhà vua mới có thể cất lấy được nhiều đất. Nay Tề Vương rất ghét Nghi, Nghi ở đâu tất cử binh đánh đấy. Cho nên Nghi xin cho lại cái thân ngu dân để đi sang Lương. Tề tất cử quân đánh Lương. Quân của Tề, Lương cầm cự nhau mãi ở dưới thành không dám rời nhau. Nhân dịp ấy đại vương đánh Hàn, vào Tam Xuyên, kéo quân ra cửa Hàm Cốc, rồi kéo đến kinh đô nhà Chu, không đánh chắc gì mà đồ tể tự của Chu tất phải đem ra, rồi mượn uy thế thiên tử, cầm những đồ tịch của Chu. ấy là vương nghiệp đấy”, Tần Vương lấy làm phải, mới sắp đủ ba mươi cỗ binh xa để đưa Nghi vào Lương. Thế là Lương ở trong, tự làm một nước mình; mà ở ngoài đi đánh nước giao hiếu với mình. Mở rộng kẻ thù địch, ở bên láng giềng để tự làm nguy mình, và làm cho Nghi được Tần Vương tin cậy. Thần bảo giữ Nghi.

là thế đấy.

Tề Vương nói:

- Phải.

Bèn sai bãi binh. Trương Nghi làm tướng ở nước Ngụy một năm, chết ở nước Ngụy.

2. Trần Chấn là kẻ sĩ du thuyết, cùng với Trương Nghi thờ Tần Huệ Vương đều được quý trọng và tranh nhau được nhà vua yêu. Trương Nghi nói xấu Trần Chấn với Tần Vương:

- Chấn trọng của, khinh sứ giả. Tần, Sở sẽ là hai nước giao hiếu với nhau. Nay Sở không thân thêm với Tần mà lại thân với Chấn, thế mà Chấn lo cho mình nhiều mà lo cho đại vương thì ít đấy. Vả lại Chấn muốn bỏ Tần để sang Sở, sao đại vương không cho đi?

Nhà vua bảo Trần Chấn:

- Ta nghe nói người muốn bỏ Tần sang Sở, việc ấy có không?

Trần Chấn nói:

- Có

Tần Vương nói:

- Lời của Nghi quả đúng thật.

Trần Chấn nói:

- Không những một Nghi biết mà những kẻ sĩ thi thố học thuyết của mình đều biết việc ấy. Ngày xưa Tử Tư trung với vua mà thiên hạ tranh nhau mời ông ta ra làm quan; Tăng Sâm hiếu với cha mẹ mà thiên hạ xin để làm con. Cho nên bán con hầu mà không phải đưa ra khỏi làng xóm, chúng tỏ là con hầu tốt. Bị chồng bỏ mà lại lấy được chồng ở trong làng xóm là người đàn bà giỏi. Nay nếu Chấn bất trung với vua sao Sở lại cho là trung được? Trung mà lại bị bỏ rơi Chấn không đi Sở thì đi đâu?

Nhà vua cho là phải, bèn đãi Chấn tử tế. Chấn ở Tần được một năm, Tần Huệ Vương vẫn dùng Trương Nghi làm thừa tướng. Cuối cùng Trần Chấn chạy sang Sở, Sở chưa trọng dụng Chấn, nhưng sai Chấn đi sứ sang Tần. Khi đi qua Lương, Chấn muốn vào yết kiến Tê Thủ. Tê Thủ từ tạ không tiếp. Chấn nói:

- Tôi đến là vì có việc muốn hỏi ông. Ông không tiếp Chấn. Chấn sắp đi, không đợi được.

Ngày khác Tê Thủ tiếp Chấn, Chấn nói:

- Sao ông thích uống rượu thế?

Tê Thủ nói:

- Vì không có việc.

Trần Chấn nói:

- Tôi xin làm cho ông có nhiều việc được không?

Tê Thủ nói:

- Thế nào?

Trần Chấn nói:

- Điền Nhu (tướng quốc nước Ngụy) ước với chư hầu hợp tung, Sở Vương nghi ngờ chưa tin. ông hãy nói với nhà vua: Thần với Yên Vương, Triệu Vương là chỗ quen biết cũ, họ mấy lần sai người đến nói, không có việc gì sao không gặp nhau? Ông nói với Sở Vương xin đi, Sở Vương cho ông đi, ông đừng xin nhiều xe, chỉ lấy ba chệt cỗ bày ra ở trước sân, rồi nói rõ là đi sang Yên, Triệu.

Thuyết khách của Yên, Triệu nghe biết, ruổi xe về báo với vua họ. Yên, Triệu sai người đón Tê Thủ. Sở Vương nghe vậy giận lắm, nói:

- Điền Nhu cùng quả nhân giao ước, mà Tê Thủ đi sang Yên, Triệu; thế là Điền Nhu lừa dối ta. Vua Sở không nghe theo việc hợp tung của Nhu. Tê nghe tin Tê Thủ đi sang miền Bắc, sai người đem công việc ủy thác cho Tê Thủ, Tê Thủ làm tướng cả ba nước. Công việc đều do Tê Thủ quyết định.

Chấn bèn đến Tần. Hàn, Ngụy đánh nhau một năm trời không xong. Tần Huệ Vương muốn cứu họ, hỏi các quan hầu. Có người nói cứu là hơn, có người nói đừng cứu. Huệ Vương chưa quyết định được việc ấy. Chợt Trần Chấn đến Tần, Tần Huệ Vương nói:

- Người bỏ quả nhân đi sang Sở, vậy có nhớ quả nhân không?

Trần Chấn nói:

- Đại vương đã nghe chuyện Trang Tích nước Việt rồi chứ?

Vua nói:

- Chưa nghe.

Trần Chấn nói:

- Trang Tích là người Việt làm quan nước Sở đến tước cầm ngọc khuê. Được ít lâu bị bệnh. Sở Vương nói: “Tích là kẻ hèn mọn ở nước Việt, nay làm quan ở nước Sở đến tước cầm ngọc khuê, thật là phú quý, vậy còn nhớ Việt chăng? ”. Quan Trung tả thừa rằng: “Phàm người ta nhớ nhung thì tất ở lúc có bệnh đau ốm. Hẳn nhớ Việt thì nói tiếng Việt, không nhớ Việt thì nói tiếng Sở”. Sai người đến nghe thì ông ta vẫn còn chuộng tiếng Việt. Nay thần tuy bị bỏ đuổi sang Sở, há không nói được tiếng Tần sao?

Huệ Vương bảo:

- Phải. Nay Hàn, Ngụy đánh nhau một năm không xong, có người bảo quả nhân cứu họ là hơn, có người bảo đừng cứu họ. Quả nhân không quyết định được, mong người ngoài việc vì vua của người, còn vì quả nhân mưu tính việc ấy.

Trần Chấn nói:

- Đã có ai đem chuyện Biện Trang Tử đâm hổ nói với đại vương chưa? Biện Trang muốn đâm hổ, đưa trẻ ở quán trọ ngăn nói rằng: “Hai con hổ sắp ăn thịt con trâu, ăn ngon miệng thế nào chúng cũng tranh nhau, tranh nhau thì phải đánh nhau. Khi đánh nhau thì con hổ lớn bị thương, con hổ nhỏ chết. Nhắm con bị thương mà đâm thì làm một việc mà được cả hai”. Biện Trang Tử cho là phải, đứng chờ. Được một lát hai con hổ quả đánh nhau thật, con lớn bị thương, con nhỏ chết, Biện Trang Tử nhắm con bị thương mà đâm, làm một việc mà quả được cả hai con hổ.

Nay Hàn, Ngụy đánh nhau một năm trời không xong, thế nào nước lớn cũng bị thương, nước nhỏ cũng bị mất. Nhầm nước bị thương mà đánh, làm một mà được hai, cũng như chuyện Biện Trang Tử đâm hổ vậy. Vua của thần cũng như đại vương chẳng lo việc gì khác.

Huệ Vương nói:

- Phải

Rồi không cứu ai, nước lớn quả bị thương, nước nhỏ bị mất. Tần dấy quân đánh được nước lớn. Đó là mưu kế của Trần Chấn.

3. Tề Thủ (tên quan nước Ngụy) là người đất âm Tấn nước Ngụy, tên là Diễn, họ là Công Tôn, Tề Thủ không chơi với Trương Nghi. Trương Nghi vì Tần sang Ngụy, Ngụy Vương dùng Trương Nghi làm tướng quốc. Tề Thủ bực bội sai người báo Hàn Công Thúc:

- Trương Nghi đã làm cho Tần, Ngụy giao hiếu với nhau. Hắn nói rằng: “Ngụy đánh Nam Dương, Tần đánh Tam Xuyên”. Ngụy Vương sở dĩ quý Trương Nghi là vì muốn được đất của Hàn và muốn lấy Nam Dương. Tại sao ông không mời ông Công Tôn Diễn đến cho ông ta làm quan to? Nếu làm thế thì có thể cản trở được sự giao hiếu của Tần và Ngụy. Ngụy tất lo đánh Tần mà bỏ Nghi, thu nạp Hàn mà dùng Diễn làm tướng quốc.

Công Thúc cho là tiện, nhân giao đất của Hàn cho Tề Thủ để làm công. Quả nhiên Diễn làm tướng quốc nước Ngụy.

Trương Nghi đi. Vua nước Nghĩa Cừ sang triều nước Ngụy. Tề Thủ nghe tin Trương Nghi lại làm thừa tướng nước Tần, ghét Nghi, bèn nói với vua nước Nghĩa Cừ:

- Đường xa sau này lại không được gặp nhau nữa. Xin bày tỏ sự tình.

Rồi nói:

- Các nước ở Sơn Đông không làm gì thì Tần được dịp đốt phá, cướp bóc đất nước ngài. Nếu các nước đánh Tần, Tần sẽ nhẹ phần sứ giả, nặng phần lễ vật để phụng sự nước ngài.

Đến sau, năm trước đánh Tần, Trần Chấn báo Tần Vương:

- Vua nước Nghĩa Cừ là vua hiền trong các nước Man Di. Chẳng bằng dứt lốt họ để làm yên tâm họ.

Tần Vương nói:

- Phải.

Bèn lấy nghìn tấm gấm thêu, trăm người đàn bà đưa cho vua nước Nghĩa Cừ. Vua nước Nghĩa Cừ mời quần thần đến bàn:

- Công Tôn Diễn nói là thế chẳng(12)?

Bèn cử quân đánh úp Tần, quân Tần bị thua to ở gần ấp Lý Bá. sau khi Trương Nghi chết, Tề Thủ vào làm tướng nước Tần, có lần đã mang ấn tướng quốc năm nước làm ước trưởng.

4. Thái sử công nói: Đất Tam Tấn có nhiều kẻ sĩ quyền biến. Những kẻ chủ trương hợp tung,

liên hoành để làm cho Tần mạnh, nói chung đều là người của Tam Tấn. Việc làm của Trương Nghi tệ hại hơn việc làm của Tô Tần. Song người đời ghét Tô Tần, vì Tô Tần chết trước, Nghi lại nêu bày chỗ kém của Tô Tần để bênh vực cái thuyết của mình, làm cho thuyết liên hoành của mình thành công. Tóm lại, cả hai người ấy đều là những kẻ gian trá nguy hiểm làm sao!

.....

- (1). Một chi tiết hết sức điển hình.
- (2). Tổ của Tư Mã Thiên.
- (3). Nhị Chu: Đông Chu và Tây Chu.
- (4). Chín vạc: Vua Hạ Vũ đúc chín cái vạc để tượng trưng cho chín châu trong thiên hạ. Thời tam đại coi chín vạc ấy là bảo vật khí truyền nước. Thành Thang thiên chín vạc ấy ra Thương ấp. Chu Vũ Vương lại thiên ra Lạc ấp.
- (5). Lương: Đại Lương là nơi Ngụy Huệ Vương đóng đô.
- (6). Xin hài cốt: xin từ chức, ý nói để cho hài cốt được đem về chôn ở quê hương.
- (7). Tả hữu của đại vương nghĩa đen là các quân hầu, ở đây là chỉ nhà vua.
- (8). Đất hiểm trở, sông Hoàng Hà vắt ngang, bốn bề biên giới che ngăn làm cho nước vững chắc.
- (9). Khuê là thứ ngọc mà vương hầu được cầm khi triều hội tế tự, thời phong kiến dùng ngọc làm con tin. Ngọc khuê tùy theo tước vị có khác nhau.
- (10). Quân: quả cân nặng 30 cân.
- (11). Ý nói đánh Triệu. Ngày giáp tí là ngày Vũ Vương đánh và tiêu diệt Trụ.
- (12). Ý Diễn nói Tần chẳng thương gì vua nước Nghĩa Cừ muốn được yên ổn thì chỉ có một cách là đánh Tần thôi.

Mạnh Tử, Tuấn Khanh Liệt Truyện -

T hái Sử Công nói:

- Tôi đọc sách Mạnh Tử đến chỗ Huệ Vương nước Lương hỏi, “Lấy gì làm lợi cho nước tôi”, không lúc nào không bỏ sách mà than: Than ôi! Lợi quả thực là đầu mối loạn vậy! Khổng Tử ít nói “lợi” là thường đề phòng cái gốc của “loạn”. Cho nên nói “theo lợi mà làm thì nhiều sự oán”. Từ thiên tử đến người thường, cái tệ tham lợi có khác gì nhau!

2. Mạnh Kha, người huyện Trâu, thụ nghiệp ở học trò của Tử Tư. Khi đã thông đạo lý, Mạnh Kha sang thờ Tề Tuyên Vương. Tề Tuyên Vương không biết dùng, ông đi sang Lương. Lương Huệ Vương cũng do dự, thấy những lời Mạnh Kha nói, cho là viễn vông không sát sự tình. Lúc bấy giờ Tần dùng Thượng Quân mà nước giàu binh mạnh; Sở, Ngụy dùng Ngô Khởi mà đánh thắng làm yếu địch; Tề Uy Vương, Tề Tuyên Vương dùng bọn Tôn Tử, Điền Kỵ mà chư hầu hướng về đông châu Tề. Thiên hạ đang lo hợp tung, liên hoành, lấy việc đánh nhau làm giới. Thế mà Mạnh Kha lại nói đạo đức của các đời Đường, Ngu, Tam Đại. Vì thế, ông đi đến đâu cũng không được vừa ý. Ông lui về cùng bọn Vạn Chương xếp đặt thứ tự trong Kinh Thi, Kinh Thư, thuật cái ý của Trọng Ni, làm ra bảy thiên sách Mạnh Tử.

Sau Mạnh Kha có bọn Trâu Tử, Tề có ba Trâu Tử. Trước tiên có Trâu Kỵ lấy việc đánh đàn cầm can Uy Vương, nhân đấy được dự chính sự, phong làm Thành Hầu mà nhận ấn tướng quốc. Ông ta sống trước Mạnh Tử. Thứ đến Trâu Diễn, sống sau Mạnh Tử. Trâu Diễn thấy những vị vua các nước càng hoang dâm, xa xỉ, không hay chuộng đức như các bậc đại hiền, trước sửa đức ở thân mình, rồi sau ban bố đức ấy đến kẻ dân hèn. Trâu Diễn bèn xem xét kỹ sự tiêu diệt, sinh trưởng của âm dương mà viết ra việc biến chuyển lạ lùng, viễn vông. Đầu đuôi thiên Đại Thánh hơn mười vạn chữ, lời lẽ mông mênh rộng lớn không giống lời thường thấy. Phải trước nghiệm vật nhỏ rồi cứ suy rộng ra đến chỗ vô bờ bến. Trước kể từ đời này rồi đi ngược lên đến thời Hoàng Đế. Các học giả cũng theo đại thể và đời thịnh suy, rồi nhân thế chép những điều lành điều dữ, và các chế độ, suy xa ra đến khi trời đất chưa sinh, mờ mịt không thể khảo cứu mà xét đến cùng được. Trước tiên ông ta kể những danh sơn, rộng lớn, hang hốc, cảm thú, các sản vật quý do các thủy thổ sinh ra ở Trung quốc. Nhân thế, ông ta suy ra đến những cái ở ngoài bể, mà người ta không trông thấy được. Trâu Diễn nói, “từ khi khai thiên lập địa đến giờ, năm đức chuyển vận, việc chính trị mỗi thời mỗi khác nhưng đều phù hợp với sự chuyển vận ấy. Cái mà bọn nhà nho gọi là Trung quốc, chỉ chiếm một phần tám mươi mốt của thiên hạ. Trung quốc tên là Xích Huyện Thần Châu. Bản thân Xích Huyện thần châu có chín châu. Nhưng chín châu của vua Vũ không được kể vào số châu này. Ngoài Trung quốc có chín chỗ như Xích Huyện Thần Châu, tức là Cửu Châu. Rồi ở ngoài Cửu Châu ấy lại có bể nhỏ bao quanh, nhân dân cảm thú không thể giao thông với nhau như ở trong một khu, thế mới là một châu. Có chín châu như thế lại có bể cả bao bọc ở ngoài là chỗ trời đất giáp nhau. Học thuật của ông đều đại loại như thế. Song tóm lại, đều cốt ở nhân, nghĩa, tiết kiệm, những điều thi hành ở giữa vua tôi trên dưới, sáu bậc thân, đấy mới là bắt đầu thôi. Các bậc Vương công, đại nhân, thoạt tiên thấy thuyết của ông ta đều kính sợ lo lắng muốn thay đổi theo, nhưng sau không thể làm được. Vì thế Trâu Tử được trọng ở nước Tề. Trâu Tử đến nước Lương, Lương Huệ Vương ra tận ngoài đồng đón, giữ lễ khách chủ. Trâu Tử đến nước Triệu, Bình Nguyên Quân đi nghiêng người, áo quệt chiếu.

Trâu Tử sang nước Yên, Chiêu Vương cầm chổi quét đất đi trước, xin ngồi vào chỗ các đệ tử để thụ nghiệp, dựng cung Kệ Thạch, thân hành thờ Trâu Tử làm thầy. Trâu Tử làm ra thiên Chủ Vận. Trâu Tử đi chơi các nước chư hầu được tôn kính như thế, đâu giống như Trọng Ni bị đói ở nước Trần, nước Thái; Mạnh Kha bị khốn ở nước Tề, nước Lương? Cho nên Vũ Vương lấy nhân nghĩa đánh Trụ mà nên nghiệp vương; Bá Di đói không ăn thóc nhà Chu; Vệ Linh Công hỏi việc chiến trận mà Khổng Tử không đáp; Lương Huệ Vương mưu đánh Triệu, Mạnh Kha nói việc Thái Vương bỏ đất Mân. Họ đâu phải chỉ biết a dua theo đời. Cầm cái cốt vuông muốn tra vào cái lỗ tròn, thì lọt sao được? Có người nói Y Doãn đội vạc mà giúp vua Thang, lập được nghiệp vương; Bách Lý Hề cho trâu ăn ở dưới xe mà giúp Mục Công nên nghiệp bá. Trước được hợp ý rồi sau mới đưa các vua ấy đến đạo lớn. Trâu Diễn nói tuy không theo khuôn phép, nhưng nếu đem dùng cũng có cái ý như đem vạc nấu trâu mà nấu gà chẳng?

Trâu Diễn cùng các thầy ở dưới núi Tắc Môn nước Tề như bọn Thuần Vu Khôn, Thận Đáo, Hoàn Uyên, Tiếp Tử, Điền Biền, Trâu Thích đều làm sách nói việc trị loạn để cầu hợp ý các vua đương thời, nào có thể kể hết được!

3. Thuần Vu Khôn, người nước Tề, nghe rộng, nhớ nhiều, học không chuyên chú vào cái gì. Về việc can gián và du thuyết, Khôn hâm mộ tư cách của Án Anh, nhưng lại cốt ở chỗ đón ý nhà vua, nhìn xem sắc mặt. Có người khách đưa Khôn vào yết kiến Lương Huệ Vương. Huệ Vương đuổi các người tả hữu ra, ngồi một mình để tiếp kiến Khôn. Lần thứ hai, Khôn vẫn không nói gì. Huệ Vương lấy làm lạ, trách người khách:

- Người khen Quản Trọng, Án Anh không bằng Thuần Vu tiên sinh. Nhưng lúc yết kiến quả nhân, quả nhân vẫn không được nghe gì. Có lẽ nào quả nhân không đáng để ông ta nói chuyện ư? Tại sao thế?

Người khách nói lại với Khôn. Khôn nói:

- Đúng thế! Tôi lần trước yết kiến nhà vua, thấy nhà vua đang nghĩ đến việc rong ruổi; lần sau lại yết kiến, thấy nhà vua để ý đến thanh âm. Vì thế, tôi im lặng không nói gì.

Người khách về báo lại đầu đuôi với Huệ Vương. Nhà vua cả sợ, nói:

- Ôi! Thuần Vu tiên sinh thật là thánh nhân vậy! Lần trước Thuần Vu tiên sinh đến thì có người dâng ta con ngựa hay, ta chưa kịp coi thì gặp tiên sinh đến. Lần sau, có người dâng ta người hát hay, ta chưa kịp thử cũng lại gặp tiên sinh đến. Quả nhân tuy đã đuổi người chung quanh ra ngoài, song lòng riêng quả thực đang nghĩ đến những cái đó.

Sau đó Thuần Vu Khôn lại đến yết kiến, nói chuyện suốt ba ngày ba đêm không mỏi. Huệ Vương muốn cho Khôn làm địa vị khanh tướng, Khôn bèn từ tạ để đi. Bấy giờ Huệ Vương lấy xe êm, thắng bốn ngựa, bó lúa, thêm ngọc bích và một trăm nén vàng tiễn Khôn. Khôn suốt đời không ra làm quan.

4. Thận Đáo là người nước Triệu. Điền Biền, Tiếp Tử là người nước Tề. Hoàn Uyên là người nước Sở, đều theo học thuyết về đạo đức của hoàng đế, Lão Tử, nhân mở rộng ra, xếp đặt ý nghĩa có thứ tự. Cho nên Thận Đáo làm Thập Nhị Luận, Hoàn Uyên làm Thượng Hạ Thiên, còn Điền Biền, Tiếp Tử đều có lời bàn luận.

5. Trâu Thích là người trong bọn môn đồ Trâu Diễn nước Tề, cũng chọn lọc lấy nhiều điều

trong học thuật của Trâu Diễn để chép thành văn. Vì thế, Tề Vương khen ngợi Thích. Từ hạng Thuần Vu Khôn trở xuống đều được gọi là “Liệt đại phu”. Nhà vua sai làm cho toà nhà ở chỗ đường ngã năm ngã sáu có cửa cao nhà lớn, tỏ sự tôn trọng yêu quý, đón tiếp các tân khách của chư hầu trong thiên hạ để nói rằng nước Tề mời được các hiền sĩ trong thiên hạ.

6. Tuân Khanh người nước Triệu, năm mươi tuổi mới đi học ở nước Tề. Học thuyết của Trâu Diễn thì vu khoát, huênh hoang, chỉ nói suông. Trâu Thích thì văn hoa đầy đủ nhưng khó thi hành. Thuần Vu Khôn thì ở lâu mới có được điều hay. Cho nên người Tề có câu ca, “Nói trời nói đất là Diễn; vẽ rồng vẽ phượng là Thích, hơ bầu dầu xe (1) là Khôn”. Bọn Điền Biên đều đã chết trong thời Tề Tuyên Vương. Tuân Khanh là bậc thầy già nhất. Nước Tề tôn kính là “Liệt đại phu”, và Khanh ba lần làm tế tửu. Có người Tề gièm Tuân Khanh. Tuân Khanh bèn sang Sở. Xuân Thân Quân cho Tuân Khanh làm huyện lệnh Lan Lăng. Xuân Thân Quân chết rồi, Tuân Khanh lui về, nhân làm nhà ở Lan Lăng. Lý Tư có lần đến theo học và sau làm thừa tướng nước Tần.

Tuân Khanh ghét chính sự thời dơ đục, nước mất, vua hồng luôn luôn nổi nhau. Các vua không theo được đạo lớn mà lo cúng tế, bói toán, tin điều may, điều rủi. Bọn nho bỉ lậu, câu nệ, nhỏ nhen như bọn Trang Chu lại dùng lối khôi hài làm rối loạn phong tục. Tuân Khanh bèn xét những hành vi đạo đức của đạo Nho, đạo Mặc, xét nguồn gốc của việc hưng thịnh, bại vong, liệt thành thứ tự, làm ra sách vài vạn chữ, rồi chết, chôn ở huyện Lan Lăng.

7. Ở nước Triệu cũng có Công Tôn Long chủ trương thuyết “cứng” và “trắng” giống nhau và khác nhau và có lời nói của Kịch Tử.

8. Ở nước Ngụy có thuyết của Lý Khôi về việc dùng hết cái sức của đất. Ở nước Sở có sách Thi Tử, Trường Lô. Ở Châu A nước Tề có sách Hu Tử. Từ Mạnh Tử đến Hu Tử, đời có nhiều sách, cho nên không bàn chuyện của những người ấy.

9. Mặc Dịch là đại phu nước Tống, giỏi việc chống giữ, chủ trương tiết kiệm trong việc dùng. Có người bảo Mặc Dịch đồng thời với Khổng Tử. Có người bảo sống sau Khổng Tử (Tư Mã Thiên rất chú trọng đến những nhà tư tưởng gia. Không những ông dành một thiên cho Khổng Tử, mà còn nói đến tất cả các nhà tư tưởng của Trung quốc cổ. Ngoài những thiên nói về Khổng Tử, Lão Tử, v...v..., tác giả còn viết thiên Trọng Ni để tả truyện, nói về các học trò của Khổng Tử như Tử Du, Tử Hạ, Nhan Hồi, v...v... và thiên Nho Lâm liệt truyện nói về các nhà Nho đời Tần và đời Hán).

.....

(1). Bầu đựng dầu của xe tuy hết dầu, nhưng hơ nóng thì còn có dầu chảy ra. Ý nói Thuần Vu Khôn có nhiều trí thức khó mà hết được.

oOo

Bình Nguyên Quân, Ngụ Khanh Liệt Truyện -

Bình Nguyên Quân Triệu Thắng là công tử nước Triệu. Trong hàng công tử, Thắng là người hiền hơn cả. Thắng thích tân khách, tân khách đến độ mấy nghìn người. Bình Nguyên Quân làm tể tướng cho Triệu, Huệ Văn Vương và Hiếu Thành Vương, ba lần thôi không làm tể tướng, ba lần trở lại địa vị, được phong ở Đông Vũ Thành.

Lầu nhà Bình Nguyên Quân nhìn xuống nhà dân. Nhà dân có người què khập khiễng ra mức nước. Mỹ nhân của Bình Nguyên Quân ở trên lầu trông thấy thế cười rộ. Hôm sau, người què đến cửa nhà Bình Nguyên Quân, nói:

- Tôi nghe nói ngài yêu kẻ sĩ, sở dĩ kẻ sĩ không ngại xa ngàn dặm mà đến là vì ngài biết quý kẻ sĩ mà khinh thường bọn tỳ thiếp. Tôi không may bị tàn tật, thế mà hậu cung của ngài lại cười. Tôi xin cái đầu con người đã cười chế nhạo tôi.

Bình Nguyên Quân cười đáp:

- Vâng.

Người què ra đi. Bình Nguyên Quân cười mà rằng:

- Thằng kia lại muốn lấy có một nụ cười mà đòi giết mỹ nhân của ta. Thật là quá đáng!

Rốt cuộc, Bình Nguyên Quân không giết.

Được hơn một năm, tân khách, môn hạ, xá nhân dần dần bỏ đi quá nửa. Bình Nguyên Quân lấy làm lạ, nói:

- Thắng đối đãi các vị chưa hề dám thất lễ. Tại sao nhiều người lại bỏ đi như thế?

Một người môn hạ bước ra, nói:

- Vì ngài không giết mỹ nhân đã cười chế nhạo con người què kia, vì ngài yêu sắc đẹp mà khinh thường kẻ sĩ cho nên kẻ sĩ bỏ đi đó thôi.

Bình Nguyên Quân bèn chém đầu mỹ nhân đã cười chế nhạo người què, đoạn thân hành đến nhà người què tạ lỗi. Sau đó, các môn hạ dần dần trở lại.

Thời bấy giờ ở nước Tề có Mạnh Thường Quân, ở nước Ngụy có Tín Lăng Quân, ở nước Sở có Xuân Thân Quân đều ra sức đua nhau về mặt tiếp đãi kẻ sĩ.

2. Quân Tần vây Hàm Đan (Năm - 260 - tướng Tần Bạch Khởi đánh thắng quân Triệu ở Trường Bình. Năm - 258, vây hãm thủ đô của Triệu là Hàm Đan.) Vua Triệu sai Bình Nguyên Quân đi cầu cứu, tôn Sở làm minh chủ, hợp tung đánh Tần. Bình Nguyên Quân định đem hai mươi người thực khách, môn hạ có dũng lực và đủ tài văn võ để cùng đi. Bình Nguyên Quân nói:

- Nếu dùng văn mà xong xuôi thì tốt. Dùng văn không xong thì bất luận thế nào, cũng phải uống máu ăn thề ở nơi miếu đường, phải định xong hợp tung rồi mới về (1). Không tìm kẻ sĩ ở ngoài,

chỉ lấy trong số thực khách, môn hạ cũng đủ.

Bình Nguyên Quân chỉ chọn được mười chín người, còn ra không đáng lấy, nên không làm sao đủ con số hai mươi. Có người môn hạ là Mao Toại bước ra, tự tiến cử mình với Bình Nguyên Quân:

- Toại nghe nói ngài sắp họp tung với Sở, định cùng đi với hai chục người thực khách môn hạ mà không tìm ở ngoài. Nay còn thiếu một người, vậy xin ngài lấy ngay Toại này cho đủ số mà đi.

Bình Nguyên Quân nói:

- Tiên sinh làm môn hạ ở nhà Thắng đến nay đã mấy năm rồi?

Mao Toại đáp:

- Đến nay đã ba năm.

Bình Nguyên Quân nói:

- Phàm kẻ sĩ tài giỏi ở trên đời, cũng như cái dùi ở trong túi, mũi dùi phải lòi ngay ra chứ! Tiên sinh ở nhà Thắng đến nay đã ba năm, xung quanh không thấy ai khen ngợi, tiến cử. Thắng vẫn chưa nghe gì, thế tức là tiên sinh không có tài năng, tiên sinh không đi được đâu, tiên sinh ở lại thôi (2). Mao Toại nói:

- Tôi mãi hôm nay mới xin vào ở trong túi đấy thôi (3). Nếu Toại tôi sớm ở trong túi thì tất cả cái dùi đều lộ ra ngoài, chứ thềm để lộ cái mũi dùi mà thôi đâu.

Bình Nguyên Quân bèn cùng Toại ra đi. Mười chín người kia đưa mắt nhìn tỏ ý cười Toại, nhưng không nói ra.

Khi đến nước Sở, Mao Toại cùng mười chín người kia bàn bạc. Cả mười chín người đều phục.

Bình Nguyên Quân bàn với nước Sở về việc họp tung, nói sự lợi hại như thế nào, suốt từ khi mặt trời mọc cho đến lúc đứng bóng vẫn chưa vào đâu. Mười chín người bảo Mao Toại:

- Ông lên đi.

Mao Toại chống kiếm thoăn thoắt bước lên các bậc thềm, bảo Bình Nguyên Quân:

- Việc họp tung lợi hay hại thì chỉ hai tiếng là đủ quyết định. Nay ngài bàn việc họp tung từ lúc mặt trời mọc, đến khi mặt trời đứng bóng còn chưa xong là có làm sao?

Vua Sở hỏi Bình Nguyên Quân:

- Khách làm gì thế?

Bình Nguyên Quân nói:

- Đó là xá nhân của Thắng đấy.

Vua Sở quát:

- Xuống ngay đi! Ta nói chuyện với chủ nhà ngươi, nhà ngươi làm cái trò gì thế?

Mao Toại chống kiếm tiến lên:

- Nhà vua sở dĩ quát mắng Toại là vì nhà vua cho rằng nước Sở đông người! Nay trong vòng mười bước thì nhà vua không thể cạy vào chỗ nước Sở đông người được! Tính mạng của nhà vua đang nằm trong tay Toại. Chủ tôi ngồi đấy, tại sao lại nhieếc mắng tôi? Và chẳng Toại nghe: vua Thang chỉ có bảy mươi dặm đất mà làm vương thiên hạ, vua Văn Vương chỉ có một trăm dặm đất mà chư hầu thần phục. Họ được như vậy đâu phải vì binh sĩ họ đông? Trái lại đó chẳng qua vì họ khéo giữ lấy thế, nhờ đó, trở cái oai của họ mà thôi. Nay nước Sở, đất vuông năm ngàn dặm, kẻ cầm kích một trăm vạn người; đó là chỗ dựa để dựng lên cơ nghiệp bá vương. Nước Sở mạnh như vậy, thiên hạ ai địch nổi. Bạch Khởi chẳng qua chỉ là một thằng nhãi mà thôi! Nhưng hắn đem mấy vạn quân gây chiến với Sở, đánh một trận thì lấy được đất Yển, đất Sính, đánh hai trận đốt cháy Di Lăng, đánh ba trận làm nhục đến tiên nhân nhà vua (4). Đó là cái oán trăm đời, nước Triệu lấy thế làm xấu hổ, thế mà nhà vua không biết xấu. Kế hợp tung là vì lợi ích của nước Sở chứ đâu phải vì lợi ích của nước Triệu! Chủ tôi ngồi đấy mà quát mắng tôi là lại làm sao?

Vua Sở nói:

- Vâng, vâng! Quả thật đúng như lời tiên sinh dạy. Tôi xin đem nước nhà theo kế hợp tung.

Mao Toại nói:

- Việc hợp tung đã quyết định chưa?

Vua Sở nói:

- Quyết định rồi.

Mao Toại bảo những người hầu cận vua Sở:

- Lấy máu gà, chó, ngựa đem lại đây!

Mao Toại bưng chiếc mâm đồng, quỳ dâng vua Sở, nói:

- Xin nhà vua uống máu định việc hợp tung; rồi đến chủ tôi, sau nữa đến Toại!

Bèn định việc hợp tung ở ngay trên điện (5). Mao Toại tay trái bưng mâm huyết, tay phải vẫy mười chín người kia, nói:

- Các anh đem huyết này uống với nhau ở dưới thềm, các anh xoàng lắm, thật là nhờ người ta mà nên việc vậy.

Khi định hợp tung xong, về đến nước Triệu, Bình Nguyên Quân nói:

- Thắng từ nay không dám xem xét kẻ sĩ nữa. Thắng xem xét kẻ sĩ, nhiều kẻ có nghìn người, ít ra cũng có vài trăm, đã tự cho là mình không bỏ sót nhân tài trong thiên hạ, thế mà nay bỏ sót Mao tiên sinh đấy. Mao tiên sinh đến Sở một phen, làm cho thanh thế nước Triệu được tôn trọng hơn chín vạn, hơn chuông Đại Lữ (6). Ba tác lược của Mao tiên sinh mạnh hơn đạo quân trăm vạn. Thắng này không dám xem xét kẻ sĩ nữa!

Bèn tôn Toại làm thượng khách.

3. Sau khi Bình Nguyên Quân về Triệu, vua Sở sai Xuân Thân Quân đến cứu Triệu. Tín Lăng Quân cũng giả mệnh vua Ngụy đánh lấy quân của Tấn Bỉ đến cứu Triệu (7). Nhưng đều chưa đến. Quân Tần vây Hàm Đan gấp. Hàm Đan nguy ngập sắp đầu hàng. Bình Nguyên Quân rất lo lắng.

Con người coi trạm ở Hàm Đan là Lý Đồng nói với Bình Nguyên Quân:

- Ngài không lo nước Triệu mất hay sao?

Bình Nguyên Quân nói:

- Nước Triệu mất thì Thảng bị bắt làm tù, không lo sao được?

Lý Đồng nói:

- Dân thành Hàm Đan lấy xương người chết mà nấu củi, đổi con cho nhau để ăn, tình thế nguy ngập lắm rồi, thế mà hậu cung của ngài có đến hàng trăm người, tỳ thiếp thì mặc lụa là, gạo thịt thì thừa mứa. Trái lại, dân áo ngắn không được lành, tấm cám không có đủ mà ăn. Dân nguy khốn, binh khí hết: có người đeo gỗ làm đao, làm tên. Trái lại, đồ dùng chuông khánh của ngài vẫn như xưa. Nếu Tần phá nước Triệu thì ngài làm sao có được những đồ ấy? Nếu nước Triệu còn, ngài lo gì không có? Nay ngài có thể khiến từ phu nhân trở xuống đều ghi tên vào hàng ngũ sĩ tốt, chia việc mà làm, đem tất cả của cải trong nhà ra phân tán để nuôi quân sĩ. Quân sĩ đang trong lúc nguy khốn thì họ dễ cảm thấy ân đức của ngài.

Bình Nguyên Quân nghe theo, kết quả có ba nghìn người cảm tử. Lý Đồng bèn cùng ba nghìn người xông vào đánh quân Tần. Quân Tần vì vậy phải lui ba mươi dặm. Lại gặp lúc cứu binh của nước Sở, nước Ngụy đến, quân Tần bèn rút lui. Hàm Đan được bảo toàn, Lý Đồng chết trận, người cha được phong làm Lý Hầu.

4. Ngu Khanh muốn xin vua Triệu phong thêm đất cho Bình Nguyên Quân, vì Bình Nguyên Quân đã cầu được Tín Lăng Quân đến cứu thành Hàm Đan (8).

Công Tôn Long nghe vậy đang đêm đi xe ngựa đến yết kiến Bình Nguyên Quân, nói:

- Long tôi nghe nói Ngu Khanh muốn xin phong thêm đất cho ngài, vì có Tín Lăng Quân đã cứu được thành Hàm Đan, điều đó có hay không?

Bình Nguyên Quân nói:

- Có.

Long nói:

- Việc này rất không nên. Nhà vua cho ngài làm tể tướng nước Triệu, không phải vì trong nước Triệu không có ai tài năng và mưu trí như ngài. Nhà vua cắt đất Đông Vũ Thành để phong cho ngài, không phải vì ngài có công, còn người trong nước thì không có công, mà chỉ vì ngài là thân thích đó thôi. Ngài sở dĩ nhận ấn tể tướng không từ chối vì có mình bất tài, được cắt đất không từ chối vì có mình không có công, đó cũng vì ngài tự cho mình là thân thích. Nay nếu nhân việc cầu được Tín Lăng Quân cứu Hàm Đan mà xin đất phong, thế tức là ngài một mặt được phong

ấp vì có là thân thích, lại một mặt kể công để được phong như mọi người thường trong nước, thực là không hợp lý chút nào. Vả chẳng Ngu Khanh nắm cả hai mặt. Nếu việc thành thì ông ta nắm cái khế đòi nợ ấy để đòi ngài báo ơn; nếu việc không thành thì ông ta vẫn được cái hư danh khiến ngài phải chịu ơn ông ta. Ngài nhất định đừng nghe.

Bình Nguyên Quân bèn không nghe lời Ngu Khanh.

Bình Nguyên Quân chết năm thứ mười lăm đời Hiếu Thành Vương nước Triệu (-251 trước công nguyên). Con cháu nối nối đời đời, mãi đến khi nước Triệu mất mới hết. Bình Nguyên Quân hậu đãi Công Tôn Long. Công Tôn Long giỏi lối bàn biện, bạch (cứng, trắng) (9) đến khi Trâu Diễn (10) sang Triệu nói đạo lớn, Bình Nguyên Quân bèn truất Công Tôn Long.

1. Ngu Khanh là một kẻ sĩ du thuyết. Ngu Khanh mang dép mo, áo toi đến du thuyết Hiếu Thành Vương nước Triệu. Ngu Khanh yết kiến lần thứ nhất được nhà vua cho trăm dật vàng (11), một đôi ngọc bạch bích. Ngu Khanh yết kiến lần thứ hai được làm thượng khanh (12) nước Triệu, cho nên hiệu là Ngu Khanh. Nước Tần và nước Triệu đánh nhau ở Trường Bình (13), nước Triệu không thắng, mất một đô ụy. Vua Triệu cho mời Lâu Xương và Ngu Khanh vào nói:

- Quân đánh không thắng, đô ụy lại chết, bây giờ quả nhân có nên sai quân cuốn giáp xông vào quân địch (14) không?

Lâu Xương nói:

- Vô ích, không bằng sai đại sứ đi cầu hoà.

Ngu Khanh nói:

- Ông Xương sở dĩ nói cầu hoà, vì cho rằng nếu không cầu hoà thế nào quân cũng thua to. Nhưng việc muốn hoà hay không là tùy ở nước Tần. Bây giờ nhà vua hãy nhìn tình thế nước Tần xem nó có muốn đánh bại quân Triệu không?

Nhà vua nói:

- Nước Tần đã dốc toàn lực, nhất định nó chỉ muốn đánh bại quân Triệu mà thôi.

Ngu Khanh nói:

- Xin nhà vua nghe tôi, sai sứ đem của quý cầu thân với nước Sở, nước Ngụy; nước Sở, nước Ngụy muốn nhận của quý của nhà vua thì thế nào cũng phải nhận sứ của ta. Một khi sứ của Triệu đã vào nước Sở, nước Ngụy thì Tần cho rằng thiên hạ đã hợp tung, và thế nào cũng lo sợ. Có như thế mới có thể cầu hôn được.

Triệu Vương không nghe, cùng với Bình Nguyên quân quyết định cầu hoà, sai Trịnh Chu vào Tần. Tần nhận Trịnh Chu. Triệu Vương gọi Ngu Khanh đến nói:

- Quả nhân đã khiến Bình Dương Quân cầu hoà với Tần, Tần đã nhận Trịnh Chu rồi, ông thấy thế nào?

Ngu Khanh đáp:

- Nhà vua không cầu hoà được đâu, quân nhất định bị đánh bại. Thiên hạ mừng chiến thắng đều đến Tần cả rồi. Trịnh Chu là người sang vào Tần, Tần Vương và Ứng Hầu (15), thế nào cũng

tôn trọng ông ta để loè với thiên hạ. Nước Sở và nước Ngụy cho rằng nước Triệu đã cầu hoà rồi, nên không đến cứu nhà vua, Tần biết thiên hạ không đến cứu nhà vua thì thế nào việc giảng hoà cũng không thể thành.

Quả nhiên Ứng hầu tôn trọng Trịnh Chu để khoe với những người thiên hạ đến mừng chiến thắng, và cuối cùng không chịu giảng hoà. Quân Triệu thua to ở Trường Bình. Quân Tần bèn vây Hàm Đan, nước Triệu bị thiên hạ cười.

2. Sau khi Tần đã giải vây Hàm Đan, Triệu Vương cho người vào châu nước Tần, sai Triệu Hách phụng mệnh đi sứ ở Tần, cắt sáu huyện để giảng hoà.

Ngũ Khanh nói với Triệu Vương:

- Quân Tần tấn công nhà vua mỗi một rồi trở về, hay là theo ý nhà vua, họ còn đủ sức tiến đánh, nhưng vì thương nhà vua cho nên không đánh (16)?

Nhà vua nói:

- Quân Tần tấn công ta là dốc toàn lực ra mà đánh, chắc chắn vì mệt mỏi cho nên mới về.

Ngũ Khanh nói:

- Quân Tần đã không dốc toàn lực ra đánh cái mà họ không lấy được, mệt mỏi trở về. Nay nhà vua lại cho họ cái mà sức họ không lấy được, như thế là giúp nước Tần để tự đánh mình. Sang năm quân Tần lại đánh nhà vua, nhà vua sẽ không còn cách nào cứu được mình nữa.

Nhà vua đem lời của Ngũ Khanh nói lại với Triệu Hách. Triệu Hách nói:

- Ngũ Khanh có thể biết hết được tình hình binh lực Tần không? Dù rằng quân Tần không đủ sức tiến đánh đi nữa, nếu ta không cho họ miếng đất nhỏ như hòn đạn kia, nhưng nếu sang năm Tần lại đến đánh, liệu nhà vua có khỏi phải cắt đất của mình trong sáu thành để giảng hoà không?

Nhà vua hỏi:

- Nếu ta nghe lời người mà cắt đất thì người làm thế nào cho sang năm Tần không đến đánh ta nữa không?

Triệu Hách đáp:

- Việc ấy quả thực thần không dám chắc. Ngày xưa, Tam Tấn giao kết với Tần rất là thân thiết. Nay sở dĩ Tần hoà hiếu với Hàn, Ngụy mà đánh nhà vua, là vì nhà vua thờ Tần không bằng Hàn, Ngụy. Thần xin vì nhà vua trừ bỏ cái việc bị đánh vì bội bạc với người thân, mở cửa ải đem lễ vật cũng hoà thân như nước Hàn, nước Ngụy. Nếu làm như vậy rồi mà sang năm lại chỉ một mình vua bị nước Tần đánh thì đó là vì nhà vua thờ Tần không bằng Hán, Ngụy. Việc đó quả thực thần không dám chắc.

Nhà vua đem điều ấy nói lại với Ngũ Khanh. Ngũ Khanh đáp:

- Hách nói nhà vua không cầu hoà nếu sang năm Tần lại đánh nhà vua, nhà vua có khỏi cắt đất trong sáu thành kia để cầu hoà được không? Trái lại, nếu nhà vua cầu hoà thì Hách lại không dám chắc thế nào Tần cũng không đánh nữa. Đã thế thì nay tuy nhà vua có cắt sáu thành cũng

không có ích gì. Sang năm Tần lại đánh, ta lại cắt cái đất mà nó không có đủ sức đánh lấy, nộp cho nó để cầu hoà, đó là cái thuật tự tiêu diệt vậy. Chi bằng đừng cầu hoà. Tần có giỏi tấn công đi nữa cũng không thể lấy được sáu huyện; Triệu có chống giữ kém đi nữa, cũng không mất sáu thành. Tần đánh chán trở về, thế nào quân cũng mỏi mệt, ta lấy sáu thành gọi thiên hạ cùng đánh quân Tần mỏi mệt, tức là ta mất thành cho thiên hạ, nhưng được bù lại ở Tần. Như thế nước ta vẫn còn có lợi, chẳng hơn cứ ngồi mà chịu cắt đất, tự làm yếu mình để cho Tần mạnh lên hay sao? Nay Hách nói Tần thân với Hàn, Ngụy, mà lại đánh Triệu, là cho rằng Hàn, Ngụy không cứu Triệu mà quân của nhà vua thế nào cũng bị cô lập. Đó là do nhà vua thờ Tần không bằng Hàn, Ngụy. Như vậy khiến nhà vua mỗi năm cắt sáu thành để thờ Tần. Làm thế tức là ngồi đấy mà nhìn người ta lấy hết cả thành. Sang năm Tần lại đòi cắt đất thì nhà vua có cho họ không? Nếu không cho thì thế là bỏ tất cả cái công cắt đất ngày trước, lại gây nên cái tai hoạ bị Tần đánh, nếu cho thì không còn đất nữa để mà cho. Tục ngữ có câu, “Kẻ mạnh giỏi tấn công, kẻ yếu không thể chống đỡ”. Nếu nhà vua cứ ngồi yên mà nghe theo Tần thì quân nước Tần không khó nhọc gì lại lấy được nhiều đất. Đó là cách làm cho Tần mạnh thêm và Triệu yếu đi vậy. Lấy nước Tần càng ngày càng mạnh, mà cắt xé nước Triệu càng ngày càng yếu, kể đó chắc chắn còn kéo dài mãi không thôi. Vả chẳng đất của nhà vua có hạn, mà đòi hỏi của Tần thì không cùng. Cứ làm theo lối lấy cái đất có hạn để cung phụng cho sự đòi hỏi không cùng, theo tình thế ấy chắc sẽ đi tới chỗ không còn nước Triệu nữa.

Vua Triệu bàn bạc chưa quyết định, thì Lâu Hoãn từ Tần đến.

Triệu Vương bàn mưu kế với Lâu Hoãn, nói:

- Cho Tần đất với không cho Tần đất, đằng nào hơn?

Hoãn thoái thác nói:

- Điều đó, thần không biết được.

Nhà vua nói:

- Tuy vậy, ông cứ thử nói ý riêng của ông xem.

Lâu Hoãn nói:

- Nhà vua có nghe chuyện bà mẹ của Công Phủ Văn Bá không? Công Phủ Văn Bá làm quan ở Lỗ, mắc bệnh mà chết, có hai người đàn bà vì ông ta mà tự sát ở trong phòng. Người mẹ nghe vậy không khóc. Người bảo mẫu hỏi, “Sao con bà chết mà bà không khóc?”. Người mẹ đáp, “Khổng Tử là người hiền, bị đuổi ở đất Lỗ mà nó không đi theo, nay nó chết, đàn bà lại vì nó mà tự sát đến hai người, thế đủ biết nó tệ bạc với bậc trưởng giả mà hậu với đàn bà.” Đứng về người mẹ mà nói như vậy, thì đó là bà mẹ hiền, nhưng đứng về người vợ mà nói thế thì không khỏi bị xem là người vợ ghen; cho nên lời nói thì vẫn là một, nhưng tùy ở địa vị người nói ra; cách hiểu của người nghe sẽ thay đổi. Nay thần mới ở Tần về, thần nói là không cho, thì không phải là mưu kế; thần nói là cho, thì sợ nhà vua cho rằng thần vì nước Tần cho nên không dám đáp. Giá thần được bày mưu kế cho đại vương thì không bằng cho là hơn (17).

Nhà vua nói:

- Vâng.

Ngu Khanh nghe tin vào yết kiến nhà vua, nói:

- Đó là lời trau chuốt bên ngoài, xin nhà vua chớ nghe.

Lâu Hoãn nghe vậy lại vào yết kiến nhà vua.

Nhà vua lại đem lời nói của Ngu Khanh nói lại với Lâu Hoãn. Lâu Hoãn đáp:

- Không phải thế! Ngu Khanh chỉ biết một mà không biết hai. Tại sao Tần, Triệu đánh lẫn nhau mà thiên hạ đều mừng? Là vì họ nghĩ rằng, “Ta hãy dựa vào cái thế của kẻ mạnh mà lợi dụng cái thế của kẻ yếu vậy. ” Nay quân Triệu bị quân Tần làm nguy khốn, những người thiên hạ mừng chiến thắng, chắc chắn đều ở Tần. Cho nên không gì bằng cắt đất ngay mà cầu hoà để cho thiên hạ nghỉ và làm thoả lòng Tần. Nếu không, thiên hạ sẽ nhân lúc nước Tần đang nổi giận, lợi dụng lúc nước Triệu đang mệt mỏi để chia xẻ Triệu. Nước Triệu sẽ mất, còn gì mà đối phó với Tần nữa. Cho nên thần nói Ngu Khanh chỉ biết một mà không biết hai, xin nhà vua quyết định ngay đi, chứ đừng bàn bạc nữa.

Ngu Khanh nghe tin vào yết kiến nhà vua, nói:

- Nguy quá! Ông Lâu làm cho Tần, như thế chỉ khiến thiên hạ thêm nghi, chứ có làm nước Tần được vừa lòng đâu! Tại sao ông ta lại không nói cách làm của ông là chỉ để cho thiên hạ thấy chỗ yếu của mình. Vả chẳng thần nói đừng cho, không phải là nhất quyết đừng cho. Tần đòi nhà vua sáu thành, mà nhà vua lại đem sáu thành đút cho nước Tề. Nước Tề vốn là kẻ thù sâu sắc của Tần (18), nếu được sáu thành của nhà vua thì sẽ đem tất cả quân lực về hướng tây đánh Tần. Nước Tề sẽ nghe nhà vua, chắc không đợi nói hết lời. Như thế, tức là nhà vua mất đất cho Tề, nhưng sẽ được bù lại ở Tần. Thế là có thể trả cái thù sâu sắc của Tề và Triệu đối với Tần, và tỏ cho thiên hạ thấy ta có sức mạnh dám làm. Nếu nhà vua ban bố điều ấy ra thì binh chưa ra tới biên giới, thần cũng đã thấy Tần đem của cải quý báu đến Triệu và trái lại, chính Tần phải cầu hoà với nhà vua. Hàn, Ngụy, nghe nhà vua hoà với Tần, thế nào cũng trọng nhà vua. Họ trọng nhà vua tất sẽ mang vật tin đến cầu thân với nhà vua. Như vậy nhà vua làm một việc mà kết được tình hoà hảo của ba nước, đồng thời địa vị của mình đối với Tần cũng do đó mà thay đổi (19).

Triệu Vương nói:

- Phải.

Bèn sai Ngu Khanh sang đông yết kiến Tề Vương, cùng bàn về việc Tần. Ngu Khanh chưa trở về thì sứ của Tần đã đến Triệu (20). Lâu Hoãn nghe vậy bỏ trốn. Do đó, Triệu lấy một thành phong cho Ngu Khanh.

3. Được ít lâu, Ngụy xin hợp tung, Hiếu Thành Vương nước Triệu cho mời Ngu Khanh đến bàn.

Ngu Khanh qua nhà Bình Nguyên Quân, Bình Nguyên Quân nói.

- Tôi muốn ông theo kế hợp tung!

Ngu Khanh vào yết kiến nhà vua, nhà vua nói:

- Nước Ngụy xin hợp tung.

Ngu Khanh đáp:

- Ngụy sai rồi!

Nhà vua nói:

- Vì vậy mà quả nhân vẫn chưa thuận.

Ngu Khanh đáp:

- Sai rồi.

Nhà vua hỏi:

- Ngụy xin hợp tung, người nói Ngụy sai, quả nhân chưa nhận, người lại nói quả nhân sai, như thế thì việc hợp tung không làm được hay sao?

Ngu Khanh đáp:

- Thần nghe nói nếu nước nhỏ hợp tung với nước lớn, thì khi gặp điều lợi, nước lớn sẽ hưởng cái phúc, khi gặp việc thất bại thì nước nhỏ chịu lấy cái vạ. Nay Ngụy là nước nhỏ xin lấy cái vạ, mà nhà vua là nước lớn lại từ chối lấy cái phúc, cho nên thần nói nhà vua sai, nước Ngụy cũng sai, thần trộm nghĩ việc hợp tung là có lợi.

Vua nói:

- Phải.

Bèn bàn hợp tung với Ngụy.

4. Ngu Khanh vì việc Ngụy Tề (21) không coi trọng chức vạn hộ hầu và ấn khanh tướng, cùng bỏ trốn với Ngụy Tề. Rốt cuộc Ngu Khanh rời khỏi nước Triệu, bị khốn ở Lương. Sau khi Ngụy Tề chết, Ngu Khanh bắt đắc ý, bèn làm sách, trên góp nhặt sự việc đời Xuân Thu, dưới xem đời gần đây. Sách gồm tất cả tám thiên, là các thiên “kết nghĩa”, “xung hiệu”, “suỷ ma”, “chính mưu”, v...v... bình phẩm những điều hay dở của nước nhà lúc bấy giờ, đời truyền gọi là sách “Ngu Thị Xuân Thu”.

5. Thái Sử Công nói:

- Bình Nguyên Quân là một trang công tử tuyệt vời ở trong đời ô trọc. Nhưng ông ta chưa biết cái đạo lớn. Tục ngữ nói, “Lợi làm cho trí mờ”. Bình Nguyên Quân tham nghe lời tà thuyết của Phùng Đình (22), khiến cho quân Triệu bị vây hãm ở Trường Bình, bị chôn sống mất hơn bốn mươi vạn, suýt nữa mất Hàm Đan. Ngu Khanh xét tình thế, liệu sự việc, bày mưu cho nước Triệu sao mà khéo thế! Đến như việc Ngu Khanh không nỡ để cho Ngụy Tề phải chết, rốt cuộc bị khốn ở đất Đại Lương, người tầm thường cũng biết là không nên, huống bậc hiền tài! Thế nhưng Ngu Khanh nếu không gặp cái cảnh buồn bã cùng cực thì không thể viết sách để cho đời sau biết đến mình vậy (23).

(1). Ý nói dùng cách thương thuyết êm đềm mà xong xuôi thì tốt nhất; nếu không, phải dùng võ lực mà ép buộc đối phương, chính vì vậy nên Bình Nguyên Quân mới mang theo người giỏi cả

văn lẫn võ.

(2). Lặp lại mấy lần chữ tiên sinh để tỏ ý mỉa mai và kiên quyết cự tuyệt.

(3). Ý nói từ trước đến nay chưa muốn trở tài.

(4). Mao Toại nhắc lại chuyện cũ, việc thứ nhất xảy ra năm 279 trước công nguyên. Năm 279, tướng Tần Bạch Khởi đánh lấy hai quận Yển, Sính của Sở; năm 278 trước công nguyên, Bạch Khởi đốt Di Lăng là nơi có lăng tẩm của các vua nước Sở. Nước Sở phải dời đô đến đất Trần. Đoạn này nói Mao Toại giỏi cả văn lẫn võ.

(5). Đoạn này để đáp ứng câu nói của Bình Nguyên Quân, “nếu dùng văn không được thì phải dùng võ lực. Nhất thiết phải hợp tung ở ngay trên điện mới nghe”.

(6). Chín vạc của vua Hạ Vũ đúc. Đại Lữ là cái chuông lớn đời nhà Chu, hai vật này đều là những vật quý.

(7). Xem Tín Lăng Quân liệt truyện.

(8). Xem Tín Lăng Quân liệt truyện.

(9). Công Tôn Long là một nhà “danh gia”, cốt phân tích rõ danh nghĩa. Trong thiên “Kiên Bạch” ở sách Công Tôn Long tử có nói: Kiên (cứng), bạch (trắng), thạch (đá), cho là ba có được không? - Không được. Cho là hai có được không? - Được. Nghĩa là: mắt xem đá thấy trắng mà thôi, không biết nó cứng thì gọi là đá trắng; tay sờ đá thì biết là nó cứng mà không biết là nó trắng nên bảo là đá cứng vậy. Kiên (cứng), bạch (trắng), không thể hợp làm một được. Lý luận của ông nhằm mục đích rút ra những khái niệm trừu tượng từ thực tế và chứng minh những khái niệm này độc lập đối với nhau, “con ngựa trắng” và “con ngựa nói chung” là hai khái niệm khác nhau, cho nên con ngựa trắng không phải là con ngựa. Cũng vậy, khái niệm “người thân thích của nhà vua” và “khái niệm người dân thường” khác nhau, cho nên không thể dùng cách khen thưởng như nhau. Lập luận của ông rất gần lập luận phái Ngụy biện ở Hy Lạp.

(10). Trâu Diễn người nước Tề nói với Bình Nguyên Quân cho rằng cái thuyết của Công Tôn Long là ngụy biện, chỉ khiến người ta mê hoặc, đã vô ích lại hại đến đạo lớn.

(11). Một dật là 20 lạng, 100 dật là 2000 lạng.

(12). Một địa vị tương đương với tể tướng.

(13). Xem Liêm Pha, Lạn Tương Như liệt truyện.

(14). Ý nói quyết liều chết đánh địch.

(15). Tức Phạm Thư – xem Phạm Thư liệt truyện.

(16). Chủ ý phương pháp nghị luận của Ngu Khanh. Đó là một cách áp dụng phương pháp “thăm dò” (xem chú thích ở Tô Tần liệt truyện), tìm cho ra chỗ hở để mà nói. Mục đích của nó là không nói thẳng ý kiến của mình, vì có thể làm nhà vua tự ái không chấp nhận, mà dùng những câu hỏi hay những giả thuyết trái ngược với điều mình nói đưa ra trước và làm sao cho nhà vua tự thấy nó mâu thuẫn với lẽ phải, rồi cuối cùng đưa nhà vua đến ý của mình và tấn công vào đấy.

(17). Cách nói này cũng là cách “thăm dò”. Thí dụ Công Phủ Văn Bá đưa ra chẳng qua chỉ là một cách rào trước. Lâu Hoãn đưa ra cả hai ý có vẻ khách quan, khiến nhà vua có thể nhìn thấy tình trạng khó xử của Hoãn mà tìm được cách giải quyết. Phương pháp dùng ngụ ngôn để mở đầu ý kiến của mình là một phương pháp thông thường ở thời Chiến quốc, Trang Tử và Mạnh Tử rất hay dùng.

(18). Lúc bấy giờ hai nước Tề và Tần đang tranh nhau làm bá chủ chư hầu. Mạnh Thường Quân nước Tề đã tập hợp quân của Hàn, Ngụy đánh bại quân Tần ở Hàm Cốc quan, Tần phải cắt ba thành để giảng hoà.

(19). Đó là then chốt của câu “được bù đắp lại ở Tần”.

(20). Ứng với câu “binh chưa xuất hiện ... Tần đã đem của cải quý báu đến. ”

(21). Ngụy Tề là tể tướng nước Ngụy làm nhục Phạm Thư. Khi Phạm Thư làm thừa tướng Tần, Ngụy Tề sợ chạy sang Triệu, ở nhà Bình Nguyên Quân. Quân Tần bức bách, Triệu Vương cho quân vây, Ngụy Tề yết kiến tể tướng nước Triệu là Ngu Khanh. Ngu Khanh liền bỏ ấn tể tướng, cùng Ngụy Tề trốn đến Đại Lương, muốn nhờ Tín Lăng Quân giúp để chạy về phía nam vào nước Sở. Tín Lăng Quân do dự, Ngụy Tề tự sát.

(22). Năm 262 trước công nguyên, quân Tần đánh Hàn, tướng Hàn là Phùng Đình đem đất Thương dâng Triệu. Bình Nguyên Quân khuyên nhà vua nhận đất ấy. Tần đem quân đến Trường Bình đánh Triệu, thua to, bốn mươi vạn quân bị chôn sống. Thủ đô Triệu là Hàm Đan suýt bị mất.

(23). Nhân chuyện Ngu Khanh, tác giả bộc lộ tâm sự của mình.

oOo